

Noi chuyen voi Stalin-Milovan Djilas

Unknown



Table of Contents

[Đam mê](#)
[Nghỉ ngơi](#)
[Thất vọng](#)
[Lại nói về Stalin, có thể là lần sau chót](#)
[Còn người Stalin](#)

Nói chuyện với Stalin

Milovan Djilas

Phạm Minh Ngọc dịch

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời nói đầu của tác giả: Trí óc con người ta thường tự xoá đi những cái vô ích, chỉ giữ lại những điều cần thiết nhất cho những mối quan hệ về sau. Nhưng đây cũng chính là thiếu sót của nó. Trí óc luôn luôn thiên vị, nó luôn luôn cải biến hiện thực đã qua cho phù hợp với nhu cầu của hiện tại và hi vọng của tương lai.

Biết rõ những điều đó, cho nên, trong tập sách này, tôi cố gắng trình bày các sự kiện một cách trung thực nhất. Mặc dù vậy, cuốn sách có thể vẫn không thoát khỏi những quan điểm của tôi ngày hôm nay, nhưng đấy không phải là tôi cố ý hay thiên vị mà là do bản chất của đầu óc con người ta như đã trình bày ở trên, mà cũng có thể là do người ta thường có xu hướng xem xét những cuộc gặp gỡ hay sự kiện trong quá khứ bằng kinh nghiệm của hiện tại.

Gần như tất cả những điều được trình bày ở đây cũng đã được nói tới trong các cuốn hồi kí hay các thể loại văn học khác của tôi rồi. Nhưng sự kiện sẽ càng nổi bật và rõ ràng hơn nếu nó được mô tả một cách kĩ lưỡng và được xem xét từ nhiều quan điểm khác nhau, cho nên tôi nghĩ rằng những điều tôi viết ở đây không phải là thừa. Tôi cho rằng con người và các mối quan hệ của họ quan trọng hơn các sự kiện trần trụi, và vì vậy mà được tôi chú ý nhiều hơn. Một đôi chỗ có thể gọi là cố tình trau chuốt cho có văn vẻ, nhưng đấy không chỉ là cách diễn đạt của tôi mà còn là ước muốn trình bày vấn đề cho thật hay, cho thật rõ ràng và sáng sủa.

Trong quá trình viết hồi kí, khoảng năm 1955 hay 1956, tôi bỗng nảy ra ý nghĩ ghi chép những cuộc nói chuyện với Stalin thành một cuốn sách riêng, trước khi viết xong hồi kí. Chẳng bao lâu sau, tôi bị bắt giam; trong tù, dĩ nhiên, tôi không thể tiếp tục được vì tuy nó liên quan đến quá khứ nhưng nhất định sẽ động chạm với những mối quan hệ chính trị hiện nay.

Chỉ sau khi ra tù, tháng 1 năm 1961, tôi mới có điều kiện quay trở lại với dự định cũ. Dĩ nhiên là lần này do điều kiện đã thay đổi cũng như diễn biến tư tưởng của cá nhân, tôi phải tiếp cận vấn đề theo cách khác. Tôi chú ý đến khía cạnh tâm lí, khía cạnh nhân văn của vấn đề nhiều hơn. Và thêm: mặc dù trong nhiều vấn đề, chúng ta từ bỏ cách làm của Stalin nhưng người ta vẫn tiếp tục viết những điều mâu thuẫn nhau về ông ta đến nỗi con người này còn như rất sống động; tôi cho rằng mình cần, dựa trên kinh nghiệm và hiểu biết cá nhân, đóng góp thêm ý kiến về con người bí hiểm đó.

Nhưng trước hết là nhu cầu nội tâm được viết ra tất cả những điều có ích cho người làm sử và đặc biệt là cho các chiến sĩ đấu tranh cho cuộc sống tự do của con người.

Dù sao, bạn đọc và tôi, chúng ta cần phải hài lòng nếu sự thật không bị xuyên tạc dù nó đã khoác lên mình tình cảm và ý nghĩ của tôi. Cần phải chấp nhận rằng sự thật về những con người và quan hệ giữa con người với nhau, dù đã được trình bày đầy đủ đến mức nào, thì đấy vẫn là sự thật của những con người cụ thể, con người của thời đại mình.

Đam mê

1.

Lần đầu tiên nước Anh gửi phái đoàn quân sự đến Bộ tổng tham mưu quân giải phóng và du kích Nam Tư là vào tháng 5 năm 1943. Mười tháng sau, tức tháng 2 năm 1944, phái đoàn quân sự Liên Xô mới tới.

Ngay sau khi đoàn Liên Xô tới thì có quyết định gửi đến Moskva phái đoàn Nam Tư vì trong Bộ chỉ huy quân Anh cũng đã có một phái đoàn như thế rồi. Bộ tổng tư lệnh, đúng hơn là các ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Nam Tư lúc đó đang công tác tại Bộ tổng tư lệnh, rất muốn gửi một phái đoàn như thế đến Moskva. Tôi cho rằng Tito đã nói với trưởng đoàn Liên Xô, tướng Korneev, như thế; nhưng không nghi ngờ là vấn đề được giải quyết bằng một bức điện của chính phủ Liên Xô.

Đối với người Nam Tư, việc gửi một phái đoàn đến Moskva mang nhiều ý nghĩa, còn chính phái đoàn thì lại có tính chất và nhiệm vụ khác với phái đoàn trong Bộ chỉ huy quân Anh.

Như mọi người đều biết, phong trào du kích và kháng chiến ở Nam Tư chống lại quân chiếm đóng và bè lũ tay sai của chúng là do Đảng cộng sản Nam Tư tổ chức và lãnh đạo. Trong khi giải quyết các vấn đề dân tộc trong cuộc đấu tranh vũ trang khốc liệt, Đảng vẫn coi mình là thành viên của phong trào cộng sản quốc tế, liên hệ mật thiết với Liên Xô – “Tổ quốc của chủ nghĩa xã hội”.

Bộ chính trị cũng là bộ phận lãnh đạo trực tiếp của Đảng vẫn giữ được thông tin liên lạc với Moskva trong suốt thời gian diễn ra chiến tranh. Về danh nghĩa thì đây là liên lạc với Quốc tế cộng sản – Comintern, nhưng thực chất là với chính phủ Liên Xô.

Các điều kiện đặc thù của cuộc đấu tranh và sự tồn tại của phong trào cách mạng đã tạo ra nhiều xích mích với Moskva.

Tôi xin ghi lại mấy vụ lớn sau đây.

Moskva không thể hiểu được toàn bộ thực tiễn cách mạng Nam Tư, mà cụ thể là ở đây, bên cạnh cuộc đấu tranh chống lại quân chiếm đóng còn diễn ra cuộc cách mạng nội bộ nữa. Cơ sở của sự thiếu hiểu biết này là do chính phủ Liên Xô sợ rằng các đồng minh phương Tây, mà trước hết là Anh, sẽ tỏ ra bất bình về việc Liên Xô lợi dụng những khó khăn của các nước bị tạm chiếm, thông qua các cơ sở cộng sản, mở rộng ảnh hưởng và xuất khẩu cách mạng. Cuộc đấu

tranh của những người cộng sản Nam Tư, các hiện tượng mới thường đều như thế cả, đã phá vỡ các khuôn mẫu tư duy và quyền lợi nhãn tiền của chính phủ Liên Xô.

Moskva cũng không hiểu tính chất đặc biệt của cuộc đấu tranh ở Nam Tư. Mặc dù cuộc đấu tranh của người dân Nam Tư đã làm nức lòng không chỉ những chiến sĩ đang chiến đấu để bảo vệ bản sắc của dân tộc Nga khỏi hoạ xâm lược phát xít mà còn góp phần động viên cả những người cầm quyền Xô Viết nữa nhưng nhà cầm quyền đã không đánh giá đúng cuộc đấu tranh đó, vì họ đã so sánh nó với phong trào du kích và chiến thuật du kích tại Liên Xô. Du kích ở Liên Xô là lực lượng phụ trợ của Hồng quân và không trở thành quân đội thường trực. Từ kinh nghiệm của mình, giới lãnh đạo chớp bu Xô Viết không thể hiểu được rằng những người du kích Nam Tư, không giống như những chiến sĩ du kích ở Liên Xô, có thể biến thành quân đội thường trực, thành chính quyền nhà nước và như vậy, sẽ có đặc điểm và lợi ích riêng, nghĩa là có thể tồn tại độc lập.

Nhân đây xin kể một câu chuyện rất có ý nghĩa, mà có thể là có ý nghĩa quyết định đối với tôi.

Trong thời kì gọi là Trận công kích thứ tư, tháng 3 năm 1943, đã diễn ra những cuộc đàm phán giữa Bộ tổng tham mưu và ban chỉ huy quân Đức tại mặt trận. Lí do đàm phán là để trao đổi tù binh, nhưng thực chất lại là buộc quân Đức phải công nhận du kích là một bên tham chiến để có thể chấm dứt tình trạng giết hại tù binh và bệnh binh của nhau. Ngoài ra, Bộ tổng tham mưu, lực lượng chủ lực của quân cách mạng và hàng ngàn thương binh đang ở trong tình thế ngàn cân treo sợi tóc, một chút xả hơi cũng là rất quý đối với chúng tôi. Cần phải thông báo mọi chuyện với Moskva. Nhưng chúng tôi hiểu, Tito thì đã biết quá rõ Moskva rồi, còn tôi và Rankovik thì chỉ lờ mờ nhận ra rằng: không được nói hết sự thật. Cho nên chúng tôi chỉ thông báo rằng đang đàm phán với quân Đức về việc trao đổi tù binh.

Nhưng Moskva không thêm đặt mình vào địa vị của chúng tôi, lúc đó máu chúng tôi đã chảy thành sông, họ lập tức tỏ vẻ nghi ngờ và phản ứng rất gay gắt. Tôi nhớ lúc đó chúng tôi đang trú đóng trong một cái cối xay gió trên bờ sông Rama, gần chỗ vượt sông Neretva vào tháng 2 năm 1943, thì nhận được tin. Tito phản ứng: “Chúng ta phải lo cho quân và dân của mình trước”.

Đây là lần đầu tiên một ủy viên Ban chấp hành Trung ương công khai bày tỏ sự bất mãn đối với Moskva. Đây cũng là lần đầu tiên, không phụ thuộc vào câu nói của Tito, mặc dù không phải không liên quan đến nó, trong tôi bùng lên ý nghĩ rằng nếu muốn sống còn trong cuộc tử thi giữa hai thế giới thù nghịch thì không thể nào có chuyện hoàn toàn đồng ý với Moskva được. Chúng tôi không thông báo gì thêm cho Moskva về chuyện này nữa, và tôi, sau khi thay tên đổi họ, đã cùng với hai đồng chí nữa lên đường tham gia đàm phán với Bộ chỉ huy quân Đức.

Ngày 29 tháng 11 năm 1943, tại Iase, Hội nghị lần thứ hai của Hội đồng chống phát xít đã đưa ra những quyết định mà thực chất là đặt cơ sở pháp lí cho việc xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở Nam Tư. Đồng thời Hội đồng dân tộc, tức chính phủ lâm thời Nam Tư, cũng được thành lập. Trong thời gian chuẩn bị cho Hội nghị này, Ban chấp hành trung ương Đảng đã họp và quyết định không thông báo cho Moskva trước khi mọi vấn đề đã được giải quyết xong. Từ kinh nghiệm và qua đường lối tuyên truyền của nó, chúng tôi biết rằng Moskva không thể hiểu được những gì đang diễn ra ở đây. Và đúng thế, Moskva đã có phản ứng tiêu cực đối với các quyết định được đưa ra ở Iase đến mức đòi Nam Tư tự do đặt trên đất Liên Xô đã không đưa lên sóng phát thanh một số nghị quyết của Hội nghị này. Như vậy là chính phủ Liên Xô không hiểu được bước đi quan trọng nhất của cách mạng Nam Tư, bước đi đã biến cách mạng thành nhà nước mới và đưa nó lên vũ đài chính trị thế giới. Chỉ sau khi phương Tây tỏ ra thông cảm với các quyết định ở Iase, Moskva mới thay đổi thái độ và chấp nhận sự việc.

Dù đã có kinh nghiệm cay đắng như thế nhưng những người cộng sản Nam Tư chỉ thực sự hiểu được ý nghĩa của nó sau khi đã cắt đứt quan hệ với Moskva vào năm 1948, hình thức tuy khác nhau, nhưng chúng tôi coi mình không chỉ gắn bó với Moskva về mặt tư tưởng mà còn là những đồ đệ trung thành nhất của họ nữa. Mặc dù hiện thực, hiện thực cách mạng và hiện thực đời sống càng ngày càng làm cho những người cộng sản Nam Tư tách khỏi ảnh hưởng của Moskva, nhưng họ lại coi những chiến thắng cách mạng của mình là sự khẳng định mối liên hệ với Moskva, với những sơ đồ tư tưởng chỉ đạo của nó. Đối với họ, Moskva không chỉ là trung tâm tư tưởng và chính trị mà còn là hiện thân của lí tưởng trù tượng về một “xã hội phi giai cấp”, cái lí tưởng không chỉ làm cho những đau khổ và hi sinh của họ trở thành nhẹ nhàng và chấp nhận được mà còn biện hộ cho sự tồn tại của chính họ nữa.

Đây không chỉ là một đảng thống nhất về mặt tư tưởng, giống như Đảng cộng sản Liên Xô, mà còn trung thành với ban lãnh đạo Xô Viết và đây chính là một trong những thành tố mang tính sáng tạo và tích cực nhất của nó. Stalin không chỉ là một lãnh tụ thiên tài mà còn là hiện thân của chính tư tưởng và ước mơ về xã hội mới trong tương lai. Sự thần thánh hoá Stalin và chấp nhận vô điều kiện những sự kiện xảy ra ở Liên Xô đã đạt đến những hình thức và mức độ phi lí. Mọi hành động của chính phủ Liên Xô, thí dụ như tấn công Phần Lan hay các hiện tượng tiêu cực như các vụ thanh trừng và đàn áp đều được biện hộ, kì lạ hơn nữa là những người cộng sản không chỉ tự thuyết phục mình tin vào mục đích và tính chính đáng của những hành động ấy mà đơn giản hơn, họ cố tình quên các sự kiện có thể gây phiền phức, không cho chúng lọt vào ý thức của mình.

Trong số các đảng viên cộng sản chúng tôi có cả những người có đầu óc thẩm mĩ, có hiểu biết sâu sắc về văn chương và triết học, thế nhưng tất cả chúng tôi đều say mê không chỉ quan

điểm của Stalin mà còn khâm phục cả “sự hoàn thiện” trong cách diễn giải chúng nữa. Trong các cuộc tranh luận, chính tôi cũng thường nhấn mạnh sự trong sáng của ngôn từ, tính vững chắc của lập luận và sự hài hoà của văn phong của Stalin và coi đấy là biểu hiện của một trí tuệ cực kì sâu sắc, mặc dù nếu đấy là một tác giả khác thì tôi có thể dễ dàng chỉ ra được những hạn chế và sự pha tạp không đúng chỗ giữa văn phong báo chí tầm thường và Kinh thánh. Có cả những chuyện nực cười: người ta cho rằng chiến tranh sẽ kết thúc vào năm 1942 vì Stalin đã nói như thế. Khi chuyện đó không xảy ra thì lời tiên tri cũng bị quên ngay, còn nhà tiên tri thì chẳng mất gì, vẫn là siêu nhân như cũ. Với những người cộng sản Nam Tư đã xảy ra cái đã từng xảy ra, trong suốt lịch sử nhân loại, với tất cả những người gán bó số phận của mình và số phận của thế giới với một tư tưởng duy nhất. Họ đã không nhận ra rằng chính họ đã tạo ra trong trí tưởng tượng của mình hình ảnh Liên Xô và Stalin phù hợp với nhu cầu và biện hộ cho cuộc đấu tranh của họ.

Như vậy là phái đoàn quân sự Nam Tư mang theo trong mình, một mặt, quan niệm lí tưởng về chính quyền Xô Viết và Liên Xô; mặt khác, họ cần phản ánh được những nhu cầu sống còn của chính mình. Bên ngoài, nó không khác gì phái đoàn bên cạnh quân Anh, nhưng về thành phần và quan điểm thì lại là mối liên hệ không chính thức với ban lãnh đạo chính trị của những người đồng chí hướng. Tóm lại: phái đoàn vừa mang tính quân sự vừa mang tính đảng.

2.

Vì vậy, ngoài tướng Velimir Terzich, Tito còn cử tôi, một cán bộ cao cấp của Đảng – tôi đã nằm trong ban lãnh đạo tối cao của đảng được mấy năm rồi – tham gia phái đoàn. Những người khác cũng được lựa chọn theo cách đó, hoặc là quân nhân hoặc là cán bộ đảng, có cả một chuyên viên tài chính nữa. Trong đoàn còn có nhà vật lí hạt nhân tên là Pavle Savich. Ông đến Moskva để tiếp tục công tác nghiên cứu khoa học. Dĩ nhiên, tất cả chúng tôi đều mặc quân phục, tôi đeo lon tướng. Tôi được chọn có thể vì biết tiếng Nga mà tôi học trong thời gian đi tù và vì tôi chưa đến Liên Xô bao giờ, chưa bao giờ bị coi là phần tử lệch lạc hay bè phái. Những người khác trong đoàn cũng chưa từng đến Liên Xô và không có ai giỏi tiếng Nga cả.

Đấy là tháng 3 năm 1944.

Phái đoàn phải dành mấy ngày để tập trung và chuẩn bị. Trang phục của chúng tôi vừa cũ vừa không thống nhất và vì không có đủ số vải cần thiết, chúng tôi phải sửa những bộ quân phục chiến lợi phẩm của quân Italy, phải làm giấy tờ để có thể đi qua vùng do quân Anh và quân Mỹ kiểm soát. Chẳng bao lâu sau người ta đã cho ra những tấm hộ chiếu đầu tiên của nhà nước Nam Tư với chữ kí của chính Tito.

Chúng tôi nghĩ ngay đến việc chuẩn bị quà cho Stalin. Nhưng quà gì và lấy ở đâu? Các làng mạc xung quanh Drvare, nơi Bộ tổng tham mưu trú đóng lúc đó, đều đã bị đốt phá, cướp bóc

hết. Cuối cùng, chúng tôi quyết định: mang tặng Stalin một khẩu súng trường được chế tạo vào năm 1941 tại nhà máy của du kích quân ở Ugitse, tìm được nó cũng là cả một kì công. Các làng lân cận cũng gửi quà tới: túi đựng thức ăn, quần áo, giày dép dân tộc. Chúng tôi chọn những cái tốt nhất, trong đó có một đôi dép da đi trong nhà, còn lại đều rất xấu. Nhưng chính những món quà như thế lại là biểu hiện của lòng chân thành của người dân nên chúng tôi quyết định mang theo.

Nhiệm vụ của phái đoàn là cố gắng nhận được càng nhiều viện trợ của Liên Xô cho Quân đội Giải phóng nhân dân Nam Tư thì càng tốt. Đồng thời Tito còn giao nhiệm vụ cho chúng tôi, thông qua chính phủ Liên Xô hay qua các kênh khác, vận động UNRRA (Cơ quan của Liên hiệp quốc về trợ giúp và tái định cư) viện trợ cho các khu vực đã giải phóng của Nam Tư. Cần phải vay chính phủ Liên Xô hai trăm ngàn dollar cho những phái đoàn của chúng tôi đang hoạt động ở phương Tây. Tito nhấn mạnh và dặn chúng tôi phải tuyên bố rằng số tiền này, cũng như số tiền viện trợ về thuốc men và vũ khí, sẽ được hoàn trả sau giải phóng.

Phái đoàn cũng phải mang theo tài liệu lưu trữ của Bộ tổng tham mưu và của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Nam Tư.

Và điều quan trọng nhất là phải tìm hiểu khả năng công nhận Ủy ban dân tộc là chính phủ hợp pháp và thông qua Moskva, tạo ảnh hưởng đối với các nước đồng minh phương Tây.

Liên lạc với Bộ tổng tham mưu được thực hiện thông qua phái đoàn Xô Viết ở Nam Tư. Có thể sử dụng cả các mối quan hệ cũ ở Comintern (quốc tế cộng sản).

Nhưng ngoài những nhiệm vụ của đoàn, khi chia tay, Tito còn giao cho tôi nhiệm vụ tìm hiểu qua Dimitrov hay Stalin, nếu tôi có dịp gặp ông ta, xem họ có phê bình gì Đảng chúng tôi không.

Nhiệm vụ mà Tito giao chỉ là để khẳng định tinh thần kỉ luật đối với Moskva mà thôi. Dĩ nhiên là Tito tin tưởng tuyệt đối rằng Đảng cộng sản Nam Tư đã vượt qua mọi thử thách một cách đầy vinh quang. Chúng tôi nói đến cả chuyện các kiều dân Nam Tư. Tito cho rằng không nên dây dưa vào những chuyện tố cáo lẫn nhau, nhất là nếu liên quan đến các tổ chức đảng và cán bộ Liên Xô. Đồng thời, Tito cũng căn dặn phải thận trọng với các cô thư kí. Tôi coi đấy không chỉ là sự quan tâm đối với đạo đức của người chiến sĩ du kích mà còn là biện pháp ngăn chặn tất cả những gì có thể ảnh hưởng đến uy tín và phẩm chất của người cộng sản, của Đảng cộng sản Nam Tư nữa.

Cả người tôi rạo rực, xốn xang trước niềm vui gặp gỡ với Liên Xô, đất nước công nông đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Niềm tin của tôi vững hơn sắt đá, đấy là niềm tin trong sáng của những người mộng mơ, những chiến binh, những thánh tử đạo. Tôi đã bị tra tấn, tù đầy, căm thù và đổ máu, không tiếc máu xương những người anh em của mình vì niềm tin ấy.

Nhưng cũng có nỗi buồn. Tôi phải để lại ở đây những người đồng chí khi chiến sự đang diễn ra ác liệt nhất, phải bỏ lại phía sau mảnh đất quê hương đã biến thành bãi chiến trường đầy khói lửa.

Cuộc chia tay với phái đoàn quân sự Liên Xô bịn rịn hơn những lần gặp gỡ trước đây, tôi ôm những người bạn, họ cũng có vẻ buồn, rồi đi về phía sân bay đã chiến ở gần Bosanski Petroves. Chúng tôi ở đây cả một ngày trời, đi xem sân bay, nói chuyện với các nhân viên phục vụ và bà con nông dân, những người đã kịp làm quen với chính quyền mới và tin tưởng vào chiến thắng tất yếu của nó.

Thời gian gần đây máy bay Anh thường đáp xuống sân bay này, không phải ngày nào cũng có và nhiều nhất cũng chỉ một, hai chuyến một đêm; họ mang thương binh đi, đôi khi cả hành khách nữa, còn khi đến họ mang theo hàng, thường là thuốc men. Họ vừa đưa tới một chiếc xe zeep, quà của bộ chỉ huy quân Anh tặng Tito. Tháng trước, ngay giữa ban ngày, phái đoàn quân sự Xô Viết đi trên một chiếc máy bay có trang bị phương tiện hạ cánh trên tuyết đã đáp xuống sân bay này. Đây không những là một chiến công mà đồng thời còn là một cuộc biểu dương lực lượng vì có rất nhiều máy bay tiêm kích hộ tống phái đoàn.

Tôi coi việc cất và hạ cánh chiếc máy bay của mình cũng là một chiến công vì để hạ xuống một thung lũng vừa hẹp vừa gồ ghề như thế, máy bay phải bay sát những mỏm núi đá cực kì lởm chởm.

Nhưng quang cảnh quê hương tôi bên dưới mới buồn và tăm tối làm sao! Những ngọn núi tuyết xám ngoét, những hẻm núi đen ngòm, rồi những dải đồng bằng như chìm trong bóng đêm, không một tia sáng nào, kéo dài đến mãi tận biển. Và chiến tranh, một cuộc chiến tranh khủng khiếp, khủng khiếp nhất trong những cuộc chiến tranh với ngay cả mảnh đất đã quen với các cuộc hành quân, đã quen với chiến trận và bạo loạn từ lâu. Nhân dân đã quần thảo với quân thù và những người anh em đã từng giết nhau. Khi nào thì lửa bếp lại được nhóm lên trong các làng quê tôi? Liệu quê hương tôi có qua khỏi hận thù và chết chóc để đi đến bến bờ hạnh phúc và bình an?

Đầu tiên chúng tôi đỗ lại ở Bari, nước Italy, căn cứ địa - bệnh viện và kho tàng của quân du kích Nam Tư. Từ đây, chúng tôi bay qua Tunis, phải đi đường vòng như thế là để tránh các căn cứ của quân Đức ở đảo Crete và Hi Lạp; chúng tôi cũng ghé qua đảo Malta và làm khách của tư lệnh quân quản thành phố trong một thời gian ngắn.

Hôm sau, chúng tôi đến Cairo. Người Anh đưa chúng tôi vào khách sạn và cho mượn một chiếc ô tô. Những người bán hàng và nhân viên phục vụ nhìn thấy sao năm cánh trên phù hiệu thì cho rằng chúng tôi là quân Nga. Nhưng thật vui khi chúng tôi giải thích rằng chúng tôi là người Nam Tư và nói tên Tito thì họ bảo rằng họ có biết cuộc đấu tranh của chúng tôi.

Biết người đứng đầu UNRRA ở Cairo là Leman, tôi đề nghị đại sứ Liên Xô đưa đến gặp ông ta để trình bày quan điểm. Quan chức người Mỹ này tiếp chúng tôi ngay nhưng thái độ khá lạnh lùng. Ông ta nói rằng yêu cầu của chúng tôi sẽ được xem xét trong cuộc họp tới của UNRRA nhưng về nguyên tắc, UNRRA chỉ cộng tác với những chính phủ công khai mà thôi.

Dường như những khái niệm sơ đẳng đã được tôi học thuộc về chủ nghĩa tư bản phương Tây, về kẻ thù không đội trời chung của tiến bộ và của các dân tộc bị áp bức đã được khẳng định ngay trong lần gặp gỡ đầu tiên này: Leman nằm tiếp chúng tôi. Chân ông ta bị bó bột, vết thương và cái nóng đã hành hạ ông ta, nhưng tôi lại cho rằng đấy là do ông ta không thích sự có mặt của chúng tôi. Thêm nữa, tay thông ngôn từ tiếng Anh sang tiếng Nga trông hung dữ, có dáng đầu trộm đuôi cướp, giống hệt những tên du thủ du thực trong các phim cao bồi vậy.

Thực ra thì chẳng có gì đáng phàn nàn. Leman đã nghe và hứa sẽ xem xét đề nghị của chúng tôi.

Chúng tôi đã dùng ba ngày ở Cairo cho việc tham quan các danh lam thắng cảnh cũng như tiếp xúc với thiếu tá Dikin, trưởng phái đoàn quân sự Anh ở Nam Tư. Ông ta mời chúng tôi đi ăn trưa với một vài người bạn.

Từ Cairo, chúng tôi bay đến căn cứ Khabbania của quân Anh ở gần Damaskus. Đại diện Bộ chỉ huy quân Anh ở đây không muốn đưa chúng tôi vào Damaskus vì cho rằng không thật an toàn. Nhưng chúng tôi lại nghĩ họ muốn che giấu việc đàn áp dân thuộc địa không kém phần dã man so với quân chiếm đóng Đức đang làm ở đất nước chúng ta.

Người Anh mời chúng tôi xem các trận thi đấu thể thao của binh sĩ đồn trú tại đây. Chúng tôi ngồi cạnh ông trưởng ban quân quản. Cúc cài tận cổ, dây da thắt chặt, ăn mặc chỉnh tề như thế, chúng tôi đã tự trở thành trò cười cho chính mình và có lẽ là cho cả những người Anh hiếu khách và cư xử rất tự nhiên kia.

Người ta giới thiệu cho chúng tôi một viên thiếu tá trung niên vui tính, suốt ngày xin lỗi vì nói tiếng Nga không được tốt. Ông ta quên cả những câu đã học được trong thời gian tham gia cuộc can thiệp vào Arkhangensk. Ông ta rất khâm phục người Nga, phái đoàn của họ cũng dừng lại ở Khabbania. Nhưng không phải khâm phục hệ thống xã hội của họ mà là sự chất phác và cả quyết trong việc uống cạn những chiếc li lớn rượu vodka hay whisky: “Chúc sức khỏe Stalin, chúc sức khỏe Churchill!”.

Với thái độ bình thản, có pha chút tự hào, viên thiếu tá kể cho chúng tôi nghe về cuộc chiến đấu chống lại những cuộc bạo loạn do tình báo Đức kích động. Chúng tôi thấy các nhà kho để máy bay lỗ chỗ vết đạn.

Bị tiêm nhiễm nặng tư duy giáo điều, chúng tôi cho rằng hi sinh cho “chủ nghĩa đế quốc” – chúng tôi gọi cuộc đấu tranh của phương Tây như vậy - là điều vô nghĩa, thậm chí là thiếu

thông minh. Nhưng thâm tâm chúng tôi khâm phục lòng dũng cảm và ý chí kiên cường của người Anh: với quân số ít ỏi và không có hi vọng được giúp đỡ, họ đã chiến đấu và chiến thắng trong cuộc chiến trên sa mạc cháy bỏng ở vùng Á châu xa xôi này. Nếu lúc đó tôi chưa thể rút ra được những kết luận sâu sắc hơn thì điều đó cũng có ảnh hưởng đối với tư tưởng của tôi về sau này, rằng: chân lí không chỉ có một và trên trái đất này có nhiều, rất nhiều hệ thống giá trị khác nhau.

Chúng tôi không tin và tìm cách tránh tiếp xúc với người Anh, chúng tôi đặc biệt lo ngại và có quan điểm ấu trĩ về cơ quan tình báo gọi là “Intelligence Service” của họ. Đây là kết quả của sự pha tạp giữa những hiểu biết sơ lược có tính sách vở của văn chương giật gân và sự bối rối của những anh nhà quê ra tỉnh.

Dĩ nhiên là chúng tôi đã không phải lo lắng đến thế nếu không có mấy bao tải tài liệu của Bộ tổng tham mưu. Trong đó có cả những bức điện trao đổi với Comintern. Việc các nhân viên quân sự Anh coi những bao tải này chẳng khác gì bao chứa giấy hay đồ hộp cũng làm chúng tôi lo lắng. Tôi luôn giữ chúng bên cạnh và để không phải ngủ một mình, tôi và Marko biệt hiệu “Piper”, người Trernogoria, một đồng chí đảng viên từ trước chiến tranh, rất dũng cảm và trung thành, ở chung một phòng.

Một lần, giữa đêm khuya, tôi thấy có người mở cửa phòng. Tôi cảm thấy thế dù cánh cửa không hề kêu gì cả, tôi nhìn thấy cái bóng lơ mờ của một người địa phương dưới ánh trăng và dù bị vướng vào màn, tôi vẫn lôi được khẩu súng lục từ dưới gối và hét lên. Marko nhảy ra, anh vẫn mặc nguyên quần áo khi ngủ nhưng kẻ kia đã biến mất.

Có lẽ người này đi lạc hay định ăn cắp gì đó. Dĩ nhiên, chúng tôi cho rằng có bàn tay của tình báo Anh và càng tăng cường cảnh giác thêm. Chúng tôi rất vui vì ngay hôm sau, người Anh đã cho chúng tôi bay đi Tehran.

Tehran, đúng hơn là phần đường mà chúng tôi đi từ Ban quân quản Liên Xô đến đại sứ quán Liên Xô, đã coi như là lãnh thổ Liên Xô rồi. Các sĩ quan Liên Xô đón tiếp chúng tôi rất nồng hậu, đây không chỉ là tính hiếu khách của người Nga mà còn là tình đoàn kết của những người chiến sĩ đấu tranh vì sự nghiệp chung trên những vùng đất khác nhau của thế giới nữa. Tại đại sứ quán Liên Xô, chúng tôi được dẫn đi xem cái bàn tròn nơi diễn ra hội nghị Tehran và thăm căn phòng ở tầng một nơi Roosevelt đã nghỉ lại, mọi thứ vẫn được giữ y nguyên như ngày ông còn ở đây.

Cuối cùng, máy bay đưa chúng tôi đến Liên Xô, hiện thân cho lí tưởng và niềm mơ ước của chúng tôi. Càng đi sâu vào vùng trời xanh xám của nó, một tình cảm hoàn toàn mới, chưa từng có càng hiện rõ trong tôi; tôi thấy mình như đang trở về ngôi làng, trở về quê hương chưa từng quen biết của mình.

Tôi vốn không ưa tinh thần đại Slav. Tôi coi tinh thần đại Slav đang thịnh hành ở Moskva lúc đó là biện pháp động viên các lực lượng bảo thủ cho cuộc chiến đấu chống lại cuộc xâm lăng của quân Đức mà thôi. Nhưng cảm giác này có vẻ khác, sâu sắc hơn, không nhét vừa khuôn khổ tư duy cộng sản của tôi. Đã ba trăm năm nay, những người tranh đấu và mơ mộng Nam Tư, những nhà hoạt động nhà nước và những người cầm quyền, các lãnh chúa của Trernogoria vẫn thường hành hương đến nước Nga để tìm sự cảm thông và trợ giúp. Có phải tôi cũng đang đi trên con đường của họ không? Có phải đây chính là quê hương của tổ tiên tôi, những người đã bị một lực lượng bí ẩn ném đến vùng Balcan lộng gió không? Nước Nga không bao giờ hiểu được những người Slav miền Nam vì đây là đất nước của Sa Hoàng và các đại điền chủ, tôi thường nghĩ như thế. Nhưng tôi tin tưởng chắc chắn rằng nguyên nhân xã hội, cũng như nhiều nguyên nhân khác của tất cả các cuộc xung đột giữa Moskva với các dân tộc khác rồi cuối cùng cũng sẽ được khắc phục. Lúc đó tôi coi đấy chính là “tứ hải giai huynh đệ” và sự trở về với gia đình Slav xa xưa.

Nhưng đây không chỉ là quê hương của tổ tiên tôi mà còn là quê hương của những người chiến sĩ đang hi sinh vì tình huynh đệ và quyền làm chủ không gì cưỡng được của con người trước hoàn cảnh.

Tôi tan hoà với sóng nước Volga, với những cánh đồng màu xám kéo dài đến tận chân trời, như tan hoà vào kiếp trước của chính mình, tan hoà vào những bí ẩn chưa hề được biết tới của chính tâm hồn mình. Tôi nghĩ mình phải hôn lên mảnh đất của nước Nga Xô Viết ngay khi tôi bước chân lên đó, tôi chắc chắn đã làm thế nếu điều đó không mang vẻ tôn giáo hay tẻ hơn, không có vẻ đóng kịch.

Trưởng ban quân quản Bacu, một viên tướng khổng lồ, ít nói, đã bị trại lính, chiến tranh và công việc biến thành thô kệch - hiện thân của một đất nước vĩ đại trong cuộc chiến đấu không khoan nhượng với kẻ thù hung bạo. Là người cởi mở, ông tỏ vẻ ngạc nhiên trước cách cư xử thận trọng của chúng tôi: “Dân gì kì nhỉ, không ăn, không uống! Người Nga chúng tôi khác, ăn nhiều, uống lắm, đánh nhau còn ghê nữa!”

Trời Moskva âm u tối và có rất nhiều nhà thấp tẹt.

Nhưng điều đó thì có ý nghĩa gì? Lấy gì so sánh với cuộc đón tiếp long trọng và chân thành, tuy có kiểm chế theo đúng tinh thần cộng sản của chúng tôi? Lấy gì so sánh với cuộc chiến tranh vĩ đại mà chúng tôi coi là thử thách cuối cùng của loài người, là cuộc đời và số phận của mỗi chúng tôi? Có phải mọi thứ đều là không đáng kể khi so sánh với hiện thực đang thoát thai từ ác mộng để trở thành sự thật hạnh phúc an bình trên đất nước Xô Viết, đất nước của chúng tôi và cũng là của toàn thể loài người?

Chúng tôi được bố trí nghỉ trong khu tập thể trung tâm của Hồng quân, các sĩ quan Liên Xô về Moskva công tác cũng thường nghỉ ở đây. Ăn uống và các điều kiện khác đều tuyệt vời. Chúng tôi được giao một chiếc ô tô có tài xế riêng, lái xe tên là Panov, một người đàn ông trung niên có suy nghĩ độc lập dù tính khí có vẻ thất thường. Thông qua sĩ quan liên lạc, đại úy Kozlovski, một anh chàng đẹp trai, luôn tự hào về nguồn gốc Cô-dắc của mình - nhờ cuộc chiến tranh này mà người Cô-dắc đã “rửa” sạch được quá khứ phản cách mạng rồi – chúng tôi có thể đi xem hát, xem phim bất cứ lúc nào.

Nhưng chúng tôi không thể nào tiếp xúc được với các cấp lãnh đạo, mặc dù tôi đã xin gặp Molotov V. M., bộ trưởng ngoại giao và Stalin I. V., Chủ tịch chính phủ và Tổng tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang ngay từ hôm mới đến. Tôi cố gắng thông báo nguyện vọng cũng như các nhu cầu của chúng tôi theo đường vòng, nhưng cũng không ăn thua.

Đại sứ quán Nam Tư cũng không giúp được gì. Về mặt hình thức, đây vẫn là sứ quán của hoàng gia nhưng ông đại sứ Simich và các nhân viên ở đây đều ngả về phe nguyên soái Tito. Bề ngoài, người ta tỏ ra tôn trọng sứ quán nhưng thực ra, họ còn bất lực hơn cả chúng tôi.

Tổ chức đảng của kiều dân Nam Tư cũng không làm được gì. Các cuộc thanh trừng đã giết mất khá nhiều người, nhân vật nổi bật nhất còn lại lúc đó là Velko Vlahovik. Chúng tôi gần bằng tuổi nhau, cả hai đều là dân Trernogoria, cùng tham gia phong trào sinh viên chống chế độ độc tài của hoàng đế Aleksander. Anh là thương binh chiến tranh Tây Ban Nha, còn tôi vừa ra khỏi cuộc chiến tranh còn khủng khiếp hơn. Anh là người có học vấn cao, thông minh, rất có tư cách nhưng giữ nguyên tắc thái quá và không dám suy nghĩ độc lập. Lúc ấy anh đang lãnh đạo đài phát thanh Nam Tư tự do, hợp tác với anh sẽ rất có lợi. Nhưng anh cũng chỉ quen đến Dimitrov G. mà thôi; ông này, vì lúc đó Comintern đã bị giải thể, cùng với Manuilski đang lãnh đạo một Phòng của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô chuyên về quan hệ với các đảng cộng sản khác.

Chúng tôi được đối xử rất tử tế, ăn uống đàng hoàng nhưng những vấn đề cần thảo luận và giải quyết thì giẫm chân tại chỗ. Tôi muốn nói thêm rằng trong quan hệ với chúng tôi, mọi người đều tỏ ra cực kì nhã nhặn và thận trọng. Nhưng sau khi chúng tôi đến chừng một tháng, tôi và tướng Terzich được Stalin và Molotov tiếp, báo chí có đưa tin về sự kiện này, thì như có phép thần, mọi cánh cửa của bộ máy hành chính to lớn và giới thượng lưu Liên Xô đều rộng mở.

Ủy ban đoàn kết Slav, mới được thành lập trong thời kì chiến tranh là cơ quan đầu tiên đứng ra tổ chức lễ đón tiếp và chiêu đãi chúng tôi. Không cứ gì người cộng sản, ai cũng thấy ngay rằng đây là một tổ chức giả tạo và chẳng có mấy giá trị. Nó chỉ là một chiêu bài phục vụ cho mục đích tuyên truyền và ngay trong việc đó vai trò của nó cũng rất hạn chế. Mục tiêu cũng

không rõ ràng: đa số thành viên ủy ban là đảng viên cộng sản lưu vong từ các nước Slav ở Moskva; đối với họ, tình đoàn kết Slav chẳng có ý nghĩa gì. Mọi người đều hiểu rằng họ phải khôi phục một điều đã trở thành quá khứ, để nếu không tập hợp được mọi người Slav xung quanh nhà nước cộng sản thì ít ra cũng vô hiệu hoá được các trào lưu bài Xô của người Slav.

Chủ tịch ủy ban là tướng Gundorov, một người già trước tuổi, quan điểm rất hẹp hòi; với ông ta, ngay cả vấn đề đoàn kết giả tạo cũng không thể thảo luận một cách nghiêm túc được. Thư kí ủy ban là Motralov, một người có uy tín vì những mối liên hệ mật thiết với các cơ quan an ninh - ông ta có thói khoe khoang nên không giấu được chuyện này. Cả Motralov và Gundorov đều đã là sĩ quan Hồng quân, bị giải ngũ vì thói quân phiệt đối với cấp dưới và được cử vào một công việc không phù hợp với họ chút nào. Chỉ có cô thư kí tên là Nazarova, người có khuôn mặt đỏ hoa và rất nhã nhặn, là tỏ ra có tình yêu và thông cảm với những đau khổ của người Slav mà thôi, mặc dù sau này, ở Nam Tư, chúng tôi đã phát hiện ra cô ta là nhân viên tình báo Liên Xô.

Trong ủy ban, người ta chỉ ăn, uống và nói là chính. Những câu chuyện lê thê và rỗng tuếch sau bàn ăn có nội dung không khác gì thời Sa Hoàng nhưng kém văn hoa hơn. Nói cho ngay, lúc đó, tôi đã lấy làm ngạc nhiên vì sự thiếu vắng các ý tưởng mới mẻ.

Ủy ban là con đẻ của một chính sách vụ lợi, nhỏ nhen và thiển cận.

Để độc giả có thể hiểu đúng, tôi xin nói thêm: lúc đó, tôi đã ngộ được nhiều điều, nhưng tôi không ngạc nhiên, cũng không hốt hoảng. Việc Ủy ban là công cụ gây ảnh hưởng của chính phủ Liên Xô lên các tầng lớp người Slav ở bên ngoài Liên Xô và các nhân viên của nó có liên hệ với các đại diện, cả công khai và bí mật, của chính quyền hoàn toàn không làm tôi băn khoăn. Tôi chỉ lấy làm ngạc nhiên là nó quá yếu và không nghiêm túc, đặc biệt là nó không thể giúp tôi tiếp xúc với chính phủ Liên Xô và không giúp đỡ được gì cho Nam Tư cả. Vì tôi, cũng như tất cả mọi người cộng sản, đã học thuộc rằng giữa Liên Xô và các dân tộc khác, chứ chưa nói một đảng mang tinh thần cách mạng và mác-xít như Đảng cộng sản Nam Tư, không thể có bất kì mâu thuẫn nào. Và mặc dù tôi cho rằng Ủy ban Slav là công cụ không phù hợp đối với các mục tiêu của chủ nghĩa cộng sản nhưng tôi chấp nhận nó chủ yếu là vì lãnh đạo Liên Xô đòi hỏi như thế. Còn mối liên hệ của nó với các cơ quan an ninh thì chính tôi cũng nghĩ rằng đấy là vũ khí của đảng, là phương tiện bảo vệ cách mạng.

Tôi tìm mọi cách để tiếp xúc được với giới chức cao cấp Liên Xô. Mặc dù rất sốt ruột, nhưng tôi không quấy rầy và hoàn toàn không có ý phỉền trách chính quyền Xô Viết. Tôi đã quen coi đấy là lực lượng lãnh đạo toàn bộ phong trào cộng sản, cao hơn cả lãnh đạo Đảng tôi, cao hơn chính cuộc cách mạng của tôi. Tito và những người khác đã từng cho tôi biết rằng bắt những người cộng sản ngoại quốc chờ đợi hình như cũng là một phong cách làm việc của Moskva vậy.

Tôi chỉ băn khoăn và sốt ruột vì người ta không hiểu được tính cấp bách của sự nghiệp cách mạng ở Nam Tư mà thôi.

Những người cộng sản Nam Tư không nói nhưng tất cả đều biết rằng ở nước chúng tôi đang diễn ra một cuộc cách mạng. Khắp nơi ở phương Tây, người ta đã viết như thế rồi. Nhưng ở Moskva, người ta lại cố tình lờ chuyện ấy đi, ngay cả những người có trách nhiệm trực tiếp cũng làm như thế. Mọi người vẫn ngoan cố nói về cuộc đấu tranh chống quân xâm lược Đức, họ còn ngoan cố hơn trong việc nhấn mạnh tinh thần yêu nước của cuộc đấu tranh và vai trò lãnh đạo của Liên Xô nữa. Tôi không bao giờ có ý định tranh cãi về vai trò của Đảng cộng sản Liên Xô trong phong trào cộng sản quốc tế hay vai trò của Hồng quân trong cuộc chiến đấu chống bè lũ phát xít Hitler. Nhưng trên quê hương tôi và trong những điều kiện ở đấy, trước mắt mọi người, những người cộng sản Nam Tư đã tiến hành cuộc chiến tranh mà không lệ thuộc vào những thắng lợi hay thất bại tạm thời của Hồng quân; không những thế, cuộc chiến tranh này còn làm thay đổi cả cơ cấu chính trị và xã hội của đất nước nữa. Cuộc cách mạng Nam Tư nói chung và tình hình trong nước nói riêng đã vượt qua nhu cầu của chính sách đối ngoại của chính phủ Liên Xô và khả năng thích nghi của nó. Tôi đã tự lí giải những khó khăn và trở ngại mà mình gặp phải như thế đấy.

Thật là kì khi thấy những người không thể không hiểu chuyện đó nhưng lại nhấn nhục chịu đựng và làm ra vẻ không hiểu. Tôi vẫn chưa quán triệt được rằng ở Moskva, không nên vội vã phát biểu, đặc biệt là về tình hình chính trị, khi Stalin hay ít nhất là Molotov chưa có ý kiến. Đây là luật bất thành văn, đối với ngay cả những yếu nhân như Manuiski hay Dimitrov, những cựu bí thư Comintern.

Tito, Kardel và các đảng viên cộng sản đã từng ở Moskva đều nói rằng Manuiski rất có cảm tình với người Nam Tư. Trong giai đoạn thanh trừng những năm 1936-1937, khi hầu như tất cả kiều dân Nam Tư đều bị đe dọa, thái độ như thế có thể trở thành tai hoạ đối với ông, thì nay, khi người Nam Tư đã đứng trong mặt trận chống phát xít, thái độ đó có thể được coi là nhìn xa trông rộng. Dù sao mặc lòng, trong tình cảm ngưỡng mộ cuộc đấu tranh của người Nam Tư, có niềm tự hào của chính ông, mặc dù ông không quen một người lãnh đạo mới nào, trừ Tito, mà ngay Tito, ông cũng chỉ mới sơ giao mà thôi.

Chúng tôi gặp ông vào một buổi chiều. Có cả G. F. Aleksandrov, một triết gia nổi tiếng của Liên Xô lúc ấy và quan trọng hơn, ông còn là trưởng Ban tuyên truyền và cổ động trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (bolshevik).

Aleksandrov không tạo cho tôi một ấn tượng đặc biệt nào. Sự mờ nhạt, gần như không có cá tính là đặc điểm nổi bật nhất của ông ta. Không cao, đậm, hói, nước da tái và cái bụng phệ chứng tỏ ông ta không bao giờ ra khỏi văn phòng. Ngoài một vài nhận xét chung chung và nụ

cười xã giao, ông ta không nói một câu nào về tính chất và tương lai của cuộc khởi nghĩa của những người cộng sản Nam Tư mặc dù tôi đã cố ý nhấn mạnh vấn đề ấy. Rõ ràng là khi Ban chấp hành trung ương chưa xác định được quan điểm thì những người làm tuyên truyền Liên Xô phải tiếp tục nói về cuộc đấu tranh chống quân xâm lược và lờ đi các vấn đề nội bộ và quan hệ quốc tế của Nam Tư

Manuilski cũng không có thái độ rõ ràng. Nhưng ông tỏ ra rất quan tâm đến vấn đề này. Tôi biết ông là một diễn giả có tài, chỉ cần đọc các bài viết của ông là rõ, câu chuyện của ông lúc nào cũng đầy hình ảnh và súc tích. Ông là một người nhỏ nhắn, lưng đã hơi còng, da ngăm đen, chòm râu được cắt tỉa gọn gàng. Giọng của ông hơi đót, dịu dàng và có vẻ lạ là hoàn toàn không mạnh mẽ như ta có thể tưởng. Ông là người chu đáo, nho nhã, có vẻ thương lưu.

Nhân câu chuyện về sự phát triển của cuộc khởi nghĩa ở Nam Tư, tôi đã nói rằng một chính quyền mới đã hình thành, về thực chất là chính quyền xô viết. Tôi đặc biệt nhấn mạnh vai trò của giai cấp nông dân: đối với tôi cuộc khởi nghĩa ở Nam Tư là sự hoà quyền của cuộc nổi dậy của nông dân với vai trò tiên phong của Đảng cộng sản. Mặc dù Manuilski và Aleksandrov không phản đối, nhưng họ cũng không ủng hộ quan điểm này.

Tôi cho rằng việc Stalin có vai trò quan trọng trong mọi vấn đề là chuyện bình thường nhưng dù sao, tôi cũng nghĩ Manuilski phải tự chủ hơn trong tư duy và có nhiều sáng kiến hơn trong hành động mới phải. Lòng nhiệt tình và sự khâm phục cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Tư của Manuilski đã làm tôi xúc động nhưng cuộc gặp gỡ đã chứng tỏ rằng ông ta không tham gia vào việc xác định chính sách của Moskva nói chung, trong đó có quan hệ với Nam Tư nói riêng.

Về Stalin, ông ta cố gắng khoác cho những từ ngợi ca quá đáng một hình thức “mác-xít” và “khoa học”. Đại khái như sau: “Đồng chí biết không, thật không thể tưởng tượng nổi là một cá nhân lại có thể có vai trò to lớn trong giờ phút quyết định của chiến tranh đến như thế. Làm sao trong một cá nhân lại có thể có nhiều tài năng đến như thế: một nhà hoạt động nhà nước, một nhà tư tưởng và một chiến sĩ!”.

Ý nghĩ của tôi về vai trò của Manuilski sau này đã được khẳng định. Ông được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ ngoại giao Ukraine – ông là người Do Thái, nhưng sinh trưởng ở Ukraine - điều đó chứng tỏ ông đã bị đẩy ra khỏi chính trường. Ngay cả khi còn là bí thư Comintern, ông cũng chỉ là công cụ của Stalin mà thôi, vì trước đây ông không phải là bolshevik toàn tòng mà thuộc nhóm gọi là “những người liên khu vực” do Trotsky cầm đầu. Phải đến sát Cách mạng Tháng Mười năm 1917, nhóm này mới sát nhập vào phe bolshevik.

Tôi còn gặp Manuilski vào năm 1949 ở Liên Hiệp Quốc. Thay mặt Ukraine, ông đăng đàn tố cáo bè lũ “đế quốc” và “phát xít” Tito. Tài hùng biện của ông đã biến thành sự tráo trở, ý kiến

sắc bén đã biến mất, chỉ còn là những câu nói sáo rỗng. Lúc ấy, ông ta đã già yếu và chẳng bao lâu sau, thì trượt khỏi các nấc thang quyền lực Liên Xô và biến mất hẳn.

Dimitrov thì lại khác.

Tôi gặp ông cả thấy ba lần, hai lần trong bệnh viện của chính phủ Liên Xô và một lần tại nhà nghỉ của ông ở ngoại ô Moskva.

Lần nào cũng thấy ông có vẻ ốm yếu. Hơi thở khô khè, da thì chỗ đỏ, chỗ tái, khu vực mang tai thì khô như bị hắc Lào. Tóc ông thưa đến nỗi không che được cái sọ vàng vọt bên dưới.

Nhưng ý kiến của ông thì sắc sảo và có vẻ mới, khác hẳn với những động tác chậm chạp, mệt mỏi của ông. Đây là một người già trước tuổi, một người đã bị suy sụp về mặt thể chất nhưng vẫn đầy trí tuệ và nhiệt tình. Trí tuệ ấy thể hiện rõ trên nét mặt, đặc biệt là đôi mắt lồi màu xanh nhạt luôn chăm chú quan sát người đối thoại, cái mũi cao và cái cằm bạnh của ông. Dù ông không nói tất cả những gì mình nghĩ, nhưng ông luôn nói công khai và kiên định. Dĩ nhiên là ông hiểu bản chất các sự kiện ở Nam Tư nhưng ông cũng cho rằng nói đến tính chất cộng sản lúc này thì hơi sớm. Để tránh rắc rối cho quan hệ giữa Liên Xô và phương Tây, tôi cũng nghĩ rằng trong tuyên truyền, trước hết, chỉ nên nói đến cuộc đấu tranh chống lại quân đội chiếm đóng mà không nên nhấn mạnh bản chất cộng sản của nó. Nhưng tôi muốn nói thêm để ban lãnh đạo Liên Xô và chính Dimitrov hiểu rằng, ít nhất là trong trường hợp của Nam Tư, đòi hỏi liên minh giữa những người cộng sản và các đảng tư sản là việc làm vô nghĩa vì cả trong cuộc chiến tranh này cũng như trong nội chiến, Đảng cộng sản đã chứng tỏ là lực lượng chính trị duy nhất có thực lực. Hệ quả của luận điểm này là sự phủ nhận chính phủ hoàng gia lưu vong và chế độ quân chủ nói chung.

Ngay tại cuộc gặp đầu tiên, tôi đã kể cho Dimitrov nghe về các sự kiện và tình hình ở Nam Tư.

Ông không ngờ, Dimitrov chân thành công nhận như thế, rằng Đảng cộng sản Nam Tư lại là đảng có tinh thần chiến đấu và linh hoạt nhất. Ông vốn đặt hi vọng vào Đảng cộng sản Pháp nhiều hơn. Ông nhắc lại lời hứa của Tito khi rời Moskva rằng những người cộng sản Nam Tư sẽ rửa được vết nhục của tị nạn và sẽ chứng minh rằng họ là những người xứng đáng. Chính ông đã khuyên Tito đừng có thể bối rối mà phải hành động một cách khôn khéo và kiên quyết. Ông kể như sau:

“Đồng chí biết không, khi bàn việc cử bí thư Đảng cộng sản Nam Tư thì xảy ra bất đồng, nhưng tôi ủng hộ Valter [1] , đồng chí ấy xuất thân công nhân, là người mà tôi cho là kiên định và nghiêm túc. Tôi rất mừng là mình đã không lầm”.

Dimitrov tỏ vẻ như xin lỗi khi nhắc lại việc chính phủ Liên Xô đã không thể giúp được gì cho các du kích quân Nam Tư trong những giai đoạn khó khăn nhất. Ông đã đề nghị chính Stalin

quan tâm đến chuyện đó. Đúng là như thế, ngay trong những năm 1941-1942, các phi công Liên Xô đã cố gắng thâm nhập vào các căn cứ du kích Nam Tư nhưng vô vọng. Một số kiều dân Nam Tư nhảy dù xuống đất đã bị chết cồng hết.

Dimitrov cũng nhắc lại chuyện chúng tôi đàm phán với quân Đức về việc trao đổi tù binh. Ông bảo: “Chúng tôi rất lo cho các anh nhưng may là mọi chuyện đều kết thúc tốt đẹp”.

Tôi lặng thinh và nếu ông ép thì tôi cũng không nói nhiều hơn những gì chính ông đã nói. Nhưng sẽ nguy hiểm nếu ông hỏi hay nói một điều gì đó không phù hợp, may là chuyện đó đã không xảy ra – trong chính trị, mọi thứ sẽ được quên ngay miễn là kết thúc tốt đẹp.

Dimitrov không ép bất cứ chuyện gì, thực ra là Comintern đã giải tán rồi, công việc của Dimitrov bây giờ là thu thập tin tức về các đảng cộng sản và làm cố vấn cho Đảng và chính phủ Liên Xô, khi cần mà thôi.

Ông kể cho tôi nghe rằng ý tưởng về việc giải tán Comintern xuất hiện lần đầu tiên sau khi các nước vùng Baltic sát nhập vào Liên Xô. Rõ ràng lúc này, ngọn cờ của chủ nghĩa cộng sản là Liên Xô và vì vậy, mọi nguồn lực đều phải tập trung xung quanh nước này. Nhưng việc giải tán bị hoãn do tình hình quốc tế. Phải làm thế để người Đức không nghĩ rằng giải tán là do áp lực của họ: quan hệ Xô - Đức lúc đó khá tốt.

Dimitrov là một trong số rất ít người được Stalin tôn trọng. Ông còn là lãnh tụ tối cao của phong trào cộng sản Bulgaria nhưng chuyện này ít ý nghĩa hơn.

Hai cuộc gặp sau khẳng định thêm ý kiến ấy của tôi. Tại cuộc gặp thứ nhất, tôi thông báo cho các ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Bulgaria về tình hình Nam Tư; tại cuộc gặp thứ hai, chúng tôi thảo luận về khả năng hợp tác giữa hai Đảng và cuộc đấu tranh ở Bulgaria.

Tham gia cuộc gặp gỡ với Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Bulgaria, ngoài Dimitrov, còn có cả Kolarov, Chervenkov và một số người khác.

Tôi đã gặp Chervenkov ngay tại buổi tiếp kiến đầu tiên, mặc dù ông không nói câu nào và tôi nghĩ ông là thư kí riêng của Dimitrov. Trong lần gặp thứ hai, ông cũng không xuất đầu lộ diện. Ông là người kiệm lời và điềm tĩnh nhưng sau này, ông lại tạo cho tôi cảm giác hoàn toàn khác. Vlahovich và mấy người nữa đã nói với tôi rằng Chervenkov là em rể của Dimitrov và trong giai đoạn thanh trừng, đáng lẽ ông đã bị bắt. Trong trường chính trị, nơi ông dạy học, người ta đã thông báo về việc “lật tẩy” ông nhưng ông đã kịp trốn đến chỗ Dimitrov. Dimitrov phải can thiệp với Ủy ban an ninh quốc gia thì mọi sự mới yên.

Trong thời gian diễn ra chiến dịch thanh trừng những đảng viên cộng sản nhập cư, đảng viên các đảng bí mật bị thiệt hại nhiều nhất vì họ không có ai che chở. Người Bungaria đã gặp may: Dimitrov, một người rất có uy tín, là bí thư Comintern và ông đã cứu được nhiều người.

Các đảng viên người Nam Tư không được may mắn thế, họ tự đào huyệt cho nhau trong khi tiếp tục đấu tranh để giành quyền lực và tìm cách chứng minh lòng trung thành của mình với Stalin và chủ nghĩa Lenin.

Kolarov đã ngoài 70. Ở ông có nhiều dấu hiệu của tuổi già và nhất là dấu hiệu của nhiều năm thiếu hoạt động. Ông chỉ còn là kỉ vật của quá khứ, của những ngày khởi nghĩa xa xưa. Đầu ông to, giống đầu người Thổ Nhĩ Kỳ hơn là đầu người Slav, mũi ông cũng lớn, đôi môi đa tình. Các ý kiến của ông đều hướng về quá khứ và những chuyện vụn vặt cụ thể, có phần hần học nữa.

Trong phần trình bày, tôi không chỉ phân tích mà còn vẽ lên cảnh tượng khủng khiếp của ngọn lửa chiến tranh và những cuộc tàn sát: mười ngàn đảng viên trước chiến tranh may ra còn lại được hai ngàn; tôi cho rằng có một triệu hai trăm ngàn binh sĩ và thường dân đã hi sinh. Sau khi tôi nói xong, Kolarov chỉ hỏi một câu duy nhất: “Thế theo đồng chí thì tiếng Makedonia giống tiếng Bulgaria hay tiếng Serbia hơn?”.

Lãnh đạo Đảng cộng sản Nam Tư cũng đã gặp rắc rối với Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Bulgaria vì họ cho rằng Bulgaria hiện đang chiếm đóng Makedonia thì tổ chức đảng ở đó phải được chuyển cho Đảng cộng sản Bulgaria. Cuộc tranh cãi chỉ chấm dứt sau khi Comintern can thiệp. Comintern ủng hộ quan điểm của phía Nam Tư, nhưng đấy là sau khi quân Đức đã tấn công Liên Xô. Nhưng sự xích mích xung quanh vấn đề Makedonia và cuộc khởi nghĩa còn tiếp tục và càng gần đến ngày thất bại của quân Đức cũng như của chính phủ Bulgaria thì mâu thuẫn giữa hai Đảng lại càng tăng. Tuy ở Moskva nhưng Vlahovich cũng nhận thấy rằng những người cộng sản Bulgaria đòi nắm quyền tại Makedonia thuộc Nam Tư. Nói cho ngay, Dimitrov có quan điểm khác: vấn đề đầu tiên đối với ông là tình đoàn kết Bulgaria - Nam Tư. Nhưng tôi cho rằng ông không coi người Makedonia là một dân tộc đặc biệt, mặc dù mẹ ông là người Makedonia và ông tỏ ra có cảm tình với họ.

Tôi đã trả lời Kolarov như sau: “Tôi không biết tiếng Makedonia gần tiếng Bulgaria hơn hay gần tiếng Serbia hơn nhưng người Makedonia không phải là người Bulgaria và nước Makedonia không thuộc Bulgaria”.

Dimitrov không vui, mặt ông đỏ lên, ông phẩy tay và bảo: “Chuyện này không quan trọng!” và chuyển sang đề tài khác.

Tôi không nhớ những người tham gia trong buổi gặp lần thứ ba với Dimitrov nhưng nhiều khả năng là Chervenkov cũng có mặt. Cuộc gặp diễn ra vào đầu tháng 4 năm 1944, ngay trước ngày tôi lên đường quay về Nam Tư. Chúng tôi thảo luận về sự hợp tác giữa những người cộng sản hai nước. Nhưng hiệu quả thì gần như không có vì ở Bulgaria chưa có một đội quân du kích nào.

Tôi kiên quyết đề nghị thành lập ở Bulgaria các đội du kích, bắt đầu cuộc đấu tranh vũ trang và coi hi vọng vào cuộc đảo chính của quân đội hoàng gia là ảo tưởng. Tôi lấy kinh nghiệm từ Nam Tư: rất ít sĩ quan quân đội hoàng gia tham gia vào phong trào du kích, Đảng cộng sản phải tự xây dựng lực lượng vũ trang, bắt đầu từ các đơn vị nhỏ, dù có phải vượt qua muôn vàn khó khăn. Rõ ràng, Dimitrov cũng có ảo tưởng như thế, mặc dù ông cho rằng phải nhanh chóng bắt tay vào việc thành lập các đơn vị du kích.

Nhưng thật sự, có những chuyện ông biết mà tôi không biết. Khi tôi nói rằng ngay ở Nam Tư, nơi mà sự chiếm đóng đã đập tan bộ máy nhà nước cũ, vẫn cần nhiều thời gian mới có thể phá bỏ được tất cả các tàn tích của nó thì ông nhận xét:

“Sau ba bốn tháng nữa sẽ có đảo chính ở Bulgaria, Hồng quân sắp tiến đến biên giới rồi”.

Mặc dù Bulgaria không đánh nhau với Liên Xô, nhưng như thế có nghĩa là Dimitrov coi Hồng quân là tác nhân quyết định. Ông không nói rõ là Hồng quân sẽ tiến vào Bulgaria nhưng chắc chắn lúc đó, ông đã biết và thông báo cho tôi như thế.

Nếu Dimitrov có quan điểm và tính toán theo cách đó thì việc đòi thành lập các đội du kích của tôi đã mất hết ý nghĩa. Cuộc nói chuyện chuyển sang phần trao đổi ý kiến và gửi lời chào anh em đến Tito và các chiến sĩ Nam Tư.

Cần phải ghi nhận quan hệ của Dimitrov đối với Stalin. Ông cũng kính trọng và khâm phục nhưng không có vẻ tán dương và nịnh hót quá đáng. Đối với Stalin, ông giữ thái độ của một nhà cách mạng có kỉ luật, tuân thủ lãnh tụ nhưng độc lập suy nghĩ. Ông đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Stalin trong chiến tranh. Ông kể:

“Khi đó quân Đức đã ở ngoại ô Moskva, niềm tin nói chung đã lung lay và xảy ra lộn xộn. Một số cơ quan chính phủ và Ban chấp hành trung ương cũng như ngoại giao đoàn đã chuyển về Kuibyshev. Nhưng Stalin thì vẫn ở lại Moskva. Tôi đã đến chỗ ông ấy tại Điện Kremli, lúc đó người ta đang chuyển hồ sơ tài liệu ra khỏi Điện Kremli. Tôi đề nghị với Stalin cho Comintern ra lời kêu gọi quân lính Đức. Stalin đồng ý, tuy ông cho rằng chẳng có tác dụng gì. Chẳng bao lâu sau đó, tôi phải rời Moskva. Stalin vẫn ở lại để bảo vệ thành phố. Trong những ngày kinh hoàng đó, vào dịp lễ kỉ niệm Cách mạng tháng Mười năm ấy, chính ông đã chỉ huy cuộc duyệt binh trên Hồng trường: từng sư đoàn tiến thẳng ra mặt trận. Thật khó nói hết tác động vô cùng to lớn đối với nhân dân Liên Xô khi họ hay tin rằng Stalin vẫn còn ở Moskva, được nghe giọng ông truyền đi từ đó, điều đó mang lại cho người ta niềm tin, gieo vào lòng người ta sự tự tin và đáng giá cả quân đoàn thiện chiến”.

Trong lần gặp này, tôi được làm quen với vợ của Dimitrov. Bà là một người gốc Đức, chuyện này lúc đó không nên nói vì lòng hận thù chung với người Đức mà một người Nga bình thường dễ tiếp thu hơn là công tác tuyên truyền chống phát xít vẫn làm.

Nhà nghỉ của Dimitrov được bày biện rất sang trọng và có gu. Mọi thứ đều có, chỉ trừ niềm vui. Người con trai duy nhất của ông đã chết, bức chân dung cậu bé treo trong phòng làm việc của cha. Như một chiến sĩ, Dimitrov còn có thể chịu đựng được các thất bại và hân hoan với mỗi chiến công, nhưng như một con người thì đấy đã là một ông lão, sức vóc đã không còn và không thể thoát ra khỏi sự thương cảm không nói thành lời của những người xung quanh.

[1] Valter là bí danh của Iosif Bros ở Comintern trước khi ông lấy bí danh là Tito

4.

Trước khi chúng tôi lên đường mấy tháng, Moskva thông báo rằng ở Liên Xô đã thành lập một lữ đoàn quân Nam Tư. Trước đó là các đơn vị quân Ba Lan và Tiệp. Lúc đó, chúng tôi không thể nào hiểu được làm sao lại có nhiều người Nam Tư đến như vậy. Có một ít người tị nạn chính trị ở đó nhưng đa số đã bị giết trong các chiến dịch thanh trừng trước đây rồi.

Bây giờ, tại Moskva, thì tôi đã hiểu: quân số của lữ đoàn này chủ yếu lấy từ bộ đội của trung đoàn do Pavelich gửi ra mặt trận Liên Xô để tổ tình đoàn kết với quân Đức. Nhưng Pavelich thất bại cả ở đây, trung đoàn bị đánh tan và bị bắt làm tù binh ở Stalingrad. Sau khi thanh lọc, nó được biên chế thành lữ đoàn quân chống phát xít Nam Tư, vẫn nằm dưới quyền viên chỉ huy cũ là Mesich. Một số người tị nạn chính trị từ khắp nơi được điều đến để làm công tác chính trị; các sĩ quan quân sự và an ninh Liên Xô chịu trách nhiệm huấn luyện và theo dõi về lý lịch.

Đầu tiên, các cán bộ Liên Xô muốn áp dụng trong lữ đoàn các phù hiệu như quân đội hoàng gia Nam Tư cũ, nhưng sau khi bị Vlahovich phản đối, họ đồng ý dùng phù hiệu của Quân đội giải phóng nhân dân. Thảo luận về phù hiệu bằng điện tín quả là một công việc khó khăn. Vlahovich đã làm mọi việc có thể, phù hiệu thành ra món hỗn hợp của trí tưởng tượng và nhượng bộ. Vấn đề đã được giải quyết dứt điểm theo yêu cầu của chúng tôi.

Đối với lữ đoàn thì không còn vấn đề quan trọng nào, ngoại trừ việc chúng tôi không muốn giữ viên chỉ huy cũ lại nữa. Nhưng anh ta được người Nga bảo vệ. Họ nói rằng anh ta đã cải tà quy chính và có tác dụng tốt đối với binh sĩ dưới quyền. Tôi có cảm giác là Mesich đã hoàn toàn suy sụp, anh ta cũng như nhiều người khác thay màu cờ sắc áo là để khỏi phải vào trại tù binh mà thôi. Chính Mesich cũng không thích địa vị hiện nay của mình vì mọi người đều biết là anh ta không có vai trò gì, chỉ có tính chất hình thức.

Lữ đoàn đóng ở khu rừng gần Kolomna. Dù mùa đông Nga lạnh giá, lữ đoàn vẫn ở trong hầm và tiếp tục luyện tập quân sự.

Kỷ luật quá nghiêm khắc của lữ đoàn đã thực sự làm tôi kinh ngạc; rõ ràng là có mâu thuẫn

giữa mục đích mà đơn vị này phục vụ với cách thức mà người ta bắt mọi người phải tin vào những mục đích đó. Trong các đội du kích của chúng tôi, tinh thần đồng chí và tình đoàn kết giữ thể thượng phong, kỉ luật chỉ được áp dụng trong những trường hợp xảy ra hiện tượng cướp bóc hoặc tội lỗi nghiêm trọng. Ở đây, tất cả đều dựa trên sự tuân thủ một cách mù quáng, một tinh thần mà ngay người Phổ thời Frederic II cũng phải lấy làm ghen. Không một lời nào về kỉ luật tự giác mà chúng tôi đã học được và tiếp tục dạy người khác ở Nam Tư. Nhưng chúng tôi chẳng thể làm được gì, cả trong quan hệ với các chuyên gia Liên Xô nghiêm khắc, cả trong quan hệ với các chiến sĩ, những người mà hôm qua còn chiến đấu bên phía quân Đức. Chúng tôi có đi tham quan, nói chuyện và thảo luận một vài vấn đề và để nguyên mọi thứ như cũ. Cũng có một bữa liên hoan với các sĩ quan, mọi người đều say, mọi người đều nâng li chúc sức khỏe Tito và Stalin, chúc tình huynh đệ của người Slav, rồi ôm hôn nhau.

Chúng tôi còn có một nhiệm vụ nữa là soạn mẫu những chiếc huy chương đầu tiên cho nước Nam Tư mới. Việc này chúng tôi nhận được sự giúp đỡ tận tình, còn chuyện huy chương “Kỉ niệm năm 1941” xấu thì không phải lỗi tại nhà máy của Liên Xô mà chủ yếu là sự khiêm tốn của chúng tôi và do chúng tôi có ít tranh quá.

Jukov, một viên tướng của Bộ nội vụ chịu trách nhiệm theo dõi các đơn vị ngoại quốc. Ông ta trông vẫn còn trẻ, cân đối, tóc trắng, rất tháo vát, vui tính và có vẻ trắng trợn là đặc điểm thường thấy của các nhân viên an ninh. Ông ta nói với tôi về lữ đoàn Nam Tư như sau: “Không đến nỗi tồi, nếu xét đến đội ngũ mà chúng ta đang có”.

Đúng như thế. Lữ đoàn này, trong cuộc chiến đấu với quân Đức sau đó, đã tỏ ra không thiện chiến lắm, bị thiệt hại rất nặng nề, nhưng không phải vì khả năng chiến đấu của từng người mà chủ yếu là vì cách tổ chức quá kém, cũng như nó không có kinh nghiệm phối hợp với các đơn vị khác, đồng thời cũng vì cuộc chiến ở đây khác hẳn với cuộc chiến trên mặt trận phía Đông.

Tướng Jukov cũng tổ chức một buổi tiếp tân chào mừng chúng tôi. Tùy viên quân sự Mexico, trong lúc nói chuyện với tôi, có đề nghị giúp đỡ nhưng đáng tiếc là cả ông ta và tôi đều không nghĩ được cách đưa những vật phẩm này đến tay các chiến sĩ Nam Tư.

Trước khi rời Moskva, tôi còn được Jukov mời dùng cơm trưa với gia đình ông. Hai vợ chồng ông ở trong một căn hộ hai buồng. Căn hộ khá tiện nghi, đồ đạc tuy khiêm nhường nhưng nếu theo tiêu chuẩn của Moskva, lại là thời chiến, thì có thể nói là khá lộng lẫy nữa. Jukov là một viên chức mẫn cán; trên cơ sở kinh nghiệm, ông tin rằng không phải lí tưởng, mà sức mạnh mới là phương tiện thực thi chủ nghĩa cộng sản. Quan hệ của chúng tôi khá thân tình nhưng có phần giữ kẽ vì không gì có thể loại bỏ được sự khác biệt về thói quen và quan điểm của chúng tôi, mà thực ra, mỗi giao hảo về chính trị chỉ có giá trị khi mỗi người vẫn còn là chính mình.

Khi chia tay, Jukov tặng tôi khẩu tiểu liên dành cho sĩ quan, một tặng phẩm khiêm tốn nhưng phù hợp với hoàn cảnh lúc đó.

Tôi còn có một cuộc gặp gỡ nữa, đây là gặp các cơ quan tình báo Liên Xô. Thông qua đại úy Kozlovski, một người ăn mặc giản dị nói rằng đại diện cho các cơ quan an ninh đến tận Khu tập thể trung tâm của Hồng quân để gặp tôi. Chúng tôi thoả thuận sẽ làm việc vào ngày hôm sau cùng với vô số những biện pháp bí mật mà tôi, một người đã có kinh nghiệm hoạt động ngầm trong nhiều năm, cho là thừa. Một chiếc ô tô đợi tôi tại một góc phố, sau khi đi vòng vèo một lúc, chúng tôi chuyển sang một chiếc khác, lại đi, chúng tôi bỏ nó ở một con phố rồi đi bộ đến một phố khác, một người vớt từ cửa sổ ngôi nhà cao tầng cho chúng tôi chìa khoá, chúng tôi phải dùng nó để mở một căn phòng trên tầng ba.

Chủ nhân căn phòng, nếu đây quả là chủ nhân, là một người tóc trắng miền Bắc với đôi mắt trong veo mà vẻ đầy đặn chỉ làm họ đẹp thêm và mạnh mẽ hơn mà thôi. Nhưng vẻ đẹp của cô không gây ảnh hưởng gì, ít nhất là cuộc gặp gỡ với tôi đã là như thế. Hoá ra cô ta có chức vụ cao hơn anh bạn đồng hành với tôi, cô ta hỏi còn anh chàng thì ghi. Mỗi quan tâm chính của họ là những người trong ban lãnh đạo Đảng cộng sản chứ không phải tin tức về những đảng khác của Nam Tư. Cách thẩm vấn làm tôi khó chịu nhưng là một người cộng sản, tôi biết rằng mình có trách nhiệm cung cấp các tin tức cần thiết. Nếu một người trong Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô hỏi thì tôi không nghi ngờ gì. Còn họ thì dùng những thông tin về đảng cộng sản và những người lãnh đạo cộng sản vào việc gì, trong khi nhiệm vụ của họ là đấu tranh với kẻ thù của Liên Xô và những tên khiêu khích trong các đảng cộng sản khác? Nhưng tôi vẫn trả lời, tôi chỉ tránh đưa ra các số liệu chính xác, các đánh giá tiêu cực và đặc biệt là các mâu thuẫn trong nội bộ Đảng. Tôi làm như thế là do quan niệm đạo đức, tôi không muốn nói về các đồng chí của mình khi chưa được họ đồng ý, thâm tâm tôi phản đối sự can thiệp vào thế giới nội tâm của mình, phản đối những người không có quyền can thiệp vào công việc nội bộ của Đảng tôi. Họ cũng nhận thấy thái độ bất mãn của tôi cho nên cuộc làm việc chỉ kéo dài chừng một tiếng rưỡi, sau đó chúng tôi chuyển sang nói chuyện trên tinh thần đồng chí, uống nước trà và ăn bánh ngọt.

Tôi hay gặp gỡ với những nhà hoạt động xã hội và thấy gần gũi với họ hơn.

Lúc đó, ở Liên Xô, giao thiệp với người ngoại quốc trong phe đồng minh không bị cấm đoán khắt khe như sau này.

Vì đang có chiến tranh và chúng tôi, đại diện của một đảng duy nhất, một dân tộc duy nhất đứng lên kháng chiến chống Hitler, được nhiều người quan tâm. Rất nhiều người đến gặp chúng tôi: các nhà văn tìm ý tưởng mới, các nhà làm phim tìm câu chuyện hay, các nhà báo tìm tài liệu và thông tin, các thanh niên nam nữ đến nhờ giúp họ làm quân tình nguyện đi chiến

đấu ở Nam Tư.

Sự thật - tờ báo lớn nhất - muốn tôi viết một bài về cuộc đấu tranh ở Nam Tư, trong khi tờ Thời mới thì đề nghị viết một bài về Tito.

Tôi gặp một số khó khăn khi biên tập cả hai bài báo.

Tờ Sự thật muốn xoá tất cả những gì liên quan đến tính chất của cuộc đấu tranh và những hậu quả chính trị của nó. Trong Đảng chúng tôi cũng thường tiến hành biên tập các bài báo cho phù hợp với đường lối. Nhưng đây là trong trường hợp có những lệch lạc nghiêm trọng hoặc những vấn đề tế nhị. Đảng này, tờ Sự thật đòi cắt hết tất cả những gì có liên quan đến bản chất của cuộc đấu tranh, tức là liên quan đến chính quyền mới và những biến động xã hội của nó. Họ còn thay đổi cả cách hành văn của tôi, cắt bỏ những hình tượng độc đáo, rút ngắn câu văn. Bài báo trở thành nhạt và thiếu sinh khí. Sau khi tranh luận với biên tập viên, tôi đành phải đồng ý để họ cắt xén bài báo, không nên vì chuyện này mà làm hỏng quan hệ và thà công bố như thế còn hơn là không công bố gì.

Với tờ Thời mới thì phải chiến đấu quyết liệt hơn. Ở đây, người ta ít động chạm tới tinh thần và lời văn nhưng họ lại làm giảm nhẹ hoặc cắt bỏ gần như toàn bộ những đoạn nói tới vai trò đặc biệt quan trọng của Tito. Trong buổi gặp đầu tiên với biên tập viên, tôi chỉ đồng ý cho thay đổi những tiểu tiết. Nhưng trong buổi gặp thứ hai, khi tôi hiểu rằng ở Liên Xô người ta không được ca ngợi ai ngoài Stalin, khi người biên tập viên nói thẳng: “Không tiện lắm vì còn đồng chí Stalin, bên tôi vẫn thế!”, thì tôi đồng ý cho sửa chữa nhưng tôi đồng ý như thế vì bản chất và tinh thần của bài báo vẫn được giữ nguyên.

Đối với tôi, cũng như đối với những người cộng sản Nam Tư khác, vai trò đầu tàu của Stalin là đương nhiên, không có gì phải tranh luận. Nhưng tôi thực sự không hiểu vì sao lại không được đề cao các lãnh tụ cộng sản khác, trong trường hợp này là Tito, nếu như họ xứng đáng như thế, theo quan điểm cộng sản.

Phải nói thêm rằng, Tito rất hài lòng và theo tôi biết, sinh thời Tito, trên báo chí Liên Xô, chưa có một nhà hoạt động nào khác được đánh giá cao như ông.

5.

Đây là do xã hội Liên Xô đã bị cuộc đấu tranh của người Nam Tư mê hoặc. Chiến cuộc cũng đã thay đổi cả tình hình xã hội ở Liên Xô nữa.

Nhìn lại quá khứ, tôi có thể nói: khi đó, mọi người đều tin rằng sau chiến tranh, một cuộc chiến mà người dân Xô Viết đã chứng minh lòng trung thành với tổ quốc và lí tưởng cách mạng, người ta sẽ không cần những hạn chế về chính trị và tư tưởng cũng như sự độc quyền của một nhóm lãnh tụ, hay thậm chí của một lãnh tụ nữa. Thế giới đã biến đổi mau chóng ngay trước mắt người dân Xô Viết. Rõ ràng là Liên Xô sẽ không còn là nước xã hội chủ nghĩa duy

nhất nữa, sẽ xuất hiện thêm các lãnh tụ khác và các diễn đàn khác.

Không khí và tâm trạng như thế không những không cản trở ban lãnh đạo Liên Xô mà ngược lại, còn giúp họ chỉ đạo chiến tranh một cách dễ dàng hơn. Có nhiều nguyên nhân làm cho chính lãnh đạo Liên Xô nuôi dưỡng ảo tưởng như thế. Ngoài ra, Tito, nói đúng hơn là cuộc đấu tranh của người Nam Tư đã làm thay đổi quan hệ trên bán đảo Ban-căng và cả vùng Trung Âu mà không hề đe dọa, ngược lại, còn góp phần củng cố địa vị của Liên Xô, cho nên không có lí do gì để không tuyên truyền cổ động và ủng hộ cho nó.

Còn một nguyên nhân quan trọng nữa. Đây là mặc dù chính quyền Liên Xô, đúng hơn là những người cộng sản Liên Xô, liên minh với các nền dân chủ phương Tây nhưng họ luôn cảm thấy cô đơn trong cuộc đấu tranh này, họ phải đơn thương độc mã trong cuộc đấu tranh vì sự tồn tại và bảo vệ phong cách sống của chính mình. Vì mặt trận thứ hai chưa được mở, đúng hơn là vào những giai đoạn quyết định cho số phận của nhân dân Nga thì những trận đánh chưa diễn ra trên mặt trận này, ngay những người dân thường, những người chiến sĩ cũng cảm thấy cô đơn. Cuộc khởi nghĩa ở Nam Tư đã giải toả được cảm giác cô đơn cho cả lãnh đạo và nhân dân.

Tôi, một người cộng sản, một công dân Nam Tư đã vô cùng cảm động vì tình yêu và sự tôn trọng mà người dân, đặc biệt là Hồng quân, dành cho chúng tôi. Tôi đã thấy lòng thanh thản khi viết vào cuốn sổ lưu niệm dành cho khách tham quan cuộc triển lãm chiến lợi phẩm: “Tôi tự hào vì không có vũ khí Nam Tư!”, ở đó trưng bày vũ khí thu được của tất cả các nước châu Âu.

Chúng tôi được mời đi thăm Tập đoàn quân Ukraine thứ hai do nguyên soái Konev I. S. chỉ huy.

Máy bay của chúng tôi hạ cánh xuống gần Umania, một thị trấn của Ukraine, cả một vùng đổ nát, tan hoang đầy thương tích do lòng hận thù của con người và chiến tranh để lại.

Chính quyền thị trấn tổ chức mời chúng tôi ăn tối và gặp gỡ với những người làm công tác xã hội ở địa phương. Bữa ăn không thể gọi là vui vì nó được tổ chức tại một ngôi nhà hoang vắng, sập sập, trong khi ông cố đạo và ông bí thư đảng uỷ thị trấn không thể che giấu được thái độ thù địch lẫn nhau ngay trước mặt người ngoại quốc, họ cũng không giấu giếm rằng cả hai đều tiến hành đấu tranh chống quân Đức, mỗi người một kiểu.

Tôi cũng được các cán bộ đảng cho biết rằng ngay khi chiến tranh vừa nổ ra, Đại giáo chủ Nga đã tự ý, không xin phép chính quyền, cho in bằng tay và cho phân phát những lời hiệu triệu chống phát xít, những lời hiệu triệu này đã được không chỉ giới tu hành mà dư luận rộng rãi hưởng ứng. Khác với sự đơn điệu của công tác tuyên truyền ở Liên Xô, tính mới mẻ của tình thần yêu nước cổ xưa và lòng tin tôn giáo đã tạo được sức hấp dẫn, chính quyền Xô Viết lập tức

thay đổi thái độ và bắt đầu dựa vào nhà thờ mặc dù họ vẫn coi tôn giáo là tàn dư của quá khứ. Trong những giai đoạn khó khăn, niềm tin tôn giáo đã phục hồi và bắt đầu thu hút thêm tín đồ, tướng Korneev, người đứng đầu phái đoàn quân sự Liên Xô ở Nam Tư, có kể lại rằng nhiều đồng chí, kể cả những người có địa vị cao, trong những giờ phút chiến đấu một mất một còn với quân Đức đã quay sang sử dụng Thiên chúa giáo chính thống như một nguồn động viên tư tưởng có giá trị lâu dài.

“Để cứu nước Nga, nếu cần, chúng tôi sử dụng cả Thiên chúa giáo chính thống”, ông ta giải thích như thế.

Ngày nay chuyện này thật khó tin, nhưng đây chỉ là đối với những người không tưởng tượng nổi toàn bộ gánh nặng đã đổ ập lên đầu lên cổ nhân dân Liên Xô, đây là đối với những người không hiểu rằng mỗi xã hội, trong mỗi giai đoạn nhất định, chỉ chấp nhận và phát triển các tư tưởng có tác dụng bảo tồn và cải thiện các điều kiện tồn tại của nó một cách tốt nhất mà thôi. Tuy nghiện rượu nhưng tướng Korneev không phải là một kẻ dốt nát, ông ta là một người cực kì trung thành với hệ thống Xô Viết và chủ nghĩa cộng sản. Đối với một người lớn lên trong phong trào cách mạng, lấy sự trong sáng của tư tưởng làm vũ khí đấu tranh như tôi, ý kiến của Korneev có vẻ khôi hài. Nhưng tôi hoàn toàn không ngạc nhiên khi nghe ông cổ đạo vùng Umania nâng cốc chúc sức khỏe Stalin mà ông gọi là “người thu gom các vùng đất Nga”, lòng yêu nước, nếu không nói là chủ nghĩa dân tộc đại Nga đã mạnh lắm rồi vậy. Stalin hiểu rõ rằng nếu không dựa vào ước mơ ngàn đời và lòng tự hào dân tộc của người Nga thì chẳng những hệ thống xã hội mà ngay chính quyền của ông ta sẽ không thể nào đứng vững được trước sức tấn công như vũ bão của quân Đức.

Ông bí thư đảng ủy thị trấn, dù rất cố gắng nhưng cũng không che giấu nỗi sự chán nản khi đứng nghe ông cổ đạo khéo léo nhấn mạnh vai trò của nhà thờ trong cuộc đấu tranh vừa qua. Nhưng ông bức nhất là thái độ bàng quan của dân chúng, chẳng là đội du kích của ông có quân số ít đến nỗi không chống cự nổi các đơn vị dân quân người Ukraine thân Đức trong vùng.

Đúng là không thể nào che giấu được thái độ bàng quan của người Ukraine đối với chiến tranh và chiến thắng của phía Liên Xô. Trông họ có vẻ buồn bã, khó gần; họ không để ý gì đến chúng tôi hết. Mặc dù các sĩ quan, những người duy nhất chúng tôi có điều kiện tiếp xúc, đã không nói gì hoặc nói về tinh thần của người Ukraine với giọng điệu lạc quan nhưng tay lái xe cho chúng tôi lại chửi rủa họ thậm tệ vì theo lời anh ta thì họ không chịu chiến đấu và nay người Nga phải đến giải phóng cho.

Ngày hôm sau, chúng tôi phải di chuyển trên những con đường đầy bùn mùa xuân. Đây là những con đường mà Hồng quân chiến thắng vừa đi qua. Máy móc, thiết bị kĩ thuật của quân Đức bị phá hủy, bị bắn hỏng rải rác khắp nơi, như một sự bổ sung vào bức tranh về tài nghệ và

sức mạnh của Hồng quân. Song điều làm chúng tôi cảm phục nhất chính là sức chịu đựng và sự khiêm nhường của những người lính Nga, những người có thể di chuyển nhiều ngày, thậm chí nhiều tuần, trong bùn lầy đến tận thắt lưng, đói ăn và mất ngủ nhưng vẫn can trường trụ vững trước mưa bom bão đạn và những trận tấn công tuyệt vọng của quân Đức.

Bỏ qua những đam mê thơ mộng và giáo điều thì ngày hôm nay, tôi vẫn đánh giá cao phẩm chất của Hồng quân, đặc biệt các sĩ quan người Nga, hạt nhân của quân đội ấy.

Mặc dù các cấp chỉ huy Liên Xô, mà trước hết là binh lính và sĩ quan cấp dưới, được giáo dục chính trị một cách đơn điệu, nhưng trong tất cả các lĩnh vực khác họ là những người có sáng kiến, có văn hoá cao và quan điểm thoáng. Kỷ luật nghiêm nhưng không phải là sự tuân thủ mù quáng mà là để phục vụ cho mục đích và nhiệm vụ đặt ra trước đơn vị. Các sĩ quan Liên Xô không những được đào tạo rất tốt về chuyên môn, đồng thời họ còn là thành phần dũng cảm và có tài nhất trong giới trí thức của đất nước. Dù được trả lương khá cao, họ không liên kết thành đảng cấp riêng; người ta không đòi hỏi họ phải nắm vững giáo điều mác-xít mà trước hết, họ phải là những người quả cảm và bám sát mặt trận: quân đoàn bộ ở Iass chỉ cách tiền duyên quân Đức có ba cây số. Mặc dù Stalin đã tiến hành những vụ thanh trừng rộng khắp, nhất là trong hàng ngũ sĩ quan cao cấp, nhưng điều đó để lại ít hậu quả hơn người ta tưởng vì cùng với việc thanh trừng, ông ta lại nâng đỡ các sĩ quan trẻ đầy tài năng: mỗi một sĩ quan trung thành với ông đều biết rằng ước muốn của anh ta luôn được ghi nhận. Sự nhanh nhạy và kiên quyết thể hiện trong việc luân chuyển cán bộ trong hàng ngũ sĩ quan cao cấp trong thời kì chiến tranh chứng tỏ Stalin là người năng động và tạo mọi cơ hội cho những người có tài năng. Ông đã hành động đồng thời theo hai hướng: buộc quân đội phục tùng tuyệt đối Đảng, chính phủ và cá nhân mình và làm hết sức nhằm tăng cường khả năng chiến đấu của bộ đội cũng như cải thiện điều kiện sống và nhanh chóng thăng quân hàm cho những người xứng đáng nhất.

Lần đầu tiên tôi được nghe chỉ huy một quân đoàn Hồng quân nói một câu mà lúc đó tôi cho là kì nhưng khá táo bạo như sau:

“Khi chủ nghĩa cộng sản thắng lợi trên toàn thế giới thì chiến tranh sẽ cực kì khốc liệt”.

Theo lí thuyết của Marx mà các chỉ huy Liên Xô biết cũng không kém gì tôi, chiến tranh là kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp và vì chủ nghĩa cộng sản sẽ thủ tiêu các giai cấp thì con người cũng không còn nhu cầu đánh nhau nữa. Nhưng ông tướng bạn tôi, cũng như nhiều chiến sĩ Xô Viết và cả tôi, thông qua những nỗi kinh hoàng của cuộc chiến, đã cảm nhận được một số chân lí xa vời: cuộc đấu tranh giữa người với người sẽ trở thành cực kì khốc liệt sau khi toàn thể loài người chịu khuất phục một hệ thống xã hội duy nhất. Vì không thể nào giữ được hệ thống tuyệt đối trong sáng như lúc ban đầu, để làm cho loài người được “hạnh phúc”, các hệ phái của nó sẽ thực hiện việc giết người một cách không gớm tay. Đối với các sĩ quan Xô Viết

được giáo dục theo tinh thần mác-xít thì ý tưởng này bị lu mờ. Nhưng tôi thì không quên và tôi cho rằng nó không phải là một câu nói vô tình. Dù các sĩ quan Xô Viết không nhận thức rõ rằng trong cái xã hội mà họ đang bảo vệ đó cũng tồn tại những mâu thuẫn đối kháng, nhưng chắc chắn trong đầu họ đã tồn tại một cách mù mờ ý nghĩ rằng con người ta nhất định phải sống trong một xã hội nhất định, trong những tư tưởng nhất định, song người ta còn phải sống theo những qui luật khác cũng có ý nghĩa và giá trị không kém.

Chúng tôi đã làm quen với nhiều thứ trên đất nước Liên Xô. Nhưng chúng tôi, những đứa con của đảng và cách mạng, những người nhờ sống khắc khổ mà giành được niềm tin vào chính mình và niềm tin của nhân dân, đã rất lấy làm ngạc nhiên khi tham dự bữa nhậu chia tay chúng tôi trong hành dinh của tướng Konev.

Các cô gái cực kì xinh đẹp, ăn mặc cực kì lộng lẫy, đưa lên rất nhiều sơn hào hải vị: trứng cá hồi, thân cá hồng, dưa chuột tươi, cà chua muối, giăm-bông, lợn sữa, bánh mì nóng và pho mát hảo hạng, rồi canh bắp cải, chả rán nóng hổi và cuối cùng là bánh ga tô dày cả gang tay, các mâm quả nhiều đến nỗi có thể làm cong cả mặt bàn.

Có thể thấy các sĩ quan Liên Xô cố tình che giấu niềm vui vì sắp được ăn tiệc và rõ ràng là họ có ý định ăn no uống say tại đây. Nhưng người Nam Tư chúng tôi thì cảm thấy sắp phải bước vào một cuộc thử thách lớn, chúng tôi sẽ phải uống dù điều đó không phù hợp với “đạo đức cộng sản”, với truyền thống của đảng và quân đội của mình. Chúng tôi đã vượt qua thử thách một cách tuyệt vời, tuy không quen uống rượu nhưng ý chí và nhận thức đã giúp chúng tôi “một trăm phần trăm” hết lần này đến lần khác mà vẫn đứng vững trên hai chân cho đến phút chót.

Cũng như mọi khi, tôi thường uống ít, lấy cớ là bị đau đầu, mà lúc đó tôi bị đau thật. Tướng Terdich trông thật tội nghiệp, anh phải uống vì không biết nói thế nào với người đồng cấp Nga khi anh ta đề nghị nâng cốc chúc sức khỏe Stalin, nhất là nếu anh vừa “một trăm phần trăm” vì sức khỏe của Tito xong.

Nhưng viên đại tá của Bộ tổng tham mưu Liên Xô đi cùng chúng tôi còn tội nghiệp hơn, anh ta bị nguyên soái Konev và các tướng lĩnh dưới quyền ông chọc ghẹo suốt. Nguyên soái Konev còn không thèm để ý đến tình trạng sức khỏe của viên đại tá nữa: viên đại tá được điều về Bộ tổng tham mưu sau khi bị thương ngoài mặt trận. Nguyên soái hạ lệnh:

“Đồng chí đại tá, đồng chí phải cặn li mừng chiến thắng của Phương diện quân Ukraine thứ hai chứ!”

Không một tiếng động. Tất cả đều quay về phía viên đại tá, tôi định nâng cốc thay anh ta. Nhưng anh đã đứng nghiêm và uống một hơi, vài giọt mồ hôi rịn ra trên khuôn mặt nhợt nhạt.

Không phải tất cả mọi người đều tham gia ăn nhậu, những người chịu trách nhiệm về thông

tin liên lạc với mặt trận không được uống. Tại mặt trận, các bộ tham mưu thường không được uống rượu, trừ những trường hợp chắc chắn là không xảy ra chiến sự. Người ta kể rằng trong cuộc tấn công Phần Lan, vì quá lạnh nên Zhdanov đã đề nghị Stalin phát cho mỗi người lính một trăm gram rượu một ngày và việc này trở thành truyền thống trong Hồng quân từ đó. Trước mỗi trận tấn công, tiêu chuẩn rượu được tăng gấp đôi.

“Các chiến sĩ bớt lo lắng hơn”, người ta bảo với chúng tôi như thế.

Chính nguyên soái Konev cũng không uống, ông bị bệnh gan, các bác sĩ cấm không được đụng đến rượu mà ở đây không có người nào có quân hàm cao hơn có thể buộc ông phải nâng li.

Nguyên soái là người khá cao, tóc vàng, khoảng chừng năm mươi, khuôn mặt xương xẩu, quyết đoán, mặc dù ông khuyến khích các cuộc liên hoan vui vẻ, “triết lí” của ông là “người ta thỉnh thoảng phải được xả láng” nhưng chính ông thì lại khá nghiêm túc, không những ông là người tự tin mà ông còn tin vào các đơn vị dưới quyền nữa.

Nhà văn Polevoi, đi theo đoàn với danh nghĩa phóng viên báo Sự thật, luôn miệng ca ngợi chủ nghĩa anh hùng và tính ưu việt của đất nước mình, đã kể cho chúng tôi nghe những trường hợp chứng tỏ lòng dũng cảm và sự bình tĩnh vô song của Konev. Một lần, Konev đang đứng trên một đài quan sát thì vị trí bị quân Đức nã cối vào như vãi đạn, ông làm bộ như đang nhìn vào ống nhòm nhưng thực ra là đang quan sát thái độ của các sĩ quan. Mọi người đều biết rằng chỉ cần một chút dao động là sẽ bị tước quân hàm ngay lập tức nhưng không ai dám nói với Konev rằng đứng ở đó rất nguy hiểm. Xung quanh người chết và bị thương rất nhiều nhưng ông chỉ rời vị trí sau khi đã quan sát xong. Một lần khác, ông bị mảnh đạn găm vào chân, các chiến sĩ phải tháo ủng và băng lại nhưng ông vẫn không rời trận địa.

Konev thuộc loại thể hệ các tướng lĩnh mới, được đề bạt dưới thời Stalin. Nhưng đường công danh của ông không được may mắn và đột ngột như Rokossovski. Konev gia nhập Hồng quân ngay sau cách mạng và đi lên dần dần, có qua trường lớp hẳn hoi. Nhưng cũng như đa số các tướng lĩnh Hồng quân dưới thời Stalin, con đường công danh của ông chủ yếu là trên mặt trận của Thế chiến thứ hai.

Là người ít nói, Konev có kể qua cho tôi nghe về chiến dịch Korsun - Shevchenko vừa kết thúc mấy ngày gần đây, một chiến dịch mà ở Liên Xô, người ta coi là trận Stalingrad thứ hai. Không giấu vẻ tự hào, ông mô tả khung cảnh tuyệt vọng của quân Đức như sau: gần tám mươi ngàn quân Đức không chịu đầu hàng đã bị vây chặt trong một vùng tương đối hẹp, sau đó xe tăng nghiền nát các trang thiết bị nặng và các ụ pháo rồi đến lượt kị binh Cô-dắc xông vào.

“Lính Cô-dắc cứ thế mà bằm, họ phang cả những cánh tay đã giơ lên xin hàng!”, nguyên soái vừa cười vừa nói như thế.

Phải thú nhận rằng, lúc đó tôi cho là quân Đức bị như thế cũng đáng lắm, chủ nghĩa phát xít, nhân danh dân tộc thượng đẳng đã gây ra trên đất nước tôi một cuộc chiến tranh không còn một chút tính người nào. Nhưng đồng thời tôi cũng cảm thấy khủng khiếp quá, khủng khiếp vì mọi thứ phải diễn ra đúng như thế chứ không thể khác được.

May mắn được ngồi ngay bên phải con người nổi tiếng này, tôi tranh thủ hỏi ông vài câu mà tôi đã suy nghĩ từ khá lâu rồi.

Trước hết tôi hỏi vì sao các tướng như Voroshilov, Budenyi và một vài người nữa không còn được dùng.

Konev đáp: “Voroshilov là một người cực kì dũng cảm nhưng ông không nắm được các phương pháp chiến tranh hiện đại. Đóng góp của ông thật vô cùng to lớn nhưng vấn đề là phải thắng. Trong cuộc nội chiến, Voroshilov trưởng thành từ đó, Hồng quân chưa có máy bay và xe tăng, hai thứ này đóng vai trò quyết định trong cuộc chiến hiện nay. Budenyi thì đã biết ít lại không chịu học, ông không phù hợp với cuộc chiến hiện nay và đã mắc nhiều sai lầm. Saposhnikov thì chỉ là một nhà chuyên môn, một sĩ quan văn phòng thôi”.

“Thế còn Stalin?”, tôi hỏi.

Đắn đo một lúc, để không tỏ ra là câu hỏi đã làm ông ngạc nhiên và sau vài giây suy nghĩ, Konev trả lời như sau:

“Stalin thiên tài trong mọi lĩnh vực, đồng chí ấy hiểu biết một cách tường tận cuộc chiến và đẩy chính là bảo đảm cho sự lãnh đạo thành công của đồng chí”.

Ông chỉ nói có thế và không hề có những câu làm người ta nghĩ đến kiểu suy tôn Stalin như thường thấy lúc đó. Ông hoàn toàn không nhắc đến sự lãnh đạo của Stalin trong các chiến dịch thuần túy quân sự. Konev là một người cộng sản lão thành, hết lòng vì Đảng và chính phủ nhưng tôi còn có thể nói đây là một người kiên định trong các vấn đề quân sự.

Konev cũng trao cho chúng tôi một ít tặng phẩm: ông gửi tặng Tito cái ống nhòm của chính mình, còn chúng tôi mỗi người được một khẩu súng lục, tôi giữ khẩu súng ấy cho đến khi bị người ta tịch thu khi bị bắt lần đầu vào năm 1956.

Trên mặt trận, có rất nhiều thí dụ về chủ nghĩa anh hùng và lòng kiên cường cũng như sáng kiến của những người lính bình thường. Nước Nga bị kiệt quệ vì thiếu thốn vẫn đầy quyết tâm và gồng mình chịu đựng cho ngày chiến thắng cuối cùng. Trong những ngày đó, Moskva và chúng tôi đã tỏ ra hân hoan như những đứa trẻ mỗi khi có bắn pháo hoa chào mừng chiến thắng, phía sau mỗi chiến thắng đó là khói lửa và chết chóc, hi vọng và đau thương. Đối với chúng tôi, những chiến sĩ Nam Tư, đó cũng là niềm vui giữa những khổ đau mất mát đang bao trùm lên khắp quê hương mình. Dường như ở Liên Xô chỉ có thế, chỉ có những nỗ lực quên mình vô song của một đất nước mệnh mông và của hàng trăm triệu người dân. Tôi chỉ nhìn

thấy như thế, tôi đã đặt dấu bằng một cách thiếu khách quan giữa lòng yêu nước và hệ thống Xô Viết vì tôi cũng mơ ước hệ thống ấy, tôi đã chiến đấu vì nó.

6.

Khoảng năm giờ chiều, tôi vừa kết thúc bài nói chuyện tại Hội đồng Slav và bắt đầu trả lời các câu hỏi của cử tọa thì có người đến nói thầm vào tai rằng phải dừng ngay lập tức, có một việc quan trọng không thể trì hoãn được. Không chỉ chúng tôi, những người Nam Tư ở đây, mà cả các cán bộ Liên Xô cũng cho là buổi nói chuyện hôm nay có ý nghĩa cực kì quan trọng. Chính trợ lí của Molotov tên là Lozovski đứng ra giới thiệu tôi với cử tọa là những người đã được lựa chọn từ trước. Vấn đề Nam Tư đã trở thành đề tài thảo luận không thể trì hoãn của các nước đồng minh chống phát xít.

Tôi nói lời xin lỗi, hay có ai đó đã xin lỗi giúp, rồi người ta kéo tôi và tướng Terdich ra ngoài; họ cho chúng tôi lên một chiếc xe ô tô trông rất cũ kĩ. Ô tô chuyển bánh, chỉ đến lúc đó, một viên đại tá an ninh mới thông báo rằng đồng chí Stalin sẽ tiếp hai chúng tôi. Lúc đó, phái đoàn của chúng tôi đã được chuyển đến sống trong khu nhà nghỉ ở ngoại ô Moskva, tôi nghĩ là quay lại lấy tặng phẩm cho Stalin thì sẽ muộn vì phải đi khá xa. Nhưng lực lượng an ninh quả là không hổ danh, tặng phẩm đã nằm sẵn trong xe, ngay bên cạnh viên đại tá. Thế là mọi chuyện đều ổn, ngay cả trang phục: khoảng mười ngày trước đây, chúng tôi đã được mặc những bộ trang phục mới, may ngay trong các xưởng ở Liên Xô. Chỉ cần không được mất bình tĩnh, phải chú ý lắng nghe viên đại tá và đừng có hỏi nhiều.

Tôi đã quen không hỏi nhiều. Nhưng hồi hộp thì không thể nén được, nó xuất phát từ những vùng sâu thẳm nhất của tâm hồn tôi, chính tôi cũng cảm thấy mặt mình tái đi, chính tôi cũng cảm thấy niềm vui đang dâng trào, tựa hồ như một sự lo âu khiếp hãi.

Nhưng còn gì vinh quang và hồi hộp hơn đối với một người cộng sản đến đây từ mặt trận, đến đây từ bão táp của cách mạng?

Được Stalin tiếp có nghĩa là chủ nghĩa anh hùng và những hi sinh của những chiến sĩ du kích và của dân tộc chúng tôi đã được long trọng công nhận. Đối với những người đã trải qua tù ngục, đã trải qua những cuộc chém giết, đã vượt qua những đổ vỡ về tinh thần, đã trải qua những cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài của chủ nghĩa cộng sản thì Stalin còn là một cái gì đó cao hơn lãnh tụ của phong trào. Ông là hiện thân của lí tưởng; trong tâm trí của những người cộng sản, ông chính là lí tưởng trong sáng nhất, nghĩa là không thể nào sai lầm được. Stalin chính là cuộc đấu tranh trong hiện tại và tình bằng hữu trong tương lai của nhân loại. Tôi biết rằng hoàn toàn vô tình tôi là người cộng sản Nam Tư đầu tiên được ông tiếp. Tôi cảm thấy cực kì vinh dự và tự hào vì tôi có thể kể lại cuộc gặp gỡ này cho các đồng chí của mình và thông báo một số điều gì đó cho các chiến sĩ Nam Tư.

Bỗng nhiên, tất cả những cảm nhận tiêu cực về Liên Xô, tất cả những hiểu lầm giữa chúng tôi và các nhà lãnh đạo Liên Xô đã mất hết ý nghĩa và giá trị, dường như những điều ấy chưa từng xảy ra bao giờ vậy. Trước vẻ đẹp và sự kì vĩ của những tình cảm đang dâng trào trong tâm hồn tôi, tất cả những điều xấu xa đều biến mất, không để lại chút dấu vết nào. So với cuộc đấu tranh vĩ đại hiện nay, số phận của cá nhân tôi thì có nghĩa lí gì; so với sự toàn thắng của lí tưởng trong một ngày không xa, sự hiểu lầm của chúng tôi thì có nghĩa lí gì?

Nên biết rằng lúc đó, tôi tin những người Trotskist, những người theo phái Bukharin và tất cả những người chống đảng khác đều là những tên gián điệp và phá hoại cả và vì vậy, các biện pháp dã man là có thể chấp nhận được, có thể chấp nhận được với tất cả những người gọi là kẻ thù của giai cấp nữa. Nếu tôi có nhận thấy một số người có điều gì đó chưa nói hết trong các vụ thanh trừng hồi những năm ba mươi ở Liên Xô thì tôi lại cho rằng đấy là những sai lầm không đáng kể, là vết thương bắt buộc phải có trên cơ thể nếu ta muốn loại bỏ hoàn toàn mụn nhọt, như Dimitrov đã nói với Tito và sau này Tito đã kể cho chúng tôi. Vì vậy, tôi coi những hành động dã man của Stalin là các biện pháp cách mạng cần thiết, làm cho cá nhân và vai trò lịch sử của ông càng tăng lên chứ không giảm, đúng như bộ máy tuyên truyền của ông muốn. Đến tận hôm nay, tôi cũng không thể nói được rằng tôi sẽ làm gì nếu lúc ấy tôi biết được sự thật về các vụ án và các vụ thanh trừng đó. Tôi chỉ có thể nói một cách chắc chắn rằng tôi sẽ bị khủng hoảng tinh thần nhưng vẫn là một người cộng sản, vẫn tin vào chủ nghĩa cộng sản hoàn thiện hơn là cái đang có trong thực tế. Vì đối với tư tưởng cộng sản, mục đích quan trọng hơn phương tiện; để đạt mục đích, người ta có thể làm tất cả. Ngoài ra, đối với tôi và những người mong ước bỏ lại quá khứ hàng trăm năm nô lệ và lạc hậu, những người mơ ước vượt qua hiện thực trong cái đất nước đầy tuyệt vọng và tranh chấp như đất nước tôi thì chủ nghĩa cộng sản là hệ tư tưởng bao trùm nhất, thông minh nhất.

Tôi còn chưa thật sẵn sàng về mặt tâm lí thì xe đã đến trước cổng Điện Kremli rồi. Một sĩ quan khác đã đứng đợi sẵn, xe tiếp tục lăn bánh trên những con đường lạnh lẽo, không một biểu hiện nào của sự sống ngoài mấy cái cây nhỏ tí chưa kịp ra lá. Người sĩ quan chỉ cho chúng tôi xem chiếc Đại Hồng chung và Vua pháo, hai biểu tượng vô nghĩa của nước Nga vì súng thì chưa bắn lần nào còn chuông cũng chưa từng được gõ bao giờ. Bên trái vẫn còn tháp chuông nhà thờ Ivan Đại đế, sau đó là một dãy đại bác và chẳng mấy chốc chúng tôi đã đứng trước cổng một toà nhà khá dài tuy không cao lắm - đây là kiểu nhà được xây giữa thế kỉ XIX để làm văn phòng hoặc bệnh viện. Ở đây lại có một sĩ quan khác đứng đợi để đưa chúng tôi vào sâu bên trong. Chúng tôi cởi áo khoác, chải đầu trước một cái gương ngay dưới chân cầu thang bên dưới tầng hầm và bước vào thang máy, thang máy đưa chúng tôi lên một hành lang dài, trải thảm đỏ trên tầng một.

Mỗi khúc quanh lại có một sĩ quan mặc trang phục màu xanh của lực lượng bảo vệ nội bộ giậm chân chào, trông họ còn rất trẻ, điển trai và đứng im phăng phắc. Từ đây trở đi, mọi thứ đều sạch đến không ngờ, sạch đến nỗi không thể tưởng tượng là ở đây lại có người sống và làm việc: trên mặt thảm không có một sợi tóc, các tay nắm cánh cửa bằng đồng cũng không một vết nào.

Cuối cùng, người ta dẫn chúng tôi vào một văn phòng không rộng lắm, tướng Zhukov đã đợi sẵn. Một nhân viên thấp, béo, đầu hói, đã có tuổi mời chúng tôi ngồi, còn ông ta thì chậm chạp đứng dậy và đi vào phòng bên cạnh.

Tất cả diễn ra nhanh một cách bất ngờ: người nhân viên kia quay lại ngay và thông báo rằng có thể vào được. Tôi nghĩ: chắc phải qua chừng ba phòng nữa, may ra mới gặp được Stalin nhưng vừa mở cửa, tôi đã trông thấy ông đang bước ra từ một căn phòng nhỏ kế bên, có thể nhìn thấy một quả địa cầu rất lớn trong căn phòng đó. Molotov trông trắng trẻo, béo tốt, vận một bộ quần áo màu xanh thẫm cắt rất khéo theo lối châu Âu đứng cạnh một chiếc bàn họp dài.

Stalin đứng ở giữa phòng, tôi bước lại trước tiên và tự giới thiệu. Terdich cũng làm như thế, sau khi giới thiệu chức tước, Terdich giậm chân chào theo lối nhà binh, chủ nhà đáp lễ một cách khá tức cười, ông nói: Stalin.

Chúng tôi bắt tay Molotov rồi cùng an tọa. Stalin ngồi ngay đầu bàn, bên phải là Molotov, tôi ngồi bên trái rồi đến Terdich và tướng Zhukov.

Phòng này không lớn nhưng khá dài, không có món đồ trang trí đắt tiền nào. Phía trên một chiếc bàn viết nhỏ có ảnh của Lenin, còn trên tường, bên trên chiếc bàn họp, có treo chân dung của Suvorov và Kutudov, lồng trong những chiếc khung gỗ chạm trổ, giống hệt nhau y như những bức ảnh tô màu trong những gia đình nông dân vậy.

Chủ nhân là người trông giản dị nhất. Ông mặc bộ quân phục nguyên soái và đi một đôi ủng mềm, chỉ đeo một chiếc Huân chương Anh hùng lao động bên ngực trái. Cử chỉ của ông rất tự nhiên, không có một biểu hiện kiểu cách nào. Đây không phải là Stalin vĩ đại ta vẫn thấy trên các bức ảnh hay các thước phim tài liệu với những bước đi và điệu bộ được làm một chậm lại một cách cố ý. Không lúc nào ông ngồi yên, khi thì ông nhồi thuốc vào tẩu để hút, khi thì lại lấy một chiếc bút chì màu xanh viết cái chữ quan trọng nhất của đề tài câu chuyện, rồi khi cuộc nói chuyện sắp kết thúc thì lấy bút gạch chéo lên chữ đó, đầu khi thì quay sang phải, lúc sang trái, thân người vận vẹo liên tục.

Một điều nữa làm tôi ngạc nhiên: ông là một người nhỏ con, không đẹp, lưng ngắn, ngực không nở, còn chân tay thì quá dài, vai và cánh tay trái dường như không cử động tự nhiên được. Bụng ông to vừa phải, tóc thưa nhưng chưa hói. Da mặt ông trắng, hai gò má đỏ hồng,

sau này tôi mới biết rằng đấy là màu đặc trưng cho những người ngồi suốt ngày trong văn phòng. Răng ông đen, mọc không đều và cong vào bên trong. Ngay bộ râu cũng không dày như tôi tưởng. Nhưng dù sao, khuôn mặt ông không gây mất cảm tình: có một cái gì đó dân dã, chu đáo, đôi mắt sắc màu nâu vừa có vẻ nghiêm khắc, vừa có vẻ láu cá.

Cách nói chuyện của ông cũng làm tôi ngạc nhiên: rõ ràng ông không phải là người Nga. Nhưng vốn từ tiếng Nga của ông khá phong phú, ông sử dụng nhiều thành ngữ, tục ngữ làm cho câu chuyện sinh động và uyển chuyển. Sau này, tôi mới biết rằng Stalin nắm rất vững văn học Nga và chỉ văn học Nga mà thôi. Ngoài ra, ông chỉ thông thạo môn lịch sử chính trị.

Có một điều tôi không bắt ngờ: Stalin có khả năng khôi hài, một kiểu khôi hài tự tin và thô tục nhưng không phải không sâu sắc và tinh tế. Ông phản ứng nhanh, dứt khoát, không chần chừ; theo tôi, ông không phải là người thích nói dai, mặc dù ông vẫn để cho người đối thoại nói hết ý mình. Thái độ của ông với Molotov khá đặc biệt, có lẽ Stalin coi Molotov là cộng sự gần gũi nhất. Sau này, tôi mới biết rằng Molotov là ủy viên bộ chính trị duy nhất được Stalin kêu là “cậu”, điều này mang nhiều ý nghĩa nếu ta biết rằng người Nga có thói quen gọi ngay cả những người tương đối gần gũi là “ông”.

Câu chuyện bắt đầu bằng việc Stalin hỏi cảm tưởng của chúng tôi về Liên Xô. Tôi đáp:

“Chúng tôi rất phấn khởi ạ!”

Stalin nói ngay:

“Chúng tôi lại chưa được phấn khởi mặc dù đã làm hết sức mình để nước Nga ngày một tốt hơn.”

Tôi nhớ như in là Stalin nói Nga chứ không phải Liên Xô. Điều đó có nghĩa là ông không chỉ kích động lòng yêu nước của dân Nga mà còn say mê, đồng hoá mình với nó nữa.

Tôi không thể suy nghĩ tiếp về chuyện này vì Stalin đã chuyển sang quan hệ với chính phủ hoàng gia lưu vong, ông hỏi Molotov:

“Thế chúng ta không phỉnh được người Anh để họ công nhận Tito là người duy nhất đang chiến đấu chống quân Đức trên thực tế à?”

Molotov cười khẩy, đầy vẻ chế nhạo và tự đắc.

“Không, không lừa họ được đâu, họ biết rất rõ các quan hệ ở Nam Tư hiện nay.”

Cách tiếp cận thẳng thừng, không hề úp mở, tôi chưa từng gặp trong các cơ quan Xô Viết chứ chưa nói đến luận điệu của các cơ quan tuyên truyền, làm cho tôi vô cùng phấn khích. Tôi cảm thấy hoàn toàn yên tâm, hơn thế nữa, cảm thấy như đang ở bên cạnh một người cũng có thái độ đối với thực tiễn giống như tôi, chứ không có thái độ vờ vịt. Dĩ nhiên, khỏi cần phải nói rằng Stalin chỉ có thái độ như thế khi ở giữa những người cộng sản trung thành và ủng hộ đường lối của ông.

Mặc dù Stalin không hứa sẽ coi Hội đồng dân tộc là chính phủ lâm thời của Nam Tư nhưng rõ ràng là ông rất quan tâm đến việc củng cố sức mạnh cho Hội đồng này. Xu hướng cuộc thảo luận cũng như quan điểm của Stalin rõ ràng đến nỗi tôi không cần trực tiếp đưa vấn đề đó ra thảo luận nữa. Có thể thấy rằng chính phủ Liên Xô sẽ công nhận ngay lập tức nếu họ cho rằng thời cơ đã đến và các sự kiện sẽ không diễn ra theo hướng có thoả hiệp tạm thời giữa Liên Xô và Anh, đúng hơn là giữa Hội đồng dân tộc và chính phủ hoàng gia lưu vong.

Như vậy là vấn đề còn bỏ ngỏ, cần phải chờ đợi và tiếp tục tìm giải pháp.

Nhưng vấn đề giúp đỡ các chiến sĩ đang chiến đấu ở Nam Tư được Stalin giải quyết dứt điểm.

Khi tôi nói đến việc vay hai trăm ngàn dollar thì ông bảo rằng đây là chuyện nhỏ, không có tác dụng nhiều nhưng hứa sẽ giao ngay số tiền đó cho chúng tôi. Khi tôi nói rằng sau giải phóng, chúng tôi sẽ trả nợ, cũng như sẽ hoàn lại vũ khí cũng như các vật tư khác thì ông đã phát bực mà bảo:

“Các đồng chí chế giễu tôi đấy à, các đồng chí thì đổ máu, còn tôi lại đi đòi tiền vũ khí ư! Tôi không phải con buôn, chúng tôi không phải là những người buôn bán, các đồng chí đang chiến đấu vì một sự nghiệp giống như chúng tôi. Chúng tôi có trách nhiệm chia sẻ với các đồng chí những gì mình có. Nhưng giúp thế nào đây?”

Chúng tôi quyết định sẽ đề nghị các đồng minh phương Tây cho lập căn cứ không quân Liên Xô trên đất Ý để cung cấp viện trợ cho du kích Nam Tư.

“Chúng ta sẽ thử đề nghị”, Stalin nói, “rồi sẽ thấy thái độ của phương Tây cũng như việc họ đã sẵn sàng giúp đỡ Tito hay chưa”.

Xin nói thêm, căn cứ này gồm mười máy bay vận tải, nếu tôi nhớ không lầm, đã được thành lập ngay sau đó.

“Nhưng máy bay thì chẳng được mấy”, Stalin tiếp tục, “Không thể dùng máy bay tiếp tế cho một quân đoàn được, mà các đồng chí đã là quân đoàn rồi. Cần có tàu thủy. Nhưng chúng tôi lại không có tàu, hạm đội Hắc Hải của chúng tôi đã bị tiêu diệt rồi”.

Tường Zhukov nói chen vào:

“Chúng ta có tàu ở Viễn Đông, có thể đưa sang các cảng ở Hắc Hải để vận chuyển vũ khí và các thứ cần thiết khác”.

Stalin lập tức ngắt lời một cách dứt khoát và lố mắng, ông đã trở thành một con người khác, không còn vẻ điềm tĩnh gần như đùa cợt nữa:

“Anh nghĩ gì thế nhỉ? Anh có thực tế không? Ở phương Đông cũng đang có chiến sự, một kẻ nào đó có thể không cho tàu đi hoặc đánh đắm hết. Nhảm nhí! Tàu thì phải mua rồi. Vấn đề là mua của ai? Bây giờ làm gì có tàu. Mua của Thổ Nhĩ Kỳ à? Thổ có ít tàu, mà họ không bán cho ta

dầu. Ai Cập? Đúng, có thể mua của Ai Cập. Ai Cập sẽ bán, họ bán tất, tàu bè họ cũng bán thôi”.

Vâng, đây mới là con người thật của Stalin, một người không chấp nhận bất kì sự phản đối nào. Tôi cũng đã quen với cách ứng xử như vậy ngay trong đảng của mình, chính tôi cũng có xu hướng như thế khi phải dứt khoát quyết định thái độ hoặc đưa ra quyết định cuối cùng.

Tướng Zhukov không nói gì thêm, chỉ thấy ông ghi rất nhanh các chỉ thị của Stalin.

Nhưng việc mua và cung cấp viện trợ bằng tàu biển đã không được triển khai. Nguyên nhân chủ yếu là do sự tiến triển của các chiến dịch trên mặt trận phía Đông, chẳng bao lâu sau Hồng quân đã tiến sát biên giới và có thể viện trợ cho Nam Tư bằng đường bộ. Tôi cho rằng lúc đó Stalin quả thật đã muốn giúp đỡ chúng tôi.

Thực chất buổi thảo luận là như thế.

Đồng thời Stalin còn muốn biết quan điểm của tôi về một vài chính trị gia Nam Tư. Ông hỏi tôi nghĩ thế nào về Milan Gavrilovich, lãnh tụ của các điền chủ Serbia và cũng là đại sứ đầu tiên của Nam Tư ở Moskva. Tôi nói: “Một người ranh mãnh”.

Stalin bình luận, dường như để nói với chính mình:

“Đúng thế, có những nhà chính trị coi sự khôn vặt là điều quan trọng nhất. Nhưng tôi có cảm giác Gavrilovich không phải là người dốt.”

Tôi nói thêm:

“Ông ta là nhà chính trị thiển cận, mặc dù không thể nói là dốt.”

Stalin lại hỏi vua Peter đệ nhị của Nam Tư kết hôn với ai. Khi tôi nói rằng lấy công chúa Hi Lạp thì ông nhận xét một cách khôi hài như sau:

“Này, Vyacheslav Mikhailovich, nếu tôi hay anh lấy một công chúa ngoại quốc nào đó thì có thể có lợi đấy nhỉ?”

Molotov cũng cười, không thành tiếng và dè dặt.

Tôi chuyển các tặng phẩm cho Stalin, bây giờ trông chúng có vẻ đơn giản và nghèo nàn quá. Nhưng ông không tỏ vẻ coi thường. Khi nhìn thấy đôi dép da đi trong nhà, ông thốt lên:

“Dép da!” Stalin nhắc khẩu súng trường lên, mở và đóng khoá nòng, nâng lên hạ xuống rồi bảo:

“Súng của chúng tôi nhẹ hơn.”

Cuộc nói chuyện còn tiếp tục chừng một tiếng đồng hồ nữa.

Khi chúng tôi ra khỏi Điện Kremli thì đã trời xẩm tối, viên sĩ quan đi cùng có thể cũng lây niềm vui của chúng tôi, anh ta tỏ ra rất vui vẻ và hết sức chiều chuộng chúng tôi, có thể nói chúng tôi muốn gì được nấy.

Mùa này, Bắc cực quang chiếu đến tận Moskva, tất cả đều phủ một màu tím, tất cả đều như rạo rực, xốn xang, đất trời như thăng hoa, dường như trở nên đẹp hơn cái thế giới mà chúng

tôi đã sống cho đến bây giờ.

Tâm trạng của tôi lúc đó là như thế đấy.

7.

Nhưng tôi còn gặp Stalin một lần nữa, cuộc gặp quan trọng hơn và thú vị hơn nhiều.

Tôi nhớ đấy là đêm trước khi quân Đồng minh đổ bộ lên Normandy.

Lần này không được báo trước. Khoảng chín giờ tối, người ta nói với tôi rằng phải vào Điện Kremli và ẩn ngay tôi vào ô tô. Không ai trong đoàn biết tôi đi đâu.

Người ta đưa tôi vào toà nhà lần trước nhưng là phòng khác. Molotov đang chuẩn bị đi, đã mặc áo khoác và đội mũ. Ông ta bảo chúng tôi cùng đến ăn tối với Stalin.

Molotov là người ít nói. Tiếp xúc với Stalin, nhất là khi ông ta vui và giữa những người đồng sự, tương đối dễ. Molotov lại là người hoàn toàn kín đáo, ngay cả trong những câu chuyện riêng tư. Trong xe, ông ta hỏi tôi ngoài tiếng Nga, tôi còn nói được tiếng nào nữa. Tôi đáp: Tiếng Pháp. Sau đó chúng tôi thảo luận về lực lượng và tổ chức của Đảng cộng sản Nam Tư. Tôi nhấn mạnh rằng Đảng tham gia chiến tranh trong vòng bí mật và số đảng viên chưa nhiều, chỉ có chừng mười ngàn, nhưng rất có tổ chức.

“Cũng như Đảng Bolshevik thời Thế chiến thứ Nhất”, tôi nói thêm.

“Anh lầm rồi”, Molotov bảo, “Hồi đầu Thế chiến thứ Nhất, Đảng tôi rất yếu, tổ chức rời rạc, ít đảng viên lắm. Tôi nhớ”, ông ta tiếp tục, “Tôi được Đảng bí mật cử từ Petrograd đến Moskva công tác mà không tìm đâu ra chỗ ngủ, phải liều ngủ ở nhà người em gái của Lenin đấy!”

Molotov nói cả tên bà này, nếu tôi không lầm thì đấy là Maria Ilichna.

Ô tô chạy tương đối chậm, khoảng tám mươi cây số một giờ, không phải dừng lại lần nào. Có thể cảnh sát giao thông đã nhận được tín hiệu nào đó và cho vượt. Bên ngoài Moskva, chúng tôi đi theo con đường trải nhựa. Sau này, rất lâu sau chiến tranh, tôi mới biết con đường đó có tên là Chính phủ, có thể ngày bấy giờ, chỉ ô tô chính phủ mới được chạy trên con đường này. Chẳng mấy chốc, chúng tôi đến một trạm gác. Người sĩ quan ngồi cạnh tài xế quay một cái bảng gì đó bên ngoài cửa kính và bảo vệ cho đi ngay, không xét hỏi gì cả. Molotov, thấy tôi khó chịu vì gió, đã quay tấm kính bên phải xe lên; lúc đó, tôi mới nhận ra là ông ta rất béo và biết rằng mình đang đi trong xe bọc thép. Tôi nghĩ đấy là xe hiệu “Pakkard” vì năm 1945, Tito được chính phủ Liên Xô tặng một cái giống hệt như thế.

Mười ngày trước đây, quân Đức đã nhảy dù xuống Bộ tổng tham mưu ở Drvar. Tito và các phái đoàn quân sự phải rút lên núi. Ban lãnh đạo Nam Tư đã phải thực hiện những cuộc hành quân đầy gian khổ, kéo dài, mất rất nhiều thì giờ quý giá đáng ra có thể dành cho hoạt động chính trị và các hoạt động quan trọng khác. Vấn đề lương thực càng trở nên cấp bách. Phái đoàn quân sự Xô Viết đã thông báo mọi chuyện với Moskva, còn phái đoàn chúng tôi phải

thường xuyên tiếp xúc với các sĩ quan Liên Xô để cố vấn cho họ cách tổ chức tiếp tế các chiến sĩ và Bộ tổng tham mưu Nam Tư. Máy bay Liên Xô phải bay vào ban đêm để thả vũ khí và lương thực, tuy nhiên, tác dụng không nhiều vì các kiện hàng rơi vung vãi khắp khu rừng già; chẳng bao lâu sau, quân chúng tôi cũng buộc phải rút khỏi khu vực ấy.

Trên đường đi, Molotov có hỏi quan điểm của tôi về tình hình đang diễn ra lúc đó. Mỗi quan tâm của ông ta là có thật nhưng ông không tỏ ra sốt sắng, chủ yếu là để có thông tin chính xác mà thôi.

Chúng tôi đi như thế chừng bốn mươi cây số thì rẽ và một lúc sau, đi qua một cánh rừng thông non. Lại trạm gác rồi đến một cánh cổng. Xe dừng trước một nhà nghỉ nhỏ giữa khu rừng thông rậm rạp.

Chúng tôi vừa đi qua tiền sảnh để bước vào một gian phòng không lớn lắm thì Stalin xuất hiện. Ông đi giày, mặc áo đại cán, cúc cài lên tận cổ, giống như trong các bức chân dung mà mọi người đều biết từ trước chiến tranh. Trông ông còn nhỏ hơn, rất giản dị và dễ gần hơn. Ông đưa chúng tôi vào buồng làm việc của mình; thật đáng ngạc nhiên là căn phòng gần như trống không: không sách, không tranh, chỉ có những bức tường gỗ mộc. Chúng tôi ngồi quanh một cái bàn viết nhỏ, Stalin lập tức hỏi các sự kiện liên quan đến Bộ tổng tham mưu Nam Tư.

Cứ theo cách đặt vấn đề của Stalin, ta có thể dễ dàng phát hiện sự khác nhau giữa ông và Molotov.

Không thể nào theo dõi được tư tưởng cũng như quá trình hình thành các tư tưởng đó của Molotov. Lúc nào ông ta cũng tỏ ra kín đáo và thiếu nhất quán. Stalin lại là người sôi nổi, nhiệt tình, có thể nói là sốt sắng nữa. Ông luôn luôn đặt câu hỏi, cho chính mình và cho người khác, luôn luôn tranh luận, tự mình cũng như với người khác. Tôi không muốn nói rằng Molotov thiếu nhiệt tình còn Stalin thì không biết kiềm chế và không biết đóng kịch. Sau này tôi thấy cả hai người từng sắm những vai như vậy. Đơn giản là Molotov không bao giờ biểu lộ tình cảm, dù nói về ai hay nói về chuyện gì, trông ông ta cũng vẫn như thế; trong khi, giữa các cộng sự thân cận, Stalin trở thành một người khác hẳn. Churchill coi Molotov là một người máy hiện đại hoàn hảo. Quả đúng như thế. Nhưng đấy chỉ là bề ngoài, chỉ là một trong những tính cách của ông mà thôi. Stalin là người lạnh lùng và tính toán không kém gì Molotov. Stalin là một người hăng hái với rất nhiều bộ mặt, mà cái nào cũng có sức thuyết phục, đến nỗi có cảm tưởng như ông không bao giờ đóng kịch, có cảm tưởng như ông đã thực sự hoá thân thành các vai diễn đó. Vì vậy mà ông miễn tiện hơn và có nhiều tiềm năng hơn Molotov. Có cảm tưởng như Molotov coi tất cả, trong đó có chủ nghĩa cộng sản và mục đích cuối cùng của nó, chỉ là những giá trị tương đối, ông phải tuân theo không phải vì mình muốn như thế mà chỉ vì hoàn cảnh bắt buộc như thế. Đối với ông, dường như chẳng có gì là vĩnh cửu cả. Ông chấp nhận cống hiến toàn bộ

sức lực và cả cuộc đời mình cho chính cái hiện thực nhất thời và bất toàn mà mỗi ngày lại áp đặt thêm một cái gì đó mới mẻ. Đối với Stalin, mọi thứ cũng chỉ là nhất thời. Đây là quan điểm triết học của ông. Nhưng đằng sau và bên trong cái hiện thực nhất thời ấy lại ẩn chứa những lí tưởng vĩ đại tuyệt đối, của chính ông, những lí tưởng mà ông có thể vươn tới, bằng cách cải tạo và đè bẹp hiện thực, kể cả những người sống trong đó.

Nhìn về quá khứ, tôi có cảm tưởng rằng Molotov với chủ nghĩa tương đối và khả năng giải quyết các công việc vụn vặt hàng ngày và Stalin với chủ nghĩa giáo điều cuồng tín của mình, với tầm nhìn rộng và sự nhạy cảm mang tính bản năng về những điều có thể xảy ra trong tương lai, trong ngày mai, thật là một cặp bài trùng lí tưởng. Hơn nữa, mặc dù thiếu sự chỉ đạo của Stalin thì Molotov khó mà làm được gì nhưng Stalin lại rất cần ông ta. Cả hai đều sẵn sàng sử dụng mọi phương tiện nhưng tôi có cảm giác Stalin, dù sao, cũng cân nhắc, thận trọng hơn và điều chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh hơn. Đối với Molotov thì phương tiện nào cũng tốt, phương tiện không phải là vấn đề quan trọng. Tôi nghĩ rằng chính ông ta không chỉ xúi giục, mà trong nhiều trường hợp, còn ủng hộ và giúp Stalin vượt qua được thắc mắc, băn khoăn. Và mặc dù Stalin, do có hiểu biết về nhiều lĩnh vực và sự quyết đoán, đóng vai trò chủ yếu trong việc biến nước Nga lạc hậu thành một đế chế với nền công nghiệp hiện đại, nhưng sẽ là sai lầm nếu hạ thấp đóng góp của Molotov, nhất là trong các hoạt động thực tiễn.

Ngay về mặt thể lực, dường như Molotov cũng rất phù hợp với vai trò đó: cẩn thận, khoan thai, chững chạc và dẻo dai. Ông ta uống nhiều hơn Stalin nhưng những lời chúc rượu của ông ta thường ngắn hơn và nhắm vào hiệu quả chính trị trực tiếp. Cuộc sống cá nhân của Molotov không có gì nổi bật. Khi làm quen với vợ ông, một người phụ nữ xinh đẹp và khiêm nhường, tôi có cảm giác rằng bất kì người phụ nữ nào, miễn là có thể thực hiện được một số chức năng mà ông ta cần, đều có thể thế chỗ cho bà được.

Cuộc nói chuyện bắt đầu bằng những câu hỏi đầy lo âu của Stalin về số phận của Bộ tổng tham mưu và các đơn vị đồn trú xung quanh.

“Họ sẽ chết đói hết mất thôi!”, ông hồi hộp nói.

Nhưng tôi đã chứng minh cho ông rõ rằng chuyện đó không thể nào xảy ra được.

“Tại sao lại không?”, ông tiếp tục. “Đói đã giết biết bao nhiêu chiến sĩ rồi! Đói là kẻ thù khủng khiếp của mọi đội quân”.

Tôi giải thích: “Vùng đó lúc nào cũng tìm được thực phẩm. Chúng tôi đã từng rơi vào những tình huống khủng khiếp hơn nhiều nhưng nạn đói đã không khuất phục được chúng tôi”.

Thế là tôi đã thuyết phục được ông và làm ông an lòng.

Sau đó, ông lại nói đến việc giúp đỡ chúng tôi. Mặt trận Xô Viết còn ở xa, máy bay tiêm kích chưa thể hộ tống máy bay vận tải tiếp cận với chúng tôi. Bỗng nhiên, Stalin nổi xung lên và bắt

đầu chửi các phi công: “Bọn hèn nhát, chúng không dám bay ban ngày! Hèn quá, trời ơi, hèn quá!”

Nhưng Molotov hiểu rõ vấn đề và đứng ra bảo vệ các phi công: “Không họ không phải là hèn nhát, hoàn toàn không phải thế. Nhưng tầm hoạt động của máy bay tiêm kích hẹp hơn, máy bay vận tải sẽ bị bắn hạ trước khi đạt được mục tiêu. Hàng chở cũng chẳng đáng bao nhiêu vì phải chở nhiều nhiên liệu cho chuyến trở về nữa. Vì vậy mà họ không thể bay ban ngày và chỉ mang được ít hàng thôi.

Tôi ủng hộ Molotov bởi biết rằng các phi công Xô Viết, vì muốn giúp đỡ các đồng chí Nam Tư, đã đề nghị đến việc bay ban ngày mà không cần máy bay tiêm kích hộ tống.

Nhưng tôi cũng hoàn toàn đồng ý với Stalin khi ông cho rằng, trong tình hình phức tạp hiện nay, Tito phải tìm được vị trí cố định và không phải suốt ngày lo lắng về vấn đề an toàn nữa. Dĩ nhiên là Stalin có nghĩ đến phái bộ Liên Xô; theo đề nghị của phái bộ này, Tito đã vừa mới đồng ý chuyển đến Ý và từ đó sẽ chuyển đến đảo Vis của Nam Tư và đóng lại đó cho đến ngày Hồng quân tiến vào giải phóng Nam Tư. Thực ra, Stalin không nói gì về cuộc di tản này, nhưng ý tưởng thì đã hình thành trong đầu ông từ đấy.

Các nước đồng minh đã đồng ý thiết lập một căn cứ không quân Liên Xô trên đất Italy để giúp đỡ các chiến sĩ Nam Tư. Stalin nhắc nhở mọi người phải nhanh chóng đưa máy bay vận tải tới cũng như hoàn thiện căn cứ trong thời gian sớm nhất.

Thái độ lạc quan của tôi về kết quả cuộc tấn công của quân Đức vào căn cứ của Tito rõ ràng đã làm cho Stalin phấn khởi và ông chuyển sang thảo luận về quan hệ của chúng tôi với các nước đồng minh, mà trước hết là nước Anh, theo tôi, thì đây cũng là mục đích của buổi gặp mặt hôm nay.

Ý kiến của ông là, một mặt, không được làm người Anh “sợ”, nghĩa là phải tránh mọi biểu hiện làm cho họ lo lắng rằng cách mạng sẽ đưa những người cộng sản lên nắm quyền ở Nam Tư.

“Các bạn cần ngôi sao năm cánh trên mũ để làm gì? Hình thức không thành vấn đề, kết quả mới là quan trọng, thế mà các bạn lại dùng những ngôi sao đỏ! Trời ơi, sao không quan trọng!”, Stalin giận dữ nói.

Nhưng ông cũng không che giấu rằng đây chỉ là một lời phê bình.

Tôi giải thích như sau:

“Không thể nào gỡ những ngôi sao được nữa, chúng đã trở thành truyền thống và có ý nghĩa nhất định đối với các chiến sĩ của chúng tôi”.

Ông vẫn giữ quan điểm của mình, nhưng cho qua và lại chuyển sang nói về quan hệ với các đồng minh phương Tây:

“Thế các đồng chí, chẳng lẽ các đồng chí nghĩ rằng chúng tôi là đồng minh của người Anh nghĩa là chúng tôi quên họ là ai, quên Churchill là ai à? Họ khoái nhất là ị vào các đồng minh đấy! Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, họ đã nhiều lần chơi xỏ người Nga và người Pháp rồi. Còn Churchill ấy à? Churchill là người mà nếu không thận trọng thì một xu ông ta cũng moi cho bằng được. Đúng thế đấy, một xu cũng vét cho bằng được! Roosevelt thì khác, ông ta chỉ xoáy những món lớn thôi. Còn Churchill ư? Churchill thì móc từng xu một đấy”.

Ông nhắc lại mấy lần rằng chúng tôi phải thận trọng với “Intelligence service” và đặc biệt là đề phòng sự nham hiểm của người Anh đối với tính mạng của Tito.

“Chính họ đã giết tướng Sikorsky, Tito lại còn có giá hơn. Để giết Tito, họ sẵn sàng hi sinh vài ba mạng, người của mình họ còn chẳng xót nữa là! Còn Sikorsky thì không phải tôi nói đâu, chính Benesh đã kể đấy: họ đưa Sikorsky lên máy bay rồi cho nổ tung, chứng cứ chẳng còn mà nhân chứng cũng không nốt”.

Stalin nhắc đi nhắc lại lời cảnh báo này; khi về nước, tôi có nói với Tito như thế. Chắc chắn là nó đã vai trò nhất định trong việc chuẩn bị cho chuyến bay bí mật vào ban đêm của Tito từ đảo Vis sang vùng đất mà quân đội Liên Xô đã chiếm được trên lãnh thổ Rumania vào đêm 21 tháng 9 năm 1944.

Tiếp theo, Stalin chuyển sang thảo luận quan hệ của chúng tôi với chính phủ hoàng gia Nam Tư. Người đại diện mới của hoàng gia là tiến sĩ Ivan Šubašić hứa sẽ điều chỉnh quan hệ với Tito và công nhận quân giải phóng nhân dân là lực lượng quan trọng nhất trong cuộc đấu tranh chống quân chiếm đóng. Stalin yêu cầu:

“Các đồng chí không được từ chối đàm phán với Šubašić, không bao giờ được từ chối. Không được công kích ông ta ngay từ đầu, cần phải xem xét xem ông ta muốn gì đã. Hãy nói chuyện với ông ta. Các đồng chí không thể được công nhận ngay đâu, cần phải tìm cách. Cần phải nói chuyện với Šubašić, cũng có thể tìm cách móc ngoặc với ông ta”.

Ông không ép buộc nhưng cũng đòi hỏi khá kiên quyết. Tôi đã báo cáo tất cả với Tito và các ủy viên Ban chấp hành trung ương và điều đó có thể đã có vai trò nhất định trong việc hình thành thoả ước Tito-Šubašić.

Sau đó, Stalin mời chúng tôi ăn cơm tối nhưng tất cả đã dừng lại một lúc trước tấm bản đồ thế giới trong phòng họp lớn. Trên tấm bản đồ này, Liên Xô được tô màu đỏ nên trông có vẻ to hơn bình thường. Stalin vừa đưa bàn tay lướt qua vùng Liên Xô trên bản đồ vừa nói tiếp ý kiến của ông về người Anh và người Mỹ:

“Không bao giờ họ chịu chấp nhận một khu vực màu đỏ rộng lớn như thế này, không bao giờ!”

Tôi thấy trên bản đồ, phía tây thành phố Stalingrad được viền bằng bút chì màu xanh, có thể

chính Stalin đã vẽ đường viền đỏ trước hoặc trong chiến dịch bảo vệ thành phố này. Stalin đã nhận ra ánh mắt của tôi và tôi có cảm giác là điều đó đã làm ông thích thú, mặc dù ông không hề biểu lộ tình cảm của mình.

Tôi không nhớ vì sao tôi lại nhận xét:

“Nếu không có công nghiệp hoá thì Liên Xô không thể đứng vững và không thể tiến hành cuộc chiến tranh này được”.

Stalin nói thêm:

“Chính vì thế mà chúng tôi đã cãi nhau với Trotsky và Bukharin đấy”.

Tại đây, trước tấm bản đồ, lần đầu tiên và duy nhất tôi được nghe ông nói về những kẻ thù đó của mình: “Cãi nhau!”

Đã có hai hay ba người trong ban lãnh đạo Liên Xô đứng đợi chúng tôi trong phòng ăn; tuy nhiên, chỉ có một mình Molotov là ủy viên Bộ chính trị mà thôi. Tôi đã quên tên những người đó, thực ra thì đêm đó họ cũng không nói gì và tỏ ra rất kín đáo.

Trong hồi kí của mình, Churchill đã mô tả rất sống động bữa ăn tối đầy ngẫu hứng với Stalin tại điện Kremli. Những bữa ăn tối của Stalin vẫn thường diễn ra như thế.

Trong phòng ăn rộng, không có một đồ vật trang trí nào nhưng khá đẹp, có một chiếc bàn dài, đủ loại thức ăn khác nhau được đặt trong những cái tô bằng bạc khá nặng, vẫn còn nóng, có vung dày, các thứ thức uống, bát đĩa cũng được bày sẵn ra như thế từ trước. Từng người tự chọn lấy thức ăn và ngồi ở phần nửa bàn còn lại, ai thích ngồi đâu thì tùy. Stalin không bao giờ ngồi ở đầu bàn, nhưng ông luôn ngồi một chỗ, đấy là cái ghế thứ nhất phía bên trái.

Thức ăn thức uống rất nhiều, tha hồ chọn, chủ yếu là thịt và các loại rượu vodka. Mọi việc khác diễn ra đơn giản, không có ai tỏ ra kiêu kì hay lên mặt gì cả. Nếu Stalin không cho gọi thì không người phục vụ nào được vào và chuyện đó chỉ xảy ra có một lần khi tôi muốn uống bia. Chỉ sĩ quan trực mới được vào phòng ăn. Ăn gì và ăn bao nhiêu tùy thích, người ta chỉ ép uống, cụng li không vì lí do gì mà cũng có khi để chúc tụng.

Bữa ăn như thế thường kéo dài sáu tiếng đồng hồ trở lên, từ mười giờ tối cho đến tận bốn năm giờ sáng. Họ ăn uống từ tốn, nói chuyện tự nhiên, từ chuyện tiểu lâm chuyển sang các vấn đề chính trị phức tạp nhất và có khi cả đề tài triết học nữa.

Phần lớn các chính sách của Liên Xô được hình thành trong các bữa ăn tối như thế; các bữa ăn tối ấy còn là một hình thức giải trí phù hợp nhất, thường xuyên nhất và cũng là một món xa xỉ duy nhất trong cuộc sống đơn điệu và nặng nề của Stalin.

Các cộng sự của Stalin cũng đã quen với cách sống và cách làm việc như thế, họ thường ăn tối với ông hoặc với một nhà lãnh đạo nào đó. Gần trưa, họ mới đến công sở nhưng thường ở lại đến đêm. Điều đó có gây ra một số khó khăn cho ban lãnh đạo tối cao nhưng họ cũng đã

quen. Ngoại giao đoàn cũng đã quen vì họ thường phải liên hệ với một ủy viên bộ chính trị nào đó.

Không có qui định nào về việc ủy viên Bộ chính trị hay một lãnh đạo cao cấp nào khác phải có mặt lần lượt vào những ngày nào. Thường thì ai có liên quan với công việc của khách hay với vấn đề đang được thảo luận sẽ được mời. Nhưng số được mời là rất hạn chế và tham gia vào những bữa ăn như thế được coi là một vinh dự lớn. Chỉ một mình Molotov là bữa nào cũng có mặt, tôi nghĩ là vì ông ta không chỉ là Bộ trưởng bộ ngoại giao mà trên thực tế còn là phó của Stalin nữa.

Trong các bữa ăn tối như thế, các nhà lãnh đạo Liên Xô tỏ ra rất thân thiện và gần gũi với nhau. Họ kể cho nhau nghe về tin tức của lĩnh vực do mình phụ trách, về các buổi gặp gỡ và kế hoạch cho tương lai. Thịt nhiều và rượu, tuy không phải ê hề, nhưng cũng không ít, làm cho ai nấy đều phấn chấn, không khí càng thêm thân mật và tự nhiên. Khách lạ sẽ không thể phân biệt khoảng cách giữa Stalin và những người khác. Nhưng khoảng cách là có: mọi người đều chú ý lắng nghe ông ta, không ai dám cãi cố, mọi việc cứ như trong một gia đình với một người cha nghiêm khắc mà các con ai cũng phải sợ vậy.

Stalin ăn rất nhiều, nhiều ngay cả đối với một người to con hơn. Ông thường ăn thịt, đây cũng là biểu hiện rằng ông sinh ra ở vùng núi. Ông thích đủ loại thức ăn mà cái đất nước với những vùng khí hậu khác nhau, các nền văn minh khác nhau có thể cung cấp một cách khá dồi dào nhưng tôi không thấy ông đặc biệt thích một loại nào. Ông uống không nhiều và thường pha rượu vang đỏ với vodka vào những chiếc li nhỏ. Tôi chưa thấy ông có biểu hiện say bao giờ. Molotov thì khác, còn Beria thì có thể coi là sắp nghiện đến nơi rồi. Thường ăn tối nhiều như thế nên ban ngày, các nhà lãnh đạo Xô Viết ăn rất ít, khi ăn khi không, nhiều người dành hẳn một ngày trong tuần chỉ ăn hoa quả và uống nước ép “cho nhẹ”.

Số phận của những vùng đất to lớn của nước Nga, của các nước mới được giải phóng và trong nhiều trường hợp, của cả nhân loại, được định hình trong những bữa ăn tối như thế. Dĩ nhiên là trong những bữa ăn ấy, không có ai đứng lên bảo vệ những tác phẩm nghệ thuật lớn của các “kỹ sư tâm hồn”, ngược lại, có thể nghĩ rằng nhiều tác phẩm lớn đã bị chôn vùi tại đây.

Có một đề tài tôi chưa từng được nghe, đây là phong trào đổi lập trong đảng và việc trấn áp. Chắc đây là vấn đề thuộc thẩm quyền của riêng Stalin và cảnh sát mật. Các lãnh tụ Xô Viết cũng chỉ là những con người, họ thường để lương tâm sang một bên, thậm chí sẵn sàng làm như thế vì lương tâm có thể là một mối nguy.

Tôi chỉ đề cập tới những điều mà tôi cho là quan trọng trong những cuộc nói chuyện một cách thoải mái, dễ dàng chuyển từ đề tài này sang đề tài khác trong buổi gặp mặt này mà thôi.

Khi nhắc đến quan hệ trước đây của những người Slav phía Nam với nước Nga, tôi nói:

“Các Sa Hoàng không hiểu được khát vọng của người Slav miền Nam, họ quan tâm đến các cuộc viễn chinh để quốc chủ nghĩa, còn chúng tôi quan tâm đến việc giải phóng”.

Mối bận tâm của Stalin về Nam Tư khác hẳn những nhà lãnh đạo Xô Viết kia. Ông không quan tâm đến số thương vong hay sự tàn phá mà quan tâm đến các quan hệ nội bộ và lực lượng của phong trào kháng chiến. Nhưng những thông tin như thế ông thu nhận được trong các cuộc nói chuyện chứ không bao giờ đặt câu hỏi trực tiếp.

Bất ngờ ông nói tới Albania:

“Tình hình ở đấy ra sao? Dân ấy là thế nào ấy nhỉ?”

Tôi giải thích:

“Tình hình Albania cũng tương tự như Nam Tư. Người Albania là người lâu đời nhất vùng Ban-căng, lâu đời hơn dân Slav”.

“Thế tại sao họ lại có những địa danh theo tiếng Slav?”, Stalin hỏi. “Hay họ cũng có những mối liên hệ nào đó với người Slav?”

Tôi giải thích như sau:

“Người Slav định cư trong các thung lũng trước, vì vậy mà có các địa danh Slav; dưới thời cai trị của Thổ Nhĩ Kỳ, người Albania đã chiếm đất của người Slav”.

Stalin nháy mắt một cách vui vẻ:

“Thế mà tôi lại nghĩ người Albania cũng mang một ít máu Slav đấy”.

Kể lại các biện pháp đấu tranh và sự khốc liệt của cuộc chiến ở Nam Tư, tôi có giải thích rằng chúng tôi không giữ tù binh Đức vì họ không tha một người nào của chúng tôi. Stalin ngắt lời và vừa cười vừa nói:

“Một chiến sĩ của chúng tôi áp giải một toán khá đông lính Đức. Trên đường đi, anh ta bắn dần từng tên một và chỉ để lại một người. Khi đến nơi có người hỏi: “Bọn kia đâu?” thì anh ta trả lời: “Tôi đã hoàn thành nhiệm vụ của Tổng tư lệnh tối cao giao cho: Giết đến tên lính cuối cùng”.

Stalin nhận xét về người Đức như sau:

“Họ là một dân tộc kì lạ, không khác gì một bầy cừu. Tôi nhớ hồi còn bé: con cừu đực đi đâu là cả đàn theo. Tôi còn nhớ hồi trước cách mạng ở Đức, một nhóm các nhà dân chủ xã hội Đức đến dự đại hội muện vì họ phải đợi kiểm tra vé hay kiểm tra cái gì đó đại loại như thế. Người Nga có ai làm thế không? Có người đã nói: Không thể làm cách mạng ở Đức được vì sẽ phải xéo nát hết cỏ trên vỉa hè”.

Ông còn hỏi tôi tên gọi một số đồ vật bằng tiếng Serbia. Dĩ nhiên là có sự trùng hợp khá lớn về tên gọi giữa tiếng Nga và tiếng Serbia.

“Ôi trời”, Stalin kêu lên”, “còn gì để nói nữa: chúng ta là một dân tộc rồi!”

Chúng tôi còn kể cả chuyện tiểu lâm nữa và Stalin thích nhất câu chuyện do tôi kể. Hai người một Thổ, một Chernogornui nói chuyện với nhau giữa một khoảng lặng hoà bình hiếm hoi. Anh Thổ hỏi tại sao người Chernogornui cứ gây chiến suốt. “Để cướp”, anh này nói, “chúng tôi nghèo nên chúng tôi phải đi cướp. Thế các anh gây chiến để làm gì?”. “Vì danh dự và vinh quang”, anh người Thổ trả lời. “Hoá ra mọi người đều đánh nhau vì cái mà họ không có”, anh người Chernogornui nhận xét.

Stalin vừa phá lên cười vừa nhận xét:

“Thật là sâu sắc: Mọi người đều đánh nhau vì cái mà họ không có.”

Molotov cũng cười nhưng không thành tiếng; thực ra, ông ta không có khả năng kể mà cũng chẳng có khả năng hiểu được truyện cười.

Stalin còn hỏi tôi đã gặp những ai ở Moskva. Khi nghe tôi nói đã gặp Dimitrov và Manuiski thì ông bảo:

“Dimitrov thông minh hơn Manuiski, thông minh hơn nhiều.”

Nhân tiện, ông nói về việc giải tán Comintern như sau:

“Cái bọn phương Tây ấy khốn nạn đến nỗi không thèm nói với chúng tôi một lời nào. Chúng tôi rất kiên trì: nếu họ nói thì chúng tôi chưa giải tán đâu! Quan hệ với Comintern càng ngày càng trở nên bất bình thường. Tôi với Molotov phải nghĩ nát óc; còn Comintern, thì theo ý mình, càng ngày càng thêm bất đồng. Dimitrov thì tương đối dễ, làm việc với những người khác phức tạp hơn nhiều. Nhưng quan trọng nhất là: sự tồn tại của một diễn đàn cộng sản chung cho tất cả trong khi các đảng cộng sản phải tìm được ngôn ngữ dân tộc và đấu tranh trong điều kiện của nước mình là điều bất bình thường, phi tự nhiên”.

Có người ta mang vào hai bức điện tín, Stalin đưa cho tôi đọc cả hai.

Bức thứ nhất là nội dung bài nói của Šubašić ở Bộ ngoại giao Mỹ. Quan điểm của ông ta là: người Nam Tư chúng tôi không thể chống Liên Xô, cũng như không thể thực hiện chính sách bài Nga được vì chúng tôi có những truyền thống Slav và thân Nga rất mạnh. Stalin nhận xét:

“Tay Šubašić này doạ Mỹ đấy! Nhưng tại sao ông ta lại doạ! Doạ thì đúng rồi! Nhưng để làm gì?”

Sau đó ông nói thêm, có thể vì nhận thấy sự ngạc nhiên của tôi:

“Họ ăn cắp điện tín của chúng tôi, chúng tôi cũng ăn cắp của họ.”

Bức thứ hai là của Churchill. Ông ta thông báo rằng ngày mai sẽ bắt đầu đổ bộ vào nước Pháp. Stalin chế giễu:

“Vâng, sẽ đổ bộ, nếu trời không có mây. Lúc nào họ cũng tìm được lí do hết, tôi ngờ lắm. Họ có thể chạm trán với quân Đức! Nếu họ chạm trán với quân Đức thì sao? Cũng có thể không đổ bộ đâu, thì vẫn như từ trước đến nay, chỉ là hứa suông thôi.”

Molotov, vẫn như mọi khi, lắp bắp nói:

“Không, lần này thì thật đấy.”

Tôi nghĩ rằng Stalin không thật sự nghi ngờ việc quân Đồng minh sẽ đổ bộ, ông chỉ muốn chế giễu, đặc biệt là chế giễu nguyên nhân của những lần trước mà thôi.

Hôm nay, nhìn lại những cảm tưởng của buổi tối hôm đó, tôi nghĩ rằng có thể rút ra kết luận sau: Stalin cố tình dọa dẫm các nhà lãnh đạo Nam Tư để họ không dám liên hệ với phương Tây, đồng thời cố gắng buộc đường lối của họ phải phục vụ quyền lợi của mình, biến đường lối ấy thành một phần chính sách ngoại giao với phương Tây của mình và đặc biệt là trong quan hệ với nước Anh.

Dựa trên tư tưởng, thực tiễn và kinh nghiệm lịch sử của mình, Stalin cho rằng chỉ những người được ông ta nắm chặt trong tay mới là đáng tin, tất cả những ai nằm ngoài sự kiểm soát có tính cảnh sát của ông đều bị coi là kẻ thù tiềm tàng cả. Cuộc chiến đã đưa cách mạng Nam Tư ra khỏi vòng cương toả của ông, còn chính quyền hình thành trong cuộc cách mạng đó đã nhận thức được các khả năng của mình, ông ta không thể nào ra lệnh cho nó được nữa. Ông ta biết như thế, việc ông ta làm đơn giản là lợi dụng tinh thần chống đế quốc của các nhà lãnh đạo Nam Tư để buộc họ gắn bó với mình và khống chế đường lối chính sách của họ mà thôi.

Tôi đã bắt đầu nhận thức được rằng thế giới của những người lãnh đạo Liên Xô, cũng là thế giới mà chính tôi từng sống trong đó, thực chất chỉ là một cuộc chiến đấu kinh hoàng, không bao giờ ngừng, trên mọi lĩnh vực. Tất cả đều được thể hiện và được tập trung vào các cuộc thanh toán lẫn nhau, những cuộc thanh toán chỉ khác nhau về hình thức, kẻ nào tháo vát hơn và mạnh hơn sẽ chiến thắng và sẽ được sống. Tôi, một người vẫn hâm mộ các nhà lãnh đạo Liên Xô, bỗng kinh hoàng nhận ra ý chí và thái độ cảnh giác không lúc nào ngưng của họ.

Đây là một thế giới không có sự lựa chọn nào khác ngoài chiến thắng hay là chết.

Stalin, người sáng tạo hệ thống xã hội mới, là như thế đấy.

Khi chia tay, tôi lại hỏi một lần nữa rằng ông có ý kiến gì về công tác của Đảng cộng sản Nam Tư không.

“Không. Các đồng chí phải rõ hơn tôi chứ”

Tôi đã nói lại với Tito và các đồng chí khác trong Ban chấp hành trung ương như thế khi về đến đảo Vis. Còn chuyến đi Moskva được tôi tổng kết như sau: Không còn Comintern nữa và chúng tôi, những người cộng sản Nam Tư, phải hành động trên cơ sở nhận thức của mình và trước hết là dựa vào sức của chính mình.

Trước khi chúng tôi về nước, Stalin có nhờ chuyển cho Tito một thanh kiếm là quà tặng của Xô Viết tối cao Liên Xô. Bên cạnh tặng phẩm tuyệt đẹp và cao quý này, trên đường về qua Cairo, tôi còn mua thêm một món quà khiêm tốn nữa: bàn cờ tướng bằng ngà voi.

Tôi có cảm tưởng rằng hai tặng phẩm đó mang tính tượng trưng. Nhưng hôm nay, tôi nghĩ rằng trong tôi, tuy còn mù mờ, nhưng lúc đó đã hình thành một thế giới khác hẳn thế giới của Stalin.

Một làn khói nhẹ và ánh bình minh đang dâng lên từ khu rừng thông bao quanh nhà nghỉ của Stalin. Stalin và Molotov, cả hai đều tỏ ra mệt mỏi sau một đêm không ngủ, bắt tay từ biệt tôi. Chiếc ô tô đưa tôi trở về Moskva, thành phố chìm trong hơi sương của một buổi sáng tháng sáu và vẫn chưa tỉnh ngủ hẳn. Cái cảm giác khi lần đầu tiên tôi đặt chân lên đất Nga bỗng quay trở lại: đứng ở đây mà quan sát thì thế giới quả là không to. Và có thể chinh phục được, cùng với Stalin và những tư tưởng chỉ dẫn cho con người sự thật về xã hội và về chính anh ta.

Quả là một giấc mơ đẹp giữa thời buổi chiến tranh. Lúc đó, tôi không hề nghĩ cái gì là thực hơn và hôm nay, tôi cũng không thể nói cái gì là ảo hơn.

Người ta luôn sống bằng hiện thực và ước mơ.

Nghi ngờ

1.

Có lẽ tôi đã không phải đi Moskva lần thứ hai và gặp lại Stalin nếu tôi không trở thành nạn nhân của tính bộc trực của chính mình.

Cụ thể là sau khi Hồng quân tiến vào Nam Tư và giải phóng Belgrad vào mùa thu năm 1944 đã xảy ra nhiều vụ cướp bóc, hãm hiếp nghiêm trọng, cá nhân cũng có mà tập thể cũng có. Đối với chính quyền mới và Đảng cộng sản Nam Tư thì điều đó đã trở thành vấn đề chính trị.

Những người cộng sản Nam Tư trước đó vẫn coi Hồng quân là lí tưởng, còn chính trong hàng ngũ của mình thì những kẻ hiếp dâm và cướp bóc thường bị trừng phạt rất nghiêm khắc. Dĩ nhiên, họ cảm thấy choáng váng hơn là những người dân thường vì theo kinh nghiệm từ xa xưa để lại thì đội quân nào cũng cướp bóc và hãm hiếp cả. Nhưng vấn đề còn phức tạp hơn vì những kẻ chống cộng đã lợi dụng những hành động của Hồng quân để chống lại chính quyền non trẻ và chống chủ nghĩa cộng sản nói chung. Còn một vấn đề nữa, đây là các cấp chỉ huy Hồng quân đã bỏ qua những lời phàn nàn và phản đối, có cảm giác như họ cố tình dung dưỡng những vụ cướp bóc và những tên hiếp dâm vậy.

Ngay khi Tito trở về từ Rumania, ông đã ghé qua Moskva và lần đầu tiên gặp Stalin, vấn đề lập tức được đặt lên bàn nghị sự.

Trong cuộc họp tại phòng làm việc của Tito, ngoài Kardel và Rankovic, còn có cả tôi. Chúng tôi quyết định nói chuyện với tướng Korneev, trưởng phái đoàn quân sự Liên Xô. Để Korneev tiếp thu vấn đề một cách thật nghiêm túc, quyết định được đưa ra là không chỉ Tito mà cả ba người chúng tôi và hai viên tướng nổi tiếng của Nam Tư là Peko Dapcevic và Koca Popovic cũng sẽ có mặt trong buổi tiếp.

Tito trình bày với Korneev một cách rất nhẹ nhàng và lịch sự và vì vậy, chúng tôi vô cùng ngạc nhiên khi ông ta phủ nhận một cách thẳng thừng với lời lẽ xúc phạm. Chúng tôi đã mời ông ta như một người đồng chí, như một người cộng sản, thế mà ông ta lên giọng quát tháo:

“Thay mặt chính phủ Liên Xô, tôi tuyên bố phản đối những hành động vu khống Hồng quân, một quân đội...”

Dù chúng tôi có cố gắng thuyết phục thế nào cũng vô ích, trước mặt chúng tôi đã hiện nguyên hình đại diện đang phát khùng của một lực lượng vĩ đại, một đạo quân “giải phóng”.

Tôi nói:

“Vấn đề khó khăn là ở chỗ kẻ thù của chúng ta đã lợi dụng việc này nhằm chống lại chúng ta, họ đã so sánh Hồng quân với các sĩ quan Anh. Chúng tôi nói rằng quân Anh không làm như thế”

Korneev không muốn hiểu và phản ứng đặc biệt dữ dội với câu này:

“Tôi kiên quyết phản đối những hành động xúc phạm Hồng quân bằng cách so sánh với quân đội của các nước tư bản!”

Phải một thời gian sau chính quyền Nam Tư mới thu thập được các tài liệu về những hành động phạm pháp của Hồng quân: theo báo cáo của dân chúng thì đã có 121 vụ hiếp dâm, trong đó 111 trường hợp bị giết sau khi cưỡng hiếp và 1204 vụ cướp gây thương tật; những con số ấy không phải là nhỏ bởi vì lúc đó Hồng quân mới chỉ xâm nhập vào phần Đông - Bắc Nam Tư mà thôi. Lãnh đạo Nam Tư buộc phải coi đây là vấn đề chính trị và phải phản ứng vì nó đã trở thành vấn đề đấu tranh trong nội bộ Đảng nên càng đặc biệt nghiêm trọng. Những người cộng sản chúng tôi còn coi đây là vấn đề đạo đức nữa: chẳng lẽ Hồng quân mà chúng tôi coi là lí tưởng và chờ đợi từ bao lâu nay lại thế này ư?

Cuộc gặp với Korneev không đem lại kết quả nào, mặc dù sau đó chỉ huy các đơn vị Hồng quân có tỏ ra nghiêm khắc hơn đối với những hành động vô kỉ luật của binh sĩ dưới quyền. Nhưng ngay khi Korneev vừa đi ra thì các đồng chí đã phản ứng, người thì nhẹ nhàng, kẻ thì quyết liệt với câu nói của tôi. Bản thân tôi dĩ nhiên là không bao giờ có ý so sánh quân đội Liên Xô với quân Anh vì thực ra họ chỉ là phái đoàn quân sự ở Belgrad mà thôi. Tôi chỉ dựa trên các sự kiện rõ ràng, tôi đã nhắc lại các sự kiện và tỏ thái độ đối với vấn đề chính trị đã bị thái độ thiếu thông cảm và ngang bướng của Korneev làm cho phức tạp thêm. Hơn nữa, tôi không hề có ý xúc phạm Hồng quân, lúc đó tôi cũng yêu Hồng quân không khác gì tướng Korneev nữa kia. Dĩ nhiên, tôi không thể, nhất là địa vị của tôi lúc đó càng không cho phép, tỏ ra bình thản trước những hành động hiếp dâm mà tôi vốn cho là một trong những tội ác kinh tởm nhất; tôi không thể tỏ ra bình thản trước những hành động lăng nhục các chiến sĩ của chúng ta, cướp bóc tài sản của chúng ta.

Câu nói đó của tôi cùng với một vài việc khác đã trở thành nguyên nhân của những mối bất hoà đầu tiên giữa lãnh đạo Liên Xô và Nam Tư. Mặc dù còn có những nguyên nhân xác đáng hơn, nhưng các nhà lãnh đạo Liên Xô và đại diện của họ thường hay nhắc đến câu nói của tôi. Nhân tiện xin nói thêm rằng vì thế mà chính phủ Liên Xô đã không thưởng cho tôi và một số ủy viên khác của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Nam Tư huân chương Suvorov. Tướng Peko Dapcevic cũng không được thưởng huân chương vì lí do đó, nhằm làm dịu bớt tình hình, tôi và đồng chí Rankovic đã phải đề nghị Tito phong Dapcevic danh hiệu Anh hùng. Không nghi ngờ gì rằng câu nói của tôi đã là nguyên nhân của những tin đồn rằng tôi là một phần tử Trotskyist do các gián điệp Liên Xô tung ra vào đầu năm 1945. Sau này, họ đã ngừng chiến dịch bôi nhọ tôi vì quan hệ giữa Liên Xô và Nam Tư đã được cải thiện cũng như đã nhận ra sự vô lí của những lời cáo buộc đó.

Ngay sau buổi họp đó, tôi đã rơi vào tình trạng gần như bị cô lập, đây không chỉ là do các đồng chí thân cận đã phê bình tôi, những lời phê bình dĩ nhiên là quá nghiêm khắc, cũng không phải là do các cấp lãnh đạo Liên Xô đã thổi phồng và làm cho tình hình thêm căng thẳng mà còn do những dẫn vật nội tâm của chính tôi nữa.

Vấn đề là lúc đó tôi đã rơi vào một cuộc xung đột nội tâm mà bất kì người cộng sản trung thực, những người chấp nhận lí tưởng cộng sản một cách vô tư nào cũng phải trải qua; trước sau gì những người như thế cũng nhận thấy sự bất nhất giữa lí tưởng cộng sản và hành động của các cấp lãnh đạo đảng. Trong trường hợp của tôi, vấn đề không chỉ là mâu thuẫn giữa những quan niệm mang tính lí tưởng về Hồng quân và hành vi của những người đại diện cho nó. Chính tôi cũng hiểu rằng dù Hồng quân có là đội quân của xã hội “phi giai cấp” đi nữa, nó cũng chưa thể hoàn toàn như ý, “vẫn” còn mang trong mình “tàn dư của quá khứ”. Xung đột nội tâm của tôi bắt nguồn từ thái độ bàng quan, nếu không nói là dung túng, của lãnh đạo cũng như các cấp chỉ huy Liên Xô đối với các vụ hiếp dâm, đặc biệt là việc họ không chịu công nhận, chứ chưa nói còn tỏ ra tức giận, khi chúng tôi chỉ ra một cách rõ ràng. Thái độ của chúng tôi là chân thành, chúng tôi chỉ muốn giữ uy tín cho Hồng quân và giữ uy tín cho Liên Xô mà thôi; uy tín đó đã được bộ máy tuyên truyền của Đảng cộng sản Nam Tư xây đắp trong biết bao năm trời. Thái độ chân thành đó đã gặp phản ứng ra sao? Lỗi mẫn và bác bỏ thẳng thừng, đặc trưng của mối quan hệ giữa nước lớn và nước nhỏ, giữa kẻ yếu và kẻ mạnh.

Các đại diện Liên Xô càng sử dụng những lời nói, mà thực chất là đầy thiện ý, của tôi như một cái cớ cho thái độ thù địch với ban lãnh đạo Nam Tư thì cuộc xung đột nội tâm của tôi càng nặng nề thêm, càng sâu sắc hơn.

Thế là thế nào? Tại sao các đại diện Liên Xô không thể hiểu được chúng tôi? Tại sao câu nói của tôi lại bị thổi phồng và xuyên tạc đi như thế? Tại sao họ lại xuyên tạc và sử dụng nó cho mục đích chính trị của mình khi khẳng định rằng các nhà lãnh đạo Nam Tư là những kẻ vô ơn với Hồng quân, đội quân đóng vai trò quyết định trong việc giải phóng thủ đô Belgrad và đã có công giúp họ đứng vững tại đây?

Chuyện đó và trên cơ sở như thế câu trả lời rõ ràng là không thể có được.

Một số hành động khác của các đại diện Liên Xô làm nhiều người, trong đó có tôi, băn khoăn không kém. Thí dụ, Bộ chỉ huy Liên Xô tuyên bố rằng họ giúp Belgrad khá nhiều bột mì. Nhưng hoá ra đây là số bột mì do quân Đức trưng thu của nông dân và vẫn nằm trong kho trên lãnh thổ Nam Tư. Bộ chỉ huy Liên Xô coi đây và nhiều thứ khác nữa là chiến lợi phẩm. Tình báo Liên Xô còn tuyển mộ nhiều kiều dân vốn là bạch vệ và người Nam Tư làm gián điệp cho họ, thậm chí họ tiến hành tuyển mộ ngay những người đang làm việc trong Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Nam tư nữa. Để làm gì? Để chống ai? Trong Ban tuyên truyền và vận động do tôi

lãnh đạo cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn với các đại diện Liên Xô. Báo chí Liên Xô đánh giá không đúng và trình bày sai lạc một cách có hệ thống cuộc đấu tranh của những người cộng sản Nam Tư, trong khi các đại diện Liên Xô, lúc đầu còn thận trọng nhưng càng ngày càng công khai, đòi bộ máy tuyên truyền của chúng tôi phải phục vụ các nhu cầu của Liên Xô, ép chúng tôi phải theo khuôn mẫu của họ. Những cuộc nhậu nhẹt của các đại diện Liên Xô, họ muốn lôi kéo cả các nhà lãnh đạo cao cấp của chúng tôi tham gia nữa, càng ngày càng trở nên xa hoa, chỉ càng khẳng định, với tôi và một số người khác, sự chính xác của những nhận xét của tôi về sự bất nhất giữa lí tưởng và hành động, giữa đạo đức mà họ rao giảng với những hành vi phi luân trên thực tế mà thôi.

Giai đoạn tiếp xúc ban đầu giữa hai phong trào cách mạng và hai chính phủ, dù có cùng lí tưởng và hoàn cảnh xã hội tương tự nhau, cũng không thể nào trơn tru ngay được. Nhưng vì điều đó xảy ra trong một hệ tư tưởng khép kín nên các mâu thuẫn nhất định phải thể hiện dưới hình thức tiến thoái lưỡng nan về đạo đức và thắc mắc về việc trung tâm chính giáo không hiểu những ý định tốt lành của đảng đàn em, của nước nghèo hơn.

Nhưng người ta không chỉ phản ứng bằng nhận thức. Lúc đó, tôi bất ngờ “phát hiện” ra mỗi liên hệ không gì chia cắt được của con người với thiên nhiên vì thế tôi bắt đầu trở lại với việc đi săn như thời còn trai trẻ và tôi nhận ra rằng cái đẹp có mặt khắp nơi chứ không phải chỉ có trong đảng và cách mạng.

Nhưng giai đoạn buồn đau mới chỉ bắt đầu.

2.

Mùa đông năm 1944-45, một phái đoàn chính phủ mở rộng gồm Andrija Hebrang, vừa được bổ sung vào Ban chấp hành trung ương và giữ chức Bộ trưởng công nghiệp, Airsa Oivanovic, Tổng tham mưu trưởng và vợ tôi lúc đó là Mitra lên đường sang Moskva. Mitra không chỉ nói cho tôi biết các tuyên bố của các nhà lãnh đạo Liên Xô mà còn có thể kể lại những nhận xét riêng tư của họ nữa; lúc đó, tôi đặc biệt nhạy cảm với những nhận xét như thế.

Cả phái đoàn cũng như từng thành viên của nó liên tục bị người ta quở trách vì tình hình cũng như quan điểm của từng nhà lãnh đạo Nam Tư. Các đại diện Liên Xô thường bắt đầu bằng các dữ kiện có thực rồi sau đó mới thổi phồng và khái quát hoá vấn đề. Tệ hại nhất là chính người lãnh đạo đoàn, ông Hebrang, đã liên hệ mật thiết với các đại diện Liên Xô, chuyển cho họ các báo cáo bằng văn bản và dùng những lời khiển trách của phía Liên Xô để phê phán các thành viên trong đoàn. Hebrang hành động như vậy có thể là do ông ta bất mãn vì bị mất chức bí thư Đảng cộng sản Croatia, mà có nhiều khả năng là do thái độ hèn nhát trong thời gian bị tù, chuyện đó sau này mới rõ, ông ta làm thế là để che giấu những khuyết điểm của mình.

Thời ấy, việc chuyển thông tin cho Đảng cộng sản Liên Xô không bị coi là tội nặng vì lúc đó,

không người Nam Tư nào lại nghĩ Ban chấp hành trung ương của mình lại có mâu thuẫn với Ban chấp hành trung ương Liên Xô. Hơn nữa, chúng tôi cũng không giấu giếm Ban chấp hành trung ương Liên Xô tình hình trong Đảng cộng sản Nam Tư. Nhưng với Hebrang, bản chất của vụ này là một âm mưu nhằm chống lại Ban chấp hành trung ương Nam Tư. Không ai biết ông ta đã báo cáo những gì. Nhưng thái độ của Hebrang cũng như báo cáo của các thành viên trong đoàn đã cho phép ta kết luận mà không sợ lầm rằng ông ta đã báo cáo với Ban chấp hành trung ương Liên Xô để gây bất hoà với Ban chấp hành trung ương Nam Tư và buộc Ban chấp hành phải có những thay đổi về nhân sự theo ý ông ta.

Dĩ nhiên là mọi chuyện đều được biện hộ nhân danh nguyên tắc hoạt động và nguyên nhân chính là do những sai lầm cũng như yếu kém của chính người Nam Tư chúng ta. Lí do chủ yếu là: Hebrang cho rằng Nam Tư không cần xây dựng nền công nghiệp và kế hoạch kinh tế tách rời với Liên Xô, trong khi Ban chấp hành trung ương lại cho rằng cần hợp tác chặt chẽ với Liên Xô nhưng vẫn phải giữ vững nền độc lập.

Nhưng không nghi ngờ gì rằng chính Stalin đã đã đánh gục phái đoàn về mặt tinh thần. Ông ta mời cả đoàn vào Điện Kremli dự chiêu đãi và gây ra cảnh bi hài chỉ có thể thấy trong các vở kịch của Shakespeare.

Ông phê phán quân đội Nam Tư và phương pháp quản lí của nó. Nhưng ông chỉ trực tiếp công kích có một mình tôi mà thôi. Ông nói đến những mất mát và đau khổ mà Hồng quân đã phải trải qua, khi vượt hàng ngàn cây số trên những vùng đất đã bị tàn phá tan hoang. Nước mắt tuôn trào, ông gào lên:

“Thế mà đội quân ấy đã bị chính Djilas lăng mạ! Djilas, một người tôi ít ngờ nhất! Tôi đã tiếp đón ông ta rất thân tình! Ông ta đã lăng mạ đội quân mà vì các bạn, nó không hề tiếc xương máu của mình! Liệu nhà văn Djilas có biết thế nào là những đau khổ của con người, có biết thế nào là tình cảm của con người không? Chẳng lẽ ông ta không thể thông cảm với người chiến sĩ đã vượt hàng ngàn cây số qua máu, lửa và cả cái chết nếu anh ta có đùa cợt một chút với phụ nữ hoặc trót lấy một thứ không đáng giá nào đó?”

Lúc lúc ông lại nâng cốc chúc mừng, ông khen người này, đùa với người kia, trêu chọc người khác, còn hôn cả vợ tôi vì bà là người Serbia, rồi lại khóc vì những mất mát của Hồng quân và sự vô ơn của người Nam Tư nữa.

Ông nói ít hoặc gần như không nói gì đến Đảng, đến chủ nghĩa cộng sản hay chủ nghĩa Marx mà nói rất nhiều về người Slav, về nhân dân, về mối liên hệ giữa người Nga và người Slav miền Nam, rồi lại nói về chủ nghĩa anh hùng, về những hi sinh, mất mát của Hồng quân.

Tôi thật sự sửng sốt và choáng váng khi được nghe nói lại chuyện này.

Nhưng hôm nay, tôi có cảm tưởng rằng Stalin chọn tôi làm mục tiêu không phải vì tôi đã

dám “công kích” Hồng quân mà chỉ vì ông muốn lôi kéo tôi mà thôi. Ông có ý nghĩ như thế vì đã nhận ra sự khâm phục chân thành của tôi đối với Liên Xô và chính ông nữa.

Ngay sau khi trở về Nam Tư lần trước, tôi đã viết một bài báo về cuộc gặp gỡ với Stalin mà chắc ông rất thích vì sau đó, một nhân viên đại diện Liên Xô đã khuyên tôi lần đăng sau nên bỏ chi tiết về đôi chân quá dài của Stalin và nhấn mạnh thêm quan hệ gần gũi giữa Stalin và Molotov. Nhưng đồng thời Stalin, vốn có khả năng nhận chân người khác một cách rất nhanh và đặc biệt khéo léo trong việc lợi dụng những điểm yếu của kẻ khác, phải hiểu rằng ông không thể lôi kéo tôi bằng việc thăng quan tiến chức vì tôi thờ ơ với chuyện đó, ông cũng không thể lôi kéo tôi bằng các biện pháp nhồi sọ về tư tưởng vì tôi coi Đảng cộng sản Liên Xô cũng không khác gì Đảng cộng sản Nam Tư. Ông chỉ có thể lợi dụng sự chân thành và lòng nhiệt tình của tôi, nghĩa là tác động tới tôi bằng con đường tình cảm. Ông đã làm đúng như thế.

Nhưng sự nhạy cảm và lòng chân thành của tôi đồng thời cũng là mặt mạnh của tôi nữa, chúng có thể biến thành ngược lại nếu tôi gặp phải sự thiếu chân thành và bị đối xử bất công. Vì vậy, không bao giờ Stalin có ý định lôi kéo tôi một cách trực tiếp, còn tôi, khi đã nhận ra sự bất công và ý định bá quyền của phía Liên Xô, đã tự giải thoát khỏi tình cảm ủy mị vốn có của mình và càng trở nên cứng rắn hơn, cương quyết hơn.

Hôm nay, thật khó xác định đâu là kịch, đâu là sự đau khổ chân thành của vở diễn của Stalin ngày ấy. Cá nhân tôi có cảm tưởng rằng không thể nào phân biệt được, Stalin đóng kịch tự nhiên đến nỗi dường như chính ông ta cũng tin rằng những lời mình vừa thốt ra là chân thành và đúng đắn vậy. Ông ta nắm bắt rất nhanh để tài thảo luận, thích nghi ngay với mỗi bước ngoặt, thậm chí với các thành viên mới.

Kết quả là phái đoàn trở về trong tâm trạng nặng nề, thất vọng.

Còn tôi, sau những giọt nước mắt của Stalin và sự “vô ơn” đối với Hồng quân, thì càng bị cô lập thêm. Nhưng cô đơn không làm tôi nản chí, viết và đọc nhiều hơn, tôi tự tìm thấy trong mình cách giải quyết các khó khăn mà mình đã trót mắc vào.

3.

Nhưng cuộc sống lại có cách của nó. Quan hệ giữa Liên Xô và Nam Tư không thể dừng lại ở các phái đoàn quân sự và các đạo quân. Các mối liên hệ tiếp tục phát triển, quan hệ ngày càng đa dạng hơn, càng ngày càng mang dáng vẻ của các quan hệ giữa các quốc gia hơn.

Tháng tư, có một phái đoàn đi Liên Xô để kí kết quan hệ hợp tác. Phái đoàn do Tito dẫn đầu, cùng đi còn có Bộ trưởng ngoại giao Šubašić. Đoàn gồm có hai Bộ trưởng kinh tế là Andreev B. và Petrovic N. Tôi cũng là thành viên, có thể người ta nghĩ rằng tiếp xúc trực tiếp sẽ giúp hoá giải cuộc tranh chấp về vấn đề “lãng mạ” Hồng quân. Tito đưa tôi vào danh sách, còn phía Liên

Xô cũng không có bình luận gì, và tôi đã lên máy bay.

Đây là một ngày đầu tháng tư, thời tiết rất xấu, máy bay rung lắc suốt. Tito và đa số người trong đoàn, kể cả phi công, rất mệt mỏi. Tôi cũng cảm thấy khó ở nhưng vì một lí do khác.

Ngay từ khi tôi biết tin về chuyến đi và cho đến tận lúc gặp mặt Stalin, tôi luôn có cảm giác bất an: dường như tôi đang đóng vai một kẻ sám hối, dù tôi không bao giờ như thế và trong thâm tâm, tôi nghĩ mình chẳng có gì phải hối hận cả. Càng ngày ở Belgrad, người ta càng đối xử với tôi như với một kẻ đã “nhúng chàm” rất nặng, một kẻ không còn gì để làm ngoài việc chuộc lỗi và hi vọng vào sự độ lượng của Stalin.

Máy bay càng đến gần Moskva thì cảm giác cô đơn quen thuộc càng lớn dần lên trong tôi. Lần đầu tiên, tôi nhìn thấy các đồng chí, các chiến hữu đã dễ dàng quay lưng lại với tôi như thế nào bởi vì sự thân mật với tôi có thể ảnh hưởng đến vị trí của họ trong Đảng, họ có thể bị nghi là đã “lệch lạc”. Ngay trong máy bay, tôi cũng không thể thoát khỏi cảm giác này. Quan hệ của tôi với Andreev, anh đã cùng tôi tham gia đấu tranh, đã cùng tôi chịu đựng gian khổ trong những ngày tù ngục, nơi bản tính con người thể hiện rõ nhất, luôn luôn là mối quan hệ tự nhiên và vui nhộn. Còn bây giờ? Dường như anh thương hại tôi nhưng không làm sao giúp được, còn tôi thì không dám lại gần anh vì sợ sẽ phải tỏ ra khúm núm, xun xoe và hơn thế nữa, để khỏi làm khó cho anh, sợ người ta lại nghĩ rằng anh ủng hộ tôi. Tôi biết Petrovic ngay từ những ngày còn hoạt động bí mật đầy khó khăn, chúng tôi thân nhau và có mối quan tâm chung về tri thức. Nhưng tôi không dám khởi đầu câu chuyện với anh như chúng tôi đã từng thường xuyên tranh luận không dứt về lịch sử chính trị của Serbia. Tito không hề nhắc đến câu chuyện của tôi, làm như nó chưa từng xảy ra, ông cũng không bày tỏ quan điểm của mình, không thể hiện tình cảm cụ thể nào đối với tôi. Nhưng tôi có cảm giác rằng ông đứng về phía tôi, theo cách của mình, nội việc ông mang tôi theo và giữ im lặng cũng phần nào nói lên điều đó rồi.

Đây là lần đầu tiên tôi cảm nhận được mâu thuẫn giữa lương tâm của một người bình thường, nghĩa là ước muốn hướng tới chân lí và điều thiện với cái môi trường tôi đang sống, cái môi trường tôi đang thuộc về, đang hành động; lần đầu tiên, tôi thấy mình đang xung đột với cái phong trào bị cầm tù trong những mục tiêu trù tượng nhưng lại bị xiềng vào với những điều kiện thực tế trên mặt đất này. Trong tâm trí tôi, mâu thuẫn đó hiện ra hơi khác: nó hiện ra như là mâu thuẫn giữa ước muốn cải tạo thế giới, cải tạo cái phong trào mà tôi là thành viên với sự thiếu cảm thông của những người có quyền đưa ra quyết định.

Càng gần đến Moskva thì tôi càng lo lắng thêm.

Mặt đất trơ trụi và không người, chỉ một màu đen bị xé nham nhở bởi những hố bom và những dòng suối do tuyết vừa tan tạo ra đang chuyển động dưới chân tôi. Còn bầu trời thì đầy mây, tối sầm, không một ánh nắng nào lọt qua được. Không có trời, không có đất, tôi như đang

di chuyển trong một thế giới phi thực, có thể tôi chỉ mơ như thế, nhưng tôi lại cảm thấy nó một cách rõ ràng hơn tất cả những gì tôi đã trải qua cho đến lúc ấy. Tôi bay, tôi chao đảo giữa lương tâm và sự nghiệp, giữa mơ ước và khả năng. Trong tâm trí tôi, chỉ còn lại sự chao đảo đầy đau đớn và phi thực đó mà thôi. Không còn sự say mê về người Slav, gần như không còn sự say mê về cách mạng như cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với nước Nga, với Liên bang Xô viết và lãnh tụ của nó nữa.

Tôi còn phải chứng kiến sự đau khổ của Tito nữa. Rất mệt mỏi, mặt xanh mét, ông phải cố gắng hết sức mới đọc được bài diễn văn đáp từ và hoàn thành xong phần nghi lễ.

Molotov là người chủ trì buổi đón tiếp, lạnh lùng bắt tay tôi, ông ta không thêm nhếch mép để tỏ ra là đã quen tôi từ trước nữa kia. Một chuyện chương tai gai mắt nữa là Tito được đưa đến một nhà nghỉ đặt biệt, còn tất cả những người khác thì được đưa tới khách sạn Metropol. Sự cảm dỗ và mua chuộc ngày một gia tăng.

Có cả những hành động có chủ đích rõ ràng.

Một hoặc hai ngày sau, có người gọi điện cho tôi. Một giọng phụ nữ ngọt ngào:

“Katia đây.”

“Katia nào?”, tôi hỏi.

“Katia, anh không nhớ em à? Em muốn được gặp anh, em nhất định phải gặp anh!”

Tôi suy nghĩ rất lung: “Katia...Katia nào nhỉ?, Không, mình không quen ai như thế hết,” và tôi nghĩ ngay rằng tình báo Liên Xô định gài bẫy để sau này lợi dụng: trong Đảng cộng sản Nam Tư, vấn đề tư cách cá nhân vốn rất được coi trọng. Đối với tôi, việc thành phố Moskva “xã hội chủ nghĩa” cũng như bất kì một thành phố có trên một triệu dân nào khác có đầy gái điếm không phải là điều mới lạ. Nhưng tôi biết rõ các quan chức cao cấp nước ngoài ở đây được chăm sóc và bảo vệ kỹ lưỡng hơn bất kì nơi nào khác trên thế giới, gái điếm chỉ có thể gọi đến chỗ họ nếu được cơ quan tình báo đồng ý. Tôi nói một cách bình tĩnh nhưng dứt khoát:

“Để cho tôi yên!” và bỏ máy.

Tôi nghĩ rằng người ta không chỉ sử dụng cái trò bắn thiu và thô thiển này với một mình tôi. Nhưng vì giữ vị trí lãnh đạo trong đảng nên tôi buộc phải kiểm tra xem người ta có làm thế với Petrovic và Andreev hay không. Cũng có người gọi cho họ, lần này không phải là Katia mà là Natasha hay Vava vào đó! Tôi giải thích và nói gần như ra lệnh rằng không được liên hệ với ai hết.

Tình cảm của tôi lúc đó thật lẫn lộn, một mặt tôi cảm thấy nhẹ người vì không chỉ một mình tôi rơi vào đích ngắm, nhưng nỗi lo lắng cũng tăng lên: tại sao họ lại làm thế và làm thế để làm gì?

Tôi không dám nghĩ đến việc hỏi giáo sư Šubašić chuyện này. Ông không phải là đảng viên

cộng sản, tôi không dám cho ông thấy những điều không hay về Liên Xô và những biện pháp mà người ta có thể sử dụng ở đây, nhất là khi những biện pháp ấy lại được sử dụng để chống lại chính những người cộng sản. Đồng thời tôi cũng tin rằng không có cô Katia nào gọi điện cho Šubašić cả.

Lúc đó, tôi chưa đủ sức rút ra kết luận rằng chính những người cộng sản vừa là mục đích vừa là phương tiện để đảm bảo cho chủ nghĩa bá quyền Xô Viết ở Đông Âu. Nhưng tôi đã ngờ ngợ như thế, tôi sợ những biện pháp như thế và bắt đầu kháng cự chống lại việc biến cá nhân tôi thành công cụ cho những mục đích như thế.

Lúc đó, tôi vẫn còn tin rằng có thể vừa là người cộng sản mà vẫn là người tự do được.

4.

Việc chuẩn bị hiệp định hữu nghị giữa Nam Tư và Liên Xô diễn ra suôn sẻ, thực ra là đã có mẫu sẵn rồi và nhiệm vụ của tôi chỉ là kiểm tra bản dịch mà thôi.

Lễ kí diễn ra trong Điện Kremli chiều ngày 11 tháng tư năm 1945 với rất ít quan chức tham dự. Ngoài ra, chỉ có mấy nhà quay phim Liên Xô. Trong hoàn cảnh lúc đó, có thể tạm gọi đấy là những người đại diện xã hội.

Có một cảnh khá ngoạn mục, đấy là lúc Stalin bảo một anh nhân viên phục vụ cụng li. Anh nhân viên tỏ vẻ bối rối, Stalin hỏi:

“Thế cậu không định chúc mừng tình hữu nghị Liên Xô – Nam Tư à?”, anh kia đành cầm li rượu và uống cạn.

Thật là một cảnh mỉa mai. Nhưng mọi người đều cười rất vui vẻ, đều giả vờ coi đấy chính là biểu hiện sự gần gũi của Stalin với người lao động bình thường.

Ở đây, tôi lại có cơ hội gặp gỡ Stalin. Ông không niềm nở như trước đây nhưng cũng không tỏ vẻ lạnh lùng và lịch sự một cách giả tạo như Molotov. Stalin không nói với tôi câu nào. Rõ ràng là người ta vẫn chưa quên cũng như chưa tha thứ những điều tôi đã nói về Hồng quân, tôi vẫn như ngồi trên đồng lửa.

Stalin ăn uống như trong một bữa tối bình thường giữa một nhóm những người thân cận tại Điện Kremli vậy.

Ăn tối xong thì chúng tôi đi xem phim. Stalin nói rằng ông đã chán cảnh bắn giết rồi nên người ta không chiếu phim chiến tranh mà chiếu một phim về nông trường với những cảnh pha trò rất nhạt. Trong khi xem, Stalin có những nhận xét và phản ứng hệt như những kẻ ít học, coi hình tượng nghệ thuật như là cảnh thực vậy. Cuốn phim thứ hai được sản xuất trước chiến tranh, nói về đề tài chiến tranh: “Nếu ngày mai chiến tranh...”. Trong phim có cảnh sử dụng vũ khí hoá học, còn tại hậu phương nước Đức thì có cuộc khởi nghĩa của giai cấp vô sản. Sau khi xem xong, Stalin bình thản nói:

“Khác thực tế không đáng kể: không có vũ khí hoá học, còn giai cấp vô sản Đức cũng không khởi nghĩa”.

Mọi người đều đã mệt nhoài vì chúc tụng, vì thức ăn, vì phim ảnh. Stalin bắt tay tôi mà không nói gì, nhưng tôi đã cảm thấy bình tĩnh hơn, ít lo lắng hơn, không hiểu tại sao. Có thể là do thái độ của mọi người cũng bình thường? Hay là trong đầu tôi đã xuất hiện giải pháp nào đó và tôi đã bình tĩnh lại? Có thể là cả hai. Dù sao mặc lòng, có thể sống mà không cần tình yêu của Stalin.

Sau một hai ngày gì đó, trong một bữa chiêu đãi ở phòng mang tên Ekaterina, Stalin lại tỏ ra nhiệt tình, vui vẻ, nhất là trong khi ăn uống.

Tito ngồi bên trái Stalin, bên phải Kalinin, Chủ tịch Xô Viết tối cao, đây là theo phong tục Liên Xô lúc đó. Tôi ngồi cạnh Kalinin. Molotov và Šubašić ngồi đối diện với Stalin và Tito, rồi đến các quan khách khác, cả Liên Xô lẫn Nam Tư.

Mọi người đều có vẻ giữ kẽ, thiếu tự nhiên: trừ Šubašić ra, những người khác đều là đảng viên cộng sản cả nhưng lại xưng hô với nhau là “ngài” mỗi khi chúc tụng và giữ đúng nghi thức quốc tế, y như những buổi gặp gỡ của đại diện các hệ thống và hệ tư tưởng khác nhau vậy.

Sau diễn văn và nghi thức, chúng tôi lại cư xử với nhau như những người bạn, như những người đồng chí có chung mục đích. Nhưng mâu thuẫn giữa bệnh hình thức và cuộc đời thực đã hiện lên rất rõ, dù rằng quan hệ giữa những người cộng sản Liên Xô và Nam Tư vẫn còn tốt, thái độ bá quyền Xô viết và cuộc đấu tranh giành vị trí trong phong trào cộng sản quốc tế chưa có ảnh hưởng gì. Nhưng cuộc đời không diễn ra theo bất kì sơ đồ nào hay mong ước của ai, nó buộc ta phải tuân thủ những hình thức mà không ai có thể lường trước được.

Liên Xô và các nước đồng minh phương Tây đang trải qua thời kì trắng mặt, chính phủ Liên Xô muốn làm như thế để khỏi bị trách là không đối xử với nước Nam Tư cộng sản như một quốc gia độc lập. Sau này, khi đã bám chắc được vào Đông Âu rồi, chính phủ Liên Xô đã tìm mọi cách bãi bỏ các nghi thức và thủ tục, họ bảo đấy là các tàn dư “tư sản” và “dân tộc chủ nghĩa”.

Chính Stalin đã phá bỏ các nghi lễ có tính ngoại giao - chỉ một mình ông có thể làm chuyện đó mà không sợ bị phê phán. Ông đứng lên, tay nâng li và gọi Tito là “đồng chí” rồi nói thêm rằng không thích gọi là “ngài” nữa. Điều đó làm mọi người xích lại gần nhau và không khí trở nên ấm cúng hơn. Tiến sĩ Šubašić cũng cười, mặc dù khó mà tin được rằng đấy là nụ cười chân thành, nói chung, ông ta là nhà chính trị không có một tư tưởng hay nguyên tắc nhất định nào, đóng kịch không phải là việc khó với ông ta. Stalin bắt đầu đùa giỡn, trêu chọc mọi người. Không khí rất sôi động.

Ông già Kalinin gần như đã mù hẳn, nguyên việc tìm cốc tách, thìa đĩa, bánh mì đã là cả vấn đề; tôi phải giúp ông suốt bữa tiệc. Trước đó một hai ngày, sau buổi gặp gỡ chính thức với

Kalinin, Tito có nói với tôi rằng ông già chưa hoàn toàn bất lực. Nhưng cứ như cách Tito nhận xét, cũng như cách nói năng của Kalinin tại bữa tiệc, tôi cho rằng phải nói ngược lại mới đúng.

Dĩ nhiên là Stalin biết rõ tình trạng bệnh tật của Kalinin và đã giấu cợt khi ông xin thuốc của Tito.

“Đừng lấy, thuốc lá tư sản đấy!”, Stalin nói. Tay đã run sẵn, lại thêm bối rối, Kalinin đánh rơi điếu thuốc xuống sàn.

Stalin phá lên cười, trông không khác gì một già làng chính hiệu. Chỉ vài phút sau, lại chính Stalin lại nâng cốc chúc mừng sức khỏe “đồng chí Kalinin, chủ tịch của chúng ta”, nhưng đây chỉ là những lời nói rỗng tuếch, ai không biết ông chỉ còn là một biểu tượng không có tí giá trị gì.

Ở đây, trong không khí xã giao chính thức, giữa đám đông như thế này, sự thần thánh hoá Stalin còn nổi bật hơn.

Hôm nay, tôi có thể nói không chỉ Stalin tạo ra sự thần thánh hoá, hay như bây giờ vẫn nói, “tệ sùng bái cá nhân” mà những người xung quanh và bộ máy quan liêu là những kẻ cần một lãnh tụ như thế, đóng vai trò không kém, nếu không nói là hơn, trong việc tạo ra hiện tượng này.

Quan hệ dĩ nhiên là đã thay đổi: cùng với thời gian, ông thánh sống Stalin có uy lực đến nỗi không cần chú ý đến nhu cầu của chính những người đã tôn vinh ông ta lên địa vị đó.

Stalin, một con người nhỏ bé, vụng về hàng ngày ra vào trong những lâu đài cung điện lát đá quý và mạ vàng từ thời Sa hoàng để lại, trước mắt ông là con đường, những ánh mắt rực lửa nhìn theo, những cái tai dỏng lên để nghe như nuốt lấy từng lời ông nói. Còn ông, tự tin vào chính mình và sự nghiệp của mình, dường như những chuyện đó không phải là điều ông đáng quan tâm. Đất nước ông bị tàn phá, đói khát, kiệt quệ. Còn quân đội của ông với các vị nguyên soái béo núc ních, ngực đầy huân chương, say rượu và ngất ngây bởi những chiến công đang giày xéo một nửa châu Âu. Ông tin rằng hiệp sau họ sẽ bước chân lên nửa thứ hai. Stalin biết rằng ông là một trong những nhân vật độc tài nhất trong lịch sử nhân loại. Nhưng ông không hề áy náy: ông tin mình là người làm nên lịch sử. Lương tâm ông không hề cắn rứt, mặc dù đã có hàng triệu người bị giết theo lệnh ông hoặc nhân danh ông, hàng ngàn cộng sự gần gũi đã bị ông coi là phản bội và thủ tiêu ngay khi họ nghi ngờ việc ông dẫn dắt đất nước và nhân dân đến bến bờ tự do, bình đẳng, phồn vinh. Đây là một cuộc đấu tranh kéo dài, đầy hiểm nguy, kẻ thù càng ít đi, càng yếu hơn thì lại càng khốc liệt hơn. Nhưng ông đã chiến thắng, đây là thực tế, mà thực tế là tiêu chuẩn duy nhất của chân lí! Lương tâm là gì? Liệu có cái gọi là lương tâm không? Lương tâm không có chỗ trong triết lí và hoạt động thực tiễn của ông. Đối với ông, con người chỉ là kết quả của các lực lượng sản xuất.

Các nhà thơ ca ngợi ông, các dàn nhạc tổ chức những buổi đại hợp xướng xung tụng ông, các nhà triết học và các viện nghiên cứu viết hàng đống sách chỉ để giải thích những từ ông nói, những người tử tù hô vang tên ông trước khi chết. Ông là người chiến thắng bước ra từ cuộc chiến tranh lớn nhất trong lịch sử nhân loại, quyền lực tuyệt đối của ông đã được thiết lập trên một phần sáu quả địa cầu và đang mở rộng từng ngày, không gì ngăn chặn được. Vì vậy, ông tin rằng trong xã hội của ông không còn mâu thuẫn nữa và đây chính là xã hội ưu việt nhất từ xưa đến nay.

Ông đùa cợt với các “đồng chí” gia nhân của mình. Ông đùa cợt với họ không phải chỉ vì ông có lòng khoan dung độ lượng của một vị hoàng đế. Tính cách đế vương thể hiện ở ngay cách ông làm: ông không bao giờ chế giễu chính mình. Ông đùa cợt vì thích bước từ đỉnh vinh quang xuống giữa loài người để chứng tỏ rằng ông là một người sống giữa đồng loại và cũng để nhắc nhở người ta rằng cá nhân không có tập thể chỉ là một con số không mà thôi.

Tôi say mê Stalin và những câu chuyện khôi hài của ông. Nhưng một phần trí não tôi cũng như lương tâm tôi vẫn còn tỉnh táo và lo lắng: tôi nhận thấy có cái gì đó méo mó, kì quặc và tôi không chấp nhận cách Stalin đùa giỡn, cũng như cách ông ta cố tình không nói những lời chân thành, những lời mà hai người đồng chí phải nói với nhau.

5.

Nhưng dù sao, tôi cũng cảm thấy vui khi được mời dự bữa ăn tối thân mật tại nhà nghỉ của Stalin. Cố nhiên, tiến sĩ Šubašić không thể ngờ có chuyện như thế - chỉ có những bộ trưởng đảng viên người Nam Tư được mời mà thôi, còn phía Liên Xô thì có các cộng sự thân thiết của Stalin như: Malenkov, Bulganin, tướng Antonov, Beria và dĩ nhiên là Molotov nữa.

Như thường lệ, chúng tôi có mặt vào khoảng mười giờ tối, tôi đi cùng với Tito. Beria ngồi ở đầu bàn, bên phải là Malenkov, tôi và Molotov, sau đó đến Andreev và Petrovic, còn bên trái là Stalin, Tito, Bulganin và tướng Antonov, Tổng tham mưu trưởng.

Beria cũng không cao; trong Bộ chính trị của Stalin, có lẽ không người nào cao hơn ông ta. Beria đầy đà, nước da xanh tái, hai bàn tay mềm và ướt. Vừa nhìn thấy đôi môi dày và đôi mắt ếch sau cặp kính, tôi đã giật mình vì trông ông ta rất giống Vukovic, một chỉ huy của cảnh sát Belgrad rất khoái hành hạ những người cộng sản. Tôi phải cố gắng lắm mới không nghĩ đến chuyện ấy vì sự giống nhau không chỉ bề ngoài mà còn ở cả cách thể hiện: tự tin, giấu cợt, xun xoe và thận trọng. Beria cũng là người Gruzia như Stalin nhưng nếu nhìn bên ngoài, ta không thể nói như thế vì người Gruzia thường có vẻ xương xẩu và có mái tóc đen. Có thể nghĩ ông ta là người Slav hay người Litva, mà cũng có nhiều khả năng là người lai.

Malenkov còn thấp và đầy đà hơn, một người Nga lai Mông Cổ đặc trưng, với mái tóc đen bông bông và những bắp thịt cuồn cuộn. Ông ta là người ít nói, chu đáo, không có nét gì nổi bật.

Bên dưới những lớp mỡ dày kia dường như còn có một con người khác, một người năng nổ, nhanh nhạy với đôi mắt thông minh và ân cần, đang vận động. Trong một thời gian dài, ông được coi là người có thể thay mặt Satlin, dù không chính thức, trong việc giải quyết các vấn đề thuộc nội bộ Đảng. Công tác tổ chức của Đảng, việc thăng quan tiến chức cũng như hạ tâng công tác cán bộ gần như nằm trọn trong tay ông. Ông là người phát minh ra “danh mục” cán bộ, nghĩa là những bản lí lịch và lí lịch tự khai của tất cả các đảng viên và đảng viên dự bị, của một đảng gồm mấy triệu thành viên, được lưu giữ và xử lí một cách có hệ thống ở Moskva. Nhân buổi gặp này, tôi đã xin ông tác phẩm Bàn về đối lập do Stalin viết, một tác phẩm đã bị thu hồi vì trong đó có nhiều đoạn trích dẫn của Trotsky, Bukharin và những người khác. Ngày hôm sau, tôi đã nhận được cuốn sách đó, hiện nay cuốn sách vẫn còn nằm trong thư viện của tôi.

Bulganin mặc quân phục. Ông là một người cao lớn, đẹp trai, một người Nga chính cống với bộ râu khá kì lạ, ít nói. Tướng Antonov còn trẻ, đẹp trai, thân hình cân đối, tóc đen; ông chỉ tham gia câu chuyện khi vấn đề liên quan đến ông mà thôi.

Đối diện với Stalin, tôi bỗng cảm thấy tự tin hơn, mặc dù lần này ông nói chuyện với tôi không lâu.

Chỉ khi không khí đã sôi động nhờ có rượu và những lời chúc tụng, những câu chuyện khôi hài, Stalin mới quyết định kết thúc những chuyện bất hoà với tôi. Ông làm điều đó một cách nửa đùa nửa thật: ông rót cho tôi một li rượu và đề nghị uống mừng Hồng quân. Chưa kịp hiểu ngay ý tứ, tôi đề nghị uống mừng sức khoẻ của ông.

“Không, không”, ông khẳng khẳng vừa nói vừa mỉm cười, mắt nhìn chòng chọc vào tôi : “Uống mừng Hồng quân! Đồng chí không thích uống mừng Hồng quân à?”

Dĩ nhiên là tôi uống; mặc dù trong những buổi tiếp của Stalin, tôi thường tránh rượu, chỉ uống bia thôi vì tôi cho rằng say sưa là việc không hay, tuy tôi không phải là người hoàn toàn phản đối việc uống rượu.

Sau đó, Stalin hỏi: “Hồng quân đã làm những chuyện gì?”. Tôi giải thích rằng tôi hoàn toàn không muốn xúc phạm Hồng quân, tôi chỉ muốn nêu ra những sai lầm của một số chiến sĩ và những khó khăn về mặt chính trị chúng tôi gặp phải mà thôi.

Stalin ngắt lời:

“Vâng, hẳn là đồng chí đã đọc Dostoevski rồi chứ? Đồng chí đã thấy tâm hồn con người, tâm lí của con người là vấn đề rất phức tạp rồi chứ? Hãy tưởng tượng một người đi từ Stalingrad đến Belgrad, vừa đi vừa chiến đấu, hàng ngàn kilômet hoang tàn, bao nhiêu đồng chí, đồng đội hi sinh! Một người như thế có thể phản ứng bình thường được không? Sau bao nhiêu chuyện khủng khiếp như thế, anh ta có đùa bốn người đàn bà một chút thì cũng có gì ghê gớm đâu? Đồng chí coi Hồng quân là đội quân lí tưởng. Nhưng nó không phải là đội quân lí tưởng, không

lí tưởng ngay cả khi trong đó không có một số tội phạm - chúng tôi đã mở cửa nhà tù và cho đăng lính tất. Có một trường hợp như sau. Một viên thiếu tá phi công đưa bốn một phụ nữ và một anh kĩ sư - hiệp sĩ đứng ra bảo vệ người phụ nữ ấy. Viên thiếu tá vừa rút súng vừa thét lên: “A, tên chuột cống ở hậu phương!” và bắn chết anh kĩ sư - hiệp sĩ kia. Viên thiếu tá bị kết án tử hình. Câu chuyện đến tai tôi, tôi đã dùng quyền Tổng tư lệnh Tối cao trong thời chiến tha chết cho anh ta và đưa anh ta ra mặt trận. Anh ta mới được phong anh hùng đấy. Phải thông cảm với các chiến sĩ. Hồng quân không phải là một đạo quân lí tưởng. Quan trọng là chiến đấu với quân Đức, mà nó chiến đấu tốt, những cái khác chỉ là thứ yếu”.

Sau khi từ Moskva trở về một thời gian, tôi mới phát hoảng khi nhận ra mức độ “thông cảm” với những tội lỗi của Hồng quân. Khi tiến vào vùng Đông Phổ, binh lính Liên Xô, nhất là các đơn vị xe tăng, đã giết rất nhiều người Đức chạy loạn, cả đàn bà và trẻ con. Người ta đã báo cáo với Stalin và hỏi ông phải làm gì với những trường hợp như thế. Stalin trả lời như sau: “Chúng ta đã dạy dỗ chiến sĩ nhiều rồi, bây giờ hãy để họ phát huy sáng kiến!”

Stalin hỏi tôi:

“Thế tướng Korneev, trưởng phái đoàn quân sự của chúng tôi, anh ta là người thế nào?”

Tôi không muốn nói những điều không hay về Korneev và phái đoàn của ông ta dù có khối chuyện để nói. Stalin tiếp tục:

“Anh ta không phải là người ngu đâu, nhưng nghiện rượu, nghiện đến mức không thể nào chữa được!”

Sau đó, ông ta bắt đầu trêu chọc tôi vì tôi uống bia, thực ra tôi cũng đâu có thích bia.

“Này xem, Djilas uống bia như người Đức, như người Đức. Anh ta là người Đức, trời ơi, người Đức”.

Trò đùa này không hạp với tôi: lúc đó, người Đức, ngay cả một số kiều dân cộng sản đứng về phía chúng ta, bị coi là những người chẳng ra gì, nhưng tôi không giận cũng không bất bình.

Có vẻ như cuộc tranh cãi về Hồng quân đã chấm dứt ở đây. Thái độ của Stalin với tôi trở nên chân thành như cũ.

Tình hình như vậy kéo dài cho đến khi xảy ra xung đột giữa Ban chấp hành trung ương Nam Tư và Liên Xô vào năm 1948, khi Stalin và Molotov, trong những bức thư của mình, đã lợi dụng và xuyên tạc cuộc tranh luận về “sự lảng mạ” Hồng quân của tôi.

Stalin cố tình trêu tức Tito bằng cách nhận xét rằng quân đội Nam Tư thì kém còn quân Bulgaria tỏ ra khá hơn. Mùa đông vừa qua, các đơn vị Nam Tư được bổ sung lực lượng mới, lần đầu tiên tham gia các chiến dịch chính qui và không thành công. Rõ ràng là Stalin đã có đủ thông tin. Ông nói:

“Quân đội Bulgaria tốt hơn quân đội Nam Tư. Người Bulgaria cũng có hạn chế, có cả kẻ thù

trong quân đội. Nhưng họ đã bắn mấy chục tên và bây giờ thì ổn rồi. Còn quân Nam Tư vẫn là du kích, chưa có khả năng tham gia những trận đánh lớn. Mùa đông vừa qua, một trung đoàn Đức đã đánh tan một sư đoàn của các bạn! Trung đoàn đánh tan sư đoàn!”

Ngay sau đó, Stalin đề nghị nâng cốc chúc mừng quân đội Nam Tư, nhưng vẫn không quên nói thêm:

“Chúc cho đội quân đó có thể chiến đấu trên đồng bằng nữa!”

Tito thường tỏ ra kiềm chế trước các nhận xét của Stalin. Khi Stalin lấy chúng tôi ra để pha trò, Tito thường chỉ mỉm cười rồi ngược nhìn tôi, tôi cũng tỏ vẻ đồng tình và thông cảm với ông. Nhưng khi Stalin rói rằng quân đội Bulgaria tốt hơn Nam Tư thì Tito không kiềm chế được nữa và nói to lên rằng quân đội Nam Tư sẽ loại bỏ những hạn chế trong một thời gian ngắn.

Quan hệ giữa Stalin và Tito khá đặc biệt, dường như họ có xích mích với nhau nhưng vì lí do nào đó mà không ai chịu nói ra lời. Stalin tỏ ra thận trọng để không xúc phạm chính Tito nhưng đồng thời lại kiếm có chê bai tình hình Nam Tư. Tito kính trọng Stalin, coi Stalin như bậc tiền bối nhưng có cảm tưởng là ông có thái độ phản kháng, nhất là khi Stalin chê trách tình hình ở Nam Tư.

Bỗng nhiên, Tito nói rằng trong phong trào xã hội chủ nghĩa có những hiện tượng mới, chủ nghĩa xã hội đã có những biểu hiện khác trước. Stalin lập tức tuyên bố:

“Hiện nay, có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội ngay cả dưới chế độ Hoàng gia Anh. Không cần làm cách mạng khắp nơi. Vừa rồi có phái đoàn Công đảng Anh và chúng tôi đã thảo luận chính vấn đề đó. Vâng, có nhiều cái mới lắm. Vâng, chế độ xã hội chủ nghĩa có thể được xây dựng ngay cả khi vua Anh vẫn còn cầm quyền”.

Như mọi người đều biết, Stalin không bao giờ công khai đứng về phía quan điểm này. Tại cuộc tuyển cử diễn ra không lâu sau đó, Công Đảng Anh đã nhận được đa số phiếu trong cuộc bầu cử và quốc hữu hoá 20% ngành công nghiệp. Nhưng Stalin không bao giờ coi những biện pháp đó là xã hội chủ nghĩa, cũng như không bao giờ coi Công đảng là đảng xã hội chủ nghĩa. Tôi cho rằng ông ta không làm như thế chủ yếu là do mâu thuẫn và xung đột với chính phủ Công đảng trong chính sách đối ngoại.

Trong khi nói chuyện, tôi bảo rằng ở Nam Tư thực chất là đã có chính quyền xô viết vì tất cả các vị trí quan trọng đều nằm trong tay Đảng cộng sản và gần như không có phong trào đối lập. Nhưng Stalin không đồng ý:

“Không, các bạn chưa có chính quyền Xô Viết, các bạn nằm giữa nước Pháp của De Gaulle và Liên Xô”.

Tito nói thêm rằng ở Nam Tư đang diễn ra những điều có thể coi là mới. Nhưng cuộc thảo luận bị bỏ dở ở đây.

Trong thâm tâm, tôi không đồng ý với quan niệm của Stalin và nghĩ rằng quan điểm của tôi không khác quan điểm của Tito.

Stalin trình bày quan điểm của ông về đặc trưng cơ bản của cuộc chiến tranh hiện nay:

“Khác với những cuộc chiến tranh trước, trong cuộc chiến tranh này, kẻ nào giành được lãnh thổ sẽ thiết lập hệ thống của mình. Không thể nào khác được”.

Ông cũng trình bày thực chất chính sách Đại Slav của mình mà không giải thích lí do cụ thể:

“Nếu người Slav đoàn kết và ủng hộ lẫn nhau thì trong tương lai, không kẻ nào có thể ngúc ngoắc ngay cả một ngón tay. Không ngúc ngoắc ngay cả một ngón tay!”, ông nhắc lại như thế và chém mạnh ngón tay trở vào không khí.

Có ai đó nói rằng phải năm mươi năm nữa, người Đức mới hồi phục được. Nhưng Stalin có quan điểm khác:

“Không, họ sẽ hồi phục rất nhanh thôi. Đây là một đất nước với nền công nghiệp phát triển cao, giai cấp công nhân có tay nghề và rất đông đảo, lực lượng cán bộ kĩ thuật hùng hậu, chỉ mười hai, mười lăm năm là họ sẽ phục hồi thôi. Vì vậy mà người Slav cần phải đoàn kết. Và nói chung, nếu người Slav đoàn kết thì không kẻ nào có thể ngúc ngoắc được ngay cả một ngón tay”.

Đột nhiên, ông đứng dậy, kéo quần lên như đang chuẩn bị lao vào tranh đấu hay lao vào một cuộc đánh nhau tay đôi và gào lên như trong cơn say:

“Chiến tranh sắp chấm dứt rồi, sau mười lăm hay hai mươi năm nữa, chúng ta sẽ bình phục, rồi chúng ta sẽ tiếp tục!”

Khủng khiếp quá: cuộc chiến tranh thảm khốc vẫn còn chưa chấm dứt. Nhưng niềm tin của ông vào con đường sẽ phải đi, nhận thức cái tương lai tất yếu mà thế giới nơi ông sống, phong trào do ông dẫn dắt sẽ phải trải qua làm người ta phải kính phục.

Stalin còn nói nhiều chuyện nữa nhưng tôi cho rằng chẳng đáng ghi lại làm gì, chỉ xin nói thêm là chúng tôi ăn nhiều, uống còn nhiều hơn, nâng cốc nhiều lần và nói những lời chúc mừng vô nghĩa.

Molotov kể lại chuyện Stalin chọc Churchill: Stalin nâng cốc chúc mừng cơ quan tình báo và các nhân viên tình báo Anh, có ý ám chỉ thất bại của Churchill ở Gallipoly trong Đại chiến thế giới thứ nhất mà nguyên nhân là sự thiếu am tường của người Anh. Nhưng ông ta cũng vui vẻ nhắc lại sự hóm hỉnh của Churchill. Ở Moskva, sau khi đã uống một li vang ngon, Churchill nói rằng ông ta xứng đáng được nhận huân chương cao quý nhất của nhà nước Liên Xô và lời cảm ơn sâu sắc nhất của Hồng quân vì trong thời gian tham gia cuộc can thiệp vào Arkhagelsk, ông đã dạy họ cách đánh nhau. Nói chung, có thể nhận thấy rằng Churchill, dù họ chẳng ưa gì ông, đã tạo được ấn tượng tốt đối với các lãnh tụ Liên Xô, họ coi ông là một “nhà hoạt động nhà

nước” có tầm nhìn xa trông rộng và nguy hiểm.

Trên đường trở về nhà nghỉ, Tito cũng cảm thấy mệt vì uống nhiều rượu quá, đã nói ngay trong ô tô:

“Thật không hiểu nổi, quỷ tha ma bắt mấy cái anh Nga này đi, uống gì nhiều thế không biết, đúng là đời bại!”

Dĩ nhiên là tôi đồng ý với nhận xét của ông, tôi đã nhiều lần thử tìm hiểu mà không thể giải thích nổi vì sao giới lãnh đạo tối cao Liên Xô lại uống nhiều, uống một cách tuyệt vọng và có hệ thống như thế.

Trên đường từ nhà nghỉ của Tito về thành phố, tôi đã tiến hành tổng kết kinh nghiệm của buổi tối hôm đó và nhận thấy không có gì đặc biệt cả: không có vấn đề khúc mắc nào nhưng khoảng cách giữa chúng tôi dường như đã tăng thêm, tất cả các vấn đề đều được giải quyết bằng chính trị như nhất định phải như thế trong các quan hệ giữa các nhà nước độc lập.

Chúng tôi có đến thăm Dimitrov vào buổi tối. Để cho không khí thêm vui vẻ, ông có mời hai hay ba nghệ sĩ Liên Xô tham gia, họ hát một số trích đoạn.

Dĩ nhiên là chúng tôi có nói đến chuyện hợp nhất giữa Bulgaria và Nam Tư nhưng chỉ nói chung chung, không đi vào chi tiết. Tito và Dimitrov kể lại những kỉ niệm thời họ cùng công tác ở Comintern. Nói chung, có thể coi đây là cuộc gặp của những người bạn chứ không phải là buổi thảo luận có tính chính trị.

Dimitrov lúc đó là người rất cô đơn vì tất cả kiều dân Bulgaria đã trở về nước cùng với Hồng quân rồi.

Dimitrov trông mệt mỏi và thiếu quyết đoán. Nguyên nhân hay một phần nguyên nhân thì ai cũng biết nhưng chẳng ai dám nói ra. Mặc dù Bulgaria đã được giải phóng nhưng Satlin không cho Dimitrov hồi hương vì cho rằng chưa đến lúc, các chính phủ phương Tây sẽ coi đây là việc công khai đưa chủ nghĩa cộng sản vào Bulgaria. Làm như đường lối đó không hai năm rưỡi rồi vậy! Chuyện đó cũng đã được nói tới trong bữa ăn tối ở chỗ Stalin. Vừa nháy mắt, Stalin vừa bảo:

“Chưa phải lúc để Dimitrov trở về Bulgaria, ở đây cũng tốt chán”.

Mặc dù không thể chứng minh, nhưng lúc đó người ta đã ngờ rằng Stalin sẽ không cho Dimitrov trở về trước khi ông ta ổn định được trật tự ở Bulgaria.

Chúng tôi mới nghi ngờ chứ chưa dám khẳng định rằng Liên Xô đang có xu hướng bá quyền nhưng chúng tôi đã có cảm giác như thế. Chúng tôi phải miễn cưỡng đồng ý với những mối ngờ vực tưởng tượng của Stalin rằng Dimitrov sẽ đưa Bulgaria quá nhanh về phía tả.

Dẫu vậy, thế cũng đủ, cho giai đoạn đầu.

Nhưng điều đó gợi ra một loạt câu hỏi: Stalin dĩ nhiên là một thiên tài, nhưng Dimitrov cũng

đâu có phải là tay mơ, làm sao Stalin biết rõ các vấn đề của Bulgaria hơn Dimitrov? Việc giữ Dimitrov ở Moskva, trái với ý ông, có làm giảm uy tín của ông đối với những người cộng sản Bulgaria không? Và nói chung, trò chơi phức tạp xung quanh chuyến hồi hương của Dimitrov có ích lợi gì? Tại sao người Nga không nói cho ai biết, ngay Dimitrov cũng không biết?

Hơn ở đâu hết, trong chính trị, mọi sự thường bắt đầu từ sự xa lánh về mặt đạo đức và nghi ngờ về những dự định tốt đẹp.

6.

Chúng tôi về nước qua ngã Kiev và theo ước muốn chung, cả phía Liên Xô và phía chúng tôi, chúng tôi đã dành ba ngày để thăm chính phủ Ukraine.

Bí thư Đảng Bolshevik và Chủ tịch chính phủ Ukraine lúc đó là Nikita Khrushchev và Bộ trưởng ngoại giao là Manuiski. Họ đón tiếp chúng tôi và chúng tôi ở đây ba ngày như dự tính.

Lúc đó, đây là năm 1945, chiến tranh vẫn còn và có thể đề đạt một số nguyện vọng – Khrushchev và Manuiski hỏi: liệu Ukraine có thể thiết lập quan hệ ngoại giao với các chế độ “dân chủ nhân dân” hay không?

Chuyện đó không đi đến đâu - chẳng bao lâu sau, chính Stalin cũng bị phản đối về vấn đề “dân chủ nhân dân” cho nên ông ta không thể nghĩ đến việc củng cố nền độc lập cho Ukraine. Còn ông già Manuiski, một kẻ đa ngôn, một Bộ trưởng không có bộ, tiếp tục nói đủ thứ chuyện nhằm nhí ở Liên hợp quốc thêm vài ba năm nữa rồi bất thành lĩnh lặn mất tăm.

Khrushchev có một số phận hoàn toàn khác. Nhưng lúc đó, không ai có thể ngờ rằng nó lại diễn ra theo hướng ấy.

Ngay lúc đó, đúng hơn là từ năm 1938, ông ta đã nằm trong ban lãnh đạo tối cao, mặc dù người ta cho rằng ông không thân cận với Stalin bằng Molotov hay Malenkov và ngay cả Kaganovich. Trong ban lãnh đạo Liên Xô, ông được coi là người tháo vát, có nhiều tài năng trong lĩnh vực kinh tế và tổ chức nhưng về mặt viết lách và nói năng thì hoàn toàn không có tiếng tăm gì. Ông được đưa lên các chức vụ lãnh đạo Ukraine sau những chiến dịch thanh trừng hồi giữa những năm 30 nhưng ông đóng vai trò gì trong những vụ thanh trừng đó thì tôi không rõ, thực ra lúc đó, tôi không quan tâm tới vấn đề này. Nhưng cách đề bạt dưới thời Stalin thì ai cũng rõ: phải kiên quyết và khéo léo trong những chiến dịch thanh trừng chống “địa chủ” và “chống đảng”. Đặc biệt là đối với Ukraine, ở đây, bên cạnh những tội lỗi chết người đó, còn có thêm tội “dân tộc chủ nghĩa” nữa.

Con đường hoạn lộ của Khrushchev, dù ông leo lên các chức vụ cao khi còn khá trẻ, không phải là bất thường trong hoàn cảnh Liên Xô lúc đó: ông đã học qua các trường, cả chính trị lẫn các loại trường khác và leo lên theo các nấc thang của đảng nhờ lòng trung thành, tài khéo léo và trí thông minh. Ông, cũng như đa số cán bộ lãnh đạo lúc đó, thuộc thế hệ mới, thế hệ sau

cách mạng, thể hệ được đề bạt dưới thời Stalin. Nhưng khi Hồng quân buộc phải rút khỏi Ukraine, ông được đưa lên chức vụ khá cao và sau khi quân Đức rút đi thì ông mang quân hàm trung tướng và trở về nắm giữ các chức vụ cao nhất của Đảng và chính phủ tại đây.

Nghe nói Khrushchev không phải gốc Ukraine mà là gốc Nga. Nhưng người ta tránh đề tài này, chính ông cũng không nói bởi vì ở Ukraine mà người đứng đầu chính phủ lại không phải người Ukraine thì thật bất tiện! Ngay đối với chúng tôi, những người cộng sản, những người có thể biện hộ và giải thích tất cả những thứ có thể làm méo mó hình ảnh của chính chúng tôi cũng phải lấy làm ngạc nhiên là làm sao cái nước Ukraine với diện tích còn lớn hơn diện tích nước Pháp, với nền văn hoá, một số mặt, còn cao hơn Nga lại không có nổi một người đứng đầu chính phủ?

Nhưng người ta không thể giấu được chúng tôi rằng người Ukraine thường đào ngũ ngay khi quân Đức chiếm được quê hương họ, chẳng thế mà sau khi đuổi được quân Đức đi rồi, người ta đã động viên được hai triệu rưỡi thanh niên Ukraine tham gia Hồng quân. Các chiến dịch, tuy không lớn, chống lại các phần tử dân tộc chủ nghĩa Ukraine vẫn đang diễn ra, viên tướng tài năng người Nga là Vatutin [1] đã hi sinh trong một chiến dịch như thế. Cho rằng đây là tàn dư của chủ nghĩa dân tộc, như người ta giải thích, là không hoàn toàn thuyết phục. Ta có thể hỏi: cái chủ nghĩa dân tộc ấy từ đâu ra nếu các dân tộc ở Liên Xô đều bình đẳng với nhau?

Chúng tôi cũng lấy làm băn khoăn và ngạc nhiên về cái sự Nga hoá đời sống xã hội đang diễn ra ở đây: trong nhà hát, người ta nói bằng tiếng Nga; một số tờ báo được in bằng tiếng Nga.

Nhưng chúng tôi không nghĩ đây là lỗi của Khrushchev. Là một người cộng sản gương mẫu, ông chỉ có thể thực hiện những chỉ thị của Đảng, của Ban chấp hành trung ương và người thầy, người lãnh tụ vĩ đại của mình là I. V. Stalin mà thôi.

Tất cả các nhà lãnh đạo Liên Xô đều là những người có đầu óc thực tiễn và trong giới của mình, họ còn tỏ ra giản dị nữa. Ở N. S. Khrushchev, cả hai đức tính ấy đều rất rõ nét.

Lúc đó, cũng như hiện nay, sau khi đọc kỹ những bài phát biểu của ông, tôi có cảm tưởng rằng kiến thức của ông không vượt ra ngoài nền văn học cổ điển Nga, còn lí luận của ông cũng không vượt ra ngoài trình độ của các trường đảng trung cấp. Nhưng ngoài khối lượng kiến thức hời hợt, tiếp thu được trong những khoá học khác nhau đó, điều quan trọng là những hiểu biết mà ông có được do tự học, trong một quá trình tự rèn luyện không mệt mỏi, và nhất là do kinh nghiệm hoạt động thực tiễn trong rất nhiều lĩnh vực khác nhau. Thật khó xác định số lượng và tính chất của khối kiến thức đó vì ta sẽ phải ngạc nhiên khi thấy ông hiểu sâu sắc nhiều chuyện nhưng ông lại không biết nhiều chân lí tối thiểu. Trí nhớ của ông phải nói là vô địch, cách trình bày sống động và đầy hình ảnh.

So với những người lãnh đạo Liên Xô khác, ông thuộc loại lợi khẩu và mặc dù ông cũng như nhiều nhà lãnh đạo khác lúc đó rất hay sử dụng thành ngữ, tục ngữ - đấy cũng là cách chứng tỏ mối liên hệ với nhân dân – nhưng ở ông, nó không có vẻ giả dối như những người khác vì thái độ và câu chuyện tự nhiên, giản dị của ông.

Khrushchev có khả năng kể chuyện khôi hài. Nhưng khác với Stalin, chuyện khôi hài của Stalin mang dáng vẻ trí thức nên vụng về và trắng trợn, chuyện khôi hài của Khrushchev là những chuyện bình dân cho nên thường thô lỗ, nhưng lại sống động hơn và thấm lâu. Khi đã đứng ở đỉnh cao quyền lực và được toàn thế giới dõi theo, ông phải chú ý đến cử chỉ và cách nói năng của mình nhưng về cơ bản là không thay đổi và không khó nhận ra rằng người đứng đầu nhà nước Xô viết có xuất thân từ quần chúng lao động. Cũng phải nói thêm, khác với những lãnh tụ cộng sản khác, ông không phải là kẻ tự học và học không đến nơi, ông không cần che giấu sự vô học và khiếm khuyết của mình bằng sự phô trương hào nhoáng bên ngoài. Ta thấy ông nói rất nhiều chuyện tầm thường, điều đó chỉ chứng tỏ sự thiếu hụt kiến thức hoặc là ông đã thuộc lòng các công thức mác-xít nhưng ông trình bày một cách giản dị và thuyết phục. Ngôn ngữ và phương pháp nói chuyện của ông phù hợp với đám đông thính giả hơn là Stalin.

Trong bộ tướng phục không còn mới và không bao giờ là, ông là lãnh tụ Xô viết duy nhất hiểu và tham gia giải quyết cả những điều nhỏ nhặt, tham gia giải quyết các công việc thường nhật của các đảng viên thường và quần chúng lao động nói chung. Dĩ nhiên, ông làm thế không phải để phá hoại mà ngược lại để củng cố, để hoàn thiện chế độ hiện hành. Nhưng ông tìm hiểu và uốn nắn, trong khi những người khác đưa ra chỉ thị từ các văn phòng nơi họ đọc báo cáo.

Không có nhà lãnh đạo Liên Xô nào đi về các nông trang và nếu có đi thì chỉ để uống và để tuyên truyền mà thôi. Khrushchev đi với chúng tôi về nông trang, ông tin tưởng tuyệt đối vào hệ thống nông trang. Lần ấy, ông đã cụng li, những chiếc li vodka to đùng, với các nông trang viên. Ông xem vườn ươm rồi ghé vào trại lợn và thảo luận với dân chúng những vấn đề đặt ra trong thực tiễn. Trên đường về Kiev, thỉnh thoảng ông lại quay về với câu chuyện còn bỏ dở và nói công khai về những nhược điểm còn tồn tại ở đấy.

Khả năng tuyệt vời trong việc nắm những vấn đề thực tiễn ở tầm vĩ mô của ông đã được chúng tôi cảm nhận trong cuộc họp với các cán bộ phụ trách kinh tế trong chính phủ Ukraine – các bộ trưởng của ông, khác với các đồng cấp Nam Tư, nắm vững các vấn đề và quan trọng hơn, họ đánh giá tình hình một cách thực tế hơn chúng tôi.

Khrushchev thuộc loại người tầm thước, béo tốt phương phi nhưng hoạt bát, nhanh nhẹn, có cảm giác như được tạc ra từ một tảng đá vậy. Ông tu một lúc rất nhiều nước, cứ như thể cần phải bảo vệ cái hàm giả làm bằng thép. Trong khi Stalin và những cộng sự thích nhậu nhẹt, nếu không nói rằng họ là những người sùng bái ăn nhậu, thì theo tôi Khrushchev tỏ ra bàng quan

với đồ ăn; cũng như bất kì người bận việc nào, điều quan trọng đối với ông là chỉ cần được ăn no, thể thoải. Dĩ nhiên là ông có điều kiện để làm như thế. Bàn tiệc của ông cũng ê hề nhưng thiếu cá tính. Khrushchev không phải là người ưa nhậu nhẹt, mặc dù ông ăn không kém gì Stalin, uống còn nhiều hơn.

Khrushchev là người năng động và giống như tất cả những người hoạt động trong thực tiễn, ông rất nhạy bén trong việc thích ứng với hoàn cảnh. Tôi nghĩ rằng ông sẽ không chần chừ trong việc lựa chọn phương tiện nếu phương tiện đó có ích cho ông trong thực tế. Nhưng giống như tất cả những kẻ mị dân xuất thân từ quần chúng, những kẻ thường chẳng mấy chốc đã tin ngay vào những điều mình nói, ông cũng dễ dàng từ bỏ ngay các phương pháp không còn có ích và sẵn sàng biện hộ rằng đấy là do các nguyên tắc đạo đức và lí tưởng cao cả. Ông thích câu tục ngữ: “Người ta không chọn gậy khi lâm trận”. Câu ngạn ngữ này biện hộ cho ông khi ông dùng gậy ngay cả trong trường hợp chẳng có đánh nhau gì hết.

Tất cả những điều tôi trình bày ở đây không phải là những điều cần nói về Khrushchev hôm nay. Tôi chỉ xin ghi lại những cảm nghĩ cũ của mình và chỉ dừng đến phần nào những suy tư của ngày hôm nay mà thôi.

Lúc đó, tôi không thấy Khrushchev có ý trách móc Stalin hay Molotov gì cả. Ông tỏ ra kính trọng và nhấn mạnh rằng mình thuộc trong số những người thân cận với Stalin. Ông còn kể rằng ngay trước ngày quân Đức tấn công, Stalin đã gọi cho ông từ Moskva rằng phải thận trọng vì có tin rằng ngày mai, 22 tháng 6, quân Đức sẽ bắt đầu chiến dịch. Tôi nói điều này chỉ như một sự kiện chứ không phải để bác bỏ lời của Khrushchev rằng bị bất ngờ khi quân Đức tấn công là do lỗi của Stalin. Sự bất ngờ này là hậu quả của những tính toán chính trị sai lầm của Stalin.

Nhưng dù sao, Kiev cũng để lại ấn tượng tươi mát, đấy là tinh thần thực tế và kiểm chế của Khrushchev, lòng nhiệt tình của Manuiski, vẻ đẹp của chính thành phố, một thành trái rộng ngút tầm mắt và hắt bóng xuống dòng sông rộng lớn tựa như Belgrad vậy.

Nhưng nếu Khrushchev tạo cho ta cảm giác tự tin, cứng rắn và thực tế, còn Kiev là một thành phố đẹp, có văn hoá và được xây dựng hài hoà thì Ukraine chỉ còn lại trong trí nhớ như là một cái gì đó thiếu cá tính, mệt mỏi và thiếu sinh khí.

Càng đi sâu vào hiện thực của đời sống Xô viết, mối nghi ngờ của tôi chỉ càng tăng thêm. Càng ngày tôi càng thấy lương tâm của mình thật khó dung hoà với cái hiện thực đó.

[1] Vatutin hi sinh ngày 29 tháng 2 năm 1945 (trích theo cuốn Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, Moskva 1970, trang 273 – chú thích của bản tiếng Nga)

Thất vọng

1.

Tôi gặp Stalin lần thứ ba vào đầu năm 1948. Đây là cuộc gặp có ý nghĩa nhất vì nó diễn ra ngay trước cuộc xung đột giữa lãnh đạo Liên Xô và Nam Tư.

Ngay trước cuộc gặp đã xảy ra những sự kiện và thay đổi quan trọng trong quan hệ giữa Liên Xô và Nam Tư.

Quan hệ giữa Liên Xô và phương Tây đã bắt đầu có tính chất của cuộc chiến tranh lạnh và dưới hình thức quan hệ giữa hai khối.

Sự kiện có tính chất quyết định ở đây, theo tôi, là việc Liên Xô từ chối kế hoạch Marshall, cuộc nội chiến ở Hi Lạp và việc thành lập Phòng thông tin của các đảng cộng sản và công nhân quốc tế gọi là Cominform.

Chỉ có Liên Xô và Nam Tư là hai nước kiên quyết từ chối tham gia kế hoạch Marshall. Nam Tư từ chối do chủ nghĩa giáo điều, còn Liên Xô thì sợ rằng sự giúp đỡ kinh tế của Mỹ sẽ làm lung lay cái đế chế vừa chiếm được bằng chiến tranh.

Tôi, trên đường tham dự đại hội Đảng cộng sản Pháp ở Strasbourg, đã tình cờ có mặt ở Paris đúng vào lúc diễn ra cuộc đàm phán giữa Molotov và các đại diện phương Tây về kế hoạch Marshall. Molotov tiếp tôi trong Đại sứ quán Liên Xô, tại đây chúng tôi đã thoả thuận sẽ phản đối kế hoạch Marshall và phê bình Đảng cộng sản Pháp vì cái gọi là “đường lối dân tộc” của họ. Molotov đặc biệt quan tâm đến thái độ của tôi đối với đại hội. Molotov nói về tờ Dân chủ mới do Duclo làm tổng biên tập, một tờ báo có nhiệm vụ thể hiện sự thống nhất quan điểm của các đảng cộng sản, như sau:

“Không phải là việc cần, không phải là việc cần làm bây giờ.”

Molotov có lưỡng lự về kế hoạch Marshall và cho rằng có thể phải đồng ý tổ chức với sự tham gia của các nước Đông Âu, nhưng chỉ với mục đích tuyên truyền, sẽ lợi dụng diễn đàn và đứng dậy bỏ ra về khi cần thiết. Tôi không thích phương án ấy lắm, nhưng nếu người Nga cố ép thì tôi sẽ đồng ý, đấy cũng là quan điểm của chính phủ tôi. Nhưng Molotov đã nhận được chỉ thị của Bộ chính trị từ Moskva rằng không được đồng ý ngay cả với việc tổ chức hội nghị.

Ngay sau khi tôi về Belgrad thì ở Moskva diễn ra hội nghị các nước Đông Âu nhằm thống nhất quan điểm về kế hoạch Marshall. Tôi được chỉ định dẫn đầu đoàn đại biểu Nam Tư. Mục đích thực sự của nó là cùng ép Tiệp Khắc vì chính phủ nước này không phản đối việc tham gia kế hoạch Marshall. Máy bay Liên Xô đã đợi sẵn ở sân bay nhưng có điện từ Moskva nói rằng không cần họp nữa vì chính phủ Tiệp đã từ bỏ quan điểm ban đầu rồi.

Phòng thông tin quốc tế (Cominform) được thành lập cũng vì lí do như thế: nhiệm vụ của nó là giải quyết các quan điểm khác với quan điểm của Moskva. Ý tưởng về việc thành lập một tổ chức có thể bảo đảm sự phối hợp và trao đổi quan điểm giữa các đảng cộng sản được bàn thảo ngay từ mùa hè năm 1946; Stalin, Tito và Dimitrov cũng đã nói chuyện đó. Nhưng vì nhiều lí do mà kế hoạch phải hoãn lại, mà lí do chủ yếu là vì các lãnh tụ Xô viết chưa quyết định được thời gian thích hợp. Mãi đến mùa thu năm 1947, kế hoạch này mới được thực hiện, không nghi ngờ gì rằng điều đó có liên quan đến việc Liên Xô từ chối kế hoạch Marshall và sự củng cố vai trò của Liên Xô trong các nước Đông Âu.

Trong cuộc hội nghị thành lập diễn ra ở miền tây Ba Lan, đây là vùng đất cũ của Đức, chỉ có hai đoàn kiên quyết đề nghị thành lập, đấy là đoàn Nam Tư và đoàn Liên Xô. Gomulka (Ba Lan-ND) phản đối, ông phát biểu thận trọng nhưng không úp mở về con đường “đi lên chủ nghĩa xã hội theo cách của Ba Lan”.

Xin nhắc lại một chuyện vui rằng Stalin đã nghĩ ra tên gọi cho tờ báo của Cominform là Vì một nền hoà bình bền vững, vì nền dân chủ nhân dân, và cho rằng các cơ quan tuyên truyền phương Tây mỗi lần trích dẫn một câu gì đó từ tờ tạp chí cũng sẽ phải nhắc lại khẩu hiệu này. Nhưng hi vọng của Stalin không thành hiện thực: tên này dài quá và mang tính tuyên truyền lộ liễu quá nên ở phương Tây người ta chỉ gọi đơn giản là “cơ quan của Cominform”. Stalin cũng là người quyết định địa điểm của Cominform. Các đoàn đại biểu đã thống nhất đặt ở Praha. Đại diện của Tiệp là Slanski ngay chiều hôm ấy phải phóng xe về Praha để tham khảo ý kiến Gottwald. Nhưng đêm đó, Gdanov và Malenkov đã nói chuyện với Stalin, ngay ở một khách sạn xa xôi hẻo lánh thế này cũng phải xin ý kiến trực tiếp của Moskva. Và vì Gottwald không thích đặt ở Praha lắm, Stalin đã ra lệnh đặt trụ sở Cominform ở Belgrad.

Có hai quá trình diễn ra song hành trong quan hệ giữa Nam Tư và Liên Xô: ngoài mặt thì là sự thống nhất về chính trị và tư tưởng nhưng trên thực tế thì sự đánh giá và hành động đã khác nhau.

Khi phái đoàn lãnh đạo cấp cao Nam Tư gồm Tito, Rankovich, Kidric, Neskovic có mặt ở Moskva vào mùa hè năm 1946, ngoài mặt, quan hệ giữa hai bên cực kì thân thiện. Stalin ôm hôn Tito rồi còn dự đoán vai trò của ông trên phạm vi toàn châu lục nữa, trong khi tỏ ra coi thường đoàn Bulgaria và Dimitrov. Nhưng chẳng bao lâu sau đã xảy ra tranh luận và bất đồng.

Những mâu thuẫn được che đậy tiếp tục phát triển. Tuy thế giới phi cộng sản không hề biết đến những mâu thuẫn ấy nhưng chúng vẫn luôn bùng phát trong các cấp lãnh đạo cao nhất của đảng. Đấy là những vụ liên quan đến việc tuyển mộ nhân viên tình báo, đặc biệt là trong bộ máy đảng và chính quyền và trong lĩnh vực tư tưởng mà chủ yếu là việc coi thường cách mạng Nam Tư từ phía Liên Xô. Các đại diện Liên Xô đã tỏ vẻ khó chịu ra mặt khi thấy Tito được ca

ngợi cùng với Stalin, họ có thái độ hoàn toàn tiêu cực khi thấy Nam Tư có quan hệ độc lập và ngày càng có uy tín với các nước Đông Âu.

Chẳng mấy chốc, mâu thuẫn đã chuyển sang lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là khi người Nam Tư nhận ra rằng ngoài các quan hệ thương mại bình thường, họ không thể hi vọng vào sự giúp đỡ của Liên Xô trong việc thực hiện kế hoạch năm năm. Cảm thấy sự chống đối, Stalin nói rằng các công ty hợp doanh là không phù hợp với các nước hữu nghị anh em và hứa sẽ giúp đỡ về mọi mặt. Nhưng đồng thời các đại diện thương mại của Liên Xô lại dụng lợi thế do sự bùng nổ mâu thuẫn trong quan hệ giữa Nam Tư và các nước phương Tây và ảo tưởng của Nam Tư rằng Liên Xô là nhà nước không vị kỉ và không có ý đồ bá quyền.

Duy có Nam Tư và Albania là hai nước Đông Âu tự giải phóng khỏi ách phát xít và đồng thời hoàn thành cuộc cách mạng nội bộ mà không cần sự trợ giúp có tính chất quyết định của Hồng quân. Công cuộc cải tạo xã hội ở đây diễn ra sâu sắc hơn bất kì nước nào khác và Nam Tư đồng thời cũng là nước có vai trò tích cực trong việc thành lập khối Đông Âu thân Liên Xô. Cuộc nội chiến đang diễn ra ở Hi Lạp. Nam Tư bị vu là kích động và ủng hộ về mặt vật chất cho cuộc chiến tranh đó, quan hệ của nó với phương Tây và đặc biệt là Mỹ cực kì căng thẳng.

Hôm nay, nhìn lại thời đã qua, tôi có cảm tưởng rằng chính phủ Liên Xô không những chỉ quan sát một cách thích thú sự xấu đi của những mối quan hệ đó mà còn thực hiện một số bước làm cho nó trầm trọng thêm, dĩ nhiên là họ theo dõi để làm sao các bước đó không vượt ra ngoài khả năng và lợi ích của chính mình. Molotov chút nữa thì đã ôm hôn Kardelj khi nhận được tin hai máy bay Mỹ đã bị bắn rơi trên bầu trời Nam Tư nhưng đồng thời lại thuyết phục rằng không nên bắn thêm cái thứ ba. Chính phủ Liên Xô không ủng hộ một cách trực tiếp cuộc khởi nghĩa ở Hi Lạp, như vậy là đã để Nam Tư gần như đơn độc trên ghế bị cáo ở Liên hiệp quốc, nhưng cũng không có một hành động dứt khoát nào nhằm văn hồi hoà bình cho đến khi Stalin thấy rằng việc đó có lợi cho mình.

Việc đưa Cominform về Belgrad cũng thế, mới đầu thì tưởng đấy là việc công nhận cách mạng Nam Tư nhưng hoá ra đằng sau nó là ý định ngấm của Liên Xô: ban lãnh đạo Nam Tư được ru ngủ trong sự tự mãn cách mạng và phải phục tùng tinh thần đoàn kết cộng sản quốc tế giả tạo; trên thực tế, điều đó nghĩa là công nhận chủ nghĩa bá quyền Liên Xô và thực hiện những đòi hỏi không bao giờ ngưng của bộ máy quan liêu Xô viết.

Xin được nói về thái độ của Stalin đối với cách mạng, cũng có nghĩa là thái độ đối với cách mạng Nam Tư.

Có nhiều ý kiến, không phải là không có cơ sở, cho rằng vào những giờ phút quyết định, Moskva đã từ chối giúp đỡ cách mạng Trung Quốc, Tây Ban Nha, Nam Tư vì Stalin là người phản đối cách mạng nói chung. Nhưng điều đó không hoàn toàn đúng. Stalin chỉ chống lại cách

mạng khi cuộc cách mạng ấy vượt ra ngoài quyền lợi của nhà nước Liên Xô mà thôi. Ông đã linh cảm thấy rằng việc thành lập các trung tâm cách mạng mới bên ngoài Moskva sẽ đe dọa vị trí độc quyền trong phong trào cộng sản thế giới, điều đó đã trở thành hiện thực rồi. Cho nên ông ta chỉ ủng hộ các cuộc cách mạng khi chúng còn nằm trong vòng kiểm soát của ông, ông sẵn sàng bỏ rơi nếu chúng vượt khỏi tầm tay. Tôi cho rằng cho đến hôm nay chính sách của chính phủ Liên Xô chưa có thay đổi đáng kể về vấn đề này.

Nắm trong tay toàn bộ nguồn lực của đất nước, Stalin không thể hành động khác ngay cả ở bên ngoài lãnh thổ của nó. Kéo khái niệm tiến bộ và tự do xuống ngang với quyền lợi của một đảng chính trị ở nước mình, ông chỉ có thể hành động như chủ nhân ông tại những nước khác mà thôi. Ông chỉ còn là công việc. Ông đã trở thành nô lệ của chế độ chuyên chế và quan liêu, nô lệ của sự hẹp hòi, thiển cận và nhạt nhẽo, nghĩa là nô lệ của tất cả những điều mà ông đã buộc vào cho chính đất nước mình.

Hoàn toàn đúng khi có người nói rằng: không thể tước đoạt tự do của người khác mà không đánh mất tự do của chính mình.

2.

Tôi phải đi Moskva là vì có sự khác biệt trong chính sách giữa Nam Tư và Liên Xô về vấn đề quan hệ với Albania.

Cuối tháng 12 năm 1947, chúng tôi nhận được một bức điện nói rằng Stalin yêu cầu tôi hoặc một ủy viên nào đó trong Ban chấp hành trung ương Nam Tư phải đến Moskva để thống nhất chính sách của hai chính phủ đối trong quan hệ với Albania.

Sự khác biệt biểu hiện rõ nhất sau vụ tự sát của Spiru Naku, ủy viên Ban chấp hành trung ương Albania.

Quan hệ giữa Nam Tư và Albania phát triển trong tất cả các lĩnh vực. Nam Tư càng ngày càng gửi nhiều chuyên gia, thuộc đủ các ngành nghề, sang Albania. Nam Tư còn cung cấp cho Albania lương thực thực phẩm, mặc dù chính Nam Tư cũng đang thiếu thốn. Về nguyên tắc, cả hai chính phủ cùng có chung quan điểm cho rằng Albania phải hợp nhất với Nam Tư, như thế cùng một lúc sẽ giải quyết được vấn đề nhóm dân thiểu số Albania ở Nam Tư.

Các điều kiện trợ giúp của Nam Tư cho Albania có phần thuận lợi và công bằng hơn các điều kiện của chính phủ Liên Xô đối với Nam Tư. Nhưng có vẻ như vấn đề không phải là lẽ công bằng mà là thực chất của các mối quan hệ. Một số nhà lãnh đạo Albania ngấm ngầm chống lại các mối quan hệ như thế.

Spiru Naku, một người nhỏ nhắn, yếu đuối về mặt thể lực nhưng là một trí thức sâu sắc và cực kì nhạy cảm, lúc đó đang lãnh đạo lĩnh vực kinh tế trong chính phủ Albania là người đầu tiên công khai phản đối Nam Tư và đòi cho Albania được phát triển một cách độc lập. Quan

điểm của ông gặp phải phản ứng tiêu cực không những ở Nam Tư mà còn bị phản đối ngay trong Ban chấp hành trung ương Albania. Koci Xoxe, Bộ trưởng Nội vụ, sau này bị tử hình vì tội ủng hộ Nam Tư, là người phản đối dữ dội nhất. Xuất thân là công nhân, một người cách mạng lão thành, Xoxe được coi là đảng viên trung kiên nhất, mặc dù Enver Hoxha là Tổng bí thư Đảng và là người đứng đầu chính phủ, ông này là người có học hơn và khôn ngoan hơn. Enver Hoxha cũng phê phán Naku, mặc dù không ai biết quan điểm thực sự của ông là gì. Bị kết án là theo chủ nghĩa sô vanh và bị cô lập, đứng trước nguy cơ bị khai trừ khỏi đảng, Naku đã tự bắn một viên đạn vào đầu mà không biết rằng cái chết của ông đã khơi mào cho sự căng thẳng trong quan hệ giữa Nam Tư và Albania.

Người ta đã giấu nhem biến cố này, chỉ mãi về sau, khi xung đột giữa Nam Tư và Albania đã trở thành công khai, Enver Hoxha mới biến Naku thành anh hùng dân tộc. Nhưng sự kiện này đã gây ra cho lãnh đạo hai bên ấn tượng rất nặng nề, những câu chữ chung chung mà người cộng sản vẫn dùng trong những trường hợp như thế như: tiểu tư sản, hèn nhát... không thể nào tẩy xoá được ấn tượng nặng nề nêu trên.

Chính phủ Liên Xô biết rõ nguyên nhân cái chết của Naku cũng như quan hệ giữa Nam Tư và Albania. Các cơ quan đại diện của Liên Xô ở Tirana phình lên nhanh chóng. Nói chung, chính phủ Albania và Nam Tư không giấu diếm Liên Xô các vấn đề của mình, mặc dù Nam Tư không tham khảo Liên Xô về các chính sách cụ thể.

Các đại diện Liên Xô càng ngày càng tỏ ra bất mãn với những công việc cụ thể do Nam Tư thực hiện tại Albania. Nhóm lãnh đạo của Enver Hoxha ngày càng tỏ ra thân mật hơn với phái đoàn Liên Xô. Lúc thì một đại diện nào đó của Liên Xô trách: Tại sao Nam Tư tổ chức các công ty hợp doanh với Albania mà không muốn thành lập các công ty như thế với Liên Xô? Có khi lại hỏi: Tại sao chúng tôi lại cử cố vấn sang giúp quân đội Albania trong khi người Liên Xô làm cố vấn cho Nam Tư? Làm sao chúng tôi có thể cố vấn cho Albania về vấn đề phát triển trong khi chính Nam Tư lại cần cố vấn nước ngoài? Tại sao một nước Nam Tư vừa nghèo vừa lạc hậu lại đi giúp Albania phát triển?

Càng ngày càng thấy rõ xu hướng của Moskva muốn thay thế vị trí của Nam Tư ở Albania. Thật là bất công đối với Nam Tư vì không phải Liên Xô sẽ hợp nhất với Albania, hơn nữa, Liên Xô cũng không phải là nước có biên giới chung với Albania. Đồng thời, người ta cũng thấy rõ xu thế ngả về Liên Xô của ban lãnh đạo cấp cao Albania, điều đó thể hiện rất rõ trong công tác tuyên truyền của họ.

Đề nghị của chính phủ Liên Xô về việc giải quyết bất đồng trong vấn đề Albania được phía Nam Tư đón nhận bằng cả hai tay nhưng cho đến nay, vẫn không rõ là tại sao Stalin lại muốn chính tôi phải đi Moskva.

Tôi nghĩ rằng có hai lí do.

Không nghi ngờ gì rằng tôi đã để lại cho ông ta ấn tượng là một người bông bột và thẳng thắn, những người cộng sản Nam Tư cũng nghĩ rằng tôi là một người như thế. Như vậy, tôi là người phù hợp cho những cuộc đối thoại cởi mở về những vấn đề phức tạp và nhạy cảm.

Nhưng tôi còn cho rằng Stalin muốn lôi kéo tôi để gây chia rẽ và khuất phục Ban chấp hành trung ương Nam Tư. Trước đây, ông ta đã lôi kéo được Hebrang và Giuovik rồi. Nhưng Hebrang đã bị khai trừ khỏi Ban chấp hành trung ương và đang bị theo dõi vì những liên hệ mờ ám với cảnh sát Hoàng gia trước đây. Giuovik là một người lỗi lạc, nhưng mặc dù là ủy viên Ban chấp hành trung ương, ông lại không phải là người thuộc nhóm thân cận Tito từ thời thành lập Đảng và trong thời kì diễn ra cách mạng. Trong chuyến viếng thăm đến Moskva vào năm 1946, khi Tito nói rằng tôi bị bệnh đau đầu thì Stalin đã mời tôi đến nghỉ ở Krym. Tôi không đi vì sau đó, không thấy họ gửi lời mời qua sứ quán và tôi cho rằng đấy chỉ là lời nói có tính xã giao.

Tôi lên đường đi Moskva, nếu tôi nhớ không lầm, vào ngày 8 tháng 1 năm 1948 hoặc gần ngày đó với tâm trạng nửa mừng nửa lo. Tôi mừng vì được Stalin mời nhưng trong đáy sâu tâm hồn, tôi ngờ rằng đây không phải là vô tình và không phải là việc tử tế đối với Tito cũng như Ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Nam Tư.

Trước khi lên đường, tôi không nhận được hướng dẫn hay chỉ thị cụ thể nào. Vì tôi nằm trong ban lãnh đạo tối cao và quan điểm chung cũng đã được xác định rồi, mà quan điểm chung lúc đó là các đại diện Liên Xô phải kiềm chế trong việc đưa ra ý kiến thiếu tế nhị liên quan đến chính sách hợp nhất giữa Nam Tư và Albania, cũng như họ không được thực thi những đường lối đặc biệt nào khác.

Nhân dịp này, một phái đoàn quân sự Nam Tư cũng lên đường đi Moskva cùng với tôi. Họ có nhiệm vụ trình bày nhu cầu trong lĩnh vực trang thiết bị quân sự và khôi phục nền công nghiệp quốc phòng. Trong đoàn đại biểu quân sự có Koca Popovic, Tổng tham mưu trưởng và Todorovic, Tổng cục trưởng tổng cục công nghiệp quốc phòng. Cvetozar Vukmanovok-Tempo, Tổng cục trưởng tổng cục chính trị cũng đi với chúng tôi để làm quen với kinh nghiệm của Hồng quân trong lĩnh vực này.

Chúng tôi đi bằng tàu hoả, mọi người đều phấn khởi, lòng tràn đầy hi vọng. Nhưng đồng thời quan điểm của chúng tôi cũng rất rõ ràng: Nam Tư phải giải quyết các vấn đề bằng lực lượng và theo cách của mình.

3.

Quan điểm này đã được nói ra ngay cả trước khi cần nói, đấy là tại bữa ăn tối trong đại sứ quán Nam Tư ở Bukarest, bữa đó Anna Pauker, bộ trưởng ngoại giao, và một số nhà hoạt động chính trị nổi tiếng của Rumania cũng có mặt.

Hôm đó, tất cả các đồng chí Nam Tư, trừ ông đại sứ Golubovic, người sau này đã vượt biên vì có cảm tình với Moskva, đều công khai nói rằng Liên Xô không thể là mô hình tuyệt đối trong công cuộc “xây dựng chủ nghĩa xã hội” vì hoàn cảnh đã thay đổi, hơn nữa, điều kiện và quan hệ trong các nước Đông Âu cũng khác nhau. Tôi để ý thấy Anna Pauker chăm chú lắng nghe nhưng bà không nói gì hoặc miễn cưỡng đồng ý với chúng tôi một vấn đề gì đó song vẫn tránh thảo luận vấn đề tế nhị này. Một đồng chí Rumania, tôi nghĩ đó là Bodnarosh, tranh luận với chúng tôi, còn một người khác, đáng tiếc là tôi đã quên tên, lại hoàn toàn đồng ý. Tôi cho rằng không nên thảo luận những vấn đề như thế vì tin rằng sẽ có người báo cáo với người Nga còn họ thì nhất định sẽ coi đó là “bài Xô”, nguồn gốc của mọi tội lỗi trên đời. Nhưng đồng thời tôi cũng không thể từ bỏ quan điểm của mình. Cho nên tôi cố gắng làm dịu bớt cuộc tranh luận bằng cách nhấn mạnh những cống hiến của Liên Xô và ý nghĩa mang tính nguyên tắc của các kinh nghiệm của Liên Xô. Nhưng điều đó có lẽ cũng chẳng mang lại lợi ích gì vì tôi lại nhấn mạnh rằng phải hiểu biết các điều kiện cụ thể mới có thể xác định được đường lối. Nói chung, sẽ có nhiều phiền toái: tôi biết rằng lãnh đạo Liên Xô không bao giờ chấp nhận chính sách “đại đồng tiểu dị” và nhượng bộ, nhất là ngay trong hàng ngũ những người cộng sản với nhau.

Lí do để phê bình thì nhiều, dù chúng tôi chỉ đi ngang qua Rumania mà thôi.

Lí do thứ nhất là quan hệ của Liên Xô với các nước Đông Âu khác: các nước này vẫn bị quân đội Liên Xô chiếm đóng trực tiếp, tài nguyên của họ thì bị khai thác bằng đủ mọi phương tiện, mà thường là thông qua các công ty hợp doanh, người Nga dùng ngay vốn của Đức mà họ tuyên bố là chiến lợi phẩm của họ, ngoài ra không có gì hết. Buôn bán với các nước này cũng khác, thường là theo các hợp đồng đặc biệt, chính phủ Liên Xô mua với giá thấp hơn mà bán thì với giá cao hơn thị trường thế giới. Chỉ có Nam Tư là ngoại lệ. Chúng tôi biết hết. Khung cảnh nghèo nàn và nhận thức được sự bất lực và phục tùng của chính quyền Rumania càng làm chúng tôi bất mãn thêm.

Nhưng điều làm chúng tôi khó chịu nhất là thói ngạo mạn của những người đại diện Liên Xô ở đây. Tôi nhớ chúng tôi đã phát hoảng khi thấy viên tư lệnh ủy ban quân quản Xô Viết ở Iassy nói:

“Cái vùng Iassy này, bắn ọi là bắn! Rumania toàn một lũ trộm cắp!”

Ông ta còn nhắc lại lời của Ehrenburg và Vyshinsky về thói ăn hối lộ và trộm cắp ở Rumania như sau:

“Đây không phải là một dân tộc, đây là một nghề!”

Iassy, đặc biệt là vào mùa đông năm ấy, quả thật rất bẩn, là khu vực bỏ hoang của vùng Ban-căng, chỉ có những người ở đây mới nhận thấy vẻ đẹp của nó trong những quả đồi, những khu vườn và ruộng bậc thang trải dài tít tắp mà thôi. Nhưng chúng tôi cũng biết rằng các thị trấn

của Liên Xô cũng chẳng có gì tốt hơn, nếu không nói là còn xấu hơn. Tuy nhiên, điều làm chúng tôi bức nhất là thói tự cao tự đại “của chủng tộc thượng đẳng” và sự khệnh khạng nước lớn ở những người đại diện Liên Xô. Thái độ tôn trọng, ân cần đối với chúng tôi không chỉ làm nổi bật thêm sự khinh miệt người Rumania mà còn làm chúng tôi thêm tự hào về sự độc lập của mình, buộc chúng tôi phải suy nghĩ một cách độc lập hơn.

Chúng tôi đã coi những thái độ và quan điểm như thế là “có thể xảy ra trong chế độ xã hội chủ nghĩa” vì người Nga là “như thế”, họ là những người lạc hậu, bị cách li với thế giới bên ngoài, truyền thống cách mạng đã nguội lạnh rồi.

Chúng tôi ngáp dài ở lassy mấy tiếng đồng hồ, cho đến khi xe lửa Liên Xô có toa dành riêng cho khách của chính phủ tới đón, đại úy Kozlovski, chuyên gia về Nam Tư trong các cơ quan an ninh Liên Xô đã đợi sẵn. Nhưng lần này, anh ta không được tự nhiên, vui vẻ như trước, dĩ nhiên là không phải vì trước mặt anh ta là các bộ trưởng và tướng lĩnh. Có một cái gì đó khó nắm bắt, khó giải thích, một thái độ xã giao lạnh lùng đã xuất hiện trong quan hệ giữa chúng tôi và các “đồng chí” Liên Xô.

Chúng tôi tìm đủ mọi từ ngữ cay độc để chế giễu cái toa tàu mặc dù nó có đủ thứ tiện nghi, thức ăn ngon và thái độ tận tụy của nhân viên nhà tàu. Những cái tay nắm bằng đồng to đùng, quá nhiều đồ trang trí cổ, chiếc bồn cầu cao đến mức chân không chạm đất, tất cả đều rất khôi hài. Có phải đây là cách thể hiện sự vĩ đại và sức mạnh của quốc gia? Nhưng buồn cười nhất là người phụ trách cái toa tàu sang trọng không khác gì thời Sa hoàng này lại mang theo một cái lồng có mấy con gà ngay trong buồng ngủ của anh ta. Lương ít, quần áo tồi tàn, anh ta phàn nàn với chúng tôi:

“Biết làm thế nào được, các đồng chí ơi, công nhân thì phải xoay đủ cách thôi, nhà đông con, chật vật lắm.”

Mặc dù xe lửa Nam Tư cũng không đúng giờ lắm nhưng không ai phải quá lo lắng chuyện chậm tàu như ở đây. “Sẽ tới”, một anh nhân viên bảo chúng tôi như thế.

Nước Nga dường như cố khẳng định tính chất cố hữu của tâm hồn từng con người và cả dân tộc bằng cách gồng mình lên chống lại sự tắt bật của quá trình công nghiệp hoá và sức mạnh của bộ máy công quyền.

Ukraine và Nga, tuyết phủ đến tận mái mái nhà, khắp nơi vẫn là khung cảnh hoang tàn thời chiến với những nhà ga bị cháy, lán gỗ, những người đàn bà trùm khăn, đi ủng dọn dẹp đường phố, ăn thì chỉ có nước sôi và bánh mì đen.

Chỉ có Kiev là tương đối sạch và đẹp. Dù đêm đã che mất khung cảnh sông Dnepr và những cánh đồng ngoại vi như đã trộn lẫn với bầu trời thì Kiev vẫn làm tôi nhớ đến Belgrad, một thành phố Belgrad của tương lai, với cả triệu dân, một thành phố đã được xây dựng lại bằng

tình yêu thương và sự cẩn thận cần thiết. Nhưng chúng tôi dừng lại ở Kiev không lâu. Không có nhà lãnh đạo nào của Ukraine ra đón chúng tôi cả. Chẳng bao lâu sau, chúng tôi lại lên đường, chúng tôi lao vào bóng đêm trắng xóa vì tuyết và đen ngòm vì buồn, chỉ có toa của chúng tôi là có điện, có đủ thứ tiện nghi, có thừa đồ ăn thức uống giữa cái nghèo và cảnh đổ nát trải dài mệnh mông, bất tận.

4.

Vừa đến Moskva được vài tiếng đồng hồ, khi chúng tôi còn đang tay bắt mặt mừng, nói chuyện với Vladimir Popovic, đại sứ Nam Tư, thì chuông điện thoại reo: Bộ ngoại giao Liên Xô hỏi tôi có mệt không, Stalin muốn gặp tôi ngay chiều hôm đó. Sự vội vàng như thế là bất bình thường, những người cộng sản ngoại quốc luôn luôn phải chào chực nên họ thường kháo nhau: Đến Moskva thì dễ nhưng về thì khó. Ngay cả nếu tôi có bị mệt, mà tôi mệt thật, thì tôi cũng phải đón nhận lời mời của Stalin bằng cả hai tay; tất cả các thành viên trong đoàn đều tỏ vẻ ngạc nhiên, có cả ghen tị nữa, Koca Popovic và Todorovic nhắc nhở tôi là đừng quên mục đích của họ, mặc dù trên suốt chuyến đi tôi đã tìm hiểu rất kỹ nhu cầu của họ rồi.

Tôi rất mừng vì được gặp Stalin, nhưng đồng thời cũng suy nghĩ rất lung về lí do của sự vội vã này. Đêm đó, tôi bị chi phối bởi cảm giác mừng lo lẫn lộn như thế trong suốt buổi gặp với Stalin và các nhà lãnh đạo Liên Xô khác.

Như mọi khi, khoảng chín giờ tối thì có xe đưa tôi vào Điện Kremli. Stalin, Molotov và Zhdanov đã đợi sẵn, tôi biết Zhdanov là ủy viên Bộ chính trị, phụ trách quan hệ với các đảng cộng sản quốc tế.

Chào hỏi xong là Stalin vào việc ngay:

“Ở Albania các ủy viên Ban chấp hành trung ương tự bắn vào đầu! Không tốt, rất không tốt!”

Tôi bắt đầu giải thích: Spiru Naku chống lại mối quan hệ giữa Albania và Nam Tư, ông ta tự tách ra khỏi Ban chấp hành trung ương. Nhưng tôi chưa nói hết thì Stalin đã bất ngờ nói:

“Chúng tôi không có quyền lợi gì đặc biệt ở Albania cả. Chúng tôi đồng ý để Nam Tư nuốt Albania!”, vừa nói ông vừa co những ngón tay của bàn tay phải lại rồi đưa lên miệng làm bộ như đang nuốt vậy.

Tôi vô cùng ngạc nhiên, gần như cứng lưỡi vì cách thể hiện và động tác của ông, nhưng tôi không biết điều đó có thể hiện trên nét mặt không vì tôi cố gắng biến câu đó thành một lời nói đùa và coi đấy là cách thể hiện tư tưởng bình thường, có phần thô nhưng đầy hình ảnh của Stalin. Tôi lại bắt đầu giải thích: chúng tôi không muốn nuốt mà là liên kết!

Nhưng Molotov đã nói chen vào:

“Thì thế là nuốt đấy!”

Còn Stalin thì vừa lặp lại động tác vừa nói:

“Đúng, đúng, nuốt. Nhưng chúng tôi đồng ý: các đồng chí phải nuốt Albania, càng nhanh càng tốt.”

Mặc dù cách nói như thế, không khí có vẻ rất chân thành và cực kì hữu nghị. Ngay Molotov cũng nói một cách vui vẻ, nhã nhặn, một điều hiếm thấy xưa nay.

Tôi luôn xem xét vấn đề xích lại gần nhau và hợp nhất với Albania với lòng chân thành và tình cảm cách mạng. Cũng như nhiều người khác, tôi cho rằng việc hợp nhất, nếu được ban lãnh đạo Albania tự nguyện, không chỉ đem lại cho Nam Tư và Albania những lợi ích trực tiếp mà còn đồng thời chấm dứt mối thâm thù và xung đột truyền thống giữa người Serb và người Albania nữa. Theo tôi, còn một điều quan trọng nữa, đấy là khả năng liên kết của nhóm người thiểu số Albania ở Nam Tư vào nước Albania thuộc liên bang Nam Tư - Albania. Mọi giải pháp khác cho vấn đề người thiểu số Albania ở Nam Tư, tôi nghĩ, đều không thực tế bởi vì chuyển giao lãnh thổ Nam Tư có người Albania sinh sống cho Albania sẽ gặp phải sự chống đối quyết liệt ngay trong Đảng cộng sản Nam Tư.

Tôi, lúc đó cũng như hiện nay, không thể bác bỏ quyền tự nhiên của người Albania trong việc liên kết với chính quốc của họ, hơn nữa, tôi còn đòi cho người Nam Tư cũng được quyền như thế, thí dụ, trong giai đoạn hiện nay là người Nam Tư sinh sống ở Ý. Thêm vào đó, tôi còn có tình cảm đặc biệt đối với nước Albania và người Albania: người Albania, nhất là ở phía bắc, có tính cách và nếp sống giống người Trernogornui, đồng bào của tôi. Sinh lực và ý chí bảo vệ bản sắc của họ cao đến mức khó dân tộc nào trên thế giới sánh kịp.

Tất nhiên là tôi không nghĩ đến việc từ bỏ quan điểm của lãnh đạo nước mình và đồng ý với Stalin nhưng câu nói của Stalin lập tức tạo ra trong lòng tôi hai ý: Thứ nhất, chính sách của Nam Tư ở Albania chưa thực sự tốt. Thứ hai, Liên Xô đã nuốt các nước vùng Ban-tích, nhận xét của Molotov đã nói thẳng ra như thế.

Hai ý đó hoà quện với nhau thành một cảm giác nặng nề.

Có thể chính sách của Nam Tư đối với Albania có gì đó không rõ ràng và không nhất quán, tôi nghĩ, nhưng dù sao cũng không thể nào gọi là “nuốt” được. Trong đầu tôi chột nẩy ra ý nghĩ rằng chính sách đối với Albania không phù hợp với nguyện vọng của những người cộng sản Albania, mà một người cộng sản như tôi lại được xem như người phản ánh ý chí của nhân dân Albania. Tại sao Naku lại tự sát? Ông ta là cộng sản, là người mác-xít chứ đâu phải “tiểu tư sản” hay “dân tộc chủ nghĩa”? Nếu người Albania, cũng như chúng tôi, muốn có một nước độc lập với Liên Xô thì sao? Nếu lợi dụng sự cách li và nghèo khó của Albania để tiến hành hợp nhất trái với nguyện vọng của nhân dân, e có dẫn đến những khó khăn và xung đột không thể khắc phục được hay không? Người Albania là một chủng tộc lâu đời và có bản sắc riêng nhưng họ lại là một quốc gia tương đối mới, vì vậy, tình cảm dân tộc chủ nghĩa của họ còn rất cao. Liệu họ

có coi hợp nhất là sự đánh mất độc lập, mất bản sắc không?

Tôi liên kết ý nghĩ thứ hai, về việc Liên Xô nuốt các nước Ban-tích, với ý nghĩ thứ nhất và nhắc đi nhắc lại với mình như sau: Người Nam Tư chúng ta không thể hợp nhất theo kiểu đó, ta không có quyền làm như thế. Còn nguy cơ về việc một nước đế quốc nào đó, như Đức chẳng hạn, xâm lược Albania và sử dụng làm bàn đạp chống Nam Tư là không thể xảy ra.

Nhưng Satlin đã hỏi:

“Theo đồng chí thì Hoxha là người thế nào?”

Tôi tránh trả lời trực tiếp, nhưng Stalin đã nói đúng như ban lãnh đạo Nam Tư nhận định:

“Ông ta là người tiểu tư sản, có xu hướng dân tộc chủ nghĩa phải không? Chúng tôi nhận định như thế đấy. Người kiên định nhất là Xoxe có phải không?”

Tôi trả lời khẳng định ý kiến của ông.

Stalin kết thúc câu chuyện, kéo dài chưa đến mười phút, về Albania như sau:

“Chúng ta không có bất đồng nào cả. Đồng chí thay mặt chính phủ Liên Xô soạn một bức điện nói về chuyện đó để gửi cho Tito và ngày mai đưa cho tôi xem”.

Sợ không hiểu rõ, tôi phải hỏi lại. Stalin trả lời rằng tôi phải thay mặt chính phủ Liên Xô soạn một bức điện gửi chính phủ Nam Tư.

Đầu tiên, tôi nghĩ rằng đấy là sự thể hiện sự tin cậy tuyệt đối đối với tôi và mức độ đồng thuận cao nhất với chính sách của Nam Tư ở Albania. Nhưng ngày hôm sau, khi soạn thảo bức điện, tôi chợt nghĩ rằng một lúc nào đó, nó có thể được sử dụng để chống lại chính phủ của chúng tôi cho nên tôi viết ngắn và cực kì thận trọng, nội dung như sau:

“Hôm qua, Djilas đã đến Moskva, cuộc họp được tổ chức ngay sau đó cho thấy sự nhất trí hoàn toàn giữa chính phủ Liên Xô và chính phủ Nam Tư về vấn đề Albania”.

Bức điện này chưa bao giờ được gửi nhưng cũng chưa bao giờ được sử dụng để chống lại chính phủ Nam Tư trong cuộc xung đột sau đó giữa Moskva và Belgrad.

Cuộc nói chuyện còn kéo dài thêm một lúc nữa xung quanh những vấn đề không quan trọng như đặt Cominform ở Belgrad, cơ quan ngôn luận của Cominform, sức khỏe của Tito và các vấn đề khác đại loại như vậy.

Lựa chọn lúc thích hợp, tôi đặt vấn đề về trang bị cho quân đội Nam Tư và công nghiệp quốc phòng. Tôi nói rõ rằng chúng tôi hay gặp trở ngại với các đại diện phía Liên Xô, họ từ chối giúp đỡ, khi thì việc này, khi thì việc khác, lấy cớ rằng đấy là “bí mật quân sự”. Stalin đứng dậy và gào lên:

“Chúng tôi không giấu các đồng chí bất cứ chuyện gì. Các đồng chí là nước xã hội chủ nghĩa anh em, chúng tôi không giấu bất cứ bí mật quân sự nào”.

Sau đó ông đi lại phía bàn viết, gọi điện cho Bulganin và hạ lệnh:

“Ở đây đang có mấy người Nam Tư, có đoàn đại biểu Nam Tư, phải nghe họ nói ngay bây giờ”.

Cuộc nói chuyện ở Điện Kremli kéo dài chừng nửa giờ, sau đó chúng tôi đến nhà nghỉ của Stalin ăn tối.

Chúng tôi ngồi vào xe của Stalin, có cảm tưởng như đây chính là cái xe tôi đã cùng Molotov đi hồi năm 1945. Zhdanov ngồi ghế sau, bên phải tôi, còn phía trước là Stalin và Molotov. Lúc đang đi, Stalin thắp một cái đèn nhỏ trên tấm chắn đằng trước, bên dưới cái đèn có một chiếc đồng hồ đeo tay, lúc đó gần mười giờ đêm. Tôi nhìn thấy lưng ông đã so lại, cái gáy xương xẩu và lớp da nhăn nheo bên trên chiếc cổ áo nguyên soái là cứng. Tôi chợt nghĩ: đây là một trong những người có quyền lực nhất trong thời đại chúng ta, còn bên cạnh là những cộng sự gần gũi nhất của ông ta, nếu bây giờ có một quả bom nổ tung xe chúng tôi ra từng mảnh thì vụ thảm họa này sẽ giật gân đến mức nào! Nhưng đấy chỉ là ý nghĩ không tốt bất chợt, nó xảy ra bất ngờ đến nỗi chính tôi cũng phát hoảng và tôi lại nhìn thấy trong Stalin hình ảnh một người suốt đời nghĩ đến thắng lợi và hạnh phúc của toàn thể những người cộng sản.

Trong khi chờ những người khác, Stalin, Zhdanov và tôi đứng gần tấm bản đồ thế giới treo trong phòng lớn. Tôi lại nhìn vào Stalingrad, được khoanh bằng bút chì màu xanh, Stalin lại nhận ra sự chú ý của tôi và tôi cũng thấy rằng ông cảm thấy thích. Zhdanov cũng bắt được ánh mắt của chúng tôi, ông ta nhận xét ngay:

“Khởi đầu chiến dịch Stalingrad.”

Nhưng Stalin không nói gì.

Theo tôi nhớ thì Stalin bắt đầu tìm trên bản đồ thành phố vì thành phố này cần phải đổi tên thành Kaliningrad, trong khi tìm như thế, chúng tôi bắt gặp những địa danh gần Leningrad vẫn còn mang tên Đức như dưới thời nữ hoàng Ekaterina. Stalin tỏ vẻ không thích, ông bảo Zhdanov:

“Đổi tên! Thật là không ra gì, đến giờ mà vẫn còn mang tên Đức!”

Zhdanov lấy sổ tay và một cái bút chì ra ghi chỉ đạo của Stalin.

Sau đó, tôi và Molotov đi vào toilet bên dưới tầng hầm ngôi nhà, ở đây có mấy cầu tiêu và bồn tiểu. Vừa đi, Molotov vừa kéo phéc-mơ-tuya và bình luận:

“Chúng tôi gọi như thế này là xuất rồi mới nhập.”

Mặc dù tôi đã phải ngồi tù nhiều năm, trong tù thì không còn gì xấu hổ nữa, nhưng tôi vẫn ngượng nên sau khi vào cầu tiêu tôi đóng cửa lại.

Sau đó, chúng tôi lên phòng ăn, Stalin, Malenkov, Beria, Zhdanov và Voznesensky đã đợi sẵn. Zhdanov và Voznesensky là những người tôi mới gặp lần đầu.

Zhdanov không cao lớn lắm, bộ râu màu hạt dẻ được cắt tỉa cẩn thận, trán cao, mũi nhọn và mặt đỏ như có bệnh. Zhdanov là người có học vấn cao và trong Bộ chính trị, ông được coi là một trí thức lớn. Mặc dù ông nổi tiếng là người thiển cận và lí thuyết suông nhưng tôi cho rằng ông là người có hiểu biết rộng. Ông ta biết mỗi thứ một ít, ngay cả nhạc ông cũng biết, nhưng tôi nghĩ rằng ông không nắm sâu bất cứ lĩnh vực nào, đây là người thu lượm kiến thức từ những lĩnh vực khác nhau nhờ thông qua sách báo mác-xít. Phải nói thêm rằng ông ta thuộc loại trí thức vô liêm sỉ, cho nên càng đáng ghét vì đằng sau vẻ ngoài trí thức đó là một nhà độc tài “đại lượng” đối với các văn nghệ sĩ. Đây là thời kì “nghị quyết” của Ban chấp hành trung ương về các vấn đề văn học nghệ thuật, nghĩa là thời kì của những cuộc tấn công quyết liệt vào quyền tự do tối thiểu trong việc lựa chọn đề tài và hình thức biểu hiện còn giữ được hoặc vừa tuột khỏi sự kiểm soát của bộ máy quan liêu của Đảng trong thời gian chiến tranh vừa qua. Tôi nhớ hôm đó, Zhdanov có kể một câu chuyện thuộc loại tiểu lâm mới. Sau khi ông viết bài phê phán, nhà văn Zoshchenko ở Leningrad đã bị tịch thu tất cả tem phiếu, chỉ sau khi Moskva can thiệp người ta mới trả lại cho nhà văn.

Voznesenski là Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch nhà nước, lúc đó chỉ ngoài bốn mươi, một người Nga chính hiệu, bắp thịt cuồn cuộn, trán cao, tóc vàng và xoăn tít. Có cảm tưởng đây là một người cẩn trọng, có văn hoá và kín đáo, ít nói nhưng nội tâm lúc nào cũng vui vẻ. Trong thời gian chiến tranh, tôi đã đọc một cuốn sách về kinh tế do ông viết, tôi cho rằng tác giả là một người tận tâm và luôn trăn trở, sau này cuốn sách bị người ta phê phán, còn Voznesenski thì bị giết, không hiểu vì lí do gì.

Tôi biết rõ người anh của Voznesenski, một giáo sư đại học, lúc đó vừa được cử làm Bộ trưởng Giáo dục Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Liên bang Nga.

Trong kì đại hội toàn Slav ở Belgrad mùa đông năm 1946, tôi đã có một cuộc thảo luận rất thú vị với ông Voznesenski anh. Chúng tôi đồng ý với nhau rằng lí thuyết “chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa” được chính thức công nhận thực ra là một lí thuyết hẹp hòi và phiến diện. Chúng tôi cùng cho rằng trong chủ nghĩa xã hội, đúng hơn là chủ nghĩa cộng sản, sau khi các nước xã hội chủ nghĩa mới được thành lập đã xuất hiện những hiện tượng mới và trong chủ nghĩa tư bản cũng đã diễn ra những thay đổi chưa hề được nghiên cứu về mặt lí thuyết. Có khả năng là mái đầu đẹp và thông thái của ông cũng đã bị rơi trong những cuộc thanh trừng điên cuồng sau đó.

Bữa tối bắt đầu bằng việc có người, tôi nghĩ là chính Stalin, đề nghị từng người nói xem lúc đó là âm mấy độ, sai một độ thì phải phạt uống một li. May là tôi đã xem hàn thử biểu trong khách sạn, tôi chỉ việc cộng thêm vài độ vì biết rằng ban đêm lạnh hơn nên sai có một độ. Tôi nhớ Beria đoán sai ba độ nhưng ông ta bảo mình cố tình làm thế để được uống thêm rượu.

Chúng kiến cách bắt đầu bữa ăn như thế, tôi chợt nghĩ: những con người sống hoàn toàn biệt lập như thế này có thể nghĩ ra những lí do còn vô nghĩa hơn để chuốc nhau, thí dụ nhà ăn dài mấy bước chân hay bàn ăn dài mấy gang tay. Ai biết được, có thể họ làm thế đấy! Việc dùng nhiệt độ để xác định số rượu phải uống gây cho tôi cảm giác rằng ban lãnh đạo tối cao Liên Xô đang sống một cuộc đời biệt lập, trống rỗng và vô nghĩa; thế mà họ vẫn thường tụ tập xung quanh vị lãnh tụ già nua và đang đóng một trong những vai quyết định nhất đối với số phận của nhân loại. Tôi bỗng nhớ câu chuyện Peter Đại đế, ông cũng tổ chức ăn uống với thuộc hạ đến mức say không biết gì và họ đã quyết định số phận của nước Nga, của nhân dân Nga tại những bữa tiệc tùng như thế này đấy.

Cảm giác đấy là một cuộc sống trống rỗng cứ bám lấy tôi, nó trở đi trở lại trong suốt bữa ăn, tôi đã làm mọi cách để cố quên đi mà không được. Vẻ già nua kèm theo những dấu hiệu của sự suy giảm trí nhớ của Stalin càng làm cho cảm giác này nặng nề thêm. Lòng kính trọng và tình yêu đối với ông mà tôi vẫn giữ trong lòng cũng không thể nào xua tan được cảm giác đó.

Sự suy yếu của ông chứa đựng một cái gì đó vừa quái gở vừa bi đát.

Nhưng bi đát thì không hiển hiện, chỉ có những ý nghĩ của tôi rằng ngay cả một con người vĩ đại như thế này rồi cũng phải hoại diệt là nhuộm màu bi đát mà thôi. Song sự quái gở thì hiện ra trong từng giây phút một.

Trước đây, Stalin đã thích nhậu nhẹt nhưng bây giờ, ông ta tham ăn đến nỗi như sợ hết phần. Có điều ông uống ít hơn, thận trọng hơn, cân nhắc từng giọt, để giữ sức khỏe.

Cách tư duy của ông thay đổi còn rõ rệt hơn. Ông rất thích nhắc lại thời trai trẻ, thời đi đày ở Sibiri, thời niên thiếu ở Caucasus, ông thường so sánh những điều mới mẻ với một cái gì đó trong quá khứ bằng cách nói:

“Vâng, tôi nhớ, chuyện xảy ra thế này...”

Không thể tưởng tượng được là ông đã thay đổi nhiều như thế trong vòng có hai ba năm. Lần gần đây nhất tôi gặp ông là năm 1945, khi đó ông vẫn còn nhanh nhẹn, suy nghĩ còn độc đáo, minh mẫn, hóm hỉnh. Nhưng đấy là thời chiến, có thể Stalin đã cố gắng hết sức lực của mình, đã đạt đến giới hạn cuối cùng. Bây giờ, ông phá lên cười khi nghe những câu nói đùa vô nghĩa, vô duyên; ông không những không hiểu ý nghĩa chính trị của câu chuyện tiểu lâm của tôi, rằng ông đã tỏ ra khôn ngoan hơn Churchill và Roosevelt, mà theo tôi còn tỏ vẻ tự ái, tôi còn nhận ra sự bối rối, phân vân trên mặt của những người có mặt.

Chỉ có một thứ không thay đổi: gay gắt, mãnh liệt, đa nghi với mọi bất đồng. Ông ngắt lời ngay cả Molotov, có cảm giác quan hệ giữa hai người khá căng thẳng. Tất cả đều a dua, ai cũng tránh né trước khi ông nói ý kiến của mình, rồi tất cả lại vội vàng phụ họa theo.

Cũng như mọi khi, câu chuyện chuyển hết đề tài này sang đề tài khác.

Stalin bỗng nói về bom nguyên tử:

“Cái này mạnh đấy, mạnh lắm!”

Trên nét mặt ông hiện rõ vẻ thán phục, rõ ràng là ông không thể an tâm cho đến khi nắm được “cái này”. Nhưng ông không nói liệu Liên Xô đã nắm được chưa hay vẫn còn đang trong giai đoạn chuẩn bị.

Thế mà sau đó khoảng một tháng, Dimitrov có nói với tôi và Kardel trong cuộc gặp ở Moskva rằng người Nga đã có bom nguyên tử, mà còn tốt hơn quả của Mỹ thả xuống Hiroshima nữa kia. Có lẽ không hẳn như thế, tôi nghĩ người Nga mới chế tạo được một quả bom nguyên tử mà thôi. Nhưng câu chuyện là như vậy, tôi chỉ xin ghi lại.

Đêm đó, cũng như sau này, trong cuộc gặp với đoàn đại biểu Bulgaria, Stalin nói rằng nước Đức sẽ bị chia cắt:

“Phương Tây sẽ xây dựng ở Tây Đức, còn chúng ta sẽ xây dựng ở Đông Đức nhà nước của mình!”

Ý tưởng của ông là mới nhưng có thể hiểu được, nó xuất phát từ chính sách của Liên Xô đối với Đông Âu và phương Tây. Điều khó hiểu đối với tôi là tuyên bố của Stalin và các nhà lãnh đạo Liên Xô với đoàn đại biểu Bulgaria và Nam Tư vào mùa hè năm 1946 rằng toàn bộ nước Đức sẽ là của chúng ta, nghĩa là trở thành nước Đức Xô viết, nước Đức cộng sản. Khi tôi hỏi một người cùng có mặt hôm đó: “Người Nga sẽ làm việc đó như thế nào”, thì được trả lời: “Tôi cũng không biết nữa!”

Tôi nghĩ rằng ngay những người tuyên bố như thế cũng không biết họ sẽ làm thế nào, thực ra họ vẫn còn say men chiến thắng và đang hi vọng vào sự sụp đổ về mặt kinh tế của phương Tây.

Bất ngờ vào cuối bữa ăn, Stalin bỗng hỏi tôi vì sao trong Đảng cộng sản Nam Tư lại có ít người Do Thái và tại sao họ lại không có vai trò gì đáng kể như vậy? Tôi cố gắng giải thích:

“Ở Nam Tư nói chung có ít người Do Thái và phần lớn họ thuộc tầng lớp trung lưu”. Tôi nói thêm: “Người cộng sản gốc Do Thái nổi tiếng nhất là Piade, nhưng ông coi mình là người Serbi hơn là người Do Thái”.

Stalin bắt đầu nhớ lại:

“Piade, người tầm thước, đeo kính phải không? Vâng, tôi nhớ, tôi đã gặp anh ta rồi. Nhiệm vụ của anh ta là gì?”

“Anh ta là ủy viên trung ương, vào đảng lâu rồi, đã dịch Tư bản luận”, tôi giải thích.

“Trong Ban chấp hành trung ương của chúng tôi không có Do Thái!”, ông ta cắt ngang rồi phá lên cười một cách đầy khiêu khích: “Đồng chí là người bài Do Thái! Vâng, đồng chí Djilas là người bài Do Thái!”

Tôi hiểu câu nói và tiếng cười của Stalin một cách hoàn toàn ngược lại, điều đó chỉ chứng tỏ ông ta là người bài Do Thái và để tôi nói lên quan điểm của mình về người Do Thái, đặc biệt là Do Thái trong phong trào cộng sản. Tôi không nói gì và cũng phá lên cười, việc đó với tôi không khó vì tôi không bao giờ bài Do Thái, còn đối với tôi, cộng sản chỉ có hai loại, tốt và xấu mà thôi. Nhưng rồi chính Stalin đã bỏ qua đề tài hóc búa đó sau khi cảm thấy hài lòng với lời khiêu khích đạo đức giả của mình. Bên trái tôi là Molotov, ít nói, còn bên phải là Zhdanov, thao thao bất tuyệt suốt bữa ăn. Ông ta kể về những cuộc tiếp xúc với người Phần Lan và tỏ ra hài lòng về sự chính xác của họ trong việc bồi thường chiến phí.

“Tất cả đều chính xác và đúng hẹn, bao bì tuyệt đẹp, chất lượng tốt.”

Rồi ông ta kết luận:

“Chúng ta đã sai lầm vì không chiếm luôn nước đó, nếu chúng ta làm thế thì mọi việc đã xong rồi.”

Stalin:

“Đúng, đấy là một sai lầm, chúng ta cứ lo bọn Mỹ, nhưng một ngón tay họ cũng không động đâu.”

Molotov:

“Ôi, Phần Lan, khó nhằn lắm!”

Lúc đó, Zhdanov đang chuẩn bị hội nghị với các nhạc sĩ và nghị định về âm nhạc. Ông thích nhạc kịch nên nhân tiện hỏi tôi:

“Ở Nam Tư có nhà hát nhạc kịch không?”

Ngạc nhiên vì câu hỏi, tôi trả lời:

“Ở Nam Tư có chín nhà hát biểu diễn nhạc kịch!”, và nghĩ: họ biết về Nam Tư quá ít. Rõ ràng là họ chỉ quan tâm đến nó như một địa danh mà thôi.

Chỉ có một mình Zhdanov uống nước cam. Ông ta bảo là bị bệnh tim. Tôi hỏi:

“Bệnh này có thể có những hậu quả gì?”

Ông ta mỉm cười rồi trả lời một cách khôi hài:

“Tôi có thể chết bất đắc kì tử mà cũng có thể còn sống rất lâu.”

Rõ ràng là ông ta dễ bị kích động, hệ thần kinh của ông ta rất nhạy cảm.

Một kế hoạch mới vừa được thông qua, Stalin nhấn mạnh, tuy không nói với một người cụ thể nào, rằng phải tăng lương cho tầng lớp giáo viên. Sau đó, ông quay sang phía tôi và bảo:

“Các giáo viên của chúng tôi đều rất giỏi, nhưng lương lại thấp quá, cần phải có biện pháp chứ.”

Tất cả mọi người đều tán thành và tôi cay đắng nhớ lại rằng lương của giáo chức ở Nam Tư cũng thấp, điều kiện sống lại chẳng ra gì, nhưng tôi không làm sao giúp đỡ được.

Voznesenski không nói câu nào, ông ta giữ thái độ như một người em út ngồi giữa các đại ca. Chỉ có một lần Stalin hỏi trực tiếp ông ta:

“Có thể phân bổ ngoài kế hoạch kinh phí để xây dựng kênh đào Volga Đông được không? Vấn đề này quan trọng lắm! Chúng ta phải tìm kinh phí! Đây là vấn đề cực kì quan trọng; trong trường hợp xảy ra chiến tranh, chúng ta có thể bị đẩy khỏi biển Đen, hải quân của chúng ta hiện nay yếu, mà sẽ còn yếu trong một thời gian dài nữa. Tàu bè của chúng ta sẽ ra sao? Hãy nghĩ xem, nếu trong chiến dịch Stalingrad, chúng ta điều được hạm đội biển Đen đến sông Volga thì tốt biết mấy! Kênh đào này có vị trí quan trọng bậc nhất đấy, quan trọng bậc nhất đấy.”

Voznesenski đồng ý phải phải tìm kinh phí rồi lấy giấy bút ra ghi.

Từ lâu, tôi đã suy nghĩ hai vấn đề có tính cách riêng tư, tôi muốn tham khảo ý kiến Stalin.

Vấn đề thứ nhất thuộc lĩnh vực lí luận: trong sách báo mác-xít cũng như sách báo khác, tôi không tìm thấy sự khác nhau giữa hai từ “nhân dân” và “dân tộc”. Stalin từ lâu đã được coi là chuyên gia về vấn đề dân tộc, tôi đem ra hỏi và nói thêm rằng ông không giải thích chuyện đó trong bài báo viết về vấn đề dân tộc. Bài báo này được đăng từ hồi trước chiến tranh thế giới thứ nhất và từ đó đến nay, vẫn được coi là thể hiện được quan điểm bolshevik về vấn đề dân tộc [1] .

Molotov lập tức chen ngang:

“Nhân dân và dân tộc cũng là một thôi.”

“Nhảm nhí! Đây là hai khái niệm khác nhau!”, Stalin bắt đầu giải thích: “Dân tộc là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản với những đặc tính nhất định, còn nhân dân là những người lao động của một dân tộc nhất định, nghĩa là những người lao động với một ngôn ngữ, văn hoá và những thói quen chung.”

Còn về cuốn sách Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc của mình thì ông nhận xét như sau:

“Đấy là quan điểm của Ilich, chính Ilich đã hiệu đính đấy.”

Câu hỏi thứ hai liên quan đến Dostoievski. Ngay từ khi còn rất trẻ tôi đã coi Dostoievski là nhà văn lớn nhất trong thời đại chúng ta và không thể hiểu vì sao những người mác-xít lại công kích ông. Stalin trả lời một cách đơn giản:

“Một nhà văn vĩ đại và một tên phản động vĩ đại. Chúng tôi không in vì ông ta gây ảnh hưởng xấu cho giới trẻ. Nhưng ông là một nhà văn vĩ đại!”

Chúng tôi chuyển sang thảo luận về Gorki. Tôi nói rằng Cuộc đời của Klim Samgin là cuốn sách có giá trị nhất cả về phương pháp sáng tác cũng như chiều sâu của cuộc cách mạng Nga. Nhưng Stalin không đồng ý, ông bỏ qua phương pháp sáng tác:

“Không, những tác phẩm hay nhất là những tác phẩm được viết trước đó: Thành phố

Okurov, các truyện ngắn, Foma Gordeyev. Còn về hình tượng cách mạng trong Klim Samgin thì ở đây rất ít cách mạng, chỉ có một đảng viên bolshevik, tên là gì ấy nhỉ: Liutikov hay Liutov?”

Tôi nhắc:

“Kutuzov, Liutov là nhân vật khác.”

Stalin tiếp tục:

“Ờ, Kutuzov! Trong tác phẩm này, cách mạng được mô tả đơn điệu và không đầy đủ, còn từ quan điểm văn học thì các tác phẩm trước đó có giá trị hơn”.

Rõ ràng là tôi và Stalin không hiểu được nhau, chúng tôi không có cùng quan điểm thẩm mỹ, mặc dù trước đây, tôi đã từng được nghe quan điểm của các nhà văn lớn, họ cũng coi các tác phẩm mà Stalin vừa nói là những tác phẩm tuyệt vời nhất của Gorki.

Nói về văn học Xô viết đương đại, tôi cũng như hầu hết người nước ngoài đều nhắc đến Sholokhov.

Nhưng Stalin bảo:

“Bây giờ có những người khá hơn”, rồi ông nói tên hai người, có một phụ nữ, mà tôi chưa nghe bao giờ.

Tôi không tham gia thảo luận tác phẩm Đội cận vệ thanh niên của Phadeev, lúc đó người ta đã phê bình tác phẩm này vì các nhân vật thiếu tính đảng. Nhận xét của tôi hoàn toàn ngược lại: công thức, thiếu chiều sâu, nhạt nhẽo. Lịch sử triết học của Aleksandrov cũng thế.

Zhdanov kể lại nhận xét của Stalin về thơ tình của K. Simonov: “Chỉ cần in hai tập: một tập cho cô ta và một tập cho anh ta!”, vừa nói xong, Stalin đã khục khục cười làm tất cả mọi người cùng phá lên cười theo.

Dĩ nhiên là bữa đó Beria cũng nói những chuyện tục tĩu như thường lệ. Đây là lúc họ bắt tôi uống rượu ngâm ớt. Beria vừa cười nhả nhổ vừa nói rằng loại rượu này có hại cho tuyến sinh dục bằng những từ thô tục nhất. Trong khi đó, Stalin nhìn chăm chăm vào tôi, sẵn sàng nổ ra một tràng cười. Khi thấy tôi nhả nhổ thì ông cũng tỏ ra nghiêm túc theo.

Ngay khi chưa có chuyện này, tôi đã bị ám ảnh bởi ý nghĩ về sự giống nhau đến kinh ngạc giữa Beria và tay cảnh sát Hoàng gia ở Belgrad tên là Vukovic, bây giờ thì cảm giác đó mạnh đến nỗi tôi cảm thấy như mình đang bị những bàn tay dày và ẩm của Vukovic - Beria bóp chặt lấy vậy.

Nhưng điều cảm thấy rõ ràng nhất chính là không khí bao trùm bữa ăn kéo dài suốt sáu giờ đồng hồ này, nó không phụ thuộc vào những câu chuyện được nói, thậm chí còn trái ngược với những điều được nói ra ở đây. Đằng sau tất cả những câu chuyện ấy là một cái gì đó quan trọng hơn, một cái cần phải nói ra nhưng không ai biết bắt đầu như thế nào hoặc không ai dám nói ra chuyện đó. Sự gượng gạo của câu chuyện và đề tài càng làm cho cái điều được che giấu kia trở

thành như nghe được, như sờ mó được vậy. Trong thâm tâm, tôi đã nhận thức được nội dung của nó: đây là việc chỉ trích Tito và Ban chấp hành trung ương Nam Tư đồng nghĩa với việc lôi kéo tôi đứng về phía chính phủ Liên Xô. Tích cực nhất là Zhdanov, không phải là những đề nghị cụ thể mà bằng một thái độ cởi mở và thân mật đặc biệt trong khi nói chuyện với tôi. Còn Beria thì quan sát tôi bằng đôi mắt lim dim, xanh như mắt ếch, vẻ tự mãn luôn hiện diện trên môi. Nhưng trên tất cả là Stalin, lúc nào cũng chăm chú, khoan thai và lạnh lùng.

Khoảng lặng giữa các câu chuyện ngày càng dài hơn, sự căng thẳng trong tôi cũng như xung quanh tôi cũng ngày một tăng thêm. Tôi nhanh chóng xác định được chiến thuật phòng thủ, có thể chiến thuật này đã được chuẩn bị một cách vô thức trong tôi từ trước rồi, bằng cách nói rằng tôi không nhìn thấy sự bất đồng giữa lãnh đạo Nam Tư và Liên Xô, rằng mục đích của họ là một và những điều tương tự như thế. Sự kháng cự cứ lớn dần trong tôi một cách ngấm ngầm, buống bình, mặc dù trước đây tôi cũng không cảm thấy một sự dao động nào. Tôi hiểu rằng mình có thể chuyển từ phòng ngự sang phản công nếu Stalin và những người khác buộc tôi đứng trước một tình thế lưỡng nan, nghĩa là sự lựa chọn giữa họ và lương tâm, trong trường hợp này là giữa họ và đảng tôi, giữa Liên Xô và Nam Tư. Với mục đích chuẩn bị sẵn thái độ của mình, tôi, làm như vô tình, đã nhắc đến Tito và Ban chấp hành trung ương một cách khéo léo sao cho những người kia không thể bắt đầu câu chuyện của họ được.

Họ không đạt được mục đích dù Stalin đã cố gắng gọi lại những mối quan hệ thân tình, mang tính cá nhân. Sau khi nhắc lại lời mời năm 1946 thông qua Tito, ông hỏi:

“Tại sao đồng chí không đến Krym? Tại sao đồng chí lại từ chối lời mời của tôi?”

Tôi đã chờ đợi câu hỏi này nhưng vẫn cảm thấy hơi ngạc nhiên là Stalin chưa quên. Tôi giải thích:

“Tôi chờ đợi lời mời thông qua sứ quán Liên Xô, tôi thấy tự mình đòi hỏi, làm phiền thì không hay.”

“Không, vớ vẩn, làm gì có chuyện làm phiền ở đây. Đồng chí không thích tới thì có!”, vừa nói, Stalin vừa nhìn tôi với ánh mắt dò xét.

Nhưng tôi đã thu mình lại, tỏ ra lạnh lùng và ít nói hăn.

Không có gì xảy ra cả. Stalin và nhóm người đầy mưu mô, tính toán một cách lạnh lùng – tôi cảm thấy họ là những người như thế - chắc chắn đã nhận thấy sự phản kháng của tôi. Chính tôi cũng muốn như thế. Tôi cố tình tránh, còn họ thì cũng không dám khiêu khích làm cho tôi phải phản đối ra mặt. Tất nhiên, họ nghĩ rằng không cần vội vã và vì vậy chưa làm gì sai. Nhưng tôi đã nhận ra trò bĩ ổi này và nhận thấy sức mạnh tiềm ẩn trong con người mình, một sức mạnh tôi chưa hề biết tới nhưng đủ sức giúp tôi chối bỏ ngay cả cái điều cho đến lúc đó vốn là lí tưởng sống của tôi.

Kết thúc bữa ăn, Stalin nâng cốc:

“Xin nâng cốc tưởng nhớ Vladimir Ilich, lãnh tụ và người thầy của tất cả chúng ta!”

Tất cả chúng tôi đều đứng dậy và yên lặng uống cạn li, tất cả đều đã ngà ngà say, chẳng ai nhớ gì, riêng Stalin có vẻ cảm động, nét mặt vừa trịnh trọng vừa đượm vẻ u buồn.

Chúng tôi đứng lên, nhưng trước khi chia tay, Stalin lại mở một cái máy hát to thùng. Ông cố nhảy vài vòng, có thể thấy là ông biết nhịp điệu, nhưng chỉ một lúc, đã thấy ông ngưng lại và nói một cách chán chường:

“Chúng ta đang già đi, tôi đã là một ông lão mất rồi!”

Nhưng các trợ thủ, nếu không muốn nói là các quý tộc, thuyết phục ông:

“Đâu có, thưa đồng chí! Đồng chí trông còn săn chắc lắm, đáng còn nhanh nhẹn lắm, ở tuổi của đồng chí...”

Sau đó, Stalin đưa vào một đĩa khác, lần này bên cạnh tiếng ngân nga của một giọng nữ cao là tiếng chó tru, sủa inh ỏi. Ông phá lên cười một cách khoái trá, sau khi nhận thấy vẻ ngạc nhiên và khó chịu trên mặt tôi, ông giải thích như có ý xin lỗi:

“Không, dù sao thì cũng có sáng tạo đấy chứ, sáng tạo quá!”

Những người khác còn ở lại sau khi tôi đã lên xe, nhưng tất cả đều đã chuẩn bị lên đường, thực ra cũng chẳng còn gì để nói nữa. Tất cả mọi chuyện đều được nói hết trong bữa ăn rồi, tất cả, chỉ trừ cái chuyện vốn là mục đích của bữa ăn tối vừa qua.

6.

Chưa đầy hai ngày sau, chúng tôi đã được gọi đến Bộ Tổng tham mưu để trình bày nguyện vọng của mình.

Ngay từ lúc ngồi trên tàu, tôi đã nói với Koca Popovic và M. Todorovich rằng ước mong của họ có vẻ cao vợi và không thực tế. Tôi hoàn toàn không tưởng tượng được rằng người Nga có thể đồng ý khôi phục nền công nghiệp quốc phòng trong khi họ không thực sự muốn giúp khôi phục nền công nghiệp dân sự của chúng ta. Việc họ cho chúng ta hạm đội hải quân trong khi chính họ cũng không có còn khó tưởng tượng hơn. Lập luận rằng hạm đội của Liên Xô hay của Nam Tư ở biển Adriatic không phải là quan trọng vì hai nước đều là thành viên của thế giới cộng sản thống nhất, theo tôi, là không có sức thuyết phục vì trong khối này đã có rạn nứt, chưa nói đến tính đa nghi của Liên Xô, họ không tin bất cứ cái gì nằm ngoài tầm với của họ, chưa nói đến việc họ công khai bảo vệ trước hết quyền lợi của đất nước mình. Nhưng những nguyện vọng này đã được thảo luận kỹ và thông qua ở Belgrad rồi, tôi phải có trách nhiệm ủng hộ.

Bulganin điều khiển cuộc họp, xung quanh là các chuyên viên quân sự cấp cao, trong đó có cả nguyên soái Vasilevski, Tổng tham mưu trưởng.

Đầu tiên tôi trình bày những nét chính về nhu cầu của chúng tôi, rồi để Todorovich và Popovich đi vào giải thích chi tiết.

Các đại diện Liên Xô không phát biểu gì, họ hỏi kỹ và ghi chép tất.

Chúng tôi rời Bộ Tổng tham mưu, một ngôi nhà kiểu cách, rẻ tiền, được che đầy bằng những đồ nội thất xa hoa, những chiếc rèm loè loẹt và vật dụng mạ vàng, với tâm trạng hài lòng và tin rằng vấn đề đã được khởi động, công việc cụ thể sẽ thực sự bắt đầu trong một thời gian tới.

Đúng như thế, chẳng bao lâu sau, Todorovich và Popovic được mời tham gia mấy cuộc họp. Nhưng rồi mọi sự bỗng giậm chân tại chỗ và các đại diện Liên Xô nói bóng gió với chúng tôi rằng “có một số phức tạp”, cần phải chờ.

Chúng tôi hiểu là đã có chuyện giữa Moskva và Belgrad, chuyện gì thì chúng tôi không biết, nhưng không thể nói rằng chúng tôi đã bị bất ngờ. Dù thế nào thì việc kéo dài các cuộc thương lượng cũng chỉ làm cho chúng tôi càng thêm bất mãn đối với hiện thực của xã hội Liên Xô và quan điểm của Moskva đối với Belgrad mà thôi. Hơn nữa, chúng tôi coi như bị thất nghiệp và phải giết thời gian trong các bữa liên hoan và các nhà hát ở Moskva, tuy cũ nhưng phải nói khó có nơi nào vượt qua được.

Không một công dân Liên Xô nào dám đến thăm chúng tôi vì mặc dù chúng tôi đến từ một nước xã hội chủ nghĩa nhưng là người nước ngoài, công dân Liên Xô không dám tiếp xúc với những người như thế. Tất cả các tiếp xúc của chúng tôi đều qua con đường công vụ: Bộ Ngoại giao và Ban chấp hành trung ương. Chúng tôi cảm thấy khó chịu và bị xúc phạm, ở Nam Tư không có những hạn chế kiểu đó, đối với các công dân và cán bộ Liên Xô thì lại càng không. Chuyện này càng làm chúng tôi bất mãn thêm.

Sự bất mãn của chúng tôi chưa có tính chất khái quát, nhưng có rất nhiều thí dụ thực tế. Vukmanovich-Tempo nói công khai về những thiếu sót trong các nhà tập thể dành cho bộ đội. Để cho đỡ buồn, tôi và Koca Popovic xin chuyển sang một phòng chung trong khách sạn Moskva nhưng người ta nói phải đợi “thợ điện” sửa, chúng tôi hiểu là anh ta đang lắp máy nghe trộm. Mặc dù Moskva là khách sạn mới và là khách sạn lớn nhất nhưng không có một cái gì ở đây hoạt động đúng chức năng cả: phòng thì lạnh, vòi nước thì chảy suốt ngày, bồn tắm mặc dù được nhập từ Đông Đức nhưng không dùng được vì nước thải chảy ngay xuống nền nhà. Phòng tắm không có chìa khoá, Koca Popovic khẳng định rằng người kiến trúc sư đã biết là thế nào chìa khoá cũng bị mất và đã để bồn rửa mặt cạnh cửa ra vào để có thể dùng chân chặn lại. Tôi thường nhớ lại thời ở khách sạn Metropol vào năm 1944, đây là một khách sạn cũ nhưng mọi thứ đều hoạt động rất tốt, các nhân viên phục vụ có tuổi đều nói tiếng Anh hay tiếng Pháp, rất ý tứ, lịch sự.

Một hôm, tôi nghe có tiếng thở mạnh trong nhà tắm. Hoá ra có hai công nhân, một người

đứng dưới công kênh người kia để anh ta sửa ống nước phía trên trần.

“Các anh làm gì thế”, tôi hỏi, “sao không mang thang đến?”

Hai người công nhân phản nản:

“Nói bao nhiêu lần rồi, có ăn thua gì đâu; cứ hễ có hỏng hóc là chúng tôi lại khổ thế này đây.”

Đi dạo vài vòng xung quanh, chúng tôi thấy “người đẹp Moskva” đa phần vẫn là vùng nông thôn lạc hậu, hoang vu và được xây dựng chưa đâu vào đâu. Anh lái xe tên là Panov, tôi có quan hệ rất thân mật với anh ta và đã gửi từ Nam Tư cho anh một chiếc đồng hồ đeo tay, không thể nào tin rằng New York và Paris có nhiều ô tô hơn Moskva, mặc dù anh không che giấu thái độ bất mãn với chất lượng ô tô do Liên Xô sản xuất.

Chúng tôi được dẫn đi xem quan tài của các Sa hoàng trong Điện Kremli, cô hướng dẫn viên du lịch đầy tinh thần ái quốc đã nói “các Sa hoàng của chúng ta”. Ưu thế của người Nga được đem ra trưng bày một cách lộ liễu, đầy vẻ khôi hài một cách bệnh hoạn.

Như vậy là khắp mọi nơi, trên từng bước chân đều hiện rõ những khía cạnh chưa được biết tới ở đất nước Liên Xô: lạc hậu, cục mịch, sô-vanh nước lớn, và dĩ nhiên là những cố gắng đầy tinh thần anh dũng nhằm khắc phục các nhược điểm đó cũng như khuất phục dòng chảy bình thường của cuộc sống.

Biết rằng trong những hộp sọ rắn chắc của các nhà lãnh đạo và các tổ chức chính trị Liên Xô, mọi lời nhận xét có tính phê phán đều bị coi là quan điểm bài Xô cho nên chúng tôi, tuy không hện trước, đều co cụm lại với nhau. Vì chúng tôi đến đây với một sứ mệnh chính trị nên chúng tôi bắt đầu chỉ cho nhau thấy những cử chỉ “vụng về” hoặc những lời nói thiếu thận trọng. Sự cách li bắt đầu mang tính tổ chức. Tôi nhớ vì sợ có thiết bị nghe trộm, chúng tôi đã bắt đầu thận trọng trong việc nói năng trong khách sạn, trong phòng làm việc và khi nói chuyện thì mở radio thật to.

Các đại diện Liên Xô chắc chắn đã nhận thấy chuyện đó. Sự căng thẳng và nghi kị ngày một gia tăng.

Thi hài Lenin được đưa trở về trong thời gian này, thời chiến người ta đem ông đi giấu ở đâu đó. Chúng tôi đến viếng ông vào buổi sáng. Việc viếng cũng không có gì đặc biệt nếu nó không tạo ra trong tôi và những người khác một sự phản kháng mà đến lúc đó chúng tôi chưa hề biết tới.

Trong khi bước chậm rãi vào lăng, tôi nhận thấy những bà nông dân choàng khăn làm dấu thánh giá, như thể họ đang đến gần tượng Chúa vậy. Mà chính tôi cũng có cảm giác bí hiểm, một cảm giác đã quên từ thuở thiếu thời. Hơn thế nữa, tất cả đều được sắp đặt để tạo ra trong người ta cảm giác như thế: các khối đá cẩm thạch, hàng vệ binh im lặng, nguồn ánh sáng bí ẩn bên trên và thi hài Lenin, đã khô và trắng như vôi vôi với vài sợi tóc như được cấy vào đầu. Dù rất

kính trọng thiên tài của Lenin, tôi vẫn thấy một cái gì đó phi tự nhiên và cái chính là những cuộc tụ tập bí hiểm xung quanh thi hài ông là trái với chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa Lenin.

Ngay cả dù rất bận, chúng tôi vẫn muốn đi thăm Leningrad, hiện thân của cái đẹp và cách mạng. Tôi đã ghé thăm Zhdanov nhờ ông giúp đỡ, ông vui vẻ nhận lời. Cuộc nói chuyện chỉ kéo dài chưa đến mười phút. Nhưng ông cũng không quên hỏi tôi nghĩ thế nào về tuyên bố của Dimitrov trên tờ Sự thật (ngày 21 tháng 1 năm 1948) khi ông ở Bucarest, trong chuyến đi, ông đã tuyên bố ủng hộ việc phối hợp kế hoạch và thành lập hải quan chung giữa giữa Bulgaria và Rumania. Tôi bảo rằng tôi không thích tuyên bố đó: quan hệ của Bulgaria - Rumania sẽ trở thành biệt lập và quá sớm. Zhdanov cũng không hài lòng dù không nói lí do, nhưng rồi chẳng bao lâu người ta cũng biết vì sao, tôi sẽ nói cụ thể hơn trong những đoạn sau.

Khoảng thời gian này, đại diện của Bộ Ngoại thương Nam Tư là Bogdan Srnobrnhia cũng có mặt ở Moskva; vì không thể giải quyết một số vấn đề quan trọng với các cơ quan Liên Xô nên ông ta nài nỉ tôi cùng đi gặp Mikoian, Bộ trưởng Ngoại thương.

Mikoian tiếp chúng tôi một cách lạnh lùng, không giấu vẻ sốt ruột. Một trong những vấn đề cần thảo luận là chúng tôi muốn người Nga trả lại những toa tàu hoả mà họ đã lấy từ các vùng chiếm đóng cũ, chẳng hạn họ cũng không sử dụng được vì đường ray của chúng tôi rộng hơn.

“Thế các đồng chí nghĩ thế nào, điều kiện hoàn trả ra sao, giá bao nhiêu?”, Mikoian hỏi.

Tôi đáp:

“Các đồng chí tặng cho chúng tôi.”

Ông ta trả lời ngắn gọn:

“Tôi không quan tâm đến tặng phẩm, tôi quan tâm đến vấn đề thương mại.”

Tôi và Srnobrnhia nói đến khan hống về việc sửa lại hợp đồng mua phim của Liên Xô, vừa thiếu bình đẳng vừa bất lợi cho Nam Tư, cũng vô ích. Lấy có các nước Đông Âu khác sẽ coi đây là tiền lệ, Mikoian từ chối xem xét vấn đề ngay từ đầu.

Nhưng vừa bàn đến mở đồng của Nam Tư là lời lẽ của ông ta thay đổi ngay, ông ta đề nghị trả cho chúng tôi bằng bất cứ ngoại tệ hay hàng hoá nào, mà trả trước, số lượng không hạn chế.

Thế là chúng tôi chẳng thu được gì, chỉ kéo dài những cuộc đàm phán vô ích và vô bổ mà thôi. Sự việc đã rõ: các bánh xe hướng về nước Nam Tư của cỗ máy Liên Xô đã bị người ta phanh lại rồi.

Chuyến đi Leningrad có làm cho tâm hồn thanh thản hơn.

Trước khi thăm Leningrad, tôi tin rằng sự hi sinh và chủ nghĩa anh hùng của các tỉnh khởi nghĩa và các chiến sĩ du kích Nam Tư là cao cả nhất, không ai có thể vượt qua được. Nhưng Leningrad đã vượt Nam Tư, có thể không chỉ về mặt anh hùng mà còn về tinh thần hi sinh của cả một tập thể nữa. Trong một thành phố có một triệu dân, bị cắt rời khỏi hậu phương, không

có lương thực và nhiên liệu, lại thường xuyên bị máy bay và pháo binh bắn phá, chỉ trong mùa đông 1941-1942 đã có 300 ngàn người chết vì đói và rét, người ta ăn cả thịt người, nhưng ý nghĩ đầu hàng chưa bao giờ hiện diện. Bức tranh chung là như thế.

Nhưng chỉ khi chúng tôi va chạm với thực tế, với những trường hợp hi sinh và anh hùng, với những con người bằng da bằng thịt cụ thể, những người đã thực hiện hoặc chứng kiến những hành động anh dũng đó, chúng tôi mới cảm thấy hết sự vĩ đại của bản anh hùng ca Leningrad, mới thấy hết khả năng vô cùng tận của con người, của nhân dân Nga khi nền tảng tinh thần, nền tảng nhà nước của họ bị tấn công.

Cuộc gặp gỡ với những người lãnh đạo Leningrad càng làm cho lòng cảm phục của chúng tôi thêm ấm áp tình người. Đa số họ là những người lao động động bình thường và có học vấn, họ không chỉ gánh trên vai mà mang cả trong tim sự vĩ đại bi hùng của thành phố. Nhưng cuộc sống của họ khá đơn điệu và họ rất mừng khi được gặp những người từ những vùng đất khác, những nền văn hoá khác. Chúng tôi, những người có số phận tương đối giống nhau, đã tìm được tiếng nói chung một cách nhanh chóng và dễ dàng. Và mặc dù không nghĩ đến chuyện phê phán lãnh đạo Liên Xô trước mặt họ, chúng tôi cũng nhận ra rằng những người này có quan niệm về thành phố và đời sống của các công dân ở đây một cách tự nhiên và có tình hơn là những người ở Moskva.

Tôi nghĩ rằng sẽ dễ dàng tìm được tiếng nói chung về chính trị với họ hơn vì đã tìm được lòng cảm thông ấm áp tình người nơi họ.

Thực lòng, hai năm sau đó, tôi hoàn toàn không ngạc nhiên khi biết rằng họ đã không thoát khỏi chiếc cối xay thịt người của chế độ toàn trị, đơn giản vì họ đã dám là những con người thực sự.

Trong chuyến đi Leningrad buồn vui lẫn lộn này, dù sao cũng còn một vết đen, đấy là người đồng hành của chúng tôi tên là Lesakov. Lúc đó, ở Liên Xô, có thể bắt gặp những viên chức xuất thân từ công nhân và tầng lớp cùng khổ. Nhìn vào trình độ học vấn và cách cư xử, ta có thể nghĩ rằng Lesakov xuất thân từ công nhân. Điều đó cũng không có gì là xấu nếu như anh ta không cố tình che giấu và không đòi hỏi một cách lộ liễu những cái vượt quá tầm của anh ta. Sự thật là anh ta đã leo lên không phải bằng sức lực và trí tuệ của mình mà do người ta kéo lên, người ta đưa vào bộ máy của Ban chấp hành trung ương và giao cho phụ trách các vấn đề về Nam Tư. Anh ta đóng một lúc hai vai, vừa là cán bộ đảng vừa là nhân viên tình báo; khi đóng vai cán bộ đảng anh ta lại tiến hành thu thập thông tin về Đảng cộng sản Nam Tư và những người lãnh đạo của nó, nhưng cách làm phải nói là khá vụng.

Người tầm thước, mặt chữ điền với những chiếc răng nhọn màu vàng xỉn, chiếc cà vạt vắt chéo một bên, áo sơ mi tuột ra ngoài quần, lúc nào cũng sợ bị cho là thiếu văn hoá, nếu là một

người lao động bình thường, nếu không giữ chức vụ quan trọng đến thế, nếu không gọi chúng tôi, chủ yếu là tôi đến thảo luận những chuyện chán phèo thì Lesakov có thể được coi là đáng yêu. Anh ta khoe rằng “đồng chí Zhdanov đã đuổi hết bọn Do Thái khỏi Ban chấp hành trung ương!”, nhưng đồng thời cũng lại ca ngợi Bộ chính trị Hungaria, lúc đó gồm toàn người Do Thái nhập cư. Tôi nghĩ rằng theo quan điểm của ban lãnh đạo Liên Xô, dù họ có che giấu thái độ bài Do Thái, thì người Do Thái nắm quyền ở Hungaria lại càng tốt, nhất là khi những người này không có nguồn gốc Hung, họ càng phụ thuộc vào Liên Xô hơn.

Tôi đã được nghe và nhận thấy rằng ở Liên Xô, khi người ta muốn loại một người mà không có lí do rõ ràng thì họ thường cho các nhân viên mật vụ rỉ tai tuyên truyền một chuyện đê mạt nào đó. Lesakov “bí mật” kể cho tôi nghe rằng nguyên soái Zhukov bị hạ bệ vì đã ăn cắp nhiều tài sản có giá trị ở Berlin. “Đồng chí Stalin không chịu nổi những kẻ vô đạo đức!”, anh ta bảo thế. Còn tướng Antonov, Tổng tham mưu trưởng “thì hoá ra có nguồn gốc Do Thái!”.

Rõ ràng là tuy có hạn chế về trí tuệ, Lesakov biết rất rõ quan hệ trong Ban chấp hành trung ương Nam Tư và phương pháp làm việc của nó. “Không có một đảng ở Đông Âu nào”, anh ta nói, “lại có tứ nhân bang hoạt động hữu hiệu như ở Nam Tư”.

Anh ta không nói tên tứ nhân bang, nhưng tôi biết đấy là Tito, Kardelj, Rankovic và tôi. Tôi chợt nghĩ: đối với những người lãnh đạo Liên Xô, tứ nhân bang này cũng là một trong những “củ lạc” chẳng?

[1] Bài báo của I. V. Stalin “Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc” được đăng trên tạp chí Giáo dục vào năm 1913 (chú thích của biên tập viên bản tiếng Nga)

7.

Thấy ngày tháng cứ trôi đi một cách vô ích, Koca Popovic quyết định đi về, chỉ để Todorovich ở Moskva đợi xem tình hình phát triển ra sao, đúng hơn là đợi xem khi nào thì các nhà lãnh đạo cao cấp ở đây hạ cố khởi động lại các cuộc đàm phán. Đáng lẽ tôi cũng đi về với Popovic, nếu không có thông báo từ Belgrad rằng Kardelj và Bakaric đang trên đường tới Moskva và tôi phải tham gia thảo luận với chính phủ Liên Xô để tháo gỡ “các khó khăn”.

Kardelj và Bakaric đến vào sáng chủ nhật, mùng 8 tháng 2 năm 1948. Chính phủ Liên Xô không mời hai vị này mà mời đích danh Tito, nhưng Belgrad lấy cớ rằng Tito bị mệt nên cử Kardelj đi thay, ngay chuyện này đã chứng tỏ hai bên không còn tin nhau nữa. Cùng lúc đó, đoàn đại biểu Đảng và chính phủ Bulgaria cũng được mời tới Moskva, Lesakov thông báo với chúng tôi như thế, anh ta còn nhấn mạnh rằng đoàn Bulgaria có các “nhân vật chính”.

Trước đó không lâu, ngày 28 tháng 1 năm 1948, tờ Sự thật phê phán Dimitrov và đoạn tuyệt

với “những liên bang bịa tạc và đáng ngờ” cũng như các liên minh hải quan của ông. Đây là một lời cảnh cáo, một lời cảnh báo những biện pháp mới và đường lối cứng rắn hơn của chính phủ Liên Xô.

Kardelj và Bakarik được bố trí sống trong một nhà nghỉ ở ngoại ô Moskva, tôi cũng xin chuyển đến ở cùng nhà với họ. Ngay đêm đó, khi vợ Kardelj đã ngủ, còn chính ông thì đã nằm trên giường và tôi ngồi cạnh ông thì thầm trò chuyện. Tôi nói cho ông biết cảm tưởng của mình trong thời gian ở Moskva và những cuộc tiếp xúc với các cấp lãnh đạo tối cao Liên Xô. Nói gọn lại là đừng hi vọng gì vào sự giúp đỡ, chúng ta phải dựa vào sức mình là chính vì chính phủ Liên Xô nhất định sẽ tiến hành chính sách khuất phục để đưa Nam Tư xuống ngang hàng với các nước bị họ chiếm đóng ở Đông Âu.

Lúc đó, mà cũng có thể ngay từ khi vừa mới tới, Kardelj đã thông báo cho tôi biết nguyên nhân của sự tranh chấp với Moskva, đấy là hiệp định giữa chính phủ Nam Tư và chính phủ Albania về việc đưa hai sư đoàn Nam Tư vào Albania. Các sư đoàn còn đang được kiện toàn nhưng một đại đội máy bay đã có mặt ở Albania rồi; Moskva kịch liệt chống lại và không chấp nhận cách giải thích là các sư đoàn quân Nam Tư phải bảo vệ Albania trong trường hợp xảy ra cuộc tấn công của “bọn phát xít-quân chủ” Hi Lạp. Trong bức điện gửi Belgrad, Molotov đe dọa sẽ xảy ra xung đột công khai.

Tôi cũng không thích việc đưa các sư đoàn vào Albania, đây là lần đầu tiên tôi được nghe chuyện này và hỏi Kardelj mục đích của việc đó. Ông ta đánh trống lảng và bảo rằng mình không tham gia...

Tôi không thể khẳng định giả thuyết được đưa ra là các sư đoàn quân Nam Tư được đưa vào Albania theo yêu cầu của Enver Hoxha, mà ông này lại được Moskva xúi giục để lấy cớ lên án chính phủ Nam Tư có ý đồ xâm lược và đế quốc chủ nghĩa. Dĩ nhiên là như thế không có nghĩa là tôi phần nào biện hộ cho sự phản trắc và cũng như sự tàn bạo kinh tởm nhất của Hoxha mà ông ta tiến hành sau đó đối với các đồng chí và chính đồng bào của mình. Vấn đề là các sự kiện chứ không phải cách giải thích, mà sự kiện thì phải được trình bày như chúng đã từng là.

Chính phủ Albania đã đồng ý đưa các sư đoàn quân Nam Tư vào, mặc dù tôi cho rằng họ không thật lòng; để đi đến cùng khi xem xét vấn đề cần phải chú ý đến quan hệ đã xấu đi giữa Nam Tư và Liên Xô và trước hết, phải phân tích quan hệ giữa Belgrad và Tirana vào thời gian diễn ra các sự kiện vừa nêu.

Ngay ngày hôm sau, trong khi cùng Kardelj đi dạo trong công viên dưới ánh mắt theo dõi của các nhân viên tình báo Liên Xô, mặt họ có vẻ buồn vì không nghe được chúng tôi nói gì, chúng tôi, có cả Bakaric, đã thảo luận kỹ và phân tích một cách triệt để hơn.

Mặc dù còn một vài bất đồng về lý luận nhưng chúng tôi hoàn toàn thống nhất về biện pháp

giải quyết, như thường lệ, tôi ủng hộ những biện pháp quyết liệt và không thể đảo ngược được.

Cho đến tận chiều ngày hôm sau, 10 tháng giêng, phía Liên Xô vẫn chưa đưa ra ý kiến gì; khoảng 9 giờ tối hôm đó, họ bảo chúng tôi lên xe và đưa vào thẳng phòng làm việc của Stalin trong Điện Kremli. Chúng tôi ngồi đợi các đại biểu Bulgaria gồm Dimitrov, Kolarov, Kostov chừng mười lăm phút. Họ vừa đến là tất cả được đưa vào gặp Stalin ngay.

Stalin ngồi ở đầu bàn, bên phải là các đại diện Liên Xô: Molotov, Zhdanov, Malenkov, Suslov, Zorin, bên trái là đại diện Bulgaria: Kolarov, Dimitrov, Kostov rồi đến đoàn Nam Tư: Kardelj, tôi, Bakaric.

Về cuộc gặp gỡ này, tôi đã có báo cáo bằng văn bản gửi Ban chấp hành trung ương. Nay tôi không có điều kiện xem lại bản báo cáo đó, những điều trình bày dưới đây là dựa trên trí nhớ của tôi và của những tài liệu đã được công bố về cuộc gặp gỡ nói trên.

Molotov phát biểu trước; ông ta thông báo một cách ngắn gọn rằng đã xuất hiện một sự bất đồng sâu sắc giữa một bên là chính phủ Liên Xô còn bên kia là chính phủ Nam Tư và Bulgaria, đây là điều không thể chấp nhận được từ quan điểm của đảng cũng như quan điểm nhà nước.

Thí dụ về sự bất đồng đó là việc kí hiệp định hữu nghị giữa Nam Tư và Bulgaria, mặc dù chính phủ Liên Xô cho rằng Bulgaria không nên kí bất kì hiệp định nào trước khi có hoà bình.

Molotov muốn nói cụ thể về tuyên bố của Dimitrov ở Bucarest về việc thành lập liên bang Đông Âu, trong đó có nhắc đến cả Hi Lạp và liên minh hải quan cũng như việc phối hợp kế hoạch công nghiệp giữa Rumania và Bulgaria. Nhưng Stalin ngắt lời:

“Trong các cuộc họp báo, đồng chí Dimitrov phát biểu say sưa quá, không còn biết mình nói gì nữa. Tất cả những gì đồng chí ấy nói, cũng như tất cả những gì Tito nói, ở nước ngoài người ta đều cho rằng đã được chúng tôi cho phép rồi. Thí dụ gần đây có các đồng chí Ba Lan. Tôi hỏi: các đồng chí nghĩ thế nào về tuyên bố của Dimitrov? Họ bảo: hay quá. Còn tôi bảo: không, không hay. Thế là họ bảo rằng họ nghĩ là không hay nếu chính phủ Liên Xô cho là như thế. Họ nghĩ rằng Dimitrov tuyên bố thế là đã thoả thuận và được sự đồng ý của chính phủ Liên Xô rồi nên họ mới ủng hộ. Sau đó, Dimitrov có định thông qua hãng thông tấn Bulgaria sửa lại tuyên bố đó nhưng chẳng sửa chữa được gì. Hơn nữa, đồng chí còn đưa ra thí dụ về việc chính phủ Áo - Hung đã ngăn cản việc thiết lập liên minh hải quan giữa Bulgaria và Serbia, kết luận rõ ràng là trước đây thì người Đức còn bây giờ thì người Nga ngăn cản chứ gì? Vấn đề là gì vậy?”

Molotov tiếp tục nói rằng chính phủ Bulgaria có ý định thành lập liên bang với Rumania mà không tham khảo ý kiến Liên Xô.

Molotov cố gắng giảm nhẹ vấn đề bằng cách nhấn mạnh rằng ông không nói đến một liên bang cụ thể nào.

“Không, các đồng chí đã thoả thuận về liên minh hải quan, về phối hợp kế hoạch công

nghiệp”, Stalin ngắt lời.

Molotov thêm:

“Liên minh hải quan và phối hợp kinh tế không phải là thành lập một nhà nước à?”

Vào thời khắc đó, bản chất của cuộc gặp, dù không ai nói ra, đã lộ diện hoàn toàn: quan hệ giữa các nền “dân chủ nhân dân” không thể nào phát triển được nếu những quan hệ đó không phù hợp với quyền lợi và chưa được chính phủ Liên Xô đồng ý. Rõ ràng là đối với những lãnh tụ đầy tinh thần sô vanh, nước lớn Liên Xô, những người luôn coi Liên Xô là “lực lượng tiên phong của chủ nghĩa xã hội” và luôn luôn nhớ rằng Hồng quân đã giải phóng Rumania và Bulgaria, tuyên bố của Dimitrov, tình trạng vô kỉ luật và tự tiện của Nam Tư không chỉ được coi là tà đạo mà còn là sự xâm phạm những quyền “thiên kinh địa nghĩa” của họ nữa.

Dimitrov cố gắng giải thích, cố gắng biện hộ, nhưng bị Stalin ngắt lời suốt.

Đây là con người thật của Stalin, sự sắc sảo của ông đã biến thành thô lỗ độc địa, thói bất dung đã trở thành không khoan nhượng. Nhưng dù sao ông cũng cố giữ để không nổi đoá thật sự. Ông luôn luôn ý thức được hoàn cảnh, ông chửi bới, trách móc người Bulgaria thậm tệ vì biết rằng họ tuân phục ông nhưng mục đích lại hướng về đoàn Nam Tư, theo kiểu “rung cây nhất khỉ”.

Được Kardelj ủng hộ, Dimitrov nói rằng Nam Tư và Bulgaria chỉ mới thông báo về việc đạt được thoả thuận chứ không phải là hiệp ước.

“Nhưng các đồng chí không tham khảo ý kiến chúng tôi!”, Stalin gào lên. “Chúng tôi chỉ được biết qua báo chí! Các đồng chí ba hoa những ý kiến vừa mới có trong đầu như mấy mẹ già giữa chợ, còn các nhà báo thì vồ ngay lấy!”

Dimitrov vừa biện hộ cho quan điểm liên minh hải quan với Rumania vừa tiếp tục:

“Bulgaria gặp một số khó khăn về kinh tế, không thể phát triển được nếu không hợp tác với các nước khác. Còn về tuyên bố của tôi tại cuộc họp báo thì tôi có hơi quá đà.”

Stalin ngắt lời:

“Đồng chí muốn nổi danh bằng những câu hay! Nhưng sai hoàn toàn, không thể tưởng tượng được liên bang kiểu đó. Bulgaria và Rumania đã từng có những liên hệ lịch sử nào? Hoàn toàn không! Chưa nói đến quan hệ giữa Bulgaria với, thí dụ, Hungaria hay là Ba Lan.”

Dimitrov biện hộ:

“Thực chất thì chính sách đối ngoại của Bulgaria và Liên Xô không có gì khác nhau.”

Stalin vẫn khẳng khái:

“Khác nhau rất lớn! Che giấu làm gì? Lenin dạy rằng có sai lầm thì phải nhận và sửa chữa càng nhanh càng tốt.”

Dimitrov đuối dụi, gần như vâng lời:

“Đúng thế, chúng tôi có sai lầm và sẽ học hỏi thêm trong lĩnh vực đối ngoại.”

Giọng Stalin vừa gãy gãy vừa như chế giễu:

“Học đi! Đồng chí đã làm chính trị năm mươi năm rồi mà bây giờ còn sửa chữa sai lầm! Vấn đề không phải là sai lầm mà là quan điểm, khác với quan điểm của chúng tôi.”

Tôi liếc nhìn Dimitrov: hai tai ông có màu đỏ, trên mặt có những vết đỏ to như vẩy nến. Vài sợi tóc lơ thơ trên đầu, còn búi tóc thì như đã khô vắt vẻo trên cái cần cổ đầy nếp nhăn. Tôi thấy thương ông quá. Con sói già từng tung hoành tại toà án Leipzig, ăn miếng trả miếng với H. Göring và chủ nghĩa phát xít khi chúng đang ở đỉnh cao quyền lực, nay trông vừa buồn bã vừa mệt mỏi.

Stalin tiếp tục:

“Liên minh hải quan, liên bang giữa Rumania và Bulgaria là nhắm nhí! Liên bang Nam Tư, Bulgaria và Albania lại là chuyện khác. Các nước này đã có những mối liên hệ lịch sử. Cần phải thành lập liên bang này càng nhanh càng tốt. Đúng, càng nhanh càng tốt, nếu có thể ngay ngày mai! Vâng, ngay ngày mai nếu được! Các vị bàn với nhau ngay đi!”

Có người, tôi nghĩ là Kardelj, nói rằng việc thành lập liên bang Nam Tư – Albania đang được tiến hành.

Nhưng Stalin nói:

“Không, trước hết là liên bang giữa Bulgaria và Nam Tư, sau đó thì cả hai với Albania.”

Sau đó ông nói thêm:

“Chúng tôi nghĩ nên thành lập liên bang giữa Rumania với Hungaria, còn Ba Lan với Tiệp Khắc.”

Cuộc thảo luận lấy lại không khí bình tĩnh được một thời gian ngắn.

Stalin không đi sâu vào vấn đề liên bang nữa, chỉ thỉnh thoảng mới nhắc đến việc cần thành lập ngay liên bang giữa Nam Tư, Bulgaria và Albania. Trên cơ sở những điều đã được trình bày và những lời nói bóng gió của các nhà ngoại giao Liên Xô lúc đó, có thể kết luận rằng lãnh đạo Liên Xô đã nghĩ đến việc cải tổ Liên Xô, mà cụ thể là hợp nhất với “các nước dân chủ nhân dân”: Ukraine với Hungaria và Rumania, còn Bạch Nga với Ba Lan và Tiệp Khắc, còn các nước vùng Ban Căng thì hợp nhất với Nga! Dù các kế hoạch này có mù mờ đến đâu thì điều rõ ràng là: Stalin đã tìm cho các nước Đông Âu các biện pháp và hình thức sao cho chúng có thể củng cố và bảo đảm trong một thời gian dài địa vị thống trị và bá quyền của Moskva.

Vấn đề liên minh hải quan và hiệp định giữa Bulgaria và Rumania tưởng như đã được giải quyết thì bất ngờ cụ Kolarov lên tiếng, dường như ông vừa nhớ được một chuyện quan trọng:

“Tôi không thấy đồng chí Dimitrov có sai lầm gì cả, chúng tôi đã gửi dự thảo hiệp định với Rumania cho chính phủ Liên Xô từ trước, chính phủ Liên Xô không phản đối liên minh hải

quan mà chỉ phản đối định nghĩa khái niệm kẻ xâm lược mà thôi.”

Stalin quay sang Molotov:

“Họ có gửi cho ta dự thảo hiệp định à?”

Molotov không hề lúng túng:

“Vâng, có!”

Stalin tỏ ra thất vọng và bức bối:

“Chúng ta cũng làm chuyện nhảm nhí rồi.”

Dimitrov lập tức bám lấy câu chuyện:

“Đây là lí do tôi tuyên bố như thế, dự thảo đã được gửi tới Moskva và tôi không nghĩ các đồng chí lại phản đối.”

Nhưng Stalin vẫn không nao núng:

“Nhảm nhí! Đồng chí bốc đồng như đoàn viên thanh niên ấy. Đồng chí muốn làm cho toàn thế giới phải ngạc nhiên, cứ như đồng chí vẫn còn là bí thư Comintern vậy. Các đồng chí cũng như các đồng chí Nam Tư không thông báo cho chúng tôi công việc của mình, chúng tôi phải tìm hiểu mọi chuyện trên đường phố, các đồng chí đặt chúng tôi trước những sự đã rồi!”

Kostov, lúc đó lãnh đạo lĩnh vực kinh tế Bulgaria, muốn nói điều gì đó:

“Những nước nhỏ và kém phát triển gặp nhiều khó khăn... Tôi muốn đề nghị một số vấn đề về kinh tế”.

Nhưng Stalin lập tức ngắt lời ông ta, bảo đến gặp các bộ và nhấn mạnh rằng cuộc họp này chỉ xem xét vấn đề bất đồng trong chính sách đối ngoại của ba đảng và ba nước mà thôi.

Cuối cùng, đến lượt Kardelj. Mặt ông đỏ lên, đây là dấu hiệu chứng tỏ ông đang bị xúc động, đầu rụt lại và ngắt câu ở những chỗ không đáng ngắt. Ông nhấn mạnh rằng hiệp định giữa Nam Tư và Bulgaria kí bên bờ hồ Bred đã được gửi trước cho chính phủ Liên Xô. Chính phủ Liên Xô không có nhận xét gì ngoài nhận xét về thời hạn hiệp định: “20 năm” thay vì “vĩnh viễn”.

Stalin nhìn Molotov với vẻ trách móc. Molotov gật đầu, môi mím chặt, nghĩa là ông ta khẳng định lời của Kardelj.

“Ngoài nhận xét đó, chúng tôi đã chữa rồi”, Kardelj tiếp tục, “thì không có mâu thuẫn nào cả...”

Nhưng Stalin đã ngắt lời ông ta một cách khá giận dữ, tuy không đến nỗi xúc phạm như đối với Dimitrov:

“Nhảm nhí! Có mâu thuẫn, thậm chí sâu sắc! Đồng chí nói thế nào về trường hợp Albania? Các đồng chí không tham khảo về việc đưa quân vào Albania!”

Kardelj nói rằng chính phủ Albania đã thoả thuận rồi.

Stalin gầm lên:

“Chuyện đó có thể dẫn tới những phức tạp nghiêm trọng trên bình diện quốc tế, Albania là nước độc lập! Các đồng chí nghĩ sao? Các đồng chí cứ việc biện hộ nhưng sự thật vẫn là sự thật: các đồng chí đã không tham khảo chúng tôi khi đưa hai sư đoàn vào Albania.”

Kardelj giải thích rằng tất cả vẫn chưa kết thúc và nói thêm là ông không nhớ có vấn đề đối ngoại nào mà chính phủ Nam Tư không phối hợp hành động với chính phủ Liên Xô.

“Không đúng!”, Stalin gào lên. “Các đồng chí hoàn toàn không tham khảo. Đây không phải là sai lầm, mà là nguyên tắc của các đồng chí, vâng, nguyên tắc.”

Bị cắt ngang, Kardelj đành ngồi yên, ông không thể trình bày hết ý kiến của mình.

Molotov lấy tờ giấy ra và đọc một đoạn trong hiệp định Nam Tư – Bulgaria: “... sẽ hợp tác trong tinh thần của Liên hiệp quốc và ủng hộ mọi sáng kiến nhằm gìn giữ hoà bình và chống lại tất cả các lò lửa xâm lược”.

“Thế có nghĩa là gì?”, Molotov hỏi.

Dimitrov giải thích ý nghĩa của nó là giao cho Liên hiệp quốc đấu tranh chống lại các lò lửa xâm lược.

Stalin xen vào:

“Không, đây là cuộc chiến tranh phòng ngừa, một kiểu công kích trẻ ranh thường thấy! Một câu hay nhưng chỉ có lợi cho kẻ thù.”

Molotov lại nói về liên minh hải quan giữa Bulgaria và Rumania, ông ta khẳng định rằng đấy là sự khởi đầu của việc hợp nhất giữa hai nước.

Stalin xen vào và nói rằng liên minh hải quan là hoàn toàn không thực tế. Sau khi cuộc thảo luận đã trở lại bình thường, Kardelj nhận xét rằng một số liên minh hải quan tỏ ra không đến nỗi tệ.

“Thí dụ?”, Stalin hỏi.

“Thì thí dụ như Benelux”, Kardelj thận trọng đáp, “trong đó có Bỉ, Hà Lan và Luxemburg”.

Stalin đáp:

“Không, không có Hà Lan, chỉ có Bỉ và Luxemburg thôi, cái này là chuyện vặt, không có giá trị gì.”

Kardelj:

“Không, có cả Hà Lan.”

Stalin:

“Không, Hà Lan không tham gia.”

Stalin nhìn Molotov, Zorin rồi những người khác, tôi muốn giải thích cho ông ta rằng từ “Ne” trong tên Benelux là xuất phát từ Netherland, tên gọi chính thức của Hà Lan. Nhưng thấy tất cả đều ngồi im nên tôi cũng thôi không nói, vậy là không có Hà Lan trong Benelux.

Stalin quay sang vấn đề phối hợp kinh tế giữa Rumania và Bulgaria.

“Thật vô nghĩa, thay vì hợp tác sẽ là cãi vã cho mà xem. Liên kết Bulgaria và Nam Tư thì lại khác: ở đây có sự gắn bó, nguyện vọng đã có từ lâu”.

Kardelj nhấn mạnh rằng bên bờ hồ Bled, Bulgaria và Nam Tư đã đi đến quyết định hành động một cách từ từ theo hướng thành lập liên bang giữa hai nước, nhưng Stalin ngắt lời:

“Không, không từ từ, mà ngay lập tức, nếu có thể thì ngay ngày mai. Đầu tiên là Bulgaria và Nam Tư, sau đó thì đến Albania.”

Stalin chuyển sang cuộc khởi nghĩa ở Hi Lạp:

“Phải gói ghém cuộc khởi nghĩa ở Hi Lạp lại”, ông nói đúng như thế - “gói ghém”. Rồi quay sang Kardelj ông hỏi: “Đồng chí có tin vào thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hi Lạp không?”

Kardelj trả lời:

“Nếu nước ngoài không tăng cường can thiệp và nếu không có những sai lầm lớn về chính trị và quân sự...”

Nhưng Stalin tiếp tục nói, không thêm để ý đến Kardelj:

“Nếu, nếu! Họ không có chút hi vọng nào. Các đồng chí nghĩ sao, chả lẽ Anh, Mỹ, nước giàu mạnh nhất thế giới lại để cho người ta cắt đứt đường vận tải quan trọng nhất ở Địa Trung Hải à? Nhảm nhí! Còn chúng ta thì lại không có hạm đội. Cuộc khởi nghĩa ở Hi Lạp phải gói ghém lại càng sớm càng tốt.”

Có ai đó nhắc đến những thắng lợi gần đây của những người cộng sản Trung Quốc. Nhưng Stalin vẫn giữ ý mình:

“Đúng, các đồng chí Trung Quốc đã thành công. Nhưng ở Hi Lạp tình hình hoàn toàn khác. Hi Lạp nằm trên những tuyến đường vận tải sống còn của các nước phương Tây. Mỹ, nước mạnh nhất thế giới, sẽ trực tiếp can thiệp. Trung Quốc thì khác, Viễn Đông tình hình khác hẳn. Dĩ nhiên là chúng tôi có thể làm! Khi chiến tranh với Nhật kết thúc, chúng tôi đề nghị các đồng chí Trung Quốc tìm biện pháp thoả hiệp với Tưởng Giới Thạch. Họ nói là đồng ý nhưng về nhà, họ lại làm theo ý mình: tập hợp lực lượng và tấn công. Hoá ra họ đúng chứ không phải chúng tôi. Nhưng Hi Lạp có hoàn cảnh khác, cần phải, không được trù trừ, gói ghém cuộc khởi nghĩa Hi Lạp lại.”

Đến nay, tôi cũng không hiểu Stalin phản đối cuộc khởi nghĩa ở Hi Lạp vì lí do gì. Trong tính toán của ông, không thể có chuyện thành lập một nhà nước cộng sản nữa, cụ thể là Hi Lạp, trên bán đảo Ban-căng một khi ông chưa nắm được các nước kia. Sự phức tạp của các quan hệ quốc tế, mà càng ngày càng có vẻ rắc rối hơn, có thể lôi kéo ông vào một cuộc chiến tranh hoặc có nguy cơ mất ngay những vùng đã chiếm được cũng không thể không nằm trong các tính toán của ông.

Còn việc kiểm chế cách mạng Trung Quốc thì ở đây không nghi ngờ gì rằng đã xuất hiện chủ

nghĩa cơ hội trong chính sách đối ngoại, mà cũng có thể ông ta cảm thấy mối nguy cho chính sự nghiệp cũng như đế chế của mình tại nước cộng sản có tầm vóc quốc tế này, hơn nữa, ông ta lại không thể nào khống chế được Trung Quốc từ bên trong. Dù sao mặc lòng, ông biết rằng mỗi cuộc cách mạng, nhất là những cuộc cách mạng mới, sẽ tạo ra một trung tâm độc lập, một chính quyền và một nhà nước của riêng mình. Trường hợp Trung Quốc còn đáng lo hơn vì đây sẽ là sự kiện trọng đại không khác gì Cách mạng tháng Mười.

Cuộc thảo luận đã mất khí thế, Dimitrov chuyển sang nói về phát triển các quan hệ kinh tế với Liên Xô, nhưng Stalin lại ngắt lời:

“Chúng ta sẽ thảo luận chuyện này với chính phủ liên hiệp Bulgaria - Nam Tư.”

Kostov phàn nàn về sự bất công trong hiệp định trợ giúp kĩ thuật, Stalin bảo ông ta viết “tờ giấy” cho Molotov.

Kardelj hỏi quan điểm về việc chính phủ Italy đòi chuyển cho họ quyền ủy trị Somalia. Nam Tư không muốn ủng hộ đòi hỏi đó, nhưng Stalin có quan điểm khác hẳn, ông hỏi Molotov đã trả lời như thế chưa. Stalin giải thích quan điểm của mình như sau:

“Ngày xưa, khi các vua chúa không thoả thuận được với nhau thì họ giao vùng đất tranh chấp cho kẻ yếu nhất để rồi sau đó cướp lại khi có dịp.”

Stalin không quên, khi gần kết thúc buổi gặp, mang Lenin và chủ nghĩa Lenin ra làm tấm bình phong che đậy các yêu cầu và chỉ thị của mình:

“Chúng tôi, những người học trò của Lenin, cũng thường bất đồng quan điểm với chính Lenin, có khi còn cãi nhau nữa, nhưng sau khi đã thảo luận, xác định được quan điểm thì lại tiếp tục hành động.”

Cuộc họp kéo dài chừng hai giờ đồng hồ.

Nhưng lần này Stalin không mời chúng tôi tới nhà ăn tối như mọi khi. Phải công nhận rằng tôi cảm thấy buồn và cay đắng vì chuyện đó; trong tôi, tình người và sự gắn bó với con người này vẫn còn mạnh lắm.

Lòng tôi buồn và trống rỗng, lạnh lùng quá. Tôi đã định nói với Kardelj cảm tưởng của mình ngay trên ô tô, nhưng ông có vẻ chán nản và ra dấu bảo tôi im.

Không phải chúng tôi bất đồng ý kiến, mà đơn giản là chúng tôi có cách phản ứng khác nhau.

Sự bối rối của Kardelj thể hiện rõ, khi ngày hôm sau ông được đưa vào Điện Kremli để kí hiệp định về việc tham khảo ý kiến giữa Liên Xô và Nam Tư mà không có bất kì lời giải thích hay giải thích nào; ông đã kí không đúng chỗ, phải kí lại lần thứ hai.

Ngày hôm đó, theo thoả thuận ngay trong tiền sảnh văn phòng Stalin, chúng tôi đến nhà Dimitrov ăn trưa và bàn về liên bang. Chúng tôi làm việc đó như những cái máy, kỉ luật và uy tín còn sót lại của chính phủ Liên Xô đã phát huy tác dụng. Nhưng câu chuyện rất tẻ nhạt và

chẳng kéo dài được bao lâu, chúng tôi thoả thuận là sẽ liên hệ lại sau khi về đến Sophia và Belgrad.

Dĩ nhiên là mọi sự chẳng đi đến đâu vì sau đó khoảng một tháng thì Stalin và Molotov, được sự ủng hộ của Ban chấp hành trung ương Bulgaria, bắt đầu viết thư tấn công ban lãnh đạo Nam Tư. Câu chuyện về liên bang với Bulgaria hoá ra chỉ là một cái bẫy nhằm chia rẽ những người cộng sản Nam Tư mà thôi, nó là một cái thông lọng mà không một nhà tư tưởng nào dám dứt đầu vào.

Tôi nhớ nhất là thái độ thận trọng, gần như là dịu dàng, của Kotov đối với chúng tôi. Chuyện thật lạ bởi vì ban lãnh đạo Đảng cộng sản Nam Tư vẫn coi Kostov là một người chống đối Nam Tư, nghĩa là một người “thân” Liên Xô. Đồng thời vì muốn cho Bulgaria giữ được độc lập nên ông ta ghét người Nam Tư vì cho rằng Nam Tư là trợ thủ đắc lực của Liên Xô, mà cũng có thể chính họ cũng muốn khuất phục Bulgaria. Kostov sau này bị bắn vì bị gán cho là cộng tác với Nam Tư. Trong khi đó, báo chí Nam Tư lại tấn công ông ta cho đến tận ngày cuối cùng. Dưới cái bóng của Stalin, sự ngò vức và ngộ nhận đã lớn đến mức nào!

Chính tại cuộc gặp này, Dimitrov đã kể về quả bom nguyên tử, còn trước khi chia tay, dường như vô tình, ông đã nói:

“Vấn đề không phải là việc phê bình những lời tuyên bố của tôi, mà là việc gì đó khác cơ.”

Tất nhiên, Dimitrov cũng biết những chuyện mà chúng tôi đã biết. Nhưng ông không còn sức, cũng có thể ông không có uy thế như những người lãnh đạo Nam Tư.

Tôi không sợ có chuyện không hay ở Moskva, vì dù sao chúng tôi cũng là đại diện của một nhà nước độc lập. Mặc dù vậy, tôi thường tưởng tượng ra những khu rừng ở Bosnia, ở đấy, trong những cuộc tấn công điên cuồng nhất của quân Đức, chúng tôi vẫn có thể tìm được những giây phút nghỉ ngơi và thư giãn bên cạnh những dòng suối mát mẻ trong lành.

“Tôi chỉ muốn về thật nhanh, mau chóng trở lại rừng núi của chúng ta.”

Ai cũng cho là tôi cường điệu.

Ba hay bốn hôm sau, chúng tôi được đưa ra sân bay Vnukovskii vào sáng sớm, rồi bị đẩy lên máy bay mà chẳng có một lời chia tay nào. Trong khi bay, càng lúc tôi càng cảm thấy một niềm vui vừa nghiêm túc vừa trẻ thơ và ít khi nghĩ tới câu chuyện của Stalin về số phận của tướng Sikorski.

Có phải chính là tôi, người trước đây chưa đến bốn năm, đã ước ao bay đến Liên Xô, với tất cả lòng trung thành và tâm hồn rộng mở?

Một ước mơ nữa đã tắt khi tiếp xúc với thực tế.

Có phải là để cho một giấc mơ mới ra đời hay không?

Kết luận

Nhiều người, trong đó dĩ nhiên là có Trotsky, đặc biệt nhấn mạnh những bản năng tội phạm, bản năng khát máu của Stalin. Tôi không muốn phủ nhận cũng như khẳng định vì không có đủ dữ kiện. Gần đây, ở Moskva, người ta đã tuyên bố rằng có thể ông ta đã giết Kirov để lấy cơ đàn áp phong trào đối lập trong Đảng. Bàn tay ông ta cũng có thể đã nhúng cả vào cái chết của Gorky. Trotsky còn nghi rằng ông ta đã cho giết Lenin dường như để ông khỏi bị đau đớn thêm. Có người khẳng định rằng ông ta đã giết vợ hoặc là đối xử một cách thô bạo quá đến nỗi bà phải tự sát. Vì cái giai thoại bà đã bị ngộ độc khi nếm món ăn mà người ta chuẩn bị cho chồng do bộ máy tuyên truyền của Stalin tạo ra nghe có vẻ vừa thơ mộng vừa ngây ngô quá.

Stalin có thể thực hiện mọi tội ác, chưa có tội ác nào mà ông ta không phạm. Dù dùng tiêu chuẩn nào thì ông ta cũng là một kẻ tội đồ vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại, chúng ta hãy hi vọng như thế. Vì ông ta là sự kết hợp của sự tàn ác của Caligula, sự cầu kì của Borgia và sự man rợ của Ivan Bạo chúa.

Nhưng tôi đã và vẫn suy nghĩ mãi về câu hỏi: làm sao mà một con người nham hiểm và độc ác như thế lại có thể lãnh đạo một trong những nước vĩ đại và mạnh mẽ nhất thế giới, không phải một, không phải hai năm mà những ba mươi năm chẵn? Đây chính là điều những người phê phán, những hậu duệ của Stalin phải lí giải. Khi họ chưa làm điều đó thì có thể khẳng định rằng họ đang tiếp tục công việc của ông ta, đang sử dụng những ý tưởng, hình thức và phương tiện mà ông ta đã dùng.

Đúng là Stalin đã lợi dụng cơ hội của một nước Nga sau cách mạng đã bị kiệt sức và rơi vào tình trạng tuyệt vọng để nô dịch toàn bộ xã hội. Nhưng cũng đúng là một người như thế, một người cuồng tín, quyết đoán, trắng trợn và rất thực tế lại rất cần cho một số tầng lớp nhất định, đúng hơn là cần cho tầng lớp đảng viên quan liêu đã nắm được quyền lực. Đảng cầm quyền đã kiên trì và ngoan ngoãn đi theo ông ta. Ông ta đã dẫn Đảng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, cho đến khi ông ta say mê quyền lực đến độ phạm tội chống lại chính cái Đảng ấy. Hiện nay, Đảng mới chỉ kết án ông ta về một tội ấy mà thôi, nó chưa nói đến những tội lỗi lớn hơn, hay ít nhất cũng đã man không kém, đấy là tội ác chống lại “kẻ thù giai cấp”, đúng hơn là chống lại tầng lớp nông dân và trí thức, cũng như những trào lưu tả và hữu khuynh trong Đảng. Khi cái Đảng ấy, trên lí thuyết và đặc biệt là trong thực tế, chưa đoạn tuyệt với bản chất của chủ nghĩa Stalin, mà cụ thể là sự thống nhất về tư tưởng và sự đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng, thì đây chính là dấu hiệu tỏ ra rằng nó vẫn chưa thoát khỏi bóng ma của Stalin. Vì vậy, tôi cho rằng niềm vui vì đã loại bỏ được cái gọi là nhóm chống đảng Molotov, dù ông ta có là kẻ nhơ nhuốc và quan điểm của ông ta có tàn bạo đến đâu, cũng là những niềm vui nhỏ và quá sớm. Vấn đề không phải là nhóm này hay nhóm kia, vấn đề là khả năng tồn tại của các nhóm như vậy nói chung, vấn đề là người ta đã từ bỏ, ít nhất trong giai đoạn đầu, sự độc quyền về tư tưởng và

chính trị rồi sau đó sẽ từ bỏ cả những sự độc quyền khác của một nhóm ở Liên Xô hay chưa. Bóng ma của Stalin vẫn còn đó, sợ rằng nó sẽ còn tồn tại ở Liên Xô trong một thời gian dài nữa, đấy là giả sử không xảy ra chiến tranh. Dù bị nguyên rủa, Stalin vẫn còn sống trong nền tảng tinh thần và xã hội Liên Xô.

Trở lại với Lenin trên lời nói và trong các bài diễn văn không thay đổi được bản chất của vấn đề, tố cáo một tội ác nào đó của Stalin dễ hơn là lờ đi rằng con người này “đã xây dựng chủ nghĩa xã hội”, tức là đã đặt nền móng cho xã hội Xô viết và đế chế Liên Xô ngày nay. Điều đó nói lên rằng xã hội Liên Xô, dù đã đạt được những thành tựu to lớn về kỹ thuật, mà cũng có thể do những thành tựu ấy, nếu đã bắt đầu thay đổi thì cũng còn là tù binh của những luật lệ giáo điều do Stalin đặt ra.

Dù có hoài nghi như thế, ta vẫn có quyền hi vọng rằng trong một tương lai không xa có thể sẽ xuất hiện những tư tưởng mới và các hiện tượng mới nếu chưa làm lung lay “tinh thần đoàn kết nhất trí” của Khushchev thì ít nhất cũng có thể vạch ra được bản chất và những mâu thuẫn của nó. Hiện nay thì chưa có điều kiện như thế: những người cầm quyền còn nghèo đến nỗi chủ nghĩa giáo điều cũng như độc chiếm quyền lực không cản trở họ, cũng như chưa phải là thừa đối với họ, còn nền kinh tế Liên Xô thì có thể sống trong tình trạng cách li như thế trong đế chế của mình, mặc dù tách rời khỏi thị trường thế giới nghĩa là phải chịu nhiều thiệt thòi.

Mỗi sự vật, hiện tượng đều có kích thước và giá trị khác nhau, tùy vào cách nhìn.

Stalin cũng vậy.

Nếu nhìn từ quan điểm nhân bản và tự do thì lịch sử chưa từng biết đến một kẻ độc tài nào lại dã man và vô liêm sỉ bằng Stalin. Ông ta là một tội phạm có phương pháp hơn, toàn triệt hơn Hitler. Ông ta là một trong rất ít những kẻ giáo điều khủng khiếp có thể giết đến chín phần mười nhân loại để tạo “hạnh phúc” cho một phần mười còn lại.

Nhưng nếu phân tích vai trò thực sự của Stalin đối với lịch sử phong trào cộng sản thì bên cạnh Lenin, cho đến nay, ông ta vẫn là một nhân vật vĩ đại nhất. Đóng góp của ông vào tư tưởng cộng sản không nhiều nhưng ông đã bảo vệ và biến chúng thành xã hội, thành nhà nước. Ông không tạo ra được một xã hội lí tưởng, điều đó là bất khả vì bản chất của con người là thế, nhưng ông đã biến nước Nga lạc hậu thành một nước công nghiệp và một đế chế đang quyết tâm đòi quyền bá chủ thế giới. Nếu phân tích như thế, ta sẽ phát hiện ra rằng ông ta đã xây dựng được một xã hội bất công nhất thời nay, nếu không phải là bất công nhất trong toàn bộ lịch sử, hoặc ít nhất đấy cũng là một xã hội bất công, bất bình đẳng và không có tự do.

Song nếu nhìn từ quan điểm thành công và sự nhạy bén chính trị thì có thể nói, không một nhà hoạt động chính trị nào thời đó có thể vượt qua được Stalin.

Đương nhiên, tôi không coi thành công trong đấu tranh chính trị là giá trị tuyệt đối cao

nhất. Tôi cũng hoàn toàn xa lạ với quan niệm coi chính trị là vô luân, mặc dù chính trị là cuộc đấu tranh cho sự tồn tại của những cộng đồng người nhất định nên có thể bỏ qua các tiêu chuẩn đạo đức. Một nhà hoạt động chính trị lớn, theo tôi, là người biết dung hợp tư tưởng với hiện thực, người biết và có thể kiên trì đi tới mục đích của mình, đồng thời vẫn giữ được những giá trị đạo đức chủ yếu.

Xét đến cùng, Stalin đúng là một kẻ quái đản, một người theo đuổi những tư tưởng trừu tượng, tuyệt đối và về bản chất là các tư tưởng không tưởng, việc thực hiện thành công nó trên thực tế đồng nghĩa với đàn áp, tiêu diệt cả về thể xác lẫn tinh thần của con người.

Nhưng chúng ta không được tỏ ra bất công với Stalin!

Điều ông định làm và cái ông đã làm được không thể có cách làm nào khác. Những kẻ đã ca ngợi ông và những kẻ đã được ông lãnh đạo, với những lí tưởng tuyệt đối, với những hình thức sở hữu và chính quyền biệt lập của họ, với tầm vóc phát triển các mối quan hệ quốc tế của nước Nga lúc đó, cũng không thể đưa ra một lãnh tụ nào khác, không thể áp dụng những biện pháp khác. Stalin là người tạo ra hệ thống biệt lập ấy, đồng thời là công cụ của nó và khi hoàn cảnh thay đổi thì ông trở thành nạn nhân của nó, tuy quá muộn. Stalin là người không ai có thể vượt qua, nếu xét ông như một lãnh tụ và nhà tổ chức của một hệ thống xã hội nhất định. “Các sai lầm” của ông rõ hơn của những người khác, vì vậy, hi sinh Stalin là cái giá rẻ nhất mà các lãnh tụ của hệ thống này có thể trả để cứu mình và cứu cả hệ thống với những tội lỗi còn quan trọng hơn và lớn hơn rất nhiều.

Và việc lật đổ Stalin, dù nó có khôi hài và không triệt để đến đâu đi chăng nữa, là sự khẳng định rằng sự thật đã chiến thắng, tuy rằng một số người đấu tranh cho nó có thể đã chết, nhưng lương tâm con người thì không ai có thể nào tiêu diệt được.

Nhưng đáng tiếc là, hôm nay, sau cái gọi là quá trình phi Stalin hoá, vẫn có thể nói như trước khi quá trình ấy chưa diễn ra, xã hội do Stalin xây dựng, tạo lập vẫn tồn tại hết như trước và những ai muốn sống trong một thế giới khác cái thế giới của Stalin vẫn còn phải tiếp tục đấu tranh.

Belgrad

Tháng 9 – tháng 11 năm 1961.

*

Lại nói về Stalin, có thể là lần sau chót

1.

Tôi cho rằng những “cuộc nói chuyện” của tôi với Stalin đã chấm dứt. Nhưng cũng như những lần trước, tôi đã lầm, cũng như tôi đã lầm khi cho rằng sau “Xã hội bất toàn” thì tôi sẽ không còn phải viết về “vấn đề tư tưởng” nữa.

Nhưng Stalin là một con quỷ hút máu người đang lớn vồn và sẽ còn phiêu du trên thế gian này một thời gian dài nữa. Mọi người đều đã chối bỏ di sản của ông ta nhưng nhiều người sẽ còn tiếp tục coi di sản đó là nguồn sinh lực của mình. Nhiều kẻ vô tình đã bắt chước ông. Khrushchev bài xích ông nhưng đồng thời lại khâm phục ông. Các lãnh tụ Liên Xô hiện nay không còn khâm phục ông nữa nhưng lại đang tìm hơi ấm trong luồng hào quang của ông. Và Tito, sau mười lăm năm đoạn tuyệt, lại tỏ lòng kính trọng ông. Và tôi thường tự hỏi, nếu tôi còn tiếp tục suy nghĩ về Stalin thì phải chăng đấy chính là chỉ dấu rằng ông vẫn sống trong tôi.

Vậy Stalin là ai? Một nhà hoạt động xã hội vĩ đại? “Một thiên tài quỷ ám”? Một nạn nhân của giáo lí? Hay một kẻ điên rồ, một tên tội phạm đã giành được quyền lực? Tư tưởng mác-xít có ý nghĩa gì đối với ông ta và ông ta đã sử dụng các tư tưởng đó như thế nào? Ông ta nghĩ như thế nào về mình, về sự nghiệp của mình và vị trí của mình trong lịch sử?

Đây chỉ là một vài câu hỏi liên quan đến nhân cách của ông ta mà thôi. Tôi đặt ra các câu hỏi đó vì chúng liên quan đến số phận của thế giới hiện đại, đặc biệt là thế giới cộng sản và vì vậy, tôi có thể nói rằng, chúng có ý nghĩa sâu sắc, phi thời gian.

Từ những câu chuyện với Stalin, tôi nhớ rõ hai điều khẳng định của ông. Điều thứ nhất, nếu tôi không nhầm, thì ông nói vào năm 1945, còn điều thứ hai, tôi nhớ chính xác, được ông nói vào đầu năm 1948.

Điều khẳng định thứ nhất có nội dung như sau: nếu những tiền đề tư tưởng của chúng ta là đúng thì mọi kết luận rút ra từ đó cũng phải đúng. Điều khẳng định thứ hai liên quan đến Marx và Engels. Trong khi nói chuyện, một người nào đó, tôi nghĩ là chính tôi, đã nhấn mạnh rằng thế giới quan của Marx và Engels vẫn sống động và có ý nghĩa thời đại thì Stalin, với dáng điệu của một người đã suy nghĩ rất nhiều về vấn đề đó và đi đến kết luận không thể tranh cãi, đã nhận xét:

“Không nghi ngờ gì rằng các vị là những người sáng lập. Nhưng họ vẫn có những thiếu sót. Không được quên rằng Marx và Engels chịu ảnh hưởng rất mạnh của nền triết học cổ điển Đức, đặc biệt là Kant và Hegel. Trong khi Lenin lại hoàn toàn không chịu những ảnh hưởng như thế...”

Mới nhìn thì những ý kiến như vậy cũng không có gì đặc biệt: ai cũng biết thói quen của những người cộng sản là chia các quan điểm, các hành vi thành “đúng” hay “không đúng”, tùy thuộc vào sự trung thành với giáo lý và khả năng thực hiện của chúng. Lenin được người ta tìm mọi cách để biến thành người bảo vệ và kế tục duy nhất sự nghiệp của Marx thì cũng rõ rồi. Nhưng trong những điều khẳng định trên đây của Stalin, có một vài ý không chỉ độc đáo mà còn vô cùng quan trọng cho những cuộc thảo luận của chúng ta.

Khẳng định rằng tiền đề tư tưởng là cơ sở và sự bảo đảm của chiến thắng có ý nghĩa gì? Chẳng lẽ quan điểm này không mâu thuẫn với luận điểm chủ yếu của chủ nghĩa Marx, theo đó, cơ sở của mọi tư tưởng nằm trong “cấu trúc kinh tế của xã hội”? Chẳng lẽ quan điểm như thế, dù là vô tình, không gần với chủ nghĩa duy tâm, một chủ nghĩa dạy rằng trước hết và quan trọng nhất là trí tuệ và tư tưởng? Rõ ràng là trong khi nói như thế, Stalin không có ý nhắc lại tư tưởng của Marx, theo đó, “lí thuyết sẽ trở thành lực lượng vật chất một khi nó lôi cuốn được quần chúng”, mà ông nói đến lí luận và tư tưởng trước khi chúng “lôi cuốn được quần chúng”. Câu đó có liên hệ gì với ý nghĩ về chính Stalin mà Bukharin đã nói với Kamenev ngay từ tháng 6 năm 1928: “Nếu cần loại bỏ một người nào đó thì ông ta sẵn sàng thay đổi lí luận của mình ngay lập tức” [1] và từ đâu ra cái thái độ phê phán, trước đây chưa ai thấy, đối với Marx và Engels như thế?

Mặc dù có một vài vấn đề như thế, trong các tư tưởng đã dẫn ở trên của Stalin, không có sự thiếu nhất quán. Hơn thế nữa, câu nói của Bukharin, ngay cả nếu không coi đấy là những phát biểu có tính cố chấp bè phái thì theo tôi, cũng không mâu thuẫn với tư tưởng của Stalin về ý nghĩa quyết định của lí luận.

Một trong những lí do, nếu không nói là lí do quan trọng nhất, làm cho những người chống đối Stalin trong Đảng như Trotsky, Bukharin, Zinoviev... đã thua ông ta là vì ông ta là một người mác-xít độc đáo và sáng tạo hơn tất cả bọn họ. Tất nhiên là văn phong của ông ta không bóng bẩy như Trotsky, phân tích không sâu sắc bằng Bukharin. Các trước tác của Stalin trình bày một nhận thức hợp lí về hiện trạng xã hội, là kim chỉ nam cho lực lượng mới. Đưa ra khỏi hiện thực đó, bên ngoài các điều kiện và môi trường đó, tư tưởng của ông ta sẽ trở thành nhạt nhẽo, vô nghĩa. Nhưng đấy chỉ là bên ngoài.

Bản chất của chủ nghĩa Marx là sự gắn bó giữa lí luận và thực tiễn:

“Các nhà triết học chỉ giải thích thế giới, nhưng vấn đề là cải tạo nó.” [2]

Chủ nghĩa cộng sản và những người cộng sản đã giành được thắng lợi khi họ gắn được lí luận với thực tiễn. Stalin lại kiên trì và khéo léo liên kết học thuyết Marx-Lenin với quyền lực, với sức mạnh của nhà nước. Stalin không phải là một lí thuyết gia chính trị học theo đúng ý nghĩa của từ này: ông ta chỉ nói hay viết khi cuộc đấu tranh trong Đảng hay trong xã hội, mà

nhiều khi hai cuộc đấu tranh này diễn ra đồng thời, đòi hỏi như thế. Sức mạnh và sự độc đáo của các quan điểm của Stalin thể hiện rõ trong sự kết hợp giữa tư tưởng và thực tiễn, thể hiện rõ trong chủ nghĩa thực dụng ấy.

Cần phải nói thêm rằng: bỏ qua hay đánh giá không đúng các quan điểm của ông hoặc chỉ xem xét các tác phẩm của ông một cách hình thức, những kẻ giáo điều ở phương Đông cũng như nhiều nhà nghiên cứu Stalin ở phương Tây không thể nhận chân được bản chất của ông ta cũng như các điều kiện đã đưa ông ta đến quyền lực.

Cần phải nhấn mạnh một lần nữa, chủ nghĩa cộng sản kiểu Stalin, các quan điểm của Stalin không bao giờ xuất hiện - dường như chúng hoàn toàn không tồn tại - một cách tách biệt với các nhu cầu của xã hội Liên Xô, của nhà nước Liên Xô sau cách mạng. Đây là chủ nghĩa Marx của một đảng có nhu cầu sống còn là phải trở thành quyền lực, thành lực lượng “lãnh đạo” quốc gia. Trotsky gọi Stalin kẻ bất tài vĩ đại nhất của Đảng. Bukharin chế giễu Stalin và nói rằng ông ta bị ám ảnh bởi dục vọng viễn vông là trở thành một nhà lí luận. Nhưng đấy chỉ là những câu nói bóng bẩy, những ý kiến mang tính phe phái không phù hợp với thực tế. Đúng là Stalin không tư duy lí luận theo đúng nghĩa của từ này. Đây chỉ là những bài phân tích, không phải là những luận thuyết khoa học. Nhưng để gắn kết tư tưởng với nhu cầu của Đảng, đúng hơn là nhu cầu của bộ máy quan liêu của Đảng, thì những suy luận của Stalin lại có giá trị hơn tất cả những người chống đối ông. Không phải vô tình mà bộ máy quan liêu của Đảng đứng về phía Stalin, cũng như không phải vô tình mà những màn độc thoại tràng giang đại hải, ngày nay có thể coi là điên rồ, của Hitler lại có thể lôi cuốn và ném hàng triệu người Đức “có lí trí” vào cuộc chiến tranh, vào chỗ chết. Stalin chiến thắng không phải vì ông ta “xuyên tạc” chủ nghĩa Marx mà chính vì ông ta biến chủ nghĩa Marx thành hiện thực... Trong khi Trotsky đưa ra hết dự án này đến dự án khác về cách mạng thế giới, còn Bukharin lại đi sâu vào những tiểu tiết và khả năng mang tính giáo điều của việc tư bản hoá các nước thuộc địa, thì Stalin, trong các tài liệu giải thích những “nhiệm vụ cấp bách” lại đồng nhất sự tồn tại và đặc quyền đặc lợi của bộ máy quan liêu vừa xuất hiện và đã thoái hoá của đảng với quá trình công nghiệp hoá và tăng cường sức mạnh của nước Nga.

Trong khi làm như thế, Stalin, một chính khách bẩm sinh và một nhà quản lí khéo léo đã chiếm đoạt những tư tưởng của người khác và khoác cho chúng hình thức thực tiễn. Thí dụ, bước đột phá nổi tiếng nhất của Stalin là “xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một nước” (Liên Xô) được Bukharin khơi mào và phát triển từ trước, mà lại phát triển trong cuộc đấu tranh chống Trotsky... Trong văn chương, người ta gọi đấy là đạo văn, nhưng trong chính trị thì lại được coi là lợi dụng hoàn cảnh.

Khi Stalin còn sống không ai nói rằng ông ta không phải người mác-xít. Không một người có

lí trí nào làm thế hôm nay. Bất đồng chỉ xảy ra khi người ta đánh giá trình độ lí luận của ông cũng như sự nhất quán của ông với tư cách là người kế tục sự nghiệp của Lenin mà thôi.

2.

Trên đây, khi bàn về giá trị của Stalin, tôi đã trình bày những gì tôi cho là quan trọng nhất.

Nhưng tôi cho rằng mọi cuộc tranh luận xem ai là người kế tục của ai và kế tục đến mức độ nào đều là những cuộc tranh luận hời hợt và không có ý nghĩa. Người kế tục nhất quán và trung thành nhất chỉ có thể là kẻ không có tài quan sát và không có sức sáng tạo. Ở đây ta đang nói về chính trị, nơi mà huyền thoại là hiện tượng bình thường và luôn luôn hiện diện, trong trường hợp cụ thể này là bàn về việc bác bỏ quan điểm giáo điều, mị dân đối với di sản của Lenin. Vì chỉ căn cứ trên những lời trích dẫn thì ta có thể chứng minh tất cả những người có thể kế tục sự nghiệp của Lenin đều trung thành với ông và cũng đều không trung thành với ông. Chúng ta chỉ có thể tiệm cận với chân lí bằng cách so sánh những khát vọng của Lenin với những điều Stalin đã làm và những điều mà những người chống đối Stalin định làm.

Chúng ta cũng không thể không phân tích cái gọi là di chúc của Lenin vì nó đã và sẽ còn đóng vai trò quan trọng không chỉ trong các cuộc thảo luận mang tính giáo điều mà đặc biệt là trong các cuộc thảo luận mang tính bài Xô nữa.

“Di chúc” của Lenin thực ra là một bức thư do ông đọc sau khi bị đột quỵ dẫn đến liệt chân phải và tay phải vào đêm ngày 22 tháng 12 năm 1922. Ngày hôm sau, 23 tháng 12, bác sĩ cho phép ông đọc bốn phút mỗi ngày, ông tiếp tục đọc vào ngày 25 và kết thúc vào ngày 26 tháng 12 năm đó.

Một phần bức thư, trong đó, Lenin đề nghị đại hội nâng số ủy viên Ban chấp hành trung ương lên từ 50 đến 100 người và ủng hộ Trotsky về vấn đề Kế hoạch nhà nước, đã được chuyển ngay cho Stalin vì lúc đó, Stalin là Tổng bí thư của Đảng. Có lẽ Stalin ngờ rằng Lenin đang xích gần lại với Trotsky nên đã gọi điện và mắng mỏ vợ Lenin là Krupskaya một cách thậm tệ, lấy cớ rằng bà đã không làm theo khuyến cáo của các bác sĩ, lại còn cho phép thảo luận các vấn đề chính trị, đe dọa tính mạng của đồng chí Lenin. Không biết Krupskaya có phàn nàn với Lenin không, chuyện này có thể đã xảy ra: thư ghi ngày 25 tháng 12 có đoạn: “Đồng chí Stalin, sau khi trở thành Tổng bí thư, đã tập trung vào tay mình quyền lực vô cùng to lớn” [3] , và sau đó 10 ngày, ngày 4 tháng giêng năm 1923 đã có thêm nhận xét sau:

“Stalin là người quá thô lỗ, nhược điểm này có thể chấp nhận được trong môi trường và giao tiếp giữa những người cộng sản chúng ta, sẽ trở thành không chấp nhận được trong chức vụ Tổng bí thư. Vì vậy tôi đề nghị các đồng chí nghĩ cách đưa Stalin khỏi vị trí đó và cử người khác lên thay, người này về mọi mặt chỉ cần trội hơn Stalin ở một điểm (tôi nghĩ đoạn này nên được viết như sau: “không khác gì Stalin ngoài việc trội hơn một điểm” – M. Dj.), mà cụ thể là

khoan dung hơn, trung thành hơn, nhã nhặn và chu đáo hơn đối với đồng chí, ít thất thường hơn v.v. Điều này có thể được coi là nhỏ nhặt không đáng kể. Nhưng tôi nghĩ rằng để tránh việc chia rẽ và từ quan điểm tôi đã viết về quan hệ giữa Stalin và Trotsky ở trên thì đây không phải là nhỏ nhặt hay điều nhỏ nhặt này có thể có ý nghĩa quyết định” [4]

Điều đập ngay vào mắt là “di chúc” thiếu sự sắc sảo và chính xác vốn có của Lenin: nó vừa không dứt khoát vừa nước đôi, đặc biệt là ở những chỗ cực kì quan trọng. Rõ ràng là Lenin biết vụ va chạm giữa Stalin và Trotsky và đã dự đoán được ý nghĩa của nó. Nhưng trong lần đọc đầu tiên, ông đã tránh nói thẳng như thế và chỉ đề nghị sửa chữa bằng cách tăng số lượng ủy viên Ban chấp hành trung ương lên từ 50 đến 100 người (lúc đó chỉ có 27 người) “... để tăng thêm uy tín cho Ban chấp hành trung ương và để cải thiện công tác của bộ máy của chúng ta và vì... tương lai của Đảng” (có lẽ nên viết: “vì vận mệnh của chính Đảng ta” – M. Dj.)

Thật không thể nào hiểu nổi một người sáng suốt và có kinh nghiệm chính trị như thế, một người đã xoay vần Đảng cho đến khi nó có diện mạo theo đúng ý mình như thế, một người đã từng dẫn dắt cuộc cách mạng vĩ đại nhất và đứng đầu một nhà nước khổng lồ như thế, một người đã nếm trải cảm giác say sưa “với lịch sử” và quyền lực, lại có thể coi việc tăng số lượng ủy viên Ban chấp hành trung ương gần như một mặc khải, một thần dược có thể cứu được “tương lai của Đảng”! Chuyện gì đã xảy ra với Lenin vậy? Chẳng lẽ trí tuệ của ông lại suy giảm đến mức như thế, bởi vì trước đây, ông luôn coi nguyên tắc và lực lượng là vấn đề chủ yếu thì nay lại quay ra coi các con số là có giá trị? Chẳng lẽ ông đã quên phép biện chứng, đã quên tính tất yếu của các mâu thuẫn trong mỗi hiện tượng? Lenin có hiểu bản chất cuộc tranh luận giữa Stalin và Trotsky hay không? Có vẻ như đây là lần đầu tiên Lenin cảm thấy sợ sự tan rã của cái Đảng mà ông đã tạo ra hình thức và chỉ ra mục đích của nó.

Cũng không thể hiểu tại sao trong lần đọc vào ngày 24 tháng 12, Lenin mới nhắc đến Stalin và Trotsky cũng như khả năng xảy ra bất đồng giữa họ với nhau. Dường như đêm đó, ông đã nghĩ lại và đánh bạo thú nhận một việc quan trọng:

“Đảng ta”, ông đọc ngày 24 tháng 12, “dựa vào hai giai cấp vì vậy có khả năng xảy ra bất ổn và nhất định dẫn đến suy sụp nếu giữa hai giai cấp này không có sự đồng thuận” [5] .

Chỗ này được trình bày rất không rành mạch, bỏ qua “chuyên chính vô sản”, Lenin dường như sợ rằng “liên minh” công nông sẽ tan vỡ. Nhưng điều này chẳng có liên hệ gì với phần tiếp theo:

“Tôi muốn nói đến sự ổn định như là sự đảm bảo để không rơi vào phân liệt trong thời gian trước mắt và có ý định phân tích một số ý kiến về phẩm chất cá nhân. Tôi nghĩ rằng vấn đề quan trọng nhất của sự ổn định là những ủy viên trung ương như Stalin và Trotsky. Quan hệ giữa họ với nhau, theo tôi, đóng góp đến quá nửa nguy cơ phân liệt, một sự phân liệt có thể

tránh được và cách tránh, theo tôi, là nâng số ủy viên Ban chấp hành trung ương lên 50, lên 100 người (sức quyến rũ của các con số vẫn chưa rời bỏ Lenin! – M. Dj.).

Đồng chí Stalin, sau khi trở thành Tổng bí thư, đã tập trung vào tay mình quyền lực vô cùng to lớn và tôi không tin là đồng chí ấy luôn biết sử dụng quyền này một cách thận trọng đúng mức. Mặt khác, cuộc đấu tranh chống lại Ban chấp hành trung ương liên quan đến vấn đề về Dân ủy giao thông vận tải đã chứng tỏ đồng chí Trotsky là người có khả năng xuất chúng. Đồng chí là người có năng lực nhất trong Ban chấp hành trung ương hiện nay, nhưng lại quá tự tin và quá say sưa với khía cạnh hành chính của vấn đề” [6]

Lenin, trước lúc lâm chung không hề nghĩ đến việc tìm hiểu xem tại sao lại có thể xảy ra cái chuyện là dưới chính quyền Xô Viết, một chính quyền “triệu lần dân chủ hơn nước cộng hòa tư bản dân chủ nhất” [7] , mà một người lại có thể “tập trung vào tay mình quyền lực vô cùng to lớn”. Rõ ràng là ông không chỉ lo cho Đảng, mà còn lo cho quyền lực của chính mình, một quyền lực còn to lớn hơn nhiều lần quyền lực của Tổng bí thư Stalin. Như vậy, ở Lenin cũng có cái “nhược điểm rất con người” mà ai cũng biết, nhược điểm này càng rõ khi “vai trò lịch sử” của người ấy càng cao, đấy là sự đánh đồng tư tưởng với quyền lực, và đánh đồng quyền lực với cá nhân mình.

Nhưng điều đó có thể đưa chúng ta đi quá xa câu hỏi: Lenin coi ai là người kế tục sự nghiệp của mình? Rõ ràng là không phải Stalin, cũng chẳng phải Trotsky; Stalin thì quá thô lỗ, còn Trotsky thì chỉ là một nhà quản lí tự cao tự đại. Không ai trong số các ủy viên lỗi lạc khác của Ban chấp hành trung ương được Lenin coi là người kế tục sự nghiệp của mình.

“Tôi sẽ không đi sâu phân tích phẩm chất cá nhân của các đồng chí khác trong Ban chấp hành trung ương nữa. Chỉ xin nhắc lại rằng sự kiện tháng mười của Dinoviev và Kamenev không phải là vô tình (đây là nói về việc họ chống lại cuộc đảo chính hay vẫn thường gọi là Cách mạng tháng Mười – M. Dj.), nhưng sự kiện này cũng khó có thể coi là lỗi của cá nhân “họ”, so với tinh thần phi-bolshevik của Trotsky” [8] . (Trotsky cho đến tận năm 1917 vẫn thuộc phái chống lại phái bolshevik của Lenin – M. Dj.)

Xin lưu ý đến cách đặt vấn đề và thái độ: Vì sao Lenin lại nói đến “sự kiện tháng Mười của Zinoviev và Kamenev”, nhấn mạnh rằng đấy “không phải là vô tình”, mặc dù không nên kết án họ? Tại sao ông lại nhấn mạnh “tinh thần phi-bolshevik của Trotsky”? Khi vấn đề liên quan đến quyền lực thì nhắc lại “khuyết điểm đã được tha thứ” dù sao cũng không thừa...

Lenin còn nhắc đến hai ủy viên trẻ hơn của Ban chấp hành trung ương, cũng theo cách đó, ca ngợi ở nửa câu đầu để rồi phê phán ở nửa câu sau:

“... Bukharin không chỉ là nhà lí luận có giá trị nhất và lớn nhất của Đảng, đồng chí còn được coi là người con tin yêu nhất của Đảng nữa, nhưng những quan điểm lí thuyết của đồng chí có

thể được coi là không hoàn toàn mác-xít vì có cái gì đó xa rời thực tế (đồng chí không bao giờ học và tôi nghĩ không bao giờ hiểu được hoàn toàn biện chứng pháp).

... Piatakov là một người có ý chí xuất chúng và có khả năng xuất chúng nhưng cũng quá ham mê quản lý và khía cạnh quản lý nên khó có thể tin cậy trong những công việc chính trị quan trọng.” [9]

Ngoài ra, cần phải nói thêm rằng đại hội XII diễn ra vào tháng 4 năm 1923 đã tăng số lượng uỷ viên trung ương lên thành 40, còn đại hội XIII vào tháng 5 năm 1924, nghĩa là sau khi Lenin chết, tăng lên thành 53. Tại đại hội XII, người ta đã mang “di chúc” của Lenin ra đọc nhưng thống nhất là không công bố. Hơn nữa, Trotsky hoàn toàn phủ nhận việc tồn tại một “di chúc” như thế, đây là nói khi ông ta còn là đảng viên, còn Stalin không giấu giếm việc “di chúc” có nói đến ông, dĩ nhiên là cho đến khi ông ta có quyền kiểm duyệt cả Lenin nữa.

“Di chúc” của Lenin đáng được phân tích một cách toàn diện trên tất cả các khía cạnh. Nhưng từ những đoạn vừa dẫn, đã có thể thấy rằng Lenin không chuyển giao quyền lực cho ai và chỉ có Stalin là không có khuyết điểm về chính trị mà chỉ có khuyết điểm mang tính cách cá nhân. Điều đó hoàn toàn phù hợp với các sự kiện lịch sử: chỉ một mình Stalin là luôn đứng về phía bolshevik, đứng về phía Lenin mà thôi. Stalin có đầy đủ lí do để khoe tại Hội nghị trung ương ngày 23 tháng 12 năm 1927: “Điều đặc biệt là trong “di chúc” không có nhận xét nào về sai lầm của Stalin cả. “Di chúc” chỉ nói đến sự thô lỗ của Stalin mà thôi. Nhưng thô lỗ không phải và không thể là khuyết điểm của đường lối chính trị hay quan điểm của Stalin.” [10]

Sự nghiệp của Lenin trên thực tế đã được tiếp tục như thế nào? Ai là người tiếp tục sự nghiệp đó?

Trong tác phẩm Cuộc đời Lenin, Luis Fisher đã đi đến kết luận rằng cuộc tranh chấp giữa Trotsky và Stalin sẽ không có kết cục đen tối như thế và Liên Xô không rơi vào một cuộc đàn áp toàn triệt như thế nếu Lenin sống thêm được chừng mười năm nữa. Có thể bênh vực quan điểm này một cách đầy thuyết phục, nó có ý nghĩa lí luận to lớn. Nhưng Lenin đã chết và sự nghiệp của Lenin phải được xem xét trên cơ sở thực tiễn, trên cơ sở cuộc xung đột giữa Stalin và Trotsky, xung đột giữa Stalin và phe đối lập, trên cơ sở cuộc đàn áp của Stalin, trên cơ sở của cơ cấu chính trị và xã hội hình thành dưới thời Stalin.

Ở đây, dĩ nhiên cũng không tránh khỏi những cách giải thích khác nhau đơn giản là vì thời Stalin của Liên Xô và của phong trào cộng sản quốc tế vẫn còn là hiện tượng sống động cho đến tận hôm nay, biết bao thế lực và tư tưởng thù địch vẫn đang tranh chấp xung quanh hiện tượng đó.

Nhưng ngay cả có bỏ đi cái quan niệm rằng nước Nga lạc hậu như thế và hệ tư tưởng toàn trị như thế chỉ có thể khởi động bằng một sự ép buộc hành chính mang tính toàn trị thì tôi

nghĩ rằng người kế tục sự nghiệp của Lenin nhất quán nhất vẫn là Stalin. Kết luận này không mâu thuẫn với ngay cả giả thuyết rằng Stalin có thể đã giết chính Lenin. Bản chất của học thuyết của Lenin đưa ta đến kết luận như thế: khác với tất cả những người cổ súy cho một xã hội lí tưởng, kể cả Marx, Lenin đã tranh đấu cho một chính quyền toàn trị, chính quyền này sẽ xây dựng xã hội lí tưởng đó, ông đã thiết lập được chính quyền như vậy rồi. Giống như Marx, Lenin gọi đó là chuyên chính vô sản. Nhưng Marx nghĩ rằng chuyên chính vô sản là sự kiểm soát và áp lực của quần chúng công nhân thì đối với Lenin chuyên chính vô sản lại được thực hiện thông qua “đội tiên phong của giai cấp vô sản”, nghĩa là thông qua đảng.

Có thể lên án Stalin về mọi việc ông ta đã làm, trừ một việc sau đây: ông ta đã không phản bội lại chính quyền do Lenin xây dựng lên. Khrushchev đã không hiểu điều đó, ông ta không thể hiểu và không dám hiểu. Ông ta tuyên bố chính quyền của Stalin là “sai lầm”, là xa rời quan điểm của Lenin, xa rời chủ nghĩa Lenin. Chính vì thế, ông không được lòng giới trí thức và nhân dân nhưng lại phá hỏng quan hệ với bộ máy quan liêu của Đảng, đối với nó, cũng như đối với mọi tổ chức xã hội, lịch sử của nó chính là một phần cuộc sống của nó. George Kennan nhận xét: sau năm 1945, chính quyền Đức không phủ nhận các tội ác của bè lũ phát xít, mặc dù các biện pháp trừng phạt không tương xứng với tội ác do chúng gây ra. Ở đây có sự gián đoạn của quyền lực. Trong khi đó, ở Liên Xô, Khrushchev nói rằng ông ta đang tiếp tục sự nghiệp của cái Đảng ấy, viết tiếp chính cái lịch sử ấy. Chính quyền do Lenin sáng lập, với một số thay đổi không đáng kể về phương tiện, tiếp tục tồn tại dưới trào Stalin. Và không chỉ chính quyền. Nhưng cốt yếu nhất chính là chính quyền. Cái chính quyền đó, với một chút thay đổi về diện mạo, tiếp tục tồn tại cho đến tận hôm nay.

[1] Robert Conquest, Nhà độc tài vĩ đại, New York, Macmillan Co, 1968, trang 81.

[2] K. Marx, F. Engels, Toàn tập, in lần thứ 2. M., 1955. T. 3. trang 4.

[3] V. I. Lenin, Toàn tập, in lần thứ 4, M., 1957, Tập 36, trang 544

[4] V. I. Lenin, Toàn tập, in lần thứ 4, M., 1957, Tập 36, trang 545-546.

[5] V. I. Lenin, Toàn tập, tập 35, trang 544.

[6] V. I. Lenin, Toàn tập, tập 45, trang 345.

[7] V. I. Lenin, Toàn tập, tập 37, trang 257.

[8] V. I. Lenin, Toàn tập, Tập 46, trang 545.

[9] V. I. Lenin, Toàn tập, Tập 45, trang 545.

[10] I. V. Stalin, “Nhóm đối lập Trotsky trước đây và bây giờ”, Toàn tập. M., 1949, Tập 10, trang 177.

Tất cả những đảng viên đối lập với Stalin, dù ít dù nhiều, đều hoạt động một cách thiếu thực tế. Trotsky thì bị ám ảnh bởi cuộc cách mạng, mà nhất định phải là cách mạng thế giới mới nghe. Bukharin thì chỉ nghĩ đến kinh tế, cơ sở của tất cả mọi thứ trên thế gian này. Họ nuối tiếc “tình đồng chí” của một thời quá vãng và tiếp tục thiết kế tương lai “lí tưởng”. Trong khi đó, Stalin, đi theo Lenin, dần dần hiểu ra rằng nếu không thay đổi ý nghĩa và vai trò của Đảng thì sẽ không thể nào bảo vệ được chế độ mới. Trong giai đoạn cách mạng, Đảng giữ thế thượng phong so với chính quyền. Sự thay đổi đã diễn ra theo đúng lí luận của Lenin, nhà nước là công cụ đàn áp của giai cấp này đối với giai cấp khác, bây giờ, chính quyền, nghĩa là cảnh sát mật và các cơ quan của nó, đã giành được thế thượng phong.

Tất nhiên, mọi sự đều diễn ra một cách chậm chạp, bề ngoài “Đảng vẫn giữ vai trò chủ đạo”, nghĩa là diễn ra dưới những khẩu hiệu và nhận thức tư tưởng cũ. Nếu ta nhớ rằng chính quyền bao giờ cũng mang trong mình nó đặc quyền đặc lợi và “vai trò trong lịch sử” thì ra sẽ thấy rằng ngay từ khi Đảng vừa giành được chính quyền đã xuất hiện những kẻ tham quyền cố vị: không phải Stalin phát minh ra bộ máy quan liêu Đảng trị mà chính bộ máy này đã phát hiện ra ông, người có đủ bản lĩnh để làm lãnh tụ cho nó.

Chính vì hiểu rõ được thực tế lúc đó và triển vọng phát triển của tình hình nên Stalin đã gây được bất ngờ và đánh bại các đối thủ. Lòng trung thành của họ đối với Đảng đã trở thành sở đoản, còn đối với Stalin lại là phương tiện chủ yếu: “việc giải giáp hoàn toàn vũ khí” trước Đảng phải được khẳng định bằng những lời thú nhận tội lỗi kinh tởm nhất như phản bội, phá hoại, giết người. Hiện nay, người ta đã biết rằng các huấn luyện viên Liên Xô tại các phiên toà xét xử Slansky ở Tiệp Khắc và Rajk ở Hungaria, và có thể cả những vụ khác, đã chia sẻ kinh nghiệm cho đàn em ở các nước Đông Âu cả “kinh nghiệm tư tưởng” này. Tất nhiên, không thể làm việc này mà không có các phòng tra tấn và những tên đao phủ, giống như các phiên toà thời trung cổ xét xử những kẻ ngoại đạo và phù thủy, chỉ có phương tiện và lí do là mới mà thôi.

Stalin không tiêu diệt Đảng; ông ta chỉ cải tạo nó, “làm trong sạch nó” và biến nó thành công cụ của những điều kiện thực tiễn. Giống như viên đại pháp quan trong tác phẩm Anh em nhà Karamazov, Stalin hiểu rằng muốn cứu thể chế, cứu chế độ Xô viết và các tổ chức cộng sản thì phải giết Chúa, nghĩa là giết tình đồng chí và làm cho Đảng không còn là tổ chức của những người bình đẳng, bình quyền nữa. Không chỉ bộ máy chính trị quan liêu mà hầu hết những người cộng sản toàn thế giới đã ngoan ngoãn đi theo ông ta vì hoàn cảnh đã buộc họ phải gắn kết sự tồn tại của mình với nhà nước Liên Xô, đồng nhất mình với nhà nước đó... Làm sao có thể giải thích khác được khi ta thấy những đầu óc thông tuệ như Toliatty hay những nhân vật anh hùng như Dimitrov không những “không nhận ra” sự lừa dối vụng về của Stalin mà còn

ngiêng mình trước những vụ đàn áp tàn bạo của ông ta?

Các “chiến công” không chỉ nâng cao uy tín của Stalin mà chính ông ta cũng đã say men của nó: quyền lực, tư tưởng và Stalin đã hoà làm một... Dường như tinh thần tuyệt đối của Hegel, khi biến thành hiện thực, đã tìm được hai khuôn mặt của chính mình: duy vật - thần bí ở Stalin và thần bí - trực giác ở Hitler.

4.

Ngay sau khi Lenin mất được ba tháng, Stalin đã đưa ra tác phẩm viết về “chủ nghĩa Lenin” (trong bài giảng “Về những nguyên lí của chủ nghĩa Lenin” vào tháng 4 năm 1924). Đây là sự thô thiển hoá nhưng đồng thời cũng là sự xác lập một giáo điều, giống như Engels đã hệ thống hoá một cách giáo điều tư tưởng của Marx trong tác phẩm Chống Dühring. Dĩ nhiên là Stalin làm việc đó một cách vội vã hay vô tình. Từ lâu, ông ta đã hiểu rõ bản chất của chủ nghĩa Lenin và biến nó thành ngọn cờ của mình. Các quan điểm và hành động của ông đã giữ thế thượng phong ở Liên Xô và các phong trào cộng sản quốc tế. Đối với ông ta, một loạt chiến thắng vừa giành được chính là điều “khẳng định” tính ưu việt của các phương châm “của chúng ta”, thực ra là của chính ông.

Tôi nghĩ rằng chính vì thế mà trong mắt ông ta, học thuyết của Marx đã mất dần ý nghĩa, mặc dù ông vẫn trung thành với bản chất của nó, nghĩa là vẫn trung thành với chủ nghĩa duy vật, như là “cơ sở” để nghiên cứu thế giới và xây dựng xã hội lí tưởng, xã hội cộng sản chủ nghĩa. Những cơn thịnh nộ bất ngờ và tàn bạo đối với địch thủ không làm cho ông mất khả năng nghiên cứu một vấn đề hay nghiên cứu đối thủ một cách thận trọng và tỉnh táo, trong nhiều tháng, thậm chí nhiều năm. Ông đã tiếp cận với các hệ tư tưởng cũng theo cách như thế: có thể ông đã nhận ra những khiếm khuyết của Marx và Engels ngay từ khi trình bày “chủ nghĩa Lenin”, nghĩa là ngay sau khi Lenin mất. Cuộc chiến tranh chống phát xít có thể là giai đoạn bước ngoặt: cuộc tấn công của dân tộc đã sinh ra Marx và Engels vào đất nước duy nhất mà tư tưởng của họ đã giành được thắng lợi hoàn toàn chắc chắn phải làm Stalin choáng váng.

Stalin đã làm cho hoạt động của phong trào cộng sản quốc tế phụ thuộc vào Đảng cộng sản Liên Xô. Chiến tranh và kết quả của nó dường như càng khẳng định một điều rằng chính quyền cộng sản chỉ có thể tồn tại ở những vùng ảnh hưởng của nhà nước Liên Xô mà thôi. Ông đã tạo ra bộ máy quan liêu chính trị và khuyến khích chủ nghĩa dân tộc Nga và cho rằng chỉ có làm như thế mới có thể bảo tồn được cuộc cách mạng Nga và chủ nghĩa cộng sản. Ông bắt đầu phủ nhận ý nghĩa của học thuyết của von Clausewitz, một lí thuyết gia quân sự nổi tiếng, ngay sau khi chiến tranh vừa kết thúc, mặc dù Lenin đánh giá rất cao ông này. Stalin làm như thế không phải vì đã có một lí thuyết gia tốt hơn mà chỉ vì von Clausewitz là người Đức, đại diện của một dân tộc mà quân đội của họ vừa bị Hồng quân đánh tan trong một cuộc chiến tranh có thể là vĩ

đại nhất trong lịch sử của nước Nga.

Dĩ nhiên là Stalin không bao giờ phát biểu công khai thái độ của mình về Marx và Engels. Điều đó sẽ làm cho những kẻ trung thành hoang mang, sự nghiệp và quyền lực của ông có thể bị đe dọa. Ông nhận thức rõ rằng ông đã chiến thắng vì ông là người phát triển một cách kiên định nhất các hình thức tổ chức, có thể kết hợp lí luận và hành động, nhận thức với thực tiễn.

Stalin chẳng hề bận tâm liệu ông ta có xuyên tạc một nguyên lí nào đó của chủ nghĩa Marx hay không. Chẳng phải chính những nhà mác-xít vĩ đại, mà trước hết là Lenin, từng nhấn mạnh rằng chủ nghĩa Marx là “kim chỉ nam cho hành động” chứ không phải là một tập hợp các giáo lí và thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lí đấy ư?

Nhưng vấn đề ở đây vừa rộng, vừa phức tạp hơn nhiều. Mọi chế độ, đặc biệt là chế độ chuyên chế, đều cố gắng đạt đến tình trạng ổn định. Học thuyết mác-xít, vốn đã mang tính giáo điều, không thể không đông cứng trong tình trạng giáo điều một khi nó được tuyên xưng là hệ tư tưởng chính thống, hệ tư tưởng của quốc gia và của toàn xã hội. Vì nhà nước và tầng lớp cầm quyền sẽ tan rã nếu họ thay đổi diện mạo mỗi ngày, chưa nói đến thay đổi lí tưởng. Họ phải sống, trong khi tranh đấu và lao động, họ phải thích nghi với hoàn cảnh cả trong nước và quốc tế đang thay đổi từng ngày. Điều đó buộc các lãnh tụ phải “xa rời” lí tưởng, nhưng phải làm sao vẫn giữ được, và nếu có điều kiện thì thổi phồng thêm vai trò của mình trước mắt các đồ đệ và toàn thể nhân dân. Tính hoàn chỉnh, nghĩa là “tính khoa học” của chủ nghĩa Marx, việc bế quan toả cảng của xã hội và tính toàn triệt của chính quyền đã buộc Stalin phải tiêu diệt một cách không khoan nhượng tất cả những kẻ dị giáo về tư tưởng bằng những biện pháp dã man nhất, còn cuộc sống đã buộc ông ta phải “phản bội”, tức là thay đổi những nguyên lí “thiênêng liêng” nhất của hệ tư tưởng. Stalin luôn luôn bảo vệ hệ tư tưởng với tinh thần cảnh giác cao, nhưng đấy chỉ là phương tiện của quyền lực, phương tiện củng cố nước Nga và uy tín của mình mà thôi. Dĩ nhiên là vì vậy mà các viên chức quan liêu, những kẻ tự coi họ là nước Nga và nhân dân Nga, đến tận hôm nay, vẫn còn tiếp tục bài ca muôn thuở rằng mặc dù có những “sai lầm” nhưng Stalin đã “có nhiều công trạng đối với nước Nga”. Cũng dễ hiểu là dưới thời Stalin, dối trá và bạo lực đã được đưa vào hàng những nguyên lí cao cả nhất... Có thể chính Stalin cũng cho rằng dối trá và bạo lực chính là sự phủ định mang tính biện chứng, nhờ đó, nước Nga và toàn thể loài người cuối cùng sẽ đi đến chân lí tuyệt đối, hạnh phúc tuyệt đối?

Stalin đã đưa tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản đến những giới hạn cuối cùng, từ đây, tư tưởng ấy và xã hội “của nó” bắt đầu quá trình thoái hoá. Ông ta còn chưa kịp tiêu diệt hết những kẻ thù trong nước để có thể tuyên bố rằng đã xây dựng xong chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, chiến tranh còn chưa chấm dứt thì ở Liên Xô, cũng như trong phong trào cộng sản quốc tế, đã bắt đầu xuất hiện những trào lưu mới. Dù sao chẳng nữa, khi Stalin nói đến ý nghĩa quyết định

của “tư tưởng”, thì ông cũng nói như các nhà chính trị khác: nếu tư tưởng của chúng ta phản ánh được xu hướng vận động của xã hội, nếu chúng ta có thể dùng nó để tuyên truyền sao cho quần chúng biết tự tổ chức một cách phù hợp thì nghĩa là chúng ta đã đi đúng hướng và sẽ chiến thắng.

Stalin có một trí tuệ mẫn tiệp và kiên định hiếm có. Tôi vẫn nhớ là người ta không thể nào nói gì hoặc ngụ ý điều gì trước mặt ông mà ông không nhận ra ngay lập tức. Nếu nhớ thêm rằng ông đã gán cho tư tưởng ý nghĩa như thế nào, mặc dù đối với ông đấy chỉ là phương tiện, thì ta có thể rút ra kết luận rằng chính ông đã nhìn thấy sự bất toàn của chế độ xã hội được xây dựng dưới thời ông. Hiện nay, đã có thể tìm thấy nhiều bằng chứng như thế, đặc biệt là trong các tác phẩm của Svetlana, con gái của ông. Thí dụ, cô viết rằng khi biết người ta đã thành lập ở thành phố Kuibushev một trường học đặc biệt dành riêng cho con em các cán bộ Đảng sơ tán từ Moskva tới, ông đã kêu lên:

“Ồi, chà chà!.. Ồi, chà chà, thật là một đẳng cấp thối tha!” [1] .

Chính Trotsky, kẻ thù không đội trời chung với Stalin, cũng khẳng định rằng tại Liên Xô, dưới thời Stalin, đã hình thành đẳng cấp quan liêu. Những cuộc thanh trừng khủng khiếp, hàng triệu người bị bắn, bị giết chỉ khoét sâu thêm sự bất công và đòi hỏi những cuộc đàn áp, những vụ hành hạ và thanh toán mới. Những cuộc thanh trừng và trái tim sắt đá của Stalin đã phá tan chính gia đình ông ta. Cuối cùng, xung quanh ông ta, chỉ còn lại nỗi sợ hãi và sự hoang vắng lạnh lùng: trước khi chết, ông ta đã dán lên các bức tường căn buồng của mình ảnh những đứa trẻ được cắt ra từ những tạp chí, còn cháu ruột mình thì ông ta không thèm nhìn nhận... Đây có thể là một bài học quan trọng cho những kẻ đầu óc giáo điều, những kẻ đặt “tất yếu của lịch sử” lên trên cuộc sống của con người, lên trên khát vọng của con người. Vì vậy, Stalin là một trong những người chiến thắng vĩ đại nhất trong lịch sử nhưng trên thực tế, lại là một cá nhân đã thua một trong những trận chiến tàn khốc nhất. Sau ông ta, không còn một giá trị vĩnh hằng, hiển nhiên nào có thể tồn tại được nữa. Chiến thắng của ông ta đã biến thành sự thất bại, cả trên bình diện cá nhân lẫn bình diện tư tưởng.

Stalin là người như thế nào? Tại sao lại có thể diễn ra những việc như thế?

Ở Stalin ta có thể tìm thấy những nét tính cách của tất cả những hôn quân bạo chúa trước ông như Neron, Caligula cho đến Ivan Bạo chúa, Robespierre và Hitler. Nhưng cũng như tất cả những người kia, Stalin là hiện tượng mới và độc đáo. Ông ta là người lão luyện nhất và cũng thành công nhất. Và mặc dù sự bạo ngược của ông ta mang tính toàn diện nhất và phản phúc nhất nhưng tôi cho rằng coi ông ta là một kẻ bạo ngược hoặc một tên tội phạm chẳng những là một sự đơn giản hoá mà còn là một sai lầm. Trong cuốn tiểu sử Stalin, Trotsky kể ông ta thích quan sát cảnh giết súc vật, còn Khrushchev thì nói rằng “những năm cuối đời, ông ta bị ám ảnh

bởi cảm giác bị săn đuổi”. Tôi không nắm được các dữ kiện để có thể khẳng định hay bác bỏ những thông tin trên. Căn cứ vào những điều đã biết, có thể nói, Stalin thích thú với việc ra lệnh tử hình những người chống đối mình. Tôi còn nhớ như in những biểu hiện bất ngờ xuất hiện trên nét mặt Stalin trong buổi thảo luận của đoàn đại biểu Bulgaria và Nam Tư với Stalin và các cộng sự của ông ta ngày 10 tháng 2 năm 1948 ở Điện Kremli: đấy là một sự khoái cảm lạnh lùng và đen tối khi nhìn thấy các nạn nhân mà số phận đã bị định đoạt rồi. Tôi cũng đã từng thấy những biểu hiện như thế ở những nhà chính trị khác vào lúc họ đã “bẻ gãy kiếm” của những người đồng chí và chiến hữu “lầm lạc”. Nhưng tất cả những điều đó, dù chúng có phù hợp với thực tế, cũng chưa đủ để nói rằng Stalin là một hiện tượng đặc biệt. Các tài liệu rất đáng ngờ do tờ Life công bố mấy năm trước, cho rằng Stalin là chỉ điểm của cảnh sát Sa hoàng, cũng như lời khẳng định của một nhà sử học Mỹ rằng Stalin đã không tiết lộ danh tính của chính mình, báo cho cảnh sát Sa hoàng tên tuổi những đảng viên melshevik hoặc những nhà hoạt động chính trị không phải bolshevik khác khiến cho những nhân vật này bắt giam, cũng không giúp làm rõ được bản chất con người Stalin.

Stalin là hiện tượng cực kì phức tạp, có quan hệ không chỉ với phong trào cộng sản mà với cả sức mạnh bên trong và bên ngoài của nhà nước Liên Xô lúc đó. Ở đây nảy sinh những vấn đề như quan hệ giữa tư tưởng và con người, quan hệ giữa lãnh tụ và phong trào, vai trò của bạo lực trong xã hội, ý nghĩa của những huyền thoại trong đời sống con người, điều kiện để con người và các dân tộc xích gần lại gần nhau. Stalin đã thuộc về quá khứ, còn việc thảo luận về những vấn đề nêu trên chỉ mới bắt đầu trong thời gian gần đây mà thôi.

Xin nói thêm, theo tôi, Stalin là một người năng động, hăng say, bông bột nhưng cũng rất có tổ chức và tự kiểm chế. Nếu không thế, liệu ông có thể chỉ huy một nhà nước hiện đại to lớn đến như thế và có thể lãnh đạo những chiến dịch phức tạp và khủng khiếp như thế hay không?

Vì vậy, tôi nghĩ rằng những khái niệm như tên tội phạm, thằng điên và những điều tương tự khác chỉ là những khái niệm hão huyền và có ít ý nghĩa khi tranh luận về một chính khách nào đó. Cũng cần tránh sai lầm sau: trong đời sống thực tế, không thể có một nền chính trị hoàn toàn thoát khỏi được cái gọi là những dục vọng và động cơ thấp hèn. Chính trị là toàn bộ các hoài bão của con người, nó cũng không thể thoát khỏi được những phần tử tội phạm và điên rồ. Vì vậy, thật khó, nếu không nói là không thể, xác định được ranh giới giữa tội ác và bạo lực chính trị. Mỗi khi xuất hiện một hôn quân bạo chúa mới là các nhà tư tưởng lại buộc phải tiến hành những cuộc nghiên cứu, phân tích và rút ra những khái quát mới.

Nhưng nếu ta nhận rằng ranh giới này nằm giữa lí trí và tình cảm, giữa chủ quan và tất yếu thì Stalin là một trong những kẻ cưỡng bức lịch sử tàn bạo nhất, ngay cả khi ta không coi ông ta là một kẻ tội đồ và một người điên. Vì ngay cả khi cho rằng, thí dụ, tập thể hoá là cần thiết

trong những điều kiện nào đó, thì rõ ràng là vẫn có thể thực hiện việc ấy mà không cần giết nhiều “địa chủ” đến như vậy. Thế mà hiện nay, vẫn có những kẻ giáo điều phản đối rằng: Stalin say sưa với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, việc Trotsky kết án ông ta là cơ hội chủ nghĩa đã có ảnh hưởng, đất nước bị đe dọa bởi hoạ phát xít xâm lăng và chúng có thể được “kẻ thù giai cấp” ủng hộ. Nhưng họ sẽ nói gì về những phiên toà bịa đặt và những vụ thanh trừng đẫm máu chống lại phong trào “đối lập” trong đảng, một phong trào không hề đe dọa gì sự tồn vong của chế độ ? Ngược lại, sự yếu đuối và tình trạng lúng túng của phong trào này lại có nguồn gốc từ chính sự trung thành một cách giáo điều đối với hệ tư tưởng của chế độ và với chính chế độ đó.

Sự đàn áp của Stalin không chỉ giới hạn trong các cuộc thanh trừng, nhưng thanh trừng là đặc điểm cơ bản của nó. Tất cả những người đối lập trong đảng đều ủng hộ, tuy mức độ có khác nhau, việc đàn áp “địa chủ” và những “kẻ thù giai cấp” khác. Tất cả bọn họ đều tự tròng lên cổ cái ách của hệ tư tưởng, mục đích của họ và của Stalin là một. Khi lên án Stalin là ông ta không làm một việc gì cụ thể cả thì chính Bukharin lại ảo tưởng rằng ông ta đang nghiên cứu kinh tế học và triết học. Tất cả bọn họ đều thiếu một tầm nhìn, một lí tưởng mới. Tất cả bọn họ đều bị bất ngờ trước các vụ thanh trừng của Stalin. Stalin đã nổi lên nhờ những vụ thanh trừng, nhờ những vụ thanh trừng mà ông ta đã trở thành người như chúng ta đã thấy, ông ta đã đặt nền móng cho sự nghiệp của mình như thế đấy.

Bằng những vụ thanh trừng rộng khắp và dã man trong những năm ba mươi, Stalin đã tạo ra sự đồng nhất giữa tư tưởng và quyền lực của chính mình, đã đồng nhất giữa nhà nước với cá nhân mình. Không thể nào khác được, đấy là kết quả của cái thế giới với những chân lí không thể tranh cãi và niềm tin vào một xã hội hoàn hảo phi giai cấp. Mục đích đã biện minh cho phương tiện. Sự nghiệp của Stalin là sự nghiệp phi đạo đức và vì vậy, cũng không thể có nền tảng vững chắc. Đấy chính là bí ẩn của con người ông ta, đấy cũng là giá trị thật của sự nghiệp của ông ta.

*

Con người Stalin

(Phụ lục tác phẩm: Nói chuyện với Stalin)

Tôi đã cố gắng nhớ lại xem có nhân vật lịch sử nào, ngoài Stalin, lại có một đời sống thực tế khác biệt với huyền thoại được dựng lên xung quanh ông ta đến như thế, nhưng vô ích. Vừa nghe ông ta nói những lời đầu tiên là hình ảnh một triết gia nhiệt tình và quả cảm hay một người tốt bụng đến tức cười mà các bức ảnh, các bức chân dung hay các cuốn phim tài liệu dựng lên quanh ông bấy lâu nay lập tức biến mất. Bạn sẽ thấy đấy không phải là nhân vật đã được bộ máy tuyên truyền của ông ta dựng lên bấy lâu nay mà là một người hoàn toàn khác, một Stalin hoạt động giữa đời thường, nóng nảy, thông minh, một người nhận thức được rõ sự vĩ đại của mình nhưng cũng rất giản dị trong đời sống... Stalin tiếp tôi lần đầu tiên vào năm 1941, khi ông vừa khoác lên mình bộ quân phục dành cho nguyên soái, cũng là bộ y phục ông mặc hàng ngày về sau. Tác phong năng động, hoàn toàn không kiểu cách và cứng nhắc theo lối nhà binh đã lập tức biến bộ quân phục ấy thành bộ quần áo mặc hàng ngày. Tương tự như thế, những vấn đề phức tạp nhất đều được Stalin biến thành những đề tài thường nhật, dễ hiểu khi thảo luận...

Khi tiếp xúc trực tiếp, ta bỗng quên ngay rằng đấy là một người kín đáo, nham hiểm, mặc dù, theo ông ta, đấy là những phẩm chất bắt buộc của một nhà chính trị, chính ông không hề che giấu và còn khoe khoang, đôi khi đến độ khôi hài nữa. Thí dụ, trước khi chiến tranh kết thúc, trong khi nhắc nhở những người cộng sản Nam Tư nên tìm cách thoả hiệp với hoàng đế Peter II, Stalin đã nói: "Sau này, khi có đủ lực rồi thì cho hấn ta một nhát dao vào lưng!...". Những người cộng sản nổi tiếng, kể cả của các đảng ngoại quốc đều biết "thói quen" đó của Stalin, nhưng họ lại tỏ ra khâm phục chứ không lên án vì đây là vấn đề củng cố nhà nước Liên Xô, trung tâm của phong trào cộng sản thế giới.

Sự kín đáo và nham hiểm của Stalin tạo cho người ta cảm giác đây là một người lạnh lùng và khô khan. Nhưng thực ra, ông ta lại là một người rất dễ nổi xung, mặc dù điều đó dĩ nhiên là để phục vụ cho một mục đích đã được xác định nào đó. Stalin thường phản ứng một cách cuồng nhiệt, nhưng tôi nghĩ ông ta sẽ chẳng bao giờ "nộ khí xung thiên" khi không cần thiết.

Stalin có một trí nhớ siêu đẳng: ông nắm rất chắc bản chất của các nhân vật cả trong văn học lẫn trong cuộc đời thực dù đôi khi đã quên hẳn tên thật của họ, ông nhớ rất nhiều sự kiện, không hề lầm lẫn khi bình luận về mặt mạnh và mặt yếu của các chính phủ cũng như các nhà hoạt động nhà nước. Ông thường bám vào các vấn đề tưởng như nhỏ nhặt nhưng sau đó lại hoá

ra là những vấn đề quan trọng. Trong thế giới xung quanh ông, cũng như trong nhận thức của ông, không có điều gì là quan trọng cả... Theo nhận xét của tôi thì ông nhớ những việc ác nhiều hơn việc thiện vì có thể trong thâm tâm, ông hiểu rằng chế độ mà ông tạo ra chỉ có thể sống còn trong trạng thái thù nghịch...

Thực ra, kiến thức của ông là do tự học mà có, nhưng ông khác hẳn những người tài năng khác, kể cả về những kiến thức cụ thể. Stalin nắm vững các vấn đề về lịch sử, về văn học cổ điển và dĩ nhiên là các sự kiện đương thời nữa. Không bao giờ thấy ông che giấu hay tỏ ra xấu hổ vì sự ít học của mình. Nếu khi nào đó, ông không nắm được bản chất câu chuyện đang được thảo luận thì bao giờ ông cũng tỏ ra sốt ruột và thận trọng chờ cho đến khi thay đổi đề tài.

Thái độ giáo điều không khoan nhượng của Stalin chính là cách ông ta tạo ấn tượng. Hệ tư tưởng, nghĩa là chủ nghĩa Marx, một hệ thống các quan điểm khép kín, thậm chí có thể coi là hệ thống các qui định, được ông ta coi là nền tảng tinh thần của chính quyền toàn trị; hệ thống các quan điểm đó làm cho quyền lực trở thành công cụ của xã hội phi giai cấp. Tuy tuân theo một cách kiên trì và không khoan nhượng lời văn của học thuyết nhưng Stalin không phải là nô lệ của lí thuyết: hệ tư tưởng là để phục vụ quốc gia và bộ máy quan liêu của đảng, mà đảng và nhà nước là để phục vụ ông ta. Stalin cho phép mình công khai phá bỏ huyền thoại von Clausewitz, người được Lenin coi là một lí thuyết gia quân sự lỗi lạc nhất, còn khi nói chuyện với những người thân cận, (dĩ nhiên là sau khi đã chiến thắng nước Đức phát xít) ông ta còn chê bai cả Marx và Engels, cho rằng các vị này quá lệ thuộc vào nền triết học cổ điển duy tâm Đức... Tuy không thú nhận công khai nhưng ông có khả năng cảm nhận được những sai lầm của mình. Thí dụ, ta có thể nghe ông nhắc đến vụ này vụ nọ “ta đã bị lừa” ; trong Lễ kỉ niệm Chiến thắng, ông đã nói đến cả các sai lầm trong thời gian chiến tranh, còn đầu năm 1948, ông từng nhắc lại rằng những người cộng sản Trung Quốc đã đánh giá khả năng của mình chính xác hơn ông.

Khi nói chuyện với Stalin, ấn tượng ban đầu rằng đây là một con người thông tuệ và quả cảm không những không mất đi, mà ngược lại, càng sâu sắc thêm. Thái độ cảnh giác thường trực, đầy vẻ đe dọa của ông ta cũng làm gia tăng cảm tưởng như thế. Trong khi nói chuyện, ông không bỏ qua bất cứ một nhận xét nhỏ nào, ngay cả sự thay đổi ánh mắt của bất kì người tham gia nào cũng được ông chú ý tức thì.

Hiện nay, giới học giả phương Tây cho rằng Stalin có biểu hiện của một kẻ tâm thần, hơn nữa, của một tội phạm. Chỉ dựa vào những buổi gặp gỡ, tôi không thể khẳng định điều đó, nhưng cho phép tôi nhận xét rằng bất cứ một kẻ phá hoại hoặc tạo dựng đế chế nào cũng cực kì năng động nhưng đồng thời cũng dễ dàng rơi vào trạng thái tuyệt vọng khôn cùng. Những cơn giận dữ và những giây phút vui vẻ đối chọi cho nhau như những đợt sóng. Quả vậy, một kẻ khi đã tiêu diệt mấy thế hệ các chiến hữu, không tha ngay cả họ mạc của mình, mà vẫn có thể là

một người bình thường, một người điên dạn, không hề ngờ vực thì thật là chuyện lạ... Tôi cho rằng cội nguồn của sự “điên rồ” và “tội lỗi” của Stalin nằm ngay trong hệ tư tưởng và chế độ của ông ta: tư tưởng xây dựng một xã hội bất kì, chưa nói đến một xã hội không còn xung đột, xét cho cùng, chỉ là một huyền thoại thật xa lạ với lí trí bình thường, còn một chế độ dựa trên sự vô luật pháp thì bản thân nó đã là một tội phạm rồi.

Stalin là một người nhỏ bé, đôi tay rất dài, trong khi thân hình lại quá ngắn, chắc chắn ông ta phải cảm thấy đau khổ vì chuyện đó. Chỉ có khuôn mặt ông, một khuôn mặt hiền lành, “nhà quê”, có thể được coi là hấp dẫn, thậm chí đẹp nữa. Đôi mắt sáng quắc, linh lợi, chứng tỏ ông có một trí tuệ rất năng động. Sau khi đã giết hàng triệu người và đưa hàng triệu người khác đến chỗ chết mà miệng còn hô tên mình, Stalin cho rằng cả hai việc đó đều là cần thiết, họ không để lại một dấu ấn nào, mặc dù ông căm thù đến tận xương tủy nhóm thứ nhất và ca tụng hết lời nhóm thứ hai... Bộ máy quan liêu đảng trị, tuy bị chèn ép và giết chóc, vẫn công nhận ông là lãnh tụ của họ. Những khi ở cạnh ông ta, tôi chưa bao giờ, dù chỉ trong giây lát, thấy ông ta có biểu hiện của một niềm vui trong sáng, một niềm hạnh phúc tự nhiên, không vương bận bởi tính ích kỉ: đấy là những tình cảm nằm bên ngoài thế giới của ông ta, ông không cần những tình cảm như thế vì đã tự coi mình là hiện thân của tư tưởng và chế độ rồi...

Khi coi tác phẩm Nói chuyện với Stalin là đã hoàn thành, tôi, cũng như đã từng xảy ra nhiều lần trước đây, đã tự dối mình. Tôi đã từng hi vọng như thế khi viết xong tác phẩm Xã hội không hoàn hảo: từ nay trở đi, ta sẽ không còn bận tâm đến “các vấn đề tư tưởng” nữa.

Nhưng Stalin là một bóng ma đang lang thang trên thế gian và sẽ còn lang thang lâu nữa. Di sản của ông ta đã bị chối bỏ, tuy vẫn còn khá nhiều người coi đấy là cội nguồn sức mạnh của mình. Nhiều người đang bắt chước ông ta. Khrushchev lên án nhưng đồng thời lại thán phục ông ta. Hiện nay các lãnh tụ Liên Xô đã không còn thán phục ông ta nữa nhưng vẫn còn tận hưởng ánh hào quang của ông ta. Và Tito, sau mười lăm năm đoạn tuyệt với Stalin, lại cũng tỏ ra hâm mộ sự sáng suốt của ông ta. Chính tôi cũng đang dằn vặt khi tự hỏi: Stalin là ai? Phải chăng đấy là vì ông ta vẫn đang sống trong tôi?

Stalin là ai? Một nhà hoạt động nhà nước vĩ đại? “Một thiên tài mang bộ mặt quỷ”? Một nạn nhân của giáo lí? Hay một kẻ điên rồ, một tên tội phạm đã nắm được quyền lực? Hệ tư tưởng mác-xít có vai trò gì đối với ông ta, ông ta sử dụng tư tưởng cho mục đích gì? Ông ta nghĩ về mình, về những hoạt động của mình và vai trò của mình trong lịch sử như thế nào?

Đấy chỉ là một vài câu hỏi mà ông buộc ta phải trả lời. Tìm lời giải cho những câu hỏi đó, những câu hỏi liên quan đến số phận của thế giới, nhất là thế giới cộng sản, theo tôi, chính là tìm lời giải cho những vấn đề có ý nghĩa rộng lớn hơn, những vấn đề phi thời gian.

[1] Svetlana Alliluyeva, Hai mươi bức thư gửi bạn (bản tiếng Nga). New York. Harper and Rou. 1967. Trang 157.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>